HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. NGUYỄN DUY BẮC

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Đinh Thị Hương Giang

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

AHC	Ủy ban Di sản Australia
CNVH	Công nghiệp văn hóa
DSVH	Di sản văn hóa
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
HĐND	Hội đồng nhân dân
ICCROM	Trung tâm quốc tế về nghiên cứu bảo tồn và phục hồi các di sản văn hóa
ICOM	Hội đồng quốc tế các bảo tàng
ICOMOS	Hội đồng quốc tế về di tích và di chỉ
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
KT - XH	Kinh tế - xã hội
KG	Không gian
KOICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
TP	Thành phố
Tr	Trang
UBND	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc
UCCN	Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO
WMF	Quỹ di tích thế giới

DANH MỤC BẢNG TRONG LUẬN ÁN

STT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 2.1: Tổng hợp các hoạt động tại các điểm di sản khu phố cổ Hà Nội giai đoạn 2015-2024	73
2	Bảng 2.2: Thống kê số lượng khách du lịch đến Hà Nội và khách quốc tế lưu trú quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2019-2024	76
3	Bảng 2.3: Thống kê mức tăng/giảm doanh thu ngành thương mại - dịch vụ quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2020-2024	77
4	Bảng 2.4: Thống kê số lượng khách du lịch đến Hội An giai đoạn 2019-2024	82
5	Bảng 2.5: Tổng hợp tổng giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) và doanh thu ngành du lịch thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024	83
6	Bảng 2.6: Tổng hợp thu nhập bình quân đầu người thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024	85

DANH MỤC BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN ÁN

STT	Tên biểu đồ	Trang
1	Biểu đồ 2.1: Thực trạng công tác bảo tồn DSVH tại khu phố cổ Hà Nội	66
2	Biểu đồ 2.2: Thực trạng công tác bảo tồn DSVH tại khu phố cổ Hội An	69
3	Biểu đồ 2.3: Vai trò, tầm quan trọng của DSVH với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp ở khu phố cổ Hà Nội	70
4	Biểu đồ 2.4: Đánh giá chung về tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế ở khu phố cổ Hà Nội	72
5	Biểu đồ 2.5: Tổng hợp các hoạt động văn hóa tại các điểm di sản khu phố cổ Hà Nội giai đoạn 2015-2024	74
6	Biểu đồ 2.6: Tổng thu ngân sách trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2019-2024	78
7	Biểu đồ 2.7: Vai trò, tầm quan trọng của DSVH với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp ở khu phố cổ Hội An	79
8	Biểu đồ 2.8: Đánh giá chung về tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế ở khu phố cổ Hội An	81
9	Biểu đồ 2.9: Tổng giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) và doanh thu ngành du lịch thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024	83
10	Biểu đồ 2.10: Thu nhập bình quân đầu người thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024	85
11	Biểu đồ 2.11: Mức độ tác động của hoạt động du lịch, dịch vụ tới DSVH tại khu phố cổ Hà Nội	93
12	Biểu đồ 2.12: Mức độ tác động của hoạt động du lịch, dịch vụ tới DSVH tại khu phố cổ Hội An	96
13	Biểu đồ 3.1: Lựa chọn giữa tiếp tục sống ở vùng di sản hay chuyển đến nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn của người dân tại khu phố cổ Hà Nội	136
14	Biểu đồ 3.2: Lựa chọn giữa tiếp tục sống ở vùng di sản hay chuyển đến nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn của người dân tại khu phố cổ Hội An	139

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU 15
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu 15
1.2. Cơ sở lý luận 28
1. 3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu 57
Tiểu kết Chương 1 62
Chương 2: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN 64
2.1. Khảo sát mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở hai địa bàn nghiên cứu 64
2.2. So sánh hai địa bàn nghiên cứu 107
Tiểu kết Chương 2 116
Chương 3: BÀN LUẬN MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN 119
3.1. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội 119
3.2. Tác động của chuyển đổi số tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội 140
3.3. "Nhà nước - thị trường - xã hội" với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội 150
Tiểu kết Chương 3 164
KẾT LUẬN 167
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 170
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 171

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong dặm dài lịch sử dân tộc Việt Nam có biết bao trầm tích văn hóa được kết tinh ở các di sản văn hóa (DSVH) vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng, độc đáo. Hệ thống DSVH đó không chỉ hàm chứa những giá trị cao về lịch sử, khoa học, giáo dục…, mà còn có thể được "vốn hóa" thành "đầu vào" của quá trình sản xuất, trở thành nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa (CNVH) với những sản phẩm đa dạng, đặc sắc, mang lại giá trị kinh tế cao, đóng góp ngày càng lớn vào GDP của đất nước; qua đó, vừa góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vừa phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH).

Tuy nhiên, trong thời kỳ mới, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa cùng hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, bên cạnh nhiều thời cơ, cũng đặt ra không ít thách thức đối với hệ thống DSVH ở nước ta, đặt ra những yêu cầu mới trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, công tác quy hoạch tổng thể về kết cấu hạ tầng, cảnh quan môi trường, dịch vụ cho các khu vực DSVH còn hạn chế, còn có một số dịch vụ "ăn theo", nảy sinh tệ nạn xã hội. Một số DSVH được tiến hành tu bổ, tôn tạo thiếu khoa học, thiếu kiến thức lịch sử, văn hóa, địa lý… dẫn đến sự biến dạng, méo mó; xuất hiện xu hướng thương mại hóa, biểu hiện trục lợi trong quá trình tu bổ các DSVH. Một số DSVH bị xuống cấp nghiêm trọng; nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng lớn. Ở không ít địa phương trên cả nước, mối quan hệ giữa DSVH và thực tiễn phát triển KT - XH chưa được xử lý hài hòa, dẫn đến việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH chưa đạt hiệu quả cao cũng như lợi ích của người dân - chủ thể của di sản chưa được bảo đảm. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cấp thiết hiện nay là cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

1.2. Thủ đô Hà Nội không chỉ là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, mà còn là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, nơi hội tụ và kết tinh những DSVH phong phú, đặc sắc được bồi đắp qua hàng nghìn năm lịch sử. Hiện Hà Nội đang dẫn đầu cả nước về số lượng DSVH, trong đó tập trung nhiều ở khu phố cổ Hà Nội (được công nhận là DSVH cấp quốc gia năm 2004), một trong những vùng lõi trung tâm với mật độ DSVH cao nhất thành phố, mang đậm bản sắc văn hóa của Thủ đô. Đó là nguồn tài nguyên giàu giá trị, là nguồn lực "đặc hữu" để thành phố có thể khai thác và phát huy trong phát triển KT - XH, nhất là phát triển kinh tế di sản, các ngành CNVH.

Thành phố Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH trên địa bàn, như triển khai nhiều dự án cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố cổ, phố cũ; xây dựng nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa hấp dẫn dựa trên nguồn lực DSVH, tổ chức các tuyến phố đi bộ trong khu phố cổ và khu vực quanh hồ Hoàn Kiếm, xây dựng con đường nghệ thuật gốm sứ ven sông, nghệ thuật hóa, sáng tạo hóa các không gian công cộng, xây dựng nhiều không gian sáng tạo trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị các DSVH (nhất là từ sau khi Hà Nội gia nhập Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO (UCCN) ở lĩnh vực thiết kế), tạo động lực thúc đẩy phát triển KT - XH, nhất là phát triển du lịch, hướng tới xây dựng Hoàn Kiếm thành trung tâm sáng tạo nghệ thuật của Thủ đô và cả nước.

Khu phố cổ Hội An (thuộc tỉnh Quảng Nam cũ, sau ngày 01-7-2025 thuộc thành phố Đà Nẵng), được công nhận là DSVH thế giới năm 1999, là một điểm đến di sản nổi bật trong nước và quốc tế; đồng thời tiêu biểu của cả nước trong bảo tồn "vốn văn hóa" ở quần thể kiến trúc cổ đặc sắc, cùng hệ thống làng nghề thủ công, lễ hội, nghệ thuật dân gian, những câu chuyện văn hóa về quá trình sản xuất, lao động, sáng tạo, phản ánh sinh hoạt văn hóa, lao động sản xuất của người dân để phát huy trong xây dựng thành nhiều tour, tuyến tham quan, trải nghiệm thú vị và giàu giá trị. Năm 2023, thành phố Hội An (cũ) cũng được gia nhập UCCN ở lĩnh vực thủ công và nghệ thuật dân gian, qua đó càng tạo nguồn lực và động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT - XH địa phương.

Có thể thấy khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là hai khu vực đô thị tiêu biểu trên cả nước trong bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH gắn kết với sự phát triển KT - XH với nhiều mô hình thành công trong kết hợp bảo tồn với xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa dựa trên phát huy giá trị DSVH. Song thực tế triển khai các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ở hai địa bàn này thời gian qua còn một số hạn chế trong bối cảnh chịu nhiều tác động của quá trình đô thị hóa, hội nhập quốc tế, cùng nhiều thách thức an ninh phi truyền thống, đặt ra yêu cầu cấp thiết cần bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH để hướng tới mục tiêu vừa bảo tồn vừa phát huy hiệu quả giá trị DSVH trong đời sống đương đại.

1.3. Ở nước ta, có nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của DSVH và hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH, chỉ ra hướng gắn kết DSVH với phát triển du lịch và một số ngành CNVH với những kiến giải khác nhau. Không ít công trình khoa học làm rõ mối quan hệ chung mang tính khái quát giữa văn hóa và kinh tế, đề

cập đến vai trò của nguồn lực văn hóa, trong đó có các DSVH trong phát triển KT - XH; hoặc vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh hội nhập quốc tế… Về khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, các công trình trước đây thiên về nghiên cứu giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học, địa lý, kiến trúc, nghệ thuật của DSVH cũng như vấn đề bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH phục vụ phát triển du lịch cũng như KT - XH ở hai địa bàn; qua đó thể hiện được khía cạnh nhất định của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa các thành tựu nghiên cứu đã có, nghiên cứu sinh (NCS) đã lựa chọn đề tài ***"Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)"*** là vấn đề nghiên cứu cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học. Thông qua luận án, NCS mong muốn hệ thống hóa cơ sở lý luận, làm rõ thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An cũng như các vấn đề nảy sinh. Trên cơ sở đó, NCS có thể bàn luận một số nội dung có liên quan nhằm bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu, góp phần phát huy hiệu quả các giá trị DSVH, bảo đảm lợi ích thiết thực, chính đáng của người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đây cũng sẽ là tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạch định chính sách bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với sự phát triển KT - XH trên cả nước trong kỷ nguyên mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH qua nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, từ đó bàn luận một số vấn đề liên quan nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ trên, góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, thúc đẩy sự phát triển bền vững KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu và trên cả nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến các vấn đề DSVH, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH;

- Làm rõ hơn những vấn đề lý luận về DSVH, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH;

- Khảo sát thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An hiện nay;

- Bàn luận những vấn đề liên quan tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An được đặt ra trong bối cảnh mới hiện nay; từ đó góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu và trên cả nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở Việt Nam hiện nay qua hai trường hợp là khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về khách thể nghiên cứu*: luận án lựa chọn khách thể nghiên cứu là hệ thống các DSVH, các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, các hoạt động phát triển KT - XH của người dân ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Ở khu phố cổ Hà Nội, luận án tập trung khảo sát trọng tâm là các hoạt động du lịch/dịch vụ (theo UBND quận Hoàn Kiếm (cũ), tính đến năm 2024, ngành du lịch/dịch vụ chiếm hơn 98% cơ cấu các ngành kinh tế), bên cạnh đó còn có hoạt động tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động kinh tế khác (riêng hoạt động nông nghiệp không thuộc đối tượng khảo sát của luận án do hoạt động này không rõ rệt tại đây). Ở khu phố cổ Hội An, luận án tập trung khảo sát các hoạt động du lịch/dịch vụ, hoạt động nông nghiệp, hoạt động tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Các vấn đề và hoạt động trên có sự gắn kết, tác động qua lại với nhau, tạo nên mối quan hệ biện chứng. Trong quá trình xây dựng, phát triển địa phương, các DSVH được hình thành, bảo vệ, giữ gìn, khai thác và phát huy giá trị, trở thành nguồn lực và động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH; đồng thời quá trình phát triển KT - XH cũng xuất hiện nhiều vấn đề mới, tác động trở lại các DSVH theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực ở mỗi địa phương, tạo nên các chiều kích của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH (có thể thuận chiều hoặc nghịch chiều). Tìm hiểu các chiều hướng của mối quan hệ trên giúp NCS có cái nhìn tổng quát, toàn diện và rút ra được vấn đề cần giải quyết.

- *Về nội dung nghiên cứu:* luận án xác định phạm vi nội dung nghiên cứu là phân tích những tác động đa chiều, biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH (tích cực và tiêu cực) ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; làm rõ vai trò của từng

yếu tố (DSVH, các hoạt động KT - XH) trong mối quan hệ, những vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình tác động qua lại đó; xác định tính chất của mối quan hệ (thuận chiều hay nghịch chiều tương ứng với các tác động tích cực hay tiêu cực của hai yếu tố trên trong mối quan hệ trên); từ đó bàn luận một số vấn đề có liên quan và định hướng nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở Việt Nam nói chung và ở hai địa bàn nghiên cứu nói riêng, góp phần vừa bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH trong đời sống đương đại, giữ gìn, lưu truyền di sản và phát triển không ngừng trong sự tiếp nối, lan tỏa các giá trị văn hóa và đóng góp tích cực, trở thành nguồn lực và động lực phát triển KT - XH, củng cố sức mạnh mềm văn hóa quốc gia trong bối cảnh mới.

- *Về không gian nghiên cứu*: tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Trong thời gian nghiên cứu của luận án, hai địa bàn mà tác giả lựa chọn đã có sự thay đổi tên và địa giới hành chính do cả nước thực hiện Nghị quyết 60-NQ/TW, ngày 12-4-2025, của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, trong đó có nội dung sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01-7-2025; Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025; Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025. Theo đó, luận án tập trung khảo sát khu phố cổ Hà Nội thuộc phường Hoàn Kiếm của thành phố Hà Nội (trước ngày 01-7-2025 thuộc quận Hoàn Kiếm cũ) và khu phố cổ Hội An thuộc phường Hội An của thành phố Đà Nẵng (trước ngày 01-7-2025 thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam cũ).

Ở Hoàn Kiếm, luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu, khảo sát ở khu phố cổ (Di tích cấp quốc gia năm 2004), với ranh giới là phố Trần Quang Khải và Trần Nhật Duật (ở phía Đông), phố Phùng Hưng (ở phía Tây), các phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng (ở phía Nam), phố Hàng Đậu (phía Bắc) (theo Quyết định số 70 BXD/KT-QH của Bộ Xây dựng, ngày 30-3-1995); có 76 tuyến phố thuộc 10 phường của quận Hoàn Kiếm cũ (trước ngày 01-7-2025) là phường Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Cửa Đông, Hàng Buồm, Hàng Bông, Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Đào, Hàng Mã, Hàng Gai. Đồng thời luận án cũng có sự khảo sát thêm ở khu vực liền kề với khu phố cổ là khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận (Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt năm

2013). Ở Hội An, luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu, khảo sát khu vực phố cổ Hội An thuộc phường Hội An (phường Minh An cũ của thành phố Hội An trước đây); ngoài ra luận án còn khảo sát thêm một số địa bàn lân cận có những làng nghề nổi tiếng ở phường Hội An Đông, Hội An Tây (thuộc các phường, xã của thành phố Hội An trước ngày 01-7-2025, như Cẩm Phô, Sơn Phong, Cẩm Kim, Cẩm Hà…). Tất cả là không gian thực hành các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản, hoạt động phát triển KT - XH, tạo thành môi trường DSVH cần được bảo tồn và phát triển.

- *Về thời gian nghiên cứu*: khảo sát từ năm 2019 đến năm 2024 và có cái nhìn tổng thể vấn đề trong 10 năm (2014-2024) với những đổi thay về KT - XH của cả nước, nhiều yếu tố tác động tới các hoạt động liên quan tới DSVH tại nhiều địa phương trên cả nước, trong đó có hai địa bàn nghiên cứu. Năm 2019 là dấu mốc quan trọng với nhiều kết quả khả quan trong kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm 2016-2020 trên cả nước trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện và tác động vô cùng lớn tới lịch sử phát triển của nhân loại, đặt ra những yêu cầu mới trong quản trị quốc gia để thích ứng với những biến động khó lường và những thách thức an ninh phi truyền thống (trong đó có dịch bệnh, thiên tai…). Sau năm 2019, nhất là từ năm 2020-2022, KT - XH chịu sự tác động rất lớn, thậm chí có nơi suy giảm nghiêm trọng và chịu ảnh hưởng tiêu cực trước khi có bước phục hồi sau này. Bối cảnh chung đó có tác động tới hai địa bàn nghiên cứu, tạo cơ sở cho NCS có cái nhìn bao quát để phân tích, nghiên cứu vấn đề đặt ra của luận án.

Mốc thời gian năm 2024 có ý nghĩa quan trọng với cả khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Đây là mốc kỷ niệm 20 năm phố cổ Hà Nội được đón nhận Bằng xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia (2004) và hơn 10 năm Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt (2013); kỷ niệm 20 năm hoạt động không gian đi bộ đầu tiên kết hợp với phát triển dịch vụ - thương mại - du lịch ở Hà Nội trên tuyến phố Hàng Đào - Đồng Xuân (2004), 10 năm không gian đi bộ trong khu phố cổ Hà Nội (2014), 8 năm không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận (2016) và 4 năm mở rộng không gian đi bộ từ khu vực phía nam phố cổ kết nối khu vực phía bắc hồ Hoàn Kiếm (2020); từ đó địa phương đã ngày càng chú trọng hơn công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH, phát triển các sản phẩm du lịch, sản phẩm CNVH trên cơ sở khai thác giá trị DSVH; tổ chức hiệu quả hơn các không gian đi bộ, không gian công cộng, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH.

Đối với khu phố cổ Hội An, năm 2024 đánh dấu mốc quan trọng đánh dấu chặng đường một phần tư thế kỷ kể từ khi phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới (04/12/1999-04/12/2024). Hành trình 25 năm, nhất là 10 năm qua (2014-2024) là hành trình đáng tự hào khi các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền, nhân dân Hội An và các tổ chức quốc tế đã có nhiều nỗ lực chung tay vượt qua khó khăn, thử thách để đưa Hội An từ một đô thị cổ có nhiều di tích cần bảo vệ khẩn cấp để trở thành một điểm đến di sản nổi tiếng hàng đầu trong nước và quốc tế với vẻ đẹp trầm mặc, cổ kính cùng quần thể kiến trúc đô thị được bảo tồn gần như nguyên vẹn, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT - XH.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi 1: Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ một chiều hay đa chiều, biện chứng; là mối quan hệ thuận chiều hay nghịch chiều? *Giả thiết 1:* Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ biện chứng, vừa thuận chiều vừa nghịch chiều do nhiều yếu tố.

Câu hỏi 2: Nhận diện thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An như thế nào, mối quan hệ này tại hai địa bàn nghiên cứu có những điểm tương đồng và khác biệt nào và vì sao? *Giả thiết 2:* Thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An được thể hiện thông qua thực tiễn tác động đa chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH (tích cực và tiêu cực); mối quan hệ này có một số điểm tương đồng và khác biệt; điều này được lý giải bởi nguyên nhân từ những đặc trưng văn hóa, cơ chế quản lý và bảo tồn DSVH, sự tương tác giữa DSVH và người dân, chiến lược gắn kết DSVH với phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.

Câu hỏi 3: Bối cảnh mới hiện nay có những vấn đề gì đặt ra và tác động tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu; làm thế nào để giải quyết các vấn đề đó? *Giả thiết 3:* Mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An hiện nay đang chịu tác động bởi nhiều yếu tố của bối cảnh mới, như quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp… đòi hỏi cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện giữa bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" với những giải pháp hiệu quả để xử lý hài hòa mối quan hệ trên tại hai địa bàn nghiên cứu.

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của học thuyết mác-xít, quan điểm, đường lối của Đảng về vị trí, vai trò DSVH cũng như mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, thể hiện cụ thể như sau:

(1) Về các mối liên hệ phổ biến: Các mối quan hệ tất yếu khách quan, tác động qua lại giữa DSVH và các hoạt động sinh hoạt hằng ngày, sinh hoạt văn hóa, hoạt động phát triển KT - XH của nhân dân ở hai địa bàn nghiên cứu; quan hệ giữa chính sách phát triển KT - XH và chính sách quản lý DSVH; quan hệ giữa người dân - chủ thể của DSVH với các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH.

(2) Về mâu thuẫn và sự phát triển: Trong quá trình thực hiện các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, hoạt động sinh hoạt hằng ngày, sinh hoạt văn hóa, hoạt động phát triển KT - XH của người dân tại ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, có xuất hiện các mâu thuẫn (ví dụ như mâu thuẫn giữa nhu cầu sinh hoạt với yêu cầu và quy định bảo tồn DSVH, mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế (du lịch,…) cùng những tác động của biến đổi khí hậu với yêu cầu bảo tồn DSVH, mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới… Các mâu thuẫn này đòi hỏi phải được giải quyết thấu đáo, triệt để thì giá trị của DSVH mới thực sự được giữ gìn, kế thừa và phát huy hiệu quả trong phát triển KT - XH địa phương.

(3) Dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng về bảo tồn và phát huy các DSVH dân tộc:

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" khẳng định: DSVH là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc". Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" xác định bên cạnh nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, gắn kết bảo tồn, phát huy DSVH với phát triển du lịch; xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy DSVH với phát triển KT - XH. Đại hội XIII của Đảng cũng nêu rõ nhiệm vụ: "Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các

giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội" [23, tr.145]. Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 7-1-2026, của Bộ Chính trị "Về phát triển văn hóa Việt Nam" nhấn mạnh: Các giá trị văn hóa phải được gắn kết chặt chẽ, hài hòa, thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, xã hội… thực sự trở thành sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên mới…; nhận thức và xử lý hài hòa, hiệu quả các mối quan hệ nội tại của văn hóa: Giữa "xây" và "chống"; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; bảo tồn và phát triển… lấy di sản văn hóa là trung tâm,… hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hóa… Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa lồng ghép vào mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, văn hóa, kinh tế, xã hội gắn với sinh kế cộng đồng, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hóa. Đặc biệt Nghị quyết nhấn mạnh nội dung mới về DSVH: biến di sản thành tài sản, hình thành mô hình "di sản dẫn dắt phát triển kinh tế" tại các khu di sản thế giới và một số đô thị di sản; phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường theo quan điểm bảo tồn di sản và phát triển bền vững của UNESCO.

Như vậy, phương pháp luận mác-xít gắn liền với quan điểm lịch sử giúp cho đề tài của luận án có cái nhìn biện chứng để lý giải vấn đề một cách khoa học, thuyết phục hơn, gắn với những thời điểm nhất định và bối cảnh thực tiễn của địa phương nghiên cứu.

5.2. Cách tiếp cận

5.2.1. Cách tiếp cận liên ngành, liên lĩnh vực: Luận án nghiên cứu về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở Việt Nam từ góc độ văn hóa học song vẫn có cách tiếp cận liên ngành, so sánh, đối chiếu với các ngành kinh tế học, triết học, di sản học, quản lý văn hóa... với những lý thuyết và phương pháp riêng đặc thù, từ đó làm rõ những khía cạnh khác nhau của mối quan hệ giữa hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và các hoạt động KT - XH.

Việc nghiên cứu đề tài luận án dưới góc nhìn văn hóa học có những điểm khác biệt với kinh tế học, triết học, di sản học, quản lý văn hóa... *Kinh tế học* tiếp cận DSVH chủ yếu như một nguồn lực kinh tế, một loại tài sản có khả năng tạo ra giá trị vật chất thông qua các hoạt động như du lịch, dịch vụ, CNVH, là một "nguồn vốn" có thể đầu tư, khai thác và tối ưu hóa với trọng tâm là đo lường hiệu quả khai thác di sản thông qua các chỉ số như doanh thu, lợi nhuận, đóng góp vào GDP, tạo việc làm hay cải thiện thu nhập cho người dân địa phương. Trong khi đó, văn hóa học không

phủ nhận giá trị kinh tế của DSVH, nhưng không xem đó là mục tiêu hay tiêu chí đánh giá duy nhất, mà quan tâm trước hết đến giá trị văn hóa, giá trị biểu tượng, giá trị tinh thần và vai trò của di sản trong việc hình thành bản sắc văn hóa cá nhân và cộng đồng, tác động của việc khai thác di sản đến đời sống văn hóa, hệ giá trị, các mối quan hệ xã hội; từ đó nhấn mạnh tới phát triển bền vững, đặt tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ hài hòa với giữ gìn giá trị văn hóa, giúp tránh nguy cơ thương mại hóa di sản một cách cực đoan, làm biến dạng hoặc mất đi các giá trị của DSVH.

Với triết học, trọng tâm trong tiếp cận mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH là làm rõ bản chất của văn hóa, ý nghĩa tồn tại của di sản đối với con người, cũng như các vấn đề giá trị, đạo đức và mục tiêu cuối cùng của phát triển ở bình diện khái quát và trừu tượng hơn. Theo đó, DSVH có thể được xem như một biểu hiện của tinh thần dân tộc, của lịch sử ý thức xã hội hoặc của mối quan hệ giữa con người với thế giới và với chính mình. Trên cơ sở kế thừa những nền tảng tư tưởng và giá trị luận của triết học, văn hóa học nghiên cứu di sản được con người thực hành, cảm nhận, hồi sinh, tái tạo như thế nào trong bối cảnh phát triển hiện nay - tức là cách thực hành văn hóa cụ thể trong đời sống xã hội, chú trọng tính thực nghiệm, sự gắn kết của DSVH với đời sống xã hội. Trong nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, văn hóa học đóng vai trò trung gian, chuyển hóa các nguyên lý triết học về con người, giá trị và phát triển thành những phân tích cụ thể về biến đổi văn hóa trong xã hội đương đại.

Với di sản học, nghiên cứu tập trung trực tiếp vào DSVH với tư cách là đối tượng nghiên cứu và quản lý với trọng tâm là nhận diện, phân loại, xếp hạng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua các khung pháp lý, quy chuẩn kỹ thuật và mô hình quản lý. Trong tiếp cận truyền thống, di sản thường được xem như những giá trị cần được bảo vệ khỏi sự xâm hại của quá trình hiện đại hóa. Trong khi đó, văn hóa học có cách nhìn rộng và linh hoạt hơn, coi di sản là một hiện tượng văn hóa sống, luôn vận động, biến đổi và được tái tạo thông qua thực hành của cộng đồng trong các bối cảnh lịch sử khác nhau (không phải là một thực thể tĩnh cần "đóng băng"). Do vậy, văn hóa học nhấn mạnh vai trò của cộng đồng - chủ thể sáng tạo và trao truyền, đồng thời là đối tượng thụ hưởng của di sản; phê phán một số thực hành bảo tồn di sản mang tính hành chính, áp đặt từ trên xuống, hoặc tách rời di sản khỏi đời sống cộng đồng hay làm mất đi ý nghĩa văn hóa và tính sống động của di sản.

Với quản lý văn hóa - ngành gần với văn hóa học, đây là lĩnh vực ứng dụng, tập trung vào việc xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách, mô hình, công cụ nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, trong đó có DSVH. Trọng tâm của quản lý văn hóa là hiệu quả quản lý, tính khả thi của chính sách và sự phối hợp giữa các chủ thể (Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng). Văn hóa học không trực tiếp đưa ra các giải pháp hành chính hay mô hình quản lý cụ thể, nhưng đóng vai trò nền tảng lý luận cho quản lý văn hóa. Bằng việc làm rõ bản chất, giá trị và cơ chế vận động của các hiện tượng văn hóa, văn hóa học giúp quản lý văn hóa tránh được cách tiếp cận thuần túy kỹ thuật hoặc hành chính hóa di sản, bảo đảm các chính sách phát triển dựa trên di sản theo hướng tôn trọng giá trị văn hóa và quyền văn hóa của cộng đồng.

Từ những so sánh trên có thể thấy, văn hóa học giữ một vị trí đặc thù trong nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH khi có vai trò kết nối, bổ sung, góp phần cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giữa giá trị kinh tế và giá trị văn hóa, giữa việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu phát triển con người khi đặt con người, cộng đồng và giá trị văn hóa vào trung tâm phân tích. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh khai thác DSVH trong phát triển KT - XH, góc nhìn văn hóa học có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm sự hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, bảo đảm định hướng phát triển bền vững của đất nước.

5.2.2. Cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc: Nghiên cứu vị trí, vai trò DSVH tại hai địa bàn đã chọn trong hệ thống các hoạt động văn hóa, hoạt động kinh tế, hoạt động xã hội của người dân, trong đó có sự phân tích, tìm hiểu, đánh giá về hệ thống cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực DSVH; nghiên cứu hệ thống yếu tố tác động đến DSVH và hoạt động phát triển KT - XH, từ đó bàn luận các vấn đề về mối quan hệ biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH trong tính hệ thống và toàn diện.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

5.3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp:

NCS thu thập các nguồn tài liệu (trong nước và quốc tế) liên quan đến vấn đề cần nghiên cứu; phân tích, lựa chọn, nhận định, qua đó đánh giá khái quát hệ thống lý luận về đối tượng nghiên cứu, khung phân loại, các khái niệm công cụ đã xuất hiện cũng như được sử dụng trong và ngoài nước. Phương pháp này giúp NCS tiến hành nghiên cứu về đối tượng đã nêu trên vừa cụ thể, chi tiết, vừa mang tính toàn diện, sâu sắc. Qua phân tích các tài liệu đó, NCS tổng hợp lại để có nhận thức tổng quát về đối

tượng nghiên cứu, chỉ ra những khía cạnh của vấn đề đã được các tác giả trước làm rõ và những khoảng trống mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu. Phương pháp này cũng làm rõ những số liệu, dữ liệu NCS thu được trong quá trình khảo sát thực tế, điều tra xã hội học qua bảng hỏi; từ đó phân tích, làm rõ các mặt, các khía cạnh của đối tượng nghiên cứu. Sau đó, NCS tổng hợp để tìm ra những yếu tố chung, xác định sự tác động giữa các yếu tố; đánh giá toàn diện về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.

5.3.2. Phương pháp điều tra xã hội học:

Phương pháp này nhằm thu thập dữ liệu định lượng. Nội dung của khảo sát là tìm hiểu về nhận thức về vai trò, tác động hai chiều của DSVH và phát triển KT - XH của chính quyền và nhân dân tại hai địa bàn nghiên cứu, nhu cầu của người dân ở khu vực di tích (nhu cầu về bảo đảm những sinh hoạt hằng ngày, về sinh hoạt văn hóa, về bảo đảm kinh tế, an sinh xã hội…), lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng chính quyền, doanh nghiệp, người dân, khách du lịch về cách thức tổ chức, triển khai và những vấn đề phát sinh trong quá trình vừa bảo tồn, phát huy di sản vừa phát triển KT - XH. Từ những dữ liệu thu được, NCS khái quát, đánh giá về vấn đề nghiên cứu.

Để thu thập được số liệu cần thiết, NCS chọn mẫu, xây dựng phiếu khảo sát, tiến hành điều tra, xử lý kết quả, rồi phân tích thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS. NCS xây dựng phiếu khảo sát trên cơ sở bám sát nội dung nghiên cứu của luận án với kích thước mẫu là 300 phiếu ở mỗi địa bàn nghiên cứu và tiến hành phát phiếu theo cả hai cách: ngẫu nhiên và có lựa chọn, bảo đảm được tính ngẫu nhiên và tính đại diện của khách thể nghiên cứu. 300 phiếu khảo sát tập trung vào các nhóm đối tượng được khảo sát (cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước là 10%, người dân là 60%, khách du lịch là 15%, doanh nghiệp là 15%) về các hoạt động đã nêu trong phạm vi nghiên cứu. Sau khi nhận lại phiếu khảo sát, NCS xử lý kết quả điều tra thông qua việc sử dụng phần mềm SPSS (phiên bản SPSS 20), thống kê, phân loại, phân tích, so sánh, tổng hợp,… theo các biến số độc lập (xem Phụ lục 6, Phụ lục 7).

Phương pháp này kết hợp với phương pháp phỏng vấn sâu trong quá trình NCS đi điền dã, quan sát ghi chép chi tiết, khách quan các hoạt động văn hóa, KT - XH có liên quan tới DSVH tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; chụp ảnh, ghi âm, ghi hình và chú thích các vấn đề cần thiết liên quan tới đề tài luận án; tham gia vào một số hoạt động, sự kiện văn hóa được tổ chức, từ đó NCS có thể thu được tư liệu

quan trọng, những cảm nhận sinh động, thực tế, vừa bao quát vừa cụ thể từ góc độ của người trong cuộc.

Phương pháp phỏng vấn sâu với nguyên tắc ẩn danh được triển khai dựa trên những hiểu biết và mối quan hệ mà NCS có được từ quá trình quan sát tham dự dài ngày tại hai địa bàn nghiên cứu với số lượng phỏng vấn là 10 người tại mỗi địa bàn nghiên cứu kèm theo biên bản phỏng vấn sâu (xem Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5). Từ đội ngũ cộng tác viên trong quá trình công tác nhiều năm, NCS có thể mở rộng mạng lưới những người có thể phỏng vấn. Các đối tượng được lựa chọn phỏng vấn có sự đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp, giới tính, có những trình độ nhận thức khác nhau về DSVH, về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn, như cán bộ hưu trí, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tự do, nông dân, thợ thủ công, học sinh sinh viên, nội trợ, khách du lịch, chuyên gia văn hóa...; thực hiện phỏng vấn theo nguyên tắc ẩn danh, có sự đồng thuận khi phỏng vấn. Nội dung các cuộc phỏng vấn được ghi âm và ghi chép dưới dạng nhật ký, kết hợp với quá trình quan sát tham dự, có những đối tượng được phỏng vấn nhiều lần (từ 2 đến 3 lần) nhằm bảo đảm tính chính xác, tin cậy và phong phú của thông tin. Dữ liệu thông tin của các cuộc phỏng vấn được lưu trữ an toàn. Phương pháp này cho phép người được phỏng vấn bộc lộ một cách thành thật, tự nhiên những quan điểm, nhận thức, nhu cầu, trách nhiệm trong quá trình vừa thực hiện hoạt động bảo tồn DSVH vừa thực hiện các hoạt động kinh tế, sinh hoạt và những nhu cầu thiết thực, chính đáng trong cuộc sống tại khu vực bảo tồn di sản, từ đó giúp luận án có được sự đánh giá đa chiều về vấn đề nghiên cứu.

5.3.3. Phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu:

NCS sử dụng để khảo sát các DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu trong các giai đoạn khác nhau dưới sự tác động qua lại với hoạt động phát triển KT - XH tại địa phương (tính từ mốc năm 2019 trước khi đại dịch COVID-19 tác động toàn diện tới toàn cầu, trong đó có DSVH và phát triển KT - XH). Việc thống kê, phân loại, mô tả đặc điểm, so sánh giúp NCS có sự nhìn nhận đa chiều về vấn đề nghiên cứu, đồng thời so sánh đối chiếu về nhận thức, nhu cầu của nhiều nhóm đối tượng người dân trong thực tiễn cuộc sống; quan điểm của các nghiên cứu đi trước, thực trạng và những yêu cầu đặt ra của vấn đề hiện nay; nhận định và đánh giá khoa học, khách quan và chính xác hơn về vấn đề nghiên cứu ở hai địa bàn đã chọn.

6. Đóng góp mới của luận án

- Luận án làm rõ thêm mối quan hệ hai chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH. Luận án củng cố một số phương pháp nghiên cứu về DSVH, hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH đặt trong mối liên hệ với các hoạt động khác của con người (như các sinh hoạt hằng ngày, sinh hoạt văn hóa, hoạt động kinh tế…), từ đó chỉ ra một số vấn đề cần quan tâm và đề xuất giải pháp nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

- Luận án góp phần nhận diện thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, thực tiễn mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An cùng những vấn đề đặt ra; định hướng một số giải pháp để giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình phát triển của địa phương.

- Luận án là nguồn tư liệu tham khảo cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy các nội dung về DSVH, các ngành CNVH, văn hóa cộng đồng, du lịch văn hóa. Luận án cũng là tư liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu văn hóa, các cơ quan chức năng trong quá trình hoạch định và truyền thông chính sách về văn hóa và phát triển; qua đó góp phần định hướng cũng như nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của DSVH, yêu cầu bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

- Các vấn đề đặt ra trong luận án xây dựng tiền đề khoa học để tiếp tục triển khai nghiên cứu ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An hoặc ở các DSVH khác trên cả nước như: vấn đề quy hoạch phát triển bền vững giá trị DSVH; quan hệ văn hóa ứng xử với tự nhiên và xã hội trong du lịch, thương mại, phát triển KT - XH; văn hóa kinh doanh ở các điểm đến di sản, vấn đề kinh tế di sản, quản trị di sản bền vững, vấn đề lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan ở vùng có di sản…

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm 03 chương (ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục).

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, khái quát về địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Chương 3: Bàn luận một số vấn đề về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Chương 1:
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về di sản văn hóa, mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1.1. Về di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa

Cho đến nay, trên thế giới và ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về DSVH, chỉ ra các định nghĩa cũng như làm rõ các vai trò của DSVH. Tác giả Jukka Jokilehto [126] đã liệt kê khoảng 60 định nghĩa về DSVH/tài sản văn hóa được tập hợp từ nhiều văn bản của nhiều tổ chức trên thế giới ở những thời kỳ khác nhau, trong đó có đến 18 định nghĩa do UNESCO đưa ra.

Ở Việt Nam, về có nhiều công trình thống nhất với định nghĩa về DSVH theo Luật Di sản văn hóa năm 2001 [70] và chia DSVH thành hai nhóm: vật thể và phi vật thể, tương đồng với cách phân nhóm di sản văn hóa của UNESCO và nhiều tổ chức văn hóa khác trên thế giới. Theo đó DSVH Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. DSVH phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. DSVH vật thể (gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia) là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ.

Khái niệm DSVH được nhiều nhà khoa học làm rõ, như DSVH là "toàn bộ sản phẩm sáng tạo của các thành viên trong cộng đồng người. Nó thể hiện ra dưới dạng những đối tượng vật thể và phi vật thể mang tính biểu tượng, được lan tỏa và trao truyền từ cộng đồng này sang cộng đồng khác, từ thế hệ trước cho thế hệ sau" [31, tr.93-94]; là "sự biểu hiện lối sống của cộng đồng, do các cộng đồng sáng tạo nên và được truyền từ đời này sang đời khác… [14]. DSVH là sản phẩm sáng tạo của con người, được lưu truyền, chọn lọc, tích hợp và được "chưng cất" qua nhiều thế hệ [6]; "là tài sản của cộng đồng, là bản sắc của cộng đồng, luôn trao truyền di sản văn hóa này cho thế hệ kế tiếp… là những thực thể văn hóa giàu có, là nguồn vốn văn hóa" [9].

Không chỉ là chứng nhân của lịch sử, tác giả Lưu Trần Tiêu nhấn mạnh "DSVH là một nguồn "tài nguyên" lớn cho phát triển; là biểu tượng dễ nhận biết nhất về bản sắc và tính đa dạng văn hóa của một dân tộc; là loại "sản phẩm" có giá trị cao thu hút khách du lịch" [86, tr.47]. Tác giả Đặng Văn Bài khẳng định DSVH "có khả năng góp "vốn văn hóa" cho phát triển bởi vì DSVH hàm chứa/tích hợp nhiều mặt giá trị (giá trị lịch sử; giá trị kiến trúc - nghệ thuật; giá trị gắn với không gian văn hóa truyền thống có sức hấp dẫn và ảnh hưởng lan tỏa trong những không gian văn hóa rộng lớn của đất nước; giá trị gắn với tài nguyên du lịch, là phương tiện giao lưu văn hóa và đối thoại quốc tế vì hòa bình, khoan dung, hòa hợp và hòa giải trong phạm vi quốc gia dân tộc và cả nhân loại; giá trị kinh tế)"[6].

Liên quan đến vấn đề di sản, một số nhà khoa học còn quan tâm đến khái niệm "di sản hóa". Các tài nguyên văn hóa truyền thống trở thành DSVH bằng cách nào, có mối quan hệ ra sao trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Trên thế giới, người đầu tiên đưa ra khái niệm "di sản hóa" là tác giả Robert Hewison (trong cuốn sách *Công nghiệp di sản - Vương quốc Anh trong sự đi xuống*, năm 1987). Ông cho rằng: trong bối cảnh hiện đại có quá trình di sản hóa ở một số địa điểm nhất định bằng hình thức *sản xuất lại quá khứ*, phát triển ngành công nghiệp di sản (còn gọi là phục dựng di sản). Sau đó, trong bài viết "Di sản văn hóa - một diễn giải" (năm 1989), ông luận giải khái niệm DSVH không chỉ là cái còn lại của quá khứ (vật thể), mà còn là *quá trình lựa chọn quá khứ* để được thế hệ hiện đại và tương lai đánh giá cao. DSVH là cái đã được thế hệ trước giữ gìn, trao lại cho thế hệ hiện tại và được nhóm cộng đồng không chỉ coi là quan trọng, mà còn *muốn bàn giao lại cho tương lai* [24, tr.25]. Như vậy, có thể coi đây là quan điểm coi DSVH là kết quả quá trình hoạt động của cộng đồng trước những tài nguyên văn hóa của quá khứ, tìm tòi cái có giá trị bảo tồn, trao truyền lại cho tương lai. Di sản hóa có thể xem như "thực hành văn hóa" trong đời sống xã hội [24, tr.25]. Nhà khoa học Tunbridge và Ashworth (năm 1996) thì định nghĩa: "Di sản hóa là quá trình lựa chọn một di sản của quá khứ để *sử dụng trong hiện tại và quyết định xem cái gì nên được giữ lại cho tương lai"* và nhà khoa học Harrison (2013) với quan điểm "Di sản hóa là *quá trình* - mà theo đó các yếu tố của một nền văn hóa (tòa nhà, di tích… những thực hành, nghi lễ và truyền thống)… được *biến đổi trở thành di sản văn hóa"* [24, tr.25], nhấn mạnh hoạt động thực hành văn hóa được biến đổi trở thành DSVH thông qua tác động của xã hội với hoạt động của cộng đồng chủ thể [24, tr.25-26].

Nhà nhân học Oscar Salemink đã đưa ra nhận định về thực hành di sản: "Nhân học không coi sự tồn tại của di sản là đương nhiên, chúng được các chuyên gia văn hóa phát hiện, ghi chép, và được các cơ quan quốc gia hoặc quốc tế công nhận"; nhân học "tập trung vào các quá trình mà qua đó các địa điểm, công trình, tập quán trở thành di sản; về lợi ích khác nhau của cộng đồng và các thể chế liên quan, bao gồm các chủ thể nhà nước, kinh tế và văn hóa, những tác động của chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của việc di sản hóa đó" [135]. Quan điểm này của Oscar Salemink cho thấy cách nhìn nhận sâu sắc về sự hình thành của di sản với các cách thức và chủ thể nhất định trong một bối cảnh xã hội. Ông cũng khẳng định di sản hóa là một xu hướng lịch sử có tính toàn cầu, được hiểu là "gắn cho các di tích và thực hành văn hóa danh hiệu di sản"; di sản hóa không phải là "con đường một chiều", nhiều cộng đồng và địa phương sẵn sàng tham gia vào quá trình đòi hỏi sự công nhận văn hóa để theo đuổi mục đích riêng của họ" [134]. Đồng thời ông còn đưa ra cảnh báo về những hệ lụy từ sự mất cân bằng trong mức độ tham gia vào quá trình di sản hóa của Nhà nước và cộng đồng. Theo đó, việc thực thi các chính sách liên quan tới DSVH cần hết sức chú trọng và phù hợp bởi nếu sự can thiệp quá sâu và không đúng cách trong gia đoạn "hậu vinh danh di sản" có thể dẫn đến nguy cơ cộng đồng ở địa phương bị tước quyền thực hành di sản, bị "ngoài lề hóa" đối với các thực hành tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa vốn có khi các di sản bị can thiệp và khai thác quá mức trong phát triển kinh tế, thiếu sự chia sẻ lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan; đồng thời di sản cũng có nguy cơ bị biến dạng, từ đó dẫn tới nguy cơ mất đi sự đa dạng văn hóa [38].

** Về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH:*

Nhiều nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trên thế giới và Việt Nam đã chỉ ra các quan điểm, khuynh hướng thường gặp trong thực tế bảo tồn DSVH. Nhiều tổ chức văn hóa như UNESCO, ICOMOS, ICCROM, ICOM, AHC, WMF,… trong nhiều năm qua đã nỗ lực thiết lập nên hệ thống các nguyên tắc căn bản hoặc hướng dẫn, đề xuất hỗ trợ công tác bảo vệ và quản lý DSVH trên thế giới. Các văn bản này cũng chỉ ra giá trị của DSVH, đề cập tới vấn đề lập kế hoạch bảo tồn DSVH, tạo cơ sở cho các quốc gia xây dựng các quy định pháp lý hoặc chính sách về DSVH.

Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu khoa học đề cập, luận giải về các quan điểm, khuynh hướng bảo tồn, chỉ ra các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH. Một số tác giả quan niệm về bảo tồn DSVH là "cách thức, biện pháp giữ gìn để các giá trị

DSVH tồn tại và phát huy trong đời sống cộng đồng" [31, tr.99]; phát huy DSVH là "những hành động hướng đích nhằm đưa các giá trị của DSVH vào trong thực tiễn xã hội" [31, tr.99] thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục về giá trị DSVH; thông qua du lịch, các ngành CNVH để DSVH trở thành nguồn lực phát triển…; đưa ra những kiến giải về vai trò quan yếu của việc bảo vệ và phát huy giá trị DSVH [10]; nghiên cứu về chức năng DSVH, phân loại DSVH, những vấn đề trong quản lý và tư liệu hóa DSVH [82]; hoặc thể hiện nhiều kiến giải khác nhau về bảo vệ giá trị DSVH vật thể và phi vật thể trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [85]; nhấn mạnh tới yêu cầu cần nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong toàn xã hội.

Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH có mối quan hệ biện chứng. Nếu như bảo tồn bảo đảm sự tồn tại lâu dài, bền vững cho DSVH; phát huy làm cho các giá trị DSVH được tiếp tục lan tỏa trong đời sống và tạo điều kiện để công tác bảo tồn được hiệu quả hơn. Hiện nay có ba quan điểm phổ biến là: bảo tồn nguyên gốc, bảo tồn kế thừa và bảo tồn phát triển.

Trong nhiều nghiên cứu gần đây, có một số khuynh hướng bảo tồn DSVH được các nhà khoa học đưa ra, như khuynh hướng bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn phát triển và cách tân văn hóa [76, tr.49-52], trong đó khẳng định bảo tồn nguyên trạng là cách thức bảo vệ DSVH nhưng vẫn giữ nguyên trạng thái tồn tại hiện hữu như vốn có của chính di sản đó trong những không gian nhất định của lịch sử; bảo tồn phát triển là cách thức bảo vệ sự tồn tại và tạo ra các hình thái mới của một sự vật, hiện tượng trong không gian và thời gian xác định, kế thừa và nâng lên tầm cao mới những cái đã có để phát triển cho phù hợp với hiện tại, làm tăng thêm giá trị của DSVH. Từ việc đưa ra các khuynh hướng ứng xử, các tác giả nhấn mạnh cần thay đổi tư duy trong bảo tồn, như thay đổi "đóng băng" di sản do nhận thức cứng nhắc, quan điểm bảo tồn di sản theo kiểu cũ, bảo tồn "đông lạnh". Hoặc cần thay đổi tư duy muốn "hoành tráng hóa di sản, "nâng cấp di sản", đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết mà khai thác cạn kiệt di sản, thậm chí xâm hại, bóp méo di sản để thu lợi, tạo nên những "thực hành xấu" trong bảo tồn DSVH, thậm chí có khi trở nên phản văn hóa, đi ngược lại tinh thần bảo tồn di sản của UNESCO và Luật DSVH của Việt Nam [55]. Bên cạnh đó, gần đây, nhiều tác giả cho rằng quan điểm bảo tồn DSVH trong sự phát triển là cần thiết với đời sống văn hóa luôn vận động, biến đổi, không ngừng phát triển, do vậy không nên cứng nhắc; bảo tồn cần mang tính liên ngành với sự kết hợp giữa bảo

tồn DSVH vật thể và DSVH phi vật thể, cần chính sách quản lý chặt chẽ trong quá trình bảo tồn các DSVH [114].

Có thể thấy, về cơ bản, các tài liệu trên đều cho thấy bảo vệ, phát huy giá trị DSVH một cách bền vững là vấn đề có tính toàn cầu và cấp thiết bởi DSVH có vai trò rất quan trọng trong phát triển KT - XH song phải đối mặt với nhiều nguy cơ; đồng thời chỉ ra công tác bảo tồn, bảo vệ và phát huy giá trị DSVH là hoạt động đòi hỏi nhiều nỗ lực lâu dài, bền bỉ, nhất là với các di sản thế giới khi đó không chỉ là tài sản vô giá của nước sở tại mà còn của cả nhân loại, cần tuân thủ các quy định, quy tắc quốc tế chặt chẽ và tránh những khuynh hướng cực đoan. Các văn kiện pháp lý quốc tế, các công trình trong lĩnh vực di sản đã cung cấp khung tham chiếu, nguyên tắc và công cụ để các điểm di sản trên thế giới điều chỉnh áp dụng. Từ đó, mỗi điểm di sản cần có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm riêng về di sản, sở hữu di sản và quan điểm, chiến lược, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị DSVH trong đời sống đương đại. Đó là những tài liệu có giá trị để tham khảo trong nghiên cứu.

1.1.1.2. Về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển KT - XH

Nhiều nhà khoa học trên thế giới và trong nước chỉ ra một cách trực tiếp cũng như gián tiếp về tính đa giá trị, vai trò, tác động qua lại giữa DSVH và phát triển KT - XH của các cộng đồng, dân tộc, quốc gia trên thế giới. Qua đó, mối quan hệ đa chiều, biện chứng, lúc thuận chiều, khi nghịch chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH được thể hiện rõ nét.

DSVH là một phần của vốn văn hóa, vốn xã hội, là nguồn tài nguyên "đầu vào" của sản xuất ra các sản phẩm CNVH. Tác giả Pierre Bourdieu đã coi văn hóa như một nhân tố trong đời sống kinh tế, tương tự như vốn vật thể, vốn con người, vốn tài nguyên; đồng thời vốn văn hóa có thể chuyển hóa thành vốn con người, vốn kinh tế và ngược lại [120]. Tác giả Trần Hữu Dũng nhấn mạnh vốn văn hóa mà cộng đồng có được là do quá trình tích lũy các sản phẩm văn hóa do cộng đồng sáng tạo nên trong lịch sử với 2 dạng là: vốn văn hóa vật thể (công trình kiến trúc, di tích lịch sử) và vốn văn hóa phi vật thể (tập quán, phong tục, tín ngưỡng) - nguồn tài nguyên cung cấp một luồng dịch vụ có thể hưởng thụ ngay hoặc dùng trong sản xuất những sản phẩm và dịch vụ văn hóa cũng như ngoại văn hóa (sở hữu cộng đồng) [19]. Tác giả Trần Đình Hượu cho rằng: "khi có hệ tư tưởng, nền văn học nghệ thuật, những nhân vật văn hóa tức là khi tạo được cái "vốn" văn hóa riêng cho cộng đồng người đó thì mới có thể bắt đầu nói đến đặc sắc dân tộc của văn hóa" [43]. Nhiều nhà nghiên cứu

cũng khẳng định vốn văn hóa, vốn xã hội và vốn kinh tế có thể chuyển đổi được cho nhau, không phải theo một chiều; vốn văn hóa không phải là tài sản của cá nhân mà còn là tài sản của một cộng đồng; một cộng đồng có vốn văn hóa dồi dào có thể biến đó thành vốn kinh tế, nhất là thông qua du lịch.

Các công trình trên cũng làm rõ chức năng kinh tế của văn hóa. Quan điểm kinh tế cần được xem xét thấu đáo trong hoạch định chính sách văn hóa, trong đó có chính sách DSVH, chính sách về các ngành CNVH, phát triển đô thị... [139]. Có nhiều vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn vận động không ngừng của đời sống văn hóa, trong đó có các vấn đề về phát huy giá trị DSVH. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần có chính sách văn hóa phù hợp để định hướng, điều chỉnh [139].

** Về tác động của DSVH tới hoạt động KT - XH:*

DSVH có đóng góp quan trọng, tác động tích cực đối với các hoạt động KT - XH. Cũng bởi vậy, DSVH trở thành đối tượng nghiên cứu và thực hành của kinh tế học di sản. Những tác động này thể hiện vai trò to lớn của DSVH trong phát triển các ngành CNVH, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH. Nhiều công trình khoa học đã phân tích những tác động của nguồn lực DSVH khi tham gia vào kinh tế di sản. Những lợi ích, giá trị của di sản cũng được chỉ rõ, như giá trị "sử dụng" (lợi ích tài chính, giá trị thẩm mỹ, quảng bá văn hóa địa phương thông qua thương mại, du lịch, dịch vụ tại các điểm di sản) và giá trị "không sử dụng" (giá trị tồn tại (tri thức về di sản), giá trị lựa chọn (quyền lựa chọn di sản trong tương lai), giá trị thừa kế cho các thế hệ tương lai xuất phát từ thực tế di sản có thể lan tỏa nhiều giá trị tích cực) [138; 67]; hoặc chỉ rõ DSVH là tài nguyên, nguồn lực chiến lược để xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa giá trị, thúc đẩy sự phát triển du lịch và các ngành CNVH (thủ công mỹ nghệ, thời trang, thiết kế, nghệ thuật biểu diễn...); tạo môi trường tương tác và trải nghiệm thú vị, hấp dẫn cho du khách [78; 115]. Các nghiên cứu trên cũng nhấn mạnh DSVH có thể truyền cảm hứng, khơi nguồn sáng tạo cho con người, tạo ra tác động tích cực gián tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế tại địa phương có di sản. Qua các nghiên cứu điển hình về DSVH, nhiều nhà khoa học cũng đưa ra các khuyến nghị quan trọng trong lĩnh vực DSVH, xem xét tầm quan trọng của DSVH đến phúc lợi xã hội tại địa phương [121]. Cùng với việc chỉ ra sự thay đổi các mô hình phát triển đô thị và bảo tồn DSVH, các nghiên cứu cũng chỉ ra DSVH ngày càng được lan tỏa giá trị trong xã hội, được tích hợp, gắn kết vào quy hoạch phát triển đô thị thông qua một số nghiên cứu điển hình như Chile, Cuba, Ecuador, Peru, Anh, Pháp, Trung

Quốc, từ đó kiến nghị một số chính sách DSVH gắn với quy hoạch phát triển đô thị để di sản và phát triển có thể hỗ trợ lẫn nhau, các chính sách và hoạt động của di sản có thể được tích hợp hiệu quả như một nguồn lực vào quá trình phát triển đô thị bền vững [123]; nhấn mạnh sự đóng góp của DSVH dưới cả hình thức hữu hình và vô hình, tạo điều kiện cho phát triển bền vững và quyền văn hóa [131].

Các công trình trên giúp hiểu hơn phương pháp đánh giá toàn diện chi phí và lợi ích của di sản để góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn di sản, về vấn đề ban hành chính sách di sản để tránh xung đột giữa lợi ích công và tư nảy sinh trong lĩnh vực di sản, về vấn đề cân bằng các mục tiêu kinh tế và văn hóa trong hoạch định chính sách di sản... [62]; đồng thời đề cập tới những khó khăn, thách thức và đề xuất một số giải pháp trên các lĩnh vực du lịch, bảo tàng, di tích, trang phục, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, không gian số… để nâng cao hiệu quả bảo tồn DSVH trong phát triển KT - XH [115].

** Về tác động của hoạt động KT - XH tới DSVH:*

Nhiều nghiên cứu đã phân tích những tác động hai chiều của hoạt động kinh tế mà trước hết là du lịch tới DSVH, như du lịch tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân, tạo ra lợi nhuận được chia sẻ đến doanh nghiệp, người dân. Nguồn thu từ du lịch (từ các loại thuế, phí, nguồn thu từ vé tham quan, …) có thể giúp tăng nguồn thu ngân sách, đầu tư cải thiện kết cấu hạ tầng, tái đầu tư vào việc tìm kiếm, lưu trữ, bảo tồn DSVH… Các hoạt động kinh tế từ di sản giúp mở rộng sự giao lưu, tăng cường hiểu biết, tôn trọng đa dạng văn hóa giữa khách du lịch với người dân tại các điểm đến di sản [40; 41; 78;127]… Từ sự tác động đó, đặc điểm, tính chất mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH dần thể hiện rõ hơn.

Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các hoạt động KT - XH, trong đó có du lịch và hoạt động dân sinh cũng có những tác động tiêu cực tới di sản nếu không có biện pháp quản lý hiệu quả, như di sản có nguy cơ bị xâm hại, bị lạm dụng bởi du khách; việc phụ thuộc quá nhiều vào du lịch dẫn đến tình trạng mất tự chủ và mất đi các sinh hoạt văn hóa cổ truyền đặc sắc, phát triển "nóng" hạ tầng du lịch có những ảnh hưởng xấu tới di sản; sự phân chia lợi nhuận không đồng đều giữa các bên liên quan; sự mất quyền kiểm soát các tài sản văn hóa và sự xuống cấp của các di sản; các DSVH có thể bị thương mại hóa và bị phá hủy do sự "du lịch hóa"; ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng không gian di sản, tình trạng mất tự chủ và mất đi các sinh hoạt văn hóa cổ truyền đặc sắc,… thậm chí có khả năng xung đột có thể xảy ra giữa du

lịch và di sản thông qua các tác động tiêu cực tới DSVH bởi di sản vốn rất "nhạy cảm, dễ bị tổn thương" [41; 78; 129]…

Một số nghiên cứu chỉ ra DSVH là tiềm năng góp phần vào sự phát triển KT - XH, song mới chỉ được hiểu và quan tâm đến khía cạnh các chỉ số tăng trưởng kinh tế, đến lợi nhuận từ việc khai thác DSVH mà chưa quan tâm đúng mức tới các vai trò, giá trị khác của DSVH đối với phát triển (như tạo ra sự gắn kết xã hội, định hình bản sắc...). Dù còn nhiều thách thức, song DSVH và phát triển hoàn toàn có thể không mâu thuẫn, loại trừ nhau, mà còn có thể kết hợp để vừa bảo vệ và phát huy hiệu quả giá trị của di sản - nguồn lực trong phát triển KT - XH; từ đó chỉ ra cần khắc phục cách nhìn một chiều trong sử dụng nguồn tài nguyên DSVH; bảo vệ tính đa dạng của DSVH; tôn trọng vai trò của chủ thể DSVH; giảm thiểu sự thương mại hóa, sân khấu hóa di sản; bảo đảm sự công bằng trong chia sẻ lợi ích; xây dựng chiến lược truyền thông sâu rộng về DSVH và phát triển [14].

Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh việc bảo tồn DSVH và phát triển du lịch cần được coi là những hoạt động hỗ trợ, cùng mang lại lợi ích cho cả hai bên. Thông qua du lịch, giá trị các DSVH có thể được phát huy, tạo ra nguồn lợi lớn; nhiều người từ các nơi trên thế giới đến tham quan và trải nghiệm các di sản của địa phương, từ đó tạo nên động lực để địa phương bảo tồn tốt di sản [48]. Các tác động tiêu cực của du lịch tới DSVH cũng được đề cập đến khi ở không ít điểm di sản đã khai thác du lịch quá mức, gây ra những hư hại về vật chất, ảnh hưởng đến tính nguyên trạng và các giá trị của di sản, phá hủy sự cân bằng sinh thái, đe dọa các giá trị văn hóa vùng di sản… [48].

Nhiều hội thảo về DSVH và du lịch, về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và phát triển KT - XH… đã được tổ chức với những đánh giá, bàn luận tương đối toàn diện của các nhà lãnh đạo, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn về các lý thuyết và quan điểm tiếp cận, khái niệm về DSVH; các giải pháp, mô hình, bài học kinh nghiệm trong nước, quốc tế trong bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa [114]; bàn luận về mối quan hệ giữa phục dựng, phát huy các giá trị DSVH với phát triển KT - XH [11]; tháo gỡ điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, gỡ nút thắt về cơ chế, chính sách trong thực hiện bảo tồn và phát huy di sản; tăng cường liên kết vùng trong gìn giữ, phát huy DSVH; tài sản hóa các DSVH và phục dựng, cổ trang hóa các nghi lễ, trang phục... qua đó hoán chuyển các tài nguyên DSVH thành những nguồn lực, động lực cho phát triển KT - XH [11]; nhấn mạnh tới các giải pháp đột phá trong nghiên cứu,

ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ hiện đại nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, du lịch; định hướng liên kết, hợp tác trong bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa [114]; nhấn mạnh cơ chế pháp lý để cộng đồng được tham gia quản lý di sản một cách thực chất; lồng ghép tri thức địa phương vào quy hoạch phát triển KT - XH; thúc đẩy mô hình đồng quản lý, trong đó cộng đồng giữ vai trò giám sát, đồng thời là người ra quyết định; mở rộng hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm và xây dựng mạng lưới bảo vệ di sản toàn cầu [12].

Qua các nghiên cứu trên về sự tác động đa chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH, có thể thấy nhiều vấn đề được đặt ra và cần giải quyết trên thực tế, như sự bảo đảm hài hòa giữa việc bảo tồn DSVH và phát triển bền vững; sự cân bằng các lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường ở các địa phương có di sản; cách thức, chiến lược để kết hợp hài hòa giữa DSVH và phát triển KT - XH, số hóa hệ thống dữ liệu về DSVH…

1.1.2. Nghiên cứu về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội, khu phố cổ Hội An

1.1.2.1. Về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hà Nội

Có thể thấy, các nghiên cứu về DSVH với vai trò là một nguồn lực văn hóa quan trọng của Thủ đô Hà Nội khá phong phú, được đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua nhiều cuốn sách, đề tài khoa học, luận án, bài viết. Những nghiên cứu công phu kể trên đã bao quát các đặc điểm, giá trị DSVH đa dạng và đặc sắc, bao gồm các phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, trò chơi dân gian, kho tàng ca dao, tục ngữ, nghề thủ công... Thông qua đó, đời sống văn hóa với nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội đã phần nào được thể hiện sinh động - yếu tố góp phần làm nên nét văn hóa đặc sắc của mảnh đất kinh kỳ [49]. Các công trình đều khẳng định Thăng Long - Hà Nội có hệ thống DSVH đặc sắc, phong phú, đa dạng thuộc bậc nhất cả nước. Đó là hệ thống chùa, đền, đình, các tác phẩm mỹ thuật, điêu khắc có giá trị cao, môi trường cảnh quan văn hóa độc đáo, lễ hội, làng nghề, tinh hoa ẩm thực, phẩm chất thanh lịch, nghĩa tình của con người… [68].

Các công trình cũng đề cập các giá trị của DSVH vật thể (kiến trúc, chùa, đình, đền, các di vật tiêu biểu được phát hiện dưới lòng đất khu di tích Hoàng thành Thăng Long qua nghìn năm lịch sử trên các phương diện kiến trúc, nghệ thuật và đời sống hằng ngày …) và phi vật thể (lễ hội, tín ngưỡng, văn học dân gian, di sản Hán Nôm,

trò chơi, trò diễn, ẩm thực, các nghề và làng nghề truyền thống…) - những chứng tích vô giá của truyền thống ngàn năm văn vật, là viên ngọc quý, là cổ vật thiêng liêng của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, biểu tượng của sức sống nội tại được dựng xây từ mồ hôi công sức và cả xương máu của lớp lớp thế hệ; đồng thời làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn kinh nghiệm hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH; chỉ ra những nguy cơ, thách thức của công cuộc bảo tồn DSVH trong bối cảnh đô thị hóa ở Thủ đô; vai trò của chủ thể văn hóa trong công cuộc bảo tồn DSVH; đề xuất giải pháp bảo tồn phát huy giá trị của các DSVH của Thăng Long - Hà Nội [8; 33; 64; 87; 92].

Về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh những giá trị cốt lõi trong nền tảng văn minh - văn hiến của Hà Nội, khẳng định cần phát huy hiệu quả các nguồn lực trong phát triển KT - XH Thủ đô mà nguồn lực quan trọng bậc nhất, lợi thế hàng đầu chính là nguồn lực văn hóa, con người, trong đó có DSVH; phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành liên quan trong việc đẩy mạnh hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử, các công trình văn hóa; triển khai chi tiết quy hoạch bảo tồn không gian di sản; tăng cường đầu tư nguồn vốn (nguồn vốn của Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) và nguồn nhân lực… [30; 52; 67].

Cùng với đó, nhiều hội thảo về công tác bảo tồn và phát huy DSVH trong phát triển KT - XH của Hà Nội đã được tổ chức. Hội thảo *Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản khu phố cổ Hà Nội trong tiến trình phát triển Thăng Long - Hà Nội* [103] đã nhận diện sâu sắc nguồn lực văn hóa tại khu phố cổ Hà Nội - khu vực giữ vị trí đặc biệt trong nội đô lịch sử của đất Thăng Long; đề cập tới những hạn chế trong công tác bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội như giải phóng mặt bằng, quy trình thực hiện các dự án đầu tư, tiến độ công tác giãn dân còn chậm, nguồn lực còn khó khăn...; bàn luận một số giải pháp nâng cao chất lượng không gian, kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội, khai thác tốt giá trị kiến trúc khu phố cổ; tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống; cơ chế xã hội hóa hoạt động bảo vệ và khai thác các ngôi nhà cổ (cho phép chủ sở hữu sử dụng vào mục đích du lịch, tham quan…); hỗ trợ người dân về kiến thức bảo vệ di sản và xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù; xây dựng các dữ liệu lớn về DSVH của Hà Nội; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực; phân cấp phân quyền, hợp tác công - tư, xã hội hóa, liên kết hợp tác trên lĩnh vực DSVH... Hội thảo *Xây dựng mô hình, sản phẩm công nghiệp văn hóa từ nguồn lực di sản văn hóa*

phi vật thể ở Thủ đô Hà Nội (Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp tổ chức với thành phố Hà Nội), trong đó làm rõ nguồn lực DSVH phi vật thể ở Thủ đô Hà Nội; thực trạng và kinh nghiệm của việc phát huy DSVH trong xây dựng các mô hình và sản phẩm/dịch vụ CNVH ở Thủ đô Hà Nội qua các trường hợp cụ thể; về hệ sinh thái trong xây dựng các mô hình và sản phẩm CNVH; xây dựng mô hình, sản phẩm/dịch vụ CNVH ở Thủ đô Hà Nội...

Bên cạnh đó còn có một số luận án tiến sĩ nghiên cứu về văn hóa, trong đó có DSVH của Thủ đô. Tác giả Đặng Thị Hồng Hạnh [29] đã làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn lực văn hóa của Hà Nội mà DSVH là một nguồn lực quan trọng, đồng thời nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương cần được thể hiện trong các chính sách phát triển kinh tế phải… Tác giả Phạm Tuấn Long [56] đã có những nghiên cứu đặc trưng về hình thái đô thị khu phố cổ Hà Nội góp phần làm nên bản sắc riêng của cấu trúc không gian đô thị Hà Nội lịch sử; phân tích, đánh giá các yếu tố xã hội, yếu tố kinh tế và nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng tác động tới công tác quản lý kiến trúc cảnh quan khi tốc độ đô thị hóa quá nhanh thời gian qua trong điều kiện hệ thống các văn bản pháp quy về quy hoạch, kiến trúc và bảo tồn di sản chưa đồng bộ và hoàn chỉnh, dẫn tới các di sản đô thị như phố cổ Hà Nội đang bị biến dạng nghiêm trọng, làm mất đi những giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại. Tác giả xác định các quan điểm quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội là cần phù hợp với các chính sách, pháp luật của Nhà nước; thích ứng với chính sách mở cửa, hội nhập; bảo đảm kiến trúc cảnh quan bền vững và có bản sắc; thích ứng với chiến lược và tầm nhìn phát triển đô thị của Hà Nội trên cơ sở các nguyên tắc trọng tâm vì sự phát triển của con người - những chủ nhân đích thực của các không gian kiến trúc cảnh quan, tạo nên nội lực mang tính quyết định để hiện thực hóa được mục tiêu vừa bảo tồn vừa phát huy hiệu quả giá trị của di sản kiến trúc đô thị trong đời sống hiện đại. Tác giả Nguyễn Đức Trọng [90] đã phân tích việc xây dựng, ban hành văn bản quản lý, xác định chủ thể quản lý, cơ chế phối hợp và đề xuất một số giải pháp trong quá trình gắn kết DSVH tại Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long và du lịch. Đây là những tài liệu NCS có thể tham khảo trong quá trình triển khai luận án.

1.1.2.2. Về di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở khu phố cổ Hội An

Hiện nay, nghiên cứu về phố cổ Hội An có một số công trình khoa học, hội thảo, luận án tiến sĩ… tiêu biểu như [2; 61; 83; 96; 140; 144]... Các tài liệu trên đã

mang đến cho người đọc một cái nhìn tương đối đầy đủ về lịch sử Hội An - cảng thị sầm uất thời chúa Nguyễn cho đến khi được công nhận là DSVH thế giới (năm 1999) với những đặc trưng và giá trị văn hóa, lịch sử; đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác quản lý, bảo tồn và khai thác DSVH để phát triển du lịch; làm rõ các biến đổi của phố cổ Hội An ở cả phương diện đổi mới tích cực (tăng trưởng kinh tế, kinh phí đầu tư cho bảo tồn và trùng tu di tích, tăng cơ hội việc làm, đầu tư cho kết cấu hạ tầng) và tác động tiêu cực (ô nhiễm môi trường, mai một các giá trị văn hóa của người dân; cùng nhiều tác động tới môi trường xã hội như chi phí sinh hoạt, vấn đề sở hữu và sử dụng đất, tính chân xác của di sản, lối sống và tín ngưỡng văn hóa, an ninh trật tự, vấn đề lãng phí tài nguyên...), chỉ ra sự dễ bị tổn thương và khó thay thế của hệ thống di sản cũng như sự thiếu hiệu quả trong quản lý nhà nước… Từ đó, các tác giả nhấn mạnh cần chú trọng công tác quy hoạch di sản, xây dựng chiến lược phát triển, tăng cường sự hợp tác của các bên có liên quan trong các hoạch định và thực thi chính sách gắn kết DSVH và phát triển KT - XH ở Hội An.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà [28] đã phân tích vấn đề bảo tồn, quản lý DSVH ở Hội An và vấn đề phát triển du lịch trên cơ sở khai thác, quản lý hệ thống DSVH đặc sắc của địa phương; làm rõ mối quan hệ giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở phố cổ Hội An, đưa ra được những khuyến nghị về chính sách quản lý và khai thác DSVH một cách bền vững. Tác giả Đỗ Thị Ngọc Uyển [97] tập trung nghiên cứu các giá trị văn hóa, sinh thái trong quan hệ hữu cơ giữa công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản với phát triển du lịch ở Hội An; đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, sinh thái với phát triển du lịch ở Hội An; đưa ra những định hướng giải pháp và một số mô hình thành công trong bảo tồn và phát triển du lịch ở một số di sản trên thế giới. Tác giả Võ Duy Nghĩa [63] đã có những nghiên cứu về hình thức sinh hoạt và giá trị tín ngưỡng của người Hoa ở Hội An, góp phần tạo nên sự đa dạng của hệ thống DSVH tại Hội An; đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị tín ngưỡng của người Hoa trong bối cảnh mới, tạo cơ sở để xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng phù hợp với thực tiễn Hội An và cả nước.

Nhìn chung, các nghiên cứu ở trên đã đưa ra những quan điểm nghiên cứu nhất định về DSVH, về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hội An. Song việc nghiên cứu tiếp theo là cần thiết để có được hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn về các chiều cạnh của mối quan hệ biện chứng giữa DSVH và phát triển KT

- XH ở khu phố cổ Hội An thông qua nghiên cứu các tác động qua lại giữa DSVH và phát triển KT - XH, từ đó soi chiếu với những điểm DSVH khác ở Việt Nam.

1.1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Thông qua tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, NCS có thể tiếp thu các quan niệm về DSVH; về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế; về vai trò, giá trị của DSVH như một nguồn vốn đặc biệt, nguồn lực trong phát triển KT - XH; về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Tuy nhiên, các nghiên cứu về DSVH với phát triển KT - XH chủ yếu mới tập trung làm rõ mối liên hệ hữu cơ giữa du lịch và DSVH, tác động tích cực và tiêu cực của du lịch lên cộng đồng, di sản, môi trường; tiềm năng DSVH trong phát triển du lịch cùng một số ngành CNVH; du lịch và phát triển KT - XH...

Về khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, các công trình đã nghiên cứu chủ yếu làm nổi bật giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học, địa lý, kiến trúc, nghệ thuật của di sản phố cổ cũng như vấn đề khai thác giá trị DSVH phục vụ phát triển du lịch, cùng hướng giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước kể trên chính là nguồn tư liệu quan trọng để luận án tham khảo, kế thừa. Song vẫn còn một số khoảng trống trong nghiên cứu là:

Một là, chưa có những nghiên cứu trực tiếp và hệ thống về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Hai là, hiện chưa có công trình nghiên cứu nào phân tích, đánh giá thực trạng cũng như nhận diện đặc điểm mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; chưa phân tích làm rõ những nét tương đồng, khác biệt đặc thù trong quá trình bảo tồn, phát huy DSVH gắn kết với phát triển KT - XH tại hai địa bàn trên.

Ba là, các công trình nghiên cứu trước đây chưa hệ thống hóa đầy đủ và rõ nét những tác động của bối cảnh mới với nhiều yếu tố như hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số cùng nhiều thách thức an ninh phi truyền thống tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An; đồng thời cũng chưa đưa ra những đề xuất, định hướng giải pháp phù hợp để bảo đảm hài hòa mối quan hệ trên trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp - thực tiễn rất mới với nhiều cơ hội và thách thức đặt ra nhiều yêu cầu mới trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và phát triển KT - XH.

Với mong muốn lấp dần những khoảng trống trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn đã chọn, luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề chính sau đây:

+ Làm rõ một số hơn một số vấn đề lý luận về DSVH, về phát triển KT - XH, về mối quan hệ tương tác hai chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH.

+ Khảo sát, trình bày, phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn tiêu biểu.

+ Nhận diện những nét tương đồng, khác biệt đặc thù trong quá trình bảo tồn, phát huy DSVH gắn kết với phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.

+ Bàn luận các vấn đề như tác động của quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội", khuyến nghị một số giải pháp nhằm bảo đảm và xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh mới (bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp).

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm di sản văn hóa

Hiện nay, các định nghĩa của UNESCO về DSVH được nhiều nghiên cứu học thuật và các văn kiện pháp lý mang tính quốc gia và quốc tế sử dụng phổ biến nhất. Thời gian đầu sau khi thành lập, trong *Công ước về Bảo vệ các tài sản văn hóa trong các sự kiện xung đột vũ trang* (năm 1954), UNESCO quan niệm: DSVH là những tài sản văn hóa bao gồm: các di tích kiến trúc, nghệ thuật hay lịch sử, di chỉ khảo cổ, nhóm công trình, tác phẩm nghệ thuật, các hiện vật khác có tầm quan trọng xét trên quan điểm nghệ thuật, lịch sử hay khoa học [109]. Trong *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (năm 1972), DSVH được khẳng định là: quần thể các di tích kiến trúc, điêu khắc, hội họa; công trình xây dựng; di chỉ khảo cổ cũng như địa điểm có các di chỉ khảo cổ học, xét theo quan điểm nghệ thuật, lịch sử hay khoa học "có giá trị nổi bật toàn cầu" [110]. Trong Công ước năm 1954 và Công ước năm 1972, DSVH là các di sản vật thể (DSVH phi vật thể chưa được đưa vào Công ước 1972 do nhiều nguyên nhân), song theo các nhà khoa học thì đây là nỗ lực của UNESCO trong việc xác định bản sắc dân tộc và giá trị toàn cầu của DSVH.

Tại thành phố Mexico năm 1982, UNESCO đã đưa ra một định nghĩa mới về DSVH, trong đó nhấn mạnh tới DSVH phi vật thể:

DSVH của một dân tộc bao gồm tác phẩm của các nghệ sĩ, kiến trúc sư, nhạc sĩ, nhà văn, nhà khoa học và cả tác phẩm của các nghệ sĩ vô danh, những biểu hiện của tâm linh dân tộc và tập hợp những giá trị mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Nó bao gồm cả tác phẩm hữu hình và vô hình mà qua đó sức sáng tạo của con người được thể hiện: ngôn ngữ, nghi lễ, tín ngưỡng, các địa điểm lịch sử và công trình kỷ niệm, tác phẩm văn học, nghệ thuật, bảo tàng và thư viện [111].

Đến năm 2003, *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* được Đại hội đồng UNESCO thông qua tại khóa họp thứ 32, trong đó khẳng định DSVH bao gồm cả DSVH vật thể và phi vật thể, cả hai loại hình này đều có giá trị và tầm quan trọng đối với nhân loại; đồng thời chỉ rõ sự khác biệt giữa hai loại hình này và cách bảo vệ chúng. DSVH phi vật thể phản ánh tính đa dạng và bình đẳng của các cộng đồng, nhóm người, cá nhân - những chủ nhân sáng tạo, thực hành và lưu truyền di sản. DSVH vật thể được ghi danh dựa vào tiêu chí tính xác thực và những "giá trị nổi bật toàn cầu". Do vậy, hoạt động nhận diện, tư liệu hóa, bảo vệ và thực hành tập quán, hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức và kỹ năng mà các cộng đồng, nhóm người… là cách thức bảo tồn, phát huy giá trị chủ yếu của DSVH [112].

Trước những yêu cầu đặt ra trong bối cảnh mới, *Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa* được UNESCO thông qua năm 2005, nhấn mạnh DSVH được biểu đạt, bồi đắp và chuyển tải bằng nhiều biểu đạt văn hóa, được thể hiện bằng những cách thức sáng tạo, sản xuất, phổ biến, phân phối và hưởng thụ các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Từ việc xác định các sản phẩm và các dịch vụ văn hóa là phương tiện chuyển tải bản sắc văn hóa, có thể thúc đẩy phát triển các ngành CNVH nhằm bảo vệ sự đa dạng văn hóa [113].

Ở Việt Nam, Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Luật số 45/2024/QH15, ban hành ngày 23-11-2024) khẳng định: DSVH bao gồm DSVH phi vật thể, DSVH vật thể được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. DSVH phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia [73].

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Phương Châm và Hoàng Cầm chỉ ra DSVH là "sự biểu hiện lối sống của cộng đồng, do các cộng đồng sáng tạo nên và được truyền từ đời này sang đời khác…; DSVH bao gồm các thành tố mang tính phi vật thể như phong tục, nghi lễ, lễ hội, tri thức địa phương, niềm tin, hệ giá trị, nghệ thuật,... và các thành tố mang tính vật thể như đình, đền, miếu, nhà ở" [14]. DSVH là sự thể hiện một cách cụ thể nhất, chân xác nhất, trực quan và hấp dẫn nhất về các giá trị văn hóa…; là sản phẩm sáng tạo của con người, được lưu truyền, chọn lọc, tích hợp và được "chưng cất" qua nhiều thế hệ con người [6]. DSVH được coi là "tài sản của cộng đồng, là bản sắc của cộng đồng, luôn trao truyền di sản văn hóa này cho thế hệ kế tiếp,… là những thực thể văn hóa giàu có, là nguồn vốn văn hóa" [9]. Tác giả Lê Quý Đức đã phân tích sâu hơn khái niệm DSVH từ những nghiên cứu của tác giả Hoàng Vinh và rút ra nhận định: "DSVH là sản phẩm, tài nguyên văn hóa có giá trị (vật thể hoặc phi vật thể) của thời đại trước, thế hệ trước sáng tạo ra để lại cho thời đại sau, thế hệ sau (cái có sẵn, hiện hữu, đương nhiên tồn tại"); được thời đại sau, thế hệ sau nhận biết và sử dụng" [24, tr.23-24]. Tác giả nhìn nhận DSVH ở hai phương diện là khách quan (là cái do thời đại trước, thế hệ trước sáng tạo ra và để lại cho thời đại và thế hệ sau) và chủ quan (là cái được thế hệ sau nhận biết - phát hiện và nhận ra sự tồn tại) và sử dụng - đem di sản vào thực hành văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị của DSVH) [24, tr. 24].

Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh DSVH mang giá trị lịch sử (phản ánh những dấu mốc của lịch sử dân tộc), giá trị văn hóa (phản ánh tâm hồn, khí phách, bản lĩnh, trí tuệ, bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam thống nhất trong đa dạng), giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ, giá trị kiến trúc, giá trị kinh tế… Như vậy, ở Việt Nam, DSVH được thống nhất chia thành hai nhóm dựa trên hình thức biểu hiện là DSVH vật thể và phi vật thể (tương đồng với cách phân nhóm DSVH của UNESCO và nhiều tổ chức văn hóa khác trên thế giới).

Có thể khái quát lại khái niệm về DSVH như sau: *DSVH Việt Nam là tài sản quý giá của dân tộc, gồm DSVH vật thể và phi vật thể, là những sản phẩm vật chất và tinh thần giàu giá trị do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo, lưu giữ và trao truyền qua các thế hệ trong lịch sử, kết tinh bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.*

Về khái niệm "di sản hóa":

Theo nhà khoa học Robert Hewison, quá trình di sản hóa ở một số địa điểm nhất định bằng hình thức *sản xuất lại quá khứ*, phát triển ngành công nghiệp di sản.

Nhà khoa học Tunbridge và Ashworth cho rằng: "Di sản hóa là quá trình lựa chọn một di sản của quá khứ để *sử dụng trong hiện tại và quyết định xem cái gì nên được giữ lại cho tương lai"*, nhà khoa học Harrison thì khẳng định: "Di sản hóa là *quá trình* - mà theo đó các yếu tố của một nền văn hóa (tòa nhà, di tích… những thực hành, nghi lễ và truyền thống)… được *biến đổi trở thành di sản văn hóa*" [24, tr.25]. Nhà khoa học Oscar Salemink, thông qua các nghiên cứu nhân học, cũng đưa ra những nhận định về quá trình di sản hóa mà qua đó các địa điểm, công trình, tập quán trở thành di sản; khẳng định di sản hóa là "gắn cho các di tích và thực hành văn hóa danh hiệu di sản" [134].

Như vậy, các khái niệm trên về cơ bản đều nhấn mạnh hoạt động thực hành văn hóa được biến đổi trở thành DSVH thông qua các tác động của xã hội với nhiều hoạt động của các cộng đồng chủ thể [24, tr.25-26]. Việc làm rõ khái niệm "di sản hóa" giúp có thêm cơ sở trong nghiên cứu DSVH, đặt DSVH trong môi trường biến đổi phong phú, sinh động của đời sống để có cách ứng xử phù hợp; đồng thời có thêm sự nhìn nhận theo hướng toàn diện hơn trong nghiên cứu về vai trò, sự tác động của các chủ thể tham gia thực hành, thụ hưởng, bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH với nhiều bên liên quan. Các nghiên cứu về quá trình di sản hóa cũng cảnh báo nhiều vấn đề có thể nảy sinh, như áp lực đô thị hóa và xu hướng thương mại hóa quá mức có thể gây những tác động tiêu cực nghiêm trọng tới giá trị và tính bền vững của DSVH, cộng đồng chủ thể có thể bị mất quyền tự chủ, nhiều DSVH có nguy cơ bị xâm hại… Đây là những vấn đề cần lưu ý trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH.

1.2.1.2. Giá trị di sản văn hóa

Theo Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: "Giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó" [116, tr.371]. Giá trị DSVH chính là yếu tố cốt lõi được sáng tạo và kết tinh trong quá trình lịch sử hình thành, bảo vệ và phát huy các DSVH. Giá trị DSVH hướng đến thỏa mãn những nhu cầu và khát vọng của cộng đồng về những điều tốt đẹp, hướng con người tới chân, thiện, mỹ, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của cộng đồng, vùng, miền, dân tộc, quốc gia. Giá trị DSVH là biểu tượng của cộng đồng trở thành điểm tựa vững chắc cho đời sống tinh thần, là môi trường nuôi dưỡng và làm giàu bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng, dân tộc, quốc gia, tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Hệ thống DSVH được gìn giữ qua bao thăng trầm lịch sử của các quốc gia trên thế giới mang nhiều giá trị, tiêu biểu như giá trị văn hóa, giá trị kinh tế, giá trị xã hội...

Về giá trị kinh tế: Giá trị này được tạo ra khi các DSVH trở thành nguồn lực để xây dựng những sản phẩm và dịch vụ văn hóa đặc sắc, giàu sức hấp dẫn cho kinh tế di sản, các ngành CNVH, thu hút đông đảo sự tiêu dùng của cộng đồng và khách du lịch, mang lại lợi nhuận kinh tế; qua đó tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân; đóng góp chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại tại địa phương có di sản. Ngày càng nhiều cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng phát huy giá trị DSVH trong kinh doanh dịch vụ và du lịch, tạo ra nhiều lợi nhuận; các bảo tàng/sưu tập tư nhân, các chương trình nghệ thuật lớn trưng bày và trình diễn các loại hình DSVH rất hiệu quả. Những không gian DSVH như vậy không chỉ trở thành sản phẩm và dịch vụ hàng hóa mang tính đặc thù, tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, mà còn lan tỏa giá trị văn hóa, góp phần vào sự phát triển xã hội hài hòa, nhân văn và đặc sắc… Khi đó, DSVH thực sự trở thành nguồn lực và động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH.

Về giá trị xã hội: Các DSVH trong mỗi cộng đồng, khi được bảo tồn, phát huy giá trị sẽ góp phần tạo ra sự cộng cảm, sự tiếp nối các giá trị truyền thống, lịch sử, khơi dậy tấm lòng hướng về cội nguồn, gia tăng tính cố kết cộng đồng, đoàn kết, hướng tới các giá trị xã hội tốt đẹp, bồi đắp những năng lượng tích cực, chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất của con người trong xây dựng, bảo vệ và phát triển cộng đồng, quê hương, đất nước. Các DSVH không chỉ là chứng nhân của cuộc sống trong quá khứ cần được bảo tồn, mà còn là "tài sản chiến lược cho tương lai, là nguồn lực để định vị bản sắc, củng cố gắn kết xã hội và thúc đẩy phát triển sáng tạo" [12]. DSVH còn tạo cơ sở để hoạch định chính sách công bằng xã hội và mô hình phát triển đậm tính bản sắc. Việc khai thác nguồn lực DSVH có khả năng lan tỏa sự phát triển của nhiều yếu tố khác, như kết cấu hạ tầng, dịch vụ, sự mở rộng giao lưu và gia tăng các dòng chảy hàng hóa, lao động,... tạo ra sự phát triển bao trùm và hài hòa. Cùng với đó, nguồn nhân lực trong lĩnh vực DSVH các cấp được trang bị thêm kiến thức chuyên ngành và thực tiễn, từ đó nhận thức đầy đủ hơn về công tác bảo vệ DSVH. Nhận thức của cộng đồng địa phương về giá trị DSVH cũng được nâng lên, tạo nên sự lan tỏa và hiệu ứng xã hội tốt, góp phần quảng bá văn hóa của các địa phương, đất nước ra thế giới; qua đó củng cố lòng yêu nước, tự hào về văn hóa của quê hương, đất nước, về ý thức trách nhiệm gìn giữ, phát huy giá trị các di sản, tạo nền tảng, điểm tựa để giữ gìn bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc.

Tính đa giá trị này khiến cho DSVH có vai trò to lớn trong lịch sử xây dựng và phát triển của các cộng đồng, dân tộc, quốc gia. UNESCO khẳng định tài sản văn hóa (chính là DSVH được quan niệm khi đó) có vai trò như là "nhân tố cơ bản của nền văn minh và văn hóa dân tộc"; do vậy bảo vệ các tài sản văn hóa chính là bảo vệ và gìn giữ các nền văn hóa của thế giới, bởi sự thiệt hại về tài sản văn hóa ở bất kỳ cộng đồng, quốc gia nào cũng chính là thiệt hại văn hóa đối với nhân loại [109]. Từ năm 2001 đến nay, trước những yêu cầu mới, UNESCO nhấn mạnh vai trò quan trọng của DSVH là động lực chính của đa dạng văn hóa, là phương tiện quan trọng để đối thoại liên văn hóa, góp phần bảo đảm cho sự phát triển bền vững; "DSVH phi vật thể làm giàu thêm sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người" và "là yếu tố đưa nhân loại xích lại gần nhau hơn"; là cơ sở để xây dựng các sản phẩm và các dịch vụ văn hóa giàu giá trị, góp phần bảo vệ và phát huy sự đa dạng văn hóa, hòa bình và hợp tác quốc tế.

Trong gần 40 năm đổi mới đất nước, Đảng ta luôn đề cao giá trị, vị trí, vai trò của DSVH, xác định bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH là một nhiệm vụ quan trọng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" (năm 1998) khẳng định vị trí, vai trò của DSVH "là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa". Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (ngày 24-11-2021): DSVH là "tài sản vô cùng quý báu do Tổ tiên, Cha ông ta mấy nghìn năm để lại" [91, tr.13]. Luật Di sản văn hóa (năm 2024) khẳng định DSVH Việt Nam là "tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của DSVH nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân" [73]. Nghị quyết số 80-NQ/TW nhấn mạnh: Nhận diện đầy đủ và khai thác hiệu quả tài nguyên văn hóa; lấy DSVH là trung tâm và tài nguyên văn hóa số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hóa.

1.2.1.3. Về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa

Theo Từ điển Tiếng Việt [116, tr.39, tr.768], "bảo tồn" là "giữ lại không để cho mất đi"; "phát huy" là "làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm". Theo công trình *Văn hóa và Phát triển* [31], bảo tồn DSVH chính là "cách thức, biện pháp giữ gìn để các giá trị DSVH tồn tại và phát huy trong đời sống cộng đồng. Trong khi đó, phát huy DSVH là "những hành động hướng đích nhằm đưa các

giá trị của DSVH vào thực tiễn xã hội [31, tr.99]. Để phát huy giá trị DSVH, có thể thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về giá trị DSVH, từ đó bồi đắp ý thức giữ gìn và lan tỏa các giá trị DSVH qua các thế hệ; hoặc thực hiện các hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, phát triển các ngành CNVH để khai thác DSVH trong phát triển KT - XH.

Có thể thấy, hoạt động bảo tồn nhằm bảo vệ và truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của di sản trong đời sống xã hội; giữ gìn hình thức vật chất của di sản; bảo vệ giá trị gốc, tính xác thực và tính toàn vẹn của di sản trong mối quan hệ với không gian văn hóa và môi trường xã hội nơi di sản tồn tại. Công tác bảo tồn bao gồm các nội dung cụ thể là: hoạt động nhận diện, kiểm kê và tư liệu hóa di sản; tu bổ, tôn tạo và phục hồi đối với di sản vật thể trên cơ sở khoa học; duy trì, thực hành và truyền dạy đối với DSVH phi vật thể thông qua vai trò của chủ thể cộng đồng; xây dựng cơ chế quản lý, chính sách phù hợp và sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo đảm di sản được gìn giữ một cách bền vững trước sự biến đổi đương đại.

Theo góc nhìn văn hóa học, phát huy giá trị DSVH là quá trình làm cho di sản tiếp tục tồn tại và vận động như một thực thể văn hóa sống trong đời sống xã hội đương đại, làm cho các giá trị văn hóa của di sản tiếp tục được nhận thức, thực hành, trao truyền, lan tỏa, qua đó góp phần củng cố bản sắc văn hóa và hướng tới phát triển bền vững. Nội dung cụ thể của hoạt động này bao gồm: giới thiệu, quảng bá, lan tỏa giá trị DSVH; duy trì và tái tạo các thực hành văn hóa, các hệ giá trị, ý nghĩa biểu tượng và bản sắc gắn với di sản thông qua hoạt động của con người và cộng đồng; khai thác giá trị di sản để xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, phát triển du lịch và các ngành CNVH, trong đó yêu cầu bảo đảm sự cân bằng giữa sáng tạo và bảo tồn, giữa lợi ích kinh tế và giá trị văn hóa.

Công ước năm 1972, UNESCO nhấn mạnh: các quốc gia tham gia Công ước cần bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và truyền lại cho các thế hệ tương lai DSVH và tự nhiên bằng các nguồn lực (cả nội lực và ngoại lực) và những nỗ lực hành động, trong đó có việc đề ra một chính sách chung để đưa việc bảo vệ di sản vào các chương trình, kế hoạch; thành lập cơ quan bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản; phát triển các công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ để ứng phó với những mối đe dọa đối với di sản (Điều 5)... Công ước cũng nhấn mạnh cần tôn trọng chủ quyền của các quốc gia có di sản, không được làm phương hại (trực tiếp hoặc gián tiếp) đến di sản, cần coi đó là của thế giới mà toàn thể cộng đồng quốc tế có nghĩa vụ hợp tác để bảo

vệ…; thành lập hệ thống hợp tác và viện trợ quốc tế nhằm hỗ trợ các nước tham gia Công ước trong các nỗ lực để bảo tồn di sản đó (Điều 7) [110]. Công ước năm 2003 nhấn mạnh mỗi quốc gia thành viên phải sử dụng các biện pháp cần thiết nhằm nhận diện và xác định rõ các loại hình khác nhau của DSVH và bảo đảm công tác bảo vệ DSVH phi vật thể; đồng thời nhấn mạnh cần đưa nội dung này vào các quy hoạch chương trình, kế hoạch, chiến lược; tăng cường nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật nhằm bảo vệ có hiệu quả DSVH phi vật thể, nhất là những di sản đang có nguy cơ thất truyền; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo về quản lý DSVH phi vật thể và truyền dạy di sản thông qua các chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức của công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Công ước cũng nhấn mạnh cần đẩy mạnh giáo dục việc bảo vệ các không gian tự nhiên và môi trường văn hóa gắn với các DSVH phi vật thể [112].

Trong Chỉ số văn hóa 2030 của UNESCO (được ban hành tại Diễn đàn các Bộ trưởng Văn hóa vào tháng 11-2019, từ tháng 6-2021, Dự án Chỉ số văn hóa 2030 được thực hiện thí điểm ở một số quốc gia và thành phố trên thế giới, trong đó có Việt Nam), vấn đề bảo vệ DSVH được đề cập rõ ràng trong Mục tiêu 11.4 của Chương trình nghị sự 2030: "Tăng cường nỗ lực bảo vệ và gìn giữ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới" [145].

Điều 7 Luật DSVH năm 2024 quy định: Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm và phát triển hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DSVH; huy động nguồn lực xã hội và nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, số hóa DSVH, chuyển đổi số trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DSVH; tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nghệ nhân có công bảo vệ, phát huy giá trị DSVH phi vật thể; nâng cao năng lực, kỹ thuật đối với nhân lực tham gia bảo vệ và phát huy giá trị DSVH; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, tặng cho, đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất cho hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị DSVH; tạo điều kiện để các vùng, địa phương đẩy mạnh liên kết, thúc đẩy hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị DSVH [73].

Như vậy, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là hai mặt của một quá trình, có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ, tác động qua lại với nhau. Nếu như bảo tồn giúp bảo vệ, duy trì sự tồn tại bền vững của các DSVH thì phát huy giúp cho DSVH được hiện hữu sống động hơn, các giá trị DSVH được lan tỏa và phát huy giá trị cho hiện

tại và tương lai, đồng thời tạo điều kiện để quay trở lại góp phần hỗ trợ bảo tồn di sản ngày càng tốt hơn.

Hiện có một số xu hướng trong bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH. Tác giả Gregory J. Ashworth đã tổng kết ba quan điểm về bảo tồn DSVH là: Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn; Quan điểm bảo tồn kế thừa; Quan điểm bảo tồn phát triển [118].

Bảo tồn nguyên gốc (nguyên vẹn) là khuynh hướng giữ gìn nguyên trạng DSVH như vốn có, tránh biến dạng hay làm sai lệch DSVH (nhất là đối với các DSVH vật thể). Điều này rất dễ dẫn tới tình trạng "đóng băng di sản" và từ đó sự tham gia của DSVH trong đời sống đương đại bị hạn chế. Quan điểm này là chưa phù hợp với quy luật phát triển với sự tiếp nối, kế thừa trong dòng chảy của lịch sử, đúng như nhà nhân học Oscar Salemink từng nhận định: "Nếu như bảo tồn văn hóa có ý nghĩa là sự chối bỏ tính hiện đại, thì điều đó có nghĩa là khóa chặt những cộng đồng văn hóa đó vào trong quá khứ - ngày nay và trong thời đại này, điều đó không thể thuyết phục" [66]. Bảo tồn kế thừa là khuynh hướng phát huy những giá trị phù hợp của DSVH với xã hội hiện tại trên cơ sở xác định vai trò lịch sử nhất định của DSVH trong một không gian và thời gian cụ thể. Bên cạnh ưu điểm thì khuynh hướng dễ dẫn đến tình trạng chưa hiểu hết giá trị văn hóa nên chưa xác định được các yếu tố cần kế thừa hoặc loại bỏ. Hai khuynh hướng trên chưa đặt bảo tồn trong mối quan hệ biện chứng với phát huy giá trị DSVH nên chưa đạt hiệu quả tối ưu.

Quan điểm bảo tồn phát triển tập trung vào việc xây dựng các hệ thống quản lý hiệu quả với việc lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và giám sát các hoạt động bảo tồn, xác định các nguồn lực cần thiết, giải quyết các xung đột có thể xảy ra, đồng thời bảo đảm sự tham gia của các bên liên quan. Quan điểm này gắn bảo tồn với phát triển khi không bảo tồn DSVH một cách cứng nhắc mà đặt DSVH vào mối quan hệ với nhiều yếu tố và hoạt động của đời sống xã hội, vừa giữ gìn được các giá trị DSVH vừa làm cho DSVH trở nên hữu ích, lan tỏa giá trị trong đời sống.

Ở Việt Nam, tác giả Dương Văn Sáu cho rằng có quan điểm tiếp cận về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn phát triển và cách tân văn hóa. Theo đó, bảo tồn nguyên trạng là bảo vệ sự tồn tại, giữ nguyên trạng vốn có của di sản trong những không gian lịch sử nhất định (như giữ gìn hình ảnh gốc, thuộc tính nội dung của di sản, phản ánh lịch sử tồn tại và phát triển của DSVH). Bảo tồn phát triển nhằm bảo vệ sự tồn tại và tạo ra các hình thái mới của một sự vật, hiện tượng nào đó trong những không gian và thời gian xác định; thể hiện sự kế thừa những

cái đã có để phát triển, có khi nâng lên tầm cao mới cho phù hợp với những yêu cầu mới của hiện tại. Xu hướng cách tân văn hóa là làm tăng thêm sự phong phú của những giá trị ở di sản, mở ra sự "nhận diện thương hiệu mới" cho sản phẩm văn hóa. Tuy nhiên cần chú ý rằng quá trình cách tân văn hóa phải tuân thủ và bám sát nguyên tắc tôn trọng quá khứ lịch sử bên cạnh sự sáng tạo, tạo nên sự khác biệt, phản ánh điểm mới của hiện tại và dự báo tương lai) [76].

Tác giả Từ Thị Loan chỉ ra những khuynh hướng ứng xử cần thay đổi trong quá trình bảo tồn di sản, đồng thời nhấn mạnh cần thay đổi tư duy bảo tồn di sản theo kiểu cũ một cách cứng nhắc như kiểu "đóng băng", "đông lạnh", từ đó dẫn tới tình trạng rất khó phát huy giá trị nhiều mặt của di sản, trong đó có giá trị kinh tế. Thực tế hiện nay còn có khuynh hướng hoành tráng hóa di sản, "nâng cấp di sản" chỉ để nhằm khai thác tối đa giá trị kinh tế của di sản, đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết mà bất chấp sự xâm hại, bóp méo di sản, trục lợi từ di sản. Tình trạng đó tạo nên những "thực hành xấu" trong bảo tồn DSVH, thậm chí có khi trở nên phản văn hóa, đi ngược lại tinh thần bảo tồn di sản của UNESCO và Luật DSVH của Việt Nam [55]. Việc "sân khấu hóa", "sáng tạo truyền thống" mà không chú ý đến yêu cầu bảo tồn giá trị DSVH ở một số nơi chỉ vì doanh thu, lợi nhuận có thể "làm thay đổi bản chất, nội dung, ý nghĩa của nhiều di sản" [59]. Tác giả Bùi Quang Thanh thì đưa ra nhận định, hiện nay, bảo tồn DSVH cần gắn kết mật thiết với sự phát triển bởi đời sống văn hóa luôn vận động, biến đổi không ngừng; bởi vậy mọi sự cứng nhắc trong bảo tồn DSVH là không phù hợp; đồng thời nhấn mạnh công tác bảo tồn DSVH cần mang tính liên ngành và cần chính sách quản lý chặt chẽ để bảo đảm hiệu quả [114]. Nhiều nhà khoa học cũng khẳng định sự gắn kết bảo tồn và phát triển, đặt DSVH trong sự phát triển tiếp nối, cần "làm cho cái truyền thống hòa quyện với cái hiện đại cùng cộng hưởng thúc đẩy giá trị gia tăng vùng đất…, làm cho bảo tồn mang chức năng phát triển, làm cho phát triển tăng thêm năng lực bảo tồn, giải quyết căn cơ mâu thuẫn giữa bảo tồn di sản và phát triển KT - XH" [39].

Bối cảnh mới hiện nay với sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần đổi mới tư duy về bảo tồn di sản, cần "làm sống lại" DSVH (không chỉ là "giữ lại") thông qua các cách tiếp cận mới, kể chuyện mới, nhất là qua công nghệ và sáng tạo, thử nghiệm các mô hình kết nối di sản với nghệ thuật đương đại, không gian sáng tạo, du lịch văn hóa trên cơ sở tôn trọng và trao quyền cho cộng đồng [12].

Có thể thấy, công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH một cách bền vững là vấn đề có tính toàn cầu và cấp thiết bởi những nguy cơ mà DSVH đang phải đối mặt. Đây là hoạt động đòi hỏi nhiều nỗ lực lâu dài, bền bỉ, nhất là khi các di sản trở thành di sản không chỉ của riêng một quốc gia mà của cả nhân loại, khi đó việc quản lý các khu di sản phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy tắc quốc tế. Do vậy, tùy theo thực tiễn, mỗi điểm di sản cụ thể cần có chiến lược, chính sách phù hợp với đặc điểm riêng trên cơ sở chung là các văn kiện pháp lý quốc tế, các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực di sản trên thế giới.

1.2.1.4. Một số khái niệm khác

**Về di sản đô thị và đô thị di sản*:

Theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (Luật số 47/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 26-11-2024), đô thị là nơi tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy phát triển KT - XH của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ.

Theo nhiều nghiên cứu khoa học, *di sản đô thị* là những giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, không gian sống, di sản phi vật thể được hình thành trong quá trình phát triển của một đô thị và được gìn giữ cho các thế hệ sau. Có thể thấy, di sản đô thị không chỉ là một công trình riêng lẻ mà thường là toàn bộ cảnh quan, cấu trúc, giá trị văn hóa có mối quan hệ gắn bó và cùng "sống" trong không gian đô thị. Di sản đô thị ngày càng được phát huy giá trị trong nhiều chiến lược đổi mới sáng tạo của đô thị, tạo dựng động lực tăng trưởng mới trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng thương hiệu địa phương. Song các di sản đô thị thường mang tính phân tán và đa dạng, bởi thế nên việc quản lý các di sản đô thị thường gắn với quy hoạch và phát triển đô thị hiện đại bao quanh, yêu cầu hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Đô thị di sản là một đô thị hoặc khu đô thị được công nhận, xác định bởi giá trị di sản nổi bật cả vật thể (kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng đô thị) và phi vật thể (lối sống, tập quán, văn hóa đô thị). Theo tác giả Hoàng Đạo Kính, đô thị di sản là một chỉnh thể lịch sử đặc trưng, một sản phẩm của nền văn minh đô thị, kết hợp hữu cơ các thành tố vật chất và tinh thần, kiến trúc và văn hóa, trong sự hòa quyện với thiên nhiên. Đô thị được coi như một cơ thể sống, trong đó di sản là những bộ phận cấu thành, tồn tại song hành và vận động cùng với đô thị, tạo nên bản sắc, cốt lõi định danh đô thị. Ở đây không chỉ có một số điểm di sản, mà cả đô thị hoặc khu vực chính

của đô thị được nhìn nhận như một chỉnh thể di sản. Do đó, công tác bảo tồn được tiến hành toàn diện từ quy hoạch, kiến trúc, không gian công cộng đến nếp sống, hoạt động văn hóa của đô thị; phát triển kinh tế gắn liền với bảo tồn di sản, thường tập trung vào du lịch văn hóa, du lịch di sản.

**Về kinh tế di sản*: Đây là khái niệm dùng để chỉ lĩnh vực kinh tế đặc biệt, dựa trên việc khai thác và phát huy các giá trị của DSVH và di sản thiên nhiên để tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế, đồng thời gắn liền với công tác bảo tồn di sản. Như vậy, kinh tế di sản là sự kết hợp hữu cơ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và tạo dựng nguồn lực kinh tế từ chính di sản. Kinh tế di sản bao gồm các hoạt động như du lịch văn hóa, bảo tồn di sản, sản xuất sản phẩm thủ công và phát triển các dịch vụ gắn liền với di sản, bảo đảm sự bền vững, không làm suy giảm các giá trị văn hóa vốn có của di sản. Cấu trúc của kinh tế di sản bao gồm các yếu tố cơ bản như tài sản di sản, hoạt động kinh tế liên quan, và các cơ chế quản lý, kết hợp với các yếu tố mở rộng như cộng đồng địa phương, công nghệ, và hợp tác quốc tế. Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố này giúp phát huy giá trị kinh tế của di sản, đồng thời bảo vệ và duy trì các giá trị và bản sắc của di sản.

**Về thành phố sáng tạo*: Khái niệm "thành phố sáng tạo" xuất hiện từ cuối thế kỷ XX trong bối cảnh các đô thị trên thế giới đứng trước yêu cầu tìm kiếm những động lực phát triển mới, vượt ra ngoài các mô hình tăng trưởng dựa thuần túy vào tài nguyên thiên nhiên, lao động giá rẻ hay công nghiệp nặng. Khái niệm "thành phố sáng tạo" được hiểu là thành phố lấy sáng tạo, văn hóa, tri thức và đổi mới làm động lực chính để phát triển KT - XH và nâng cao chất lượng sống. Có thể thấy thành phố sáng tạo là nơi con người - với năng lực sáng tạo của mình - trở thành tài nguyên quan trọng nhất, tạo ra của cải cho xã hội. Thành phố sáng tạo không chỉ ưu tiên tầng lớp sáng tạo chuyên nghiệp, mà còn biết khai thác và nuôi dưỡng sự sáng tạo từ mọi tầng lớp cư dân, từ đó hình thành bản sắc riêng biệt và độc đáo.

Khái niệm "thành phố sáng tạo" được thúc đẩy bởi UNESCO khi đặt trọng tâm vào vai trò của sáng tạo như một nguồn tài nguyên đô thị cốt lõi, có khả năng tái cấu trúc không gian, kinh tế và đời sống xã hội thành phố thông qua việc thành lập UCCN. Đây là một bước ngoặt quan trọng, đưa sáng tạo từ phạm vi lý luận và thực hành đơn lẻ trở thành một khung hợp tác toàn cầu cho phát triển đô thị. UCCN là mạng lưới tập hợp các thành phố đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, cùng chia sẻ quan điểm coi sáng tạo và các ngành CNVH là yếu tố chiến lược cho phát triển đô

thị bền vững. Tham gia mạng lưới, các thành phố cam kết đặt sáng tạo vào trung tâm của chính sách phát triển địa phương, xây dựng môi trường khuyến khích đổi mới và sáng tạo, không gian sáng tạo, chính sách hỗ trợ nghệ sĩ, nhà sáng tạo, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế, trao đổi tri thức và thực hành tốt giữa các đô thị thành viên.

1.2.1.5. Về phát triển kinh tế - xã hội

Theo Từ điển Tiếng Việt, phát triển là "biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp" [116, tr.769]. Kinh tế là "tổng thể nói chung những quan hệ sản xuất của một hình thái xã hội - kinh tế nhất định" [116, tr.530]. Phát triển kinh tế là quá trình cải thiện và tăng trưởng mức độ phát triển của nền kinh tế ở một quốc gia hoặc khu vực, bao gồm sự phát triển của các lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính, dịch vụ… Các chỉ tiêu về kinh tế trong chiến lược phát triển KT - XH được đặt ra chủ yếu là tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP, tỷ lệ đô thị hóa, tổng đầu tư xã hội, tỷ lệ nợ công, tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội… [23, tr.218, 219].

Theo Từ điển tiếng Việt, xã hội là "hình thức sinh hoạt chung có tổ chức của loài người ở một trình độ phát triển nhất định" [116, tr.1140]. Kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp quốc gia: "Nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam" [37], cho thấy, *theo nghĩa rộng*, xã hội là một hệ thống các thành phần, cấu trúc và quá trình xã hội, trong đó con người vừa là chủ thể vừa là khách thể của các mối quan hệ của con người với tự nhiên, xã hội và bản thân con người. Xã hội là hệ thống của các tiểu hệ thống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ và nhiều tiểu hệ thống khác luôn tương tác với môi trường xung quanh. *Theo nghĩa hẹp*, xã hội là một tiểu hệ thống của cả hệ thống xã hội, là không gian kết nối người dân trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, tổ chức. Xã hội theo nghĩa hẹp cũng chính là một chiều cạnh, một bộ phận hợp thành của phát triển bền vững. Các vấn đề xã hội có thể là giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, tăng cường vai trò gia đình, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, mức hưởng thụ văn hóa của người dân… *Theo nghĩa rộng*, xã hội ở đây được hiểu là xã hội Việt Nam, là hệ thống các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, môi trường và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Phát triển xã hội có nhiều cách hiểu khác nhau song đều thống nhất, đó là quá trình vận động theo chiều hướng đi lên của các giá trị xã hội. Tương ứng với hai nghĩa rộng và nghĩa hẹp của xã hội, phát triển xã hội theo nghĩa rộng là sự phát triển của toàn thể xã hội Việt Nam bao gồm các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, môi trường... Phát triển xã hội có thể được đánh giá qua các chỉ số, như chỉ số thu nhập bình quân đầu người; chỉ số phát triển con người (HDI); tuổi thọ trung bình của dân số; tỷ lệ bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ xóa mù chữ; tỷ lệ người dân được tiếp cận đại học; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; tỷ lệ lao động được đào tạo; tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh… [37]. Theo nghĩa hẹp, phát triển xã hội là sự phát triển một lĩnh vực của đời sống xã hội. "Phát triển xã hội… đặt sự phát triển xã hội với những lĩnh vực gắn với con người, ngoài kinh tế, chính trị, văn hóa và tương tác với kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng" [60, tr.19]. Tuy nhiên cũng cần hiểu xã hội không thể tách rời khỏi kinh tế, chính trị mà giữa chúng có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Do đó, để phát triển xã hội phải đồng thời phát triển cả kinh tế, chính trị, văn hóa,… của đất nước. "Phát triển xã hội là biến đổi các yếu tố thuộc mặt xã hội của đời sống xã hội theo hướng tích cực, tiến bộ và mong muốn của chủ thể quản lý phát triển xã hội thông qua các mục đích và mục tiêu mà chủ thể quản lý đặt ra" [60, tr.22]. Tóm lại, phát triển xã hội là giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội (kể cả thường xuyên và bất thường) nảy sinh trong quá trình phát triển, nhằm tạo ra môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, nhân văn, tạo điều kiện hòa nhập, bảo đảm công bằng và không ngừng nâng cao chất lượng sống của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng, xã hội theo các tiêu chuẩn khách quan của tiến bộ xã hội [60, tr.28].

Ở Việt Nam, phát triển xã hội được xác định gắn với bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong phạm vi luận án, khái niệm "phát triển xã hội" được sử dụng vừa theo nghĩa rộng (phát triển xã hội là sự phát triển tổng thể xã hội), vừa theo nghĩa hẹp (phát triển xã hội là sự phát triển về mặt xã hội). Phát triển xã hội được xác định rõ ràng, cụ thể trong nội dung phát triển xã hội ở chiến lược phát triển KT - XH và ở chiến lược phát triển nhanh, bền vững. Phát triển xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế và phát triển môi trường. *Một mặt,* phát triển xã hội là mục tiêu, động lực của phát triển kinh tế, thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững; *mặt khác,* phát triển xã hội chịu tác động và quy định bởi các điều kiện, trình độ phát triển kinh tế cũng như các yếu tố khác trong từng thời kỳ, giai

đoạn. Nếu sự phát triển xã hội được điều tiết một cách cân bằng, hiệu quả thì sẽ thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước trên tổng thể nhiều mặt, nhiều lĩnh vực; ngược lại, sẽ kìm hãm sự phát triển. Vì vậy, cần bảo đảm chất lượng quản lý phát triển xã hội.

Khi nói đến phát triển KT - XH là nói đến sự phát triển toàn diện và tổng thể của kết cấu KT - XH Việt Nam với sự tăng trưởng của các chỉ tiêu và các lĩnh vực kinh tế chủ yếu cùng sự giải quyết hợp lý, hiệu quả các vấn đề xã hội nhằm tạo ra môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, nhân văn, bảo đảm công bằng và chất lượng sống của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng theo các tiêu chuẩn khách quan của tiến bộ xã hội. Quan điểm phát triển KT - XH được Đảng ta nhấn mạnh tại Đại hội XIII là: "Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số"… phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường… [23, tr.214]. Việc thống nhất nhận thức về phát triển KT - XH là cơ sở để chúng ta xác định được mối quan hệ hữu cơ của các nhân tố trong quá trình phát triển, trong đó có mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH để có hướng đi phù hợp nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đề ra.

1.2.2. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Các nghiên cứu cho thấy giữa DSVH và phát triển KT - XH có sự tác động hai mặt, qua lại, vừa tích cực vừa tiêu cực. Thông qua các tác động đó, mối quan hệ đa chiều, biện chứng, lúc thuận chiều (với những tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển), khi nghịch chiều (với những tác động tiêu cực, kìm hãm sự phát triển) giữa DSVH và phát triển KT - XH được thể hiện rõ nét.

1.2.2.1. Tác động của di sản văn hóa tới hoạt động phát triển kinh tế - xã hội

** Tác động tích cực:*

Một là, DSVH là nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH.

DSVH là một phần của vốn văn hóa và có thể chuyển dịch thành vốn kinh tế: Nhiều tài liệu nghiên cứu cả trong và ngoài nước [19; 40; 41; 115; 120; 127; 129; 139; 141], các tác giả đều khẳng định giá trị lịch sử, văn hóa, thẩm mỹ, giáo dục của di sản. Không chỉ là chứng nhân của quá khứ, lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc, DSVH còn mang giá trị kinh tế khi là một phần của vốn văn hóa và có thể trở thành "đầu vào" của quá trình sản xuất, tham gia vào kinh tế di sản, là "nguyên liệu" để xây dựng sản phẩm của các ngành CNVH - hàng hóa "đặc hữu" có khả năng tạo ra nguồn thu

trực tiếp và lợi nhuận lớn, đóng góp đáng kể vào GDP, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương và quốc gia có di sản. Riêng đối với ngành du lịch, DSVH có khi là động cơ cho chuyến du lịch, là môi trường tương tác, là trải nghiệm đáng giá cho du khách [78].

DSVH góp phần thúc đẩy chuỗi giá trị gia tăng trong phát triển kinh tế: Nhiều nhà khoa học cũng chỉ ra hệ thống DSVH phong phú, đa dạng, từ di tích lịch sử - văn hóa, đình, chùa, đền, các công trình kiến trúc, đến các tác phẩm văn học, nghệ thuật, mỹ thuật, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, nghệ thuật biểu diễn, thời trang, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, trò chơi dân gian, văn hóa ẩm thực, trang phục, tri thức dân gian về lâm - nông - ngư nghiệp, y dược học cổ truyền, nghề thủ công… được gìn giữ ở các xóm, làng, thôn, bản là cơ sở để xây dựng, định vị thương hiệu và quảng bá những sản phẩm hấp dẫn mà tiêu biểu là các sản phẩm OCOP. Ở nhiều địa phương, các mô hình khai thác giá trị DSVH của địa phương trong xây dựng, sản xuất các nhóm sản phẩm OCOP đa dạng, như thực phẩm; đồ uống; dược liệu và sản phẩm từ dược liệu (các bài thuốc cổ truyền); hàng thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, thêu may quần áo thổ cẩm, chế tác trang sức…) được đẩy mạnh cùng với việc tạo dựng chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm OCOP gắn với du lịch…, đã góp phần tạo nên những lợi thế so sánh, gia tăng giá trị, từng bước định vị thương hiệu sản phẩm và bản sắc địa phương. Việc phát huy nguồn lực DSVH trong xây dựng các sản phẩm OCOP đa giá trị theo hướng chuyên nghiệp, bền vững đã góp phần cơ cấu lại kinh tế nông thôn, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và theo nhu cầu thị trường; khơi dậy tiềm năng đất đai, sản vật, lợi thế so sánh, đặc biệt là các giá trị văn hóa vùng, miền. Các doanh nghiệp cũng có thêm cơ hội thuận lợi tiếp cận hệ thống phân phối trong nước cũng như đẩy mạnh xuất khẩu ra quốc tế, đồng thời thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, gia tăng lợi nhuận, góp phần thúc đẩy chuỗi giá trị gia tăng và cán cân thương mại quốc tế.

Hai là, DSVH đóng góp quan trọng trong quản lý phát triển xã hội bền vững.

DSVH góp phần thúc đẩy sự bảo đảm an sinh xã hội: Thông qua việc trở thành nguồn lực của kinh tế di sản, các ngành CNVH, DSVH góp phần cải thiện sinh kế của người dân, thu hẹp sự phân tầng mức sống trong xã hội (thu hẹp khoảng cách giàu nghèo); nâng cao mức thụ hưởng và tiêu dùng văn hóa của người dân với sự gia

tăng cơ hội trải nghiệm các sản phẩm chất lượng, mang giá trị văn hóa đặc sắc của từng vùng, miền với giá cả hợp lý.

Chính những sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ dựa trên việc khai thác từ "nguyên liệu đầu vào" là các DSVH đã góp phần cơ cấu lại kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành, nghề, dịch vụ, du lịch từ đó tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân; tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu hợp lý, để người nông dân "ly nông bất ly hương", tạo ra nguồn sinh kế ngay trên chính quê hương mình, từ chính những lợi thế về DSVH; từ đó hạn chế tình trạng di cư từ nông thôn ra thành phố. Điều này cũng góp phần thực hiện nhóm tiêu chí kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

DSVH góp phần bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công: Hệ sinh thái di sản làng nghề hết sức đa dạng, từ không gian văn hóa làng nghề, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đến những bí kíp, lễ hội, nghệ thuật dân gian, sinh hoạt văn hóa làng nghề... có thể được coi là "bảo tàng sống". Mỗi con người, sản vật làng nghề gói trọn nhiều giá trị, là những "đại sứ văn hóa" quảng bá và lan tỏa văn hóa làng nghề tới các vùng, miền trong nước và ra thế giới thông qua các hoạt động xuất khẩu cũng như hoạt động văn hóa đối ngoại. Việc phát triển các sản phẩm OCOP từ chính chất liệu DSVH đã giúp nhiều địa phương thúc đẩy việc quy hoạch được các vùng nguyên liệu đặc sản; phát triển các ngành, nghề; hình thành nhiều sản phẩm OCOP truyền tải những câu chuyện sản phẩm mang tính nhân văn của vùng, miền; bảo tồn được cảnh quan, văn hóa truyền thống của nhiều làng nghề. Việc gắn kết các DSVH làng nghề với các mô hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm cũng góp phần nâng cao hiệu quả việc bảo tồn và lan tỏa giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật tại các làng nghề; thúc đẩy hoạt động đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông, điện, nước, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường làng nghề. Sự truyền nghề của các nghệ nhân - "những báu vật nhân văn sống" cho các thế hệ sau giúp lan tỏa và tiếp nối những tinh hoa làng nghề trong bối cảnh mới. Như vậy, có thể thấy DSVH đã trực tiếp và gián tiếp góp phần bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống.

DSVH góp phần gia tăng cố kết cộng đồng và nâng cao chất lượng sống của nhân dân: Tinh thần cố kết cộng đồng của người dân Việt Nam thể hiện ở sự đoàn kết, gắn bó của người dân, được hình thành trong quá trình lao động sản xuất, ứng phó với thiên tai và địch họa. Ngày nay, khi đất nước trong thời kỳ hòa bình, phát

triển và hướng tới kỷ nguyên mới, tinh thần cố kết cộng đồng càng được thắt chặt, thể hiện trong sự đoàn kết, chung tay xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với sự hình thành và phát triển của dân tộc, những trầm tích văn hóa được kết tinh trong các DSVH phong phú, đa dạng, mang bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua các sinh hoạt văn hóa, gắn với các DSVH, nhất là DSVH phi vật thể, cộng đồng ngày càng thêm gắn bó, tinh thần cố kết của cộng đồng với sự cộng cảm, cộng mệnh ngày càng được gia tăng. Khi "di sản được nguồn lực hóa phục vụ trực tiếp xây dựng nền kinh tế vị nhân sinh; thông tin di sản được giải mã, trao truyền sẽ tham dự vào giải phóng nguồn năng lượng tích cực tiềm ẩn trong mỗi người dân vùng đất" [39], DSVH góp phần bồi đắp nhiều giá trị tốt đẹp, làm giàu có tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh của dân tộc Việt Nam, thể hiện qua tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; tình thương yêu con người, tinh thần đoàn kết cộng đồng, chung lưng đấu cật; đức tính cần kiệm; sự sáng tạo, khả năng thích ứng linh hoạt với hoàn cảnh...; qua đó góp phần điều tiết các hoạt động phát triển KT - XH theo những giá trị chân - thiện - mỹ, chuẩn mực văn hóa mà xã hội hướng tới. Trong Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, có tiêu chí đánh giá về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng. Như vậy, các sản phẩm OCOP còn bao chứa trong đó sức mạnh và tinh thần cố kết cộng đồng. Chỉ có sự đoàn kết, chung sức sáng tạo và lao động, các cộng đồng dân cư mới có thể tạo dựng và định vị các thương hiệu sản phẩm OCOP của địa phương mình, từ đó lan tỏa các giá trị đó tới các vùng, miền khác.

Ba là, DSVH là cơ sở để tăng cường giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và sáng tạo những giá trị mới.

Sự phát triển của các ngành CNVH đã và đang mở ra nhiều cơ hội để thúc đẩy giao lưu văn hóa. Trong quá trình đó, mỗi quốc gia cần giữ vững và phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc - "mã định danh" để phân biệt các dân tộc, được kết tinh trong hệ thống DSVH phong phú, đa dạng. Đây là cơ sở, là chất liệu để nhân dân ta giới thiệu, quảng bá ra thế giới về một dân tộc Việt Nam yêu chuộng hòa bình và sẵn sàng làm bạn với các quốc gia, tạo dựng lòng tin và sự yêu mến của thế giới đối với Việt Nam. DSVH cũng được giữ gìn và quảng bá thông qua các hoạt động văn hóa đối ngoại, giao lưu văn hóa quốc tế; thông qua đó, nhân dân ta có cơ hội để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu có thêm các sản phẩm sáng tạo, làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa dân tộc.

Như vậy, qua tài liệu nghiên cứu, có thể nhận thấy mối quan hệ qua lại, gắn bó mật thiết, biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH, trong đó DSVH là chất liệu, là nguồn vốn, nguồn lực và động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH. Sự tác động theo hướng tích cực này của DSVH tới quá trình phát triển KT - XH tạo nên tính thuận chiều cho mối quan hệ biện chứng trên.

** Tác động tiêu cực:*

Nếu như sự tác động theo hướng tích cực của DSVH tới quá trình phát triển KT - XH tạo nên tính thuận chiều cho mối quan hệ biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH, thì những tác động tiêu cực lại tạo nên tính nghịch chiều trong mối quan hệ và trở thành yếu tố có thể kìm hãm sự phát triển của KT - XH.

Một là, DSVH có những rào cản nhất định với sự phát triển KT - XH.

Thực tiễn đã chứng minh, DSVH, nhất là một số DSVH phi vật thể, như lễ hội, tập tục,... cũng có những rào cản nhất định với sự phát triển của xã hội (tuy không phải dòng chủ lưu). Thời gian qua, một số lễ hội xuất hiện không ít tệ nạn xã hội; một số nghi lễ, sinh hoạt văn hóa, trò chơi dân gian bị biến tướng, bị trục lợi, dẫn tới mai một giá trị văn hóa hoặc thậm chí làm biến dạng một số DSVH. Một trong những ví dụ tiêu biểu là sự "biến tướng" trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (tín ngưỡng thờ Mẫu) khi DSVH này bị tách ra khỏi không gian thiêng của đền, đài, điện, phủ, hầu đồng bị đưa ra khỏi không gian linh thiêng, làm mất đi tính chỉnh thể, tính thiêng và giá trị của DSVH. Không ít tổ chức, cá nhân còn thiếu hiểu biết về di sản, thiếu tôn trọng cộng đồng chủ thể thực hành di sản nên đã lợi dụng việc sân khấu hóa các di sản và sự buông lỏng trong quản lý để trục lợi. Các cơ sở thờ tự có xu hướng gia tăng, song còn có những biểu hiện xô bồ, tùy tiện trong bài trí đền, điện, ban thờ… cùng với sự gia tăng nhanh chóng của các thanh đồng, cung văn... song chất lượng còn nhiều vấn đề. Một số đồng thầy lợi dụng lòng tin của tín chủ để trục lợi, thực hiện không ít hành vi mê tín dị đoan, "buôn thần bán thánh", làm biến dạng nghi lễ, sinh ra nhiều hủ tục. Cùng với đó là tình trạng đốt vàng mã ngày càng nhiều đến mức phô trương, lãng phí, gây ô nhiễm môi trường…

Hai là, DSVH có tác động tới môi trường sinh thái.

Thực tế có những làng nghề, phố nghề hiện nay khi không được quản lý tốt đã gây ô nhiễm môi trường sinh thái nghiêm trọng bởi các chất thải rắn, độc hại; hoặc hiện tượng lấn chiếm vỉa hè ở các phố nghề gây ách tắc giao thông, ảnh hưởng đến mĩ quan đô thị… Ở một số địa phương có di sản đã nảy sinh mâu thuẫn giữa bảo vệ

di sản hay hi sinh di sản vì phát triển KT - XH; do quy định của bảo tồn DSVH nên người dân không được xây dựng, cải tạo nhà cửa, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Việc đời sống dân sinh bị tác động bởi các quy định bảo tồn DSVH cũng là một vấn đề đặt ra trong nghiên cứu tác động của DSVH và phát triển KT - XH.

Ngoài ra, ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn tồn tại không ít tập quán đã trở nên lạc hậu trong ma chay, cưới xin, sinh đẻ…, từ đó kéo theo những hệ lụy trong xây dựng đời sống văn hóa mới, thậm chí có khi là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển KT - XH. Những biến tướng trong các hoạt động tổ chức và thực hành DSVH cùng các tệ nạn xã hội và các tập tục lạc hậu trên đặt ra nhiều vấn đề trong công tác quản lý để các giá trị DSVH vừa được bảo tồn, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, vừa tiếp tục được phát huy trong đời sống đương đại.

1.2.2.2. Tác động của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tới di sản văn hóa

** Tác động tích cực:*

Một là, hoạt động phát triển KT - XH tạo nguồn lực vật chất đầu tư bảo tồn DSVH.

Trong mối quan hệ với DSVH, những tác động tích cực của các hoạt động KT - XH, nhất là du lịch, dịch vụ, thương mại tới DSVH tạo nên tính thuận chiều, góp phần thúc đẩy các hoạt động bảo tồn DSVH. Sự phát triển kinh tế, trong đó có các ngành CNVH dựa trên sự khai thác giá trị các DSVH tạo ra nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, góp phần hiệu quả trong đầu tư vào hoạt động tu bổ, tôn tạo, bảo tồn DSVH. Đây cũng là vấn đề được bàn luận ở nhiều nghiên cứu [122; 127; 130; 136; 143…], trong đó chỉ rõ, từ sự phát triển của các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch có thể tạo nguồn thu và lợi nhuận, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ các loại thuế và phí có liên quan, tăng nguồn thu nhập cho các doanh nghiệp và người dân tham gia các hoạt động kinh doanh tại điểm di sản; đồng thời khoản lợi nhuận này có thể được sử dụng để đầu tư vào kết cấu hạ tầng, tái đầu tư một phần vào việc tìm kiếm, lưu trữ, lập kế hoạch và bảo tồn, phát huy bền vững giá trị các DSVH… Bởi thực tế ở nước ta, nguồn kinh phí của Nhà nước cho hoạt động bảo tồn di sản còn hạn chế. Tác giả Nguyễn Thị Phương Châm và Hoàng Cầm [14] nhấn mạnh mặc dù vẫn còn nhiều thách thức, song DSVH và phát triển hoàn toàn có thể không mâu thuẫn, loại trừ nhau, mà còn có thể kết hợp với nhau một cách hài hòa và cân bằng để vừa bảo vệ và phát huy hiệu quả vai trò của di sản trong phát triển KT - XH, sử dụng DSVH

như nguồn lực trong phát triển, tạo nên một xã hội phát triển hài hòa, nhân văn và có bản sắc.

Trong Hiến chương quốc tế về Du lịch văn hóa được ICOMOS thông qua năm 1999, có đoạn nhấn mạnh du lịch có thể khai thác các lợi thế về kinh tế của DSVH để phục vụ cho mục đích bảo tồn bằng cách tạo ra nguồn phí hỗ trợ, giáo dục cộng đồng và tác động vào chính sách. Ở Việt Nam, Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn kèm theo cũng như những quy định riêng của một số điểm di tích, DSVH cũng nhấn mạnh việc bảo tồn DSVH và phát triển du lịch cần được coi là những hoạt động hỗ trợ, cùng mang lại lợi ích cho cả hai bên. Phát triển du lịch dựa trên DSVH có thể tạo ra nguồn lợi lớn cho cộng đồng dân cư địa phương; đồng thời thông qua du lịch, nhiều du khách có thể trải nghiệm các di sản của địa phương, từ đó tạo nên động lực để địa phương bảo tồn tốt di sản.

Hai là, hoạt động phát triển KT - XH góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, giúp tăng cường quảng bá và nâng tầm DSVH.

Các hoạt động kinh tế trên cơ sở khai thác DSVH giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, bồi đắp thêm niềm tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, bản sắc văn hóa dân tộc, tạo động lực thúc đẩy người dân tự giác, tự nguyện bảo vệ DSVH [78]. Việc xây dựng sản phẩm OCOP gắn với hoạt động du lịch tạo cơ hội tham gia cho đông đảo người dân, nhất là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số thông qua tiêu chí về câu chuyện sản phẩm và trí tuệ, bản sắc văn hóa của địa phương. Qua đó, cả người dân và du khách có thể nâng cao hiểu biết để có những hành động, ứng xử phù hợp với DSVH. Ví dụ, đằng sau sản phẩm OCOP trà san tuyết là những câu chuyện văn hóa thú vị của cộng đồng địa phương với đời sống sinh hoạt gắn bó với loại cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Sau mỗi tách trà hoa vàng là sự tinh tế trong tâm hồn, sự lao động sáng tạo của người dân, là kiến thức về y sinh học được đúc kết qua nhiều năm. Các sản phẩm OCOP còn gắn với vấn đề giá trị, với yêu cầu gìn giữ môi trường. Để có được những sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn, đi kèm với đó là những yêu cầu về bảo vệ môi trường, về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, về xử lý nước thải, về hệ thống giám sát, về dây chuyền bảo quản,… Vì thế, mỗi sản phẩm OCOP là niềm tự hào của chủ thể người dân ở địa phương, là câu chuyện tạo ra giá trị. Và khi tiêu dùng, sử dụng sản phẩm tức là khách hàng đã có được những trải nghiệm về văn hóa, hiểu hơn về quá trình lao động sáng tạo của người nông dân địa phương. Du khách đến với làng nghề sẽ được trực tiếp tham gia một số công đoạn sản xuất sản phẩm

làng nghề, mua sắm, thưởng ngoạn quang cảnh làng quê Bắc Bộ, tìm hiểu sâu hơn về văn hóa của vùng đất... Hơn nữa, ở các làng nghề hiện vẫn đang tiếp tục có sự truyền nghề của các nghệ nhân - "những báu vật nhân văn sống" cho các thế hệ sau, từ đó giúp lan tỏa, tiếp nối những tinh hoa làng nghề cùng như tri thức địa phương và nâng tầm giá trị DSVH trong cuộc sống đương đại, đồng thời tạo dựng và định vị được thương hiệu, bản sắc của mỗi địa phương có di sản.

Ba là, hoạt động phát triển KT - XH góp phần mở rộng cơ hội giao lưu, hợp tác trong và ngoài nước trong bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH.

Các hoạt động kinh tế di sản, nhất là du lịch di sản giúp mở rộng nhiều cơ hội giao lưu, hợp tác giữa các vùng, miền trong nước cũng như với các nước trên thế giới. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm văn hóa, các hội chợ, triển lãm, hội nghị, sự kiện văn hóa, lễ hội, các tuần du lịch… giúp doanh nghiệp và người dân có thêm nhiều cơ hội để gặp gỡ đối tác, liên kết cùng phát triển; hỗ trợ kết nối sản xuất gắn với tiêu thụ, quảng bá các sản phẩm OCOP; giới thiệu mô hình nông nghiệp gắn với du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, góp phần gìn giữ nghề truyền thống, duy trì đặc sản địa phương; đồng thời kêu gọi hợp tác đầu tư giữa các vùng, miền, góp phần quảng bá và nâng tầm các thương hiệu OCOP.

Như vậy, có thể thấy, thông qua các hoạt động KT - XH (mà trọng tâm là du lịch, các ngành CNVH), các DSVH được nâng tầm và phát huy hiệu quả giá trị; qua đó góp phần tạo dựng, định vị thương hiệu và bản sắc địa phương. Các hoạt động KT - XH không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, tạo ra việc làm, sinh kế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, mà nguồn lợi thu được từ đó còn được chia sẻ cho việc tái đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, phục dựng, quản lý và phát huy giá trị các DSVH. Đồng thời, nhờ đó, chính quyền, người dân và khách du lịch ngày càng tôn trọng, tự hào và có trách nhiệm hơn trong bảo tồn DSVH.

** Tác động tiêu cực:*

Không chỉ có nhiều tác động tích cực, các hoạt động KT - XH cũng tạo ra không ít tác động tiêu cực, thậm chí khi thiếu đi sự điều tiết phù hợp có thể tạo những xung đột trong quá trình gắn kết giữa hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT - XH, khiến mối quan hệ trên không còn thuận chiều, tương hỗ mà có khi là nghịch chiều, mâu thuẫn.

Một là, hoạt động KT - XH có khả năng xâm hại và đe dọa tính bền vững của các DSVH.

Thực tiễn cho thấy, công tác quản lý yếu kém và việc khai thác du lịch, thương mại… quá mức ở một số nơi, thực trạng tăng trưởng kinh tế "nóng", thiếu kiểm soát, bất chấp những yêu cầu bảo vệ di sản đã dẫn tới tình trạng xâm hại và đe dọa tính bền vững của các DSVH, gây ra những hư hại, "tổn thương" về vật chất, ảnh hưởng đến các giá trị đặc sắc của di sản, phá hủy sự cân bằng trong hệ sinh thái di sản. Thực tế cho thấy không ít DSVH, nhất là DSVH vật thể bị xâm phạm do xây dựng nhà hàng, khách sạn, nhà ở… một cách ồ ạt, thiếu kiểm soát, thiếu sự quản lý chặt chẽ.

Hai là, hoạt động KT - XH gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới không gian văn hóa của các điểm đến di sản.

Sự gia tăng một cách ồ ạt, chạy theo tăng trưởng "nóng" của các hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, đã phá hủy sự cân bằng của hệ sinh thái di sản, khiến cho môi trường đất, nước, không khí... bị ô nhiễm nặng nề bởi rác thải, khói bụi..., đe dọa sự phát triển bền vững. Nhiều điểm du lịch di sản đang phải chịu lượng rác thải lớn và ngày càng tăng cao tới mức kỷ lục mỗi năm, nhất là sau mùa cao điểm du lịch. Cùng với đó là sự gia tăng các phương tiện giao thông với lượng khói bụi lớn xả ra môi trường, gây ảnh hưởng lâu dài tới sức khỏe con người, đồng thời gây ra tình trạng ô nhiễm tiếng ồn…, tạo nên không khí có phần xô bồ, làm mất đi vẻ đẹp của các khu phố cổ vốn mang nét đẹp trầm mặc, cổ kính.

Bên cạnh đó, nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng dân cư cũng ảnh hưởng không nhỏ tới các DSVH. Các yếu tố rác thải sinh hoạt, khí thải từ các hoạt động dân sinh cùng với quá trình đô thị hóa, ảnh hưởng đến kết cấu vật chất, đe dọa sự bền vững của một số DSVH, thậm chí ở nhiều điểm tham quan, DSVH đã bị xuống cấp, nhất là đối với không gian ở khu phổ cổ. Việc ô nhiễm đất, nước, không khí, âm thanh… ở không ít điểm đến di sản do các hoạt động dân sinh cùng với sự gia tăng dân số cơ học một cách nhanh chóng ở vùng di sản đặt ra vấn đề cấp thiết trong công tác quy hoạch, quản lý phát triển xã hội, quản trị địa phương, vùng, quốc gia.

Ba là, hoạt động KT - XH làm phai nhạt các giá trị văn hóa truyền thống.

Các hoạt động kinh tế du lịch, dịch vụ, thương mại… gắn liền với các phương tiện truyền thông hiện đại cũng tác động không nhỏ tới đời sống và các sinh hoạt của cư dân địa phương có di sản. Nhiều DSVH bị khai thác quá mức vì mục đích kinh tế, dẫn tới tình trạng các DSVH phi vật thể bị biến đổi, bị phai nhạt, thậm chí bị biến mất khỏi đời sống cộng đồng. Không ít doanh nghiệp hay cá nhân đã lợi dụng việc khai thác giá trị các DSVH để trục lợi, kinh doanh bất chính, "buôn thần bán thánh"

khiến các DSVH bị biến tướng theo hướng tiêu cực, mất đi giá trị tốt đẹp vốn có, thậm chí nảy sinh ra các hoạt động mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội… Đây là vấn đề đáng cảnh báo trong đời sống hiện đại.

Bốn là, hoạt động KT - XH có thể tạo những mâu thuẫn xã hội từ sự thiếu hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các chủ thể.

Thực tế cho thấy, không ít chủ thể doanh nghiệp chỉ tập trung khai thác DSVH một cách quá mức vì mục đích kinh tế mà bất chấp các lợi ích của cộng đồng cư dân ở vùng di sản. Những lợi ích đó không chỉ bao gồm lợi nhuận từ các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại từ việc khai thác giá trị DSVH mà còn có quyền lợi cần được bảo đảm về môi trường sống, môi trường sinh hoạt văn hóa... Sự thiếu hài hòa giữa lợi ích kinh tế và các giá trị văn hóa, sự mất cân bằng lợi ích và trách nhiệm giữa các bên liên quan là một trong những nguyên nhân có thể gây những mâu thuẫn xã hội, kéo rộng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH.

Những vấn đề trên đặt ra những yêu cầu cần có những nghiên cứu sâu và toàn diện, hệ thống hơn về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

1.2.3. Các lý thuyết vận dụng trong luận án

1.2.3.1. Lý thuyết về vốn văn hóa

Trong tác phẩm "*The forms of capital"* (Các hình thức của vốn, 1986), khái niệm "vốn" thuộc lĩnh vực kinh tế đã được tác giả Pierre Bourdieu đưa vào lĩnh vực xã hội học, từ tiếp cận ở góc độ tâm lý học và giáo dục học. Theo đó ông nhấn mạnh vốn văn hóa là sự quy thuộc của cá nhân đối với một môi trường văn hóa: sự biểu hiện mình, lối nói năng, ăn mặc, kiểu tóc, những cách ăn uống, sở thích âm nhạc, văn học, điện ảnh" (sở hữu cá nhân), hàm chứa trong bản thân từng người, "khách thể hóa" qua các văn hóa phẩm, "thể chế hóa" qua chứng từ, bằng cấp. Nhiều nhà nghiên cứu cũng nhận định, vốn văn hóa không chỉ liên quan đến những kiến thức, kỹ năng mà một người có được trong quá trình học hỏi mà còn bao gồm những hành vi, thái độ và các giá trị văn hóa mà cá nhân đó mang theo trong cuộc sống. Vốn văn hóa có thể tồn tại ở ba dạng chính là: Vốn văn hóa thể hiện qua vật chất (Cultural Capital in Objectified State) bao gồm các sản phẩm văn hóa vật chất, như sách, nghệ thuật, di tích, kiến trúc, trang phục truyền thống…, giúp truyền tải các giá trị văn hóa qua các thế hệ; vốn văn hóa thể hiện qua thể chế (Cultural Capital in Institutionalized State) là các chứng chỉ, học vấn, hoặc các công nhận xã hội mà cá nhân hoặc cộng đồng có

được trong quá trình tham gia vào các hoạt động văn hóa, giáo dục; vốn văn hóa thể hiện qua cá nhân (Cultural Capital in Embodied State) là những giá trị văn hóa, thói quen, phong tục và kiến thức mà cá nhân hoặc cộng đồng tích lũy trong quá trình sống và sinh hoạt hằng ngày, phản ánh sâu sắc bản sắc văn hóa của một cộng đồng hoặc dân tộc. Trong ba dạng thức tồn tại của vốn văn hóa, Bourdieu nhấn mạnh vai trò của vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện, tuy nhiên, ông cũng xác định rõ: hầu hết các thuộc tính của vốn văn hóa có thể được rút ra từ thực tế, ở trạng thái cơ bản của nó, nó được liên kết với chủ thể văn hóa và phỏng đoán hiện thân. Hiện nay, lý thuyết này có thể giúp làm rõ cách mà các yếu tố văn hóa, lịch sử, và truyền thống có thể được sử dụng để phát triển và duy trì các giá trị DSVH trong xã hội.

Tác giả Trần Hữu Dũng trong bài *Vốn xã hội và kinh tế* (*Tạp chí Thời đại*, số 8-2003) và bài *Vốn văn hóa* (*Tạp chí Tia sáng*, 12-2002) cho rằng vốn văn hóa mà cộng đồng có được là do quá trình tích lũy các sản phẩm văn hóa do cộng đồng sáng tạo nên trong lịch sử; đồng thời chỉ ra có 2 dạng vốn văn hóa: vốn văn hóa vật thể (công trình kiến trúc, di tích lịch sử) và vốn văn hóa phi vật thể (tập quán, phong tục, tín ngưỡng) - nguồn tài nguyên cung cấp một luồng dịch vụ có thể hưởng thụ ngay, hoặc dùng trong sản xuất những sản phẩm và dịch vụ tương lai, văn hóa cũng như ngoại văn hóa (sở hữu cộng đồng) [19].

Ở Việt Nam, trong bài viết "Vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc" (1986), tác giả Trần Đình Hượu cho rằng vốn văn hóa là tài sản của cộng đồng tích lũy được qua thời gian, từ đó mà định hình bản sắc: "khi có hệ tư tưởng, nền văn học nghệ thuật, những nhân vật văn hóa tức là khi tạo được cái "vốn" văn hóa riêng cho cộng đồng người đó thì mới có thể bắt đầu nói đến đặc sắc dân tộc của văn hóa" [43]. Tác giả Trần Thị An thì nhấn mạnh "vốn văn hóa là giá trị của toàn bộ các sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể do con người của từng cộng đồng sáng tạo, tích lũy và trao truyền trong lịch sử, được toàn thể cộng đồng chấp nhận như những chuẩn mực và sử dụng để định hình bản sắc, kết nối và tương tác trong cộng đồng và với các cộng đồng khác"[1], đồng thời cho rằng mỗi cá nhân trong có thể tiếp thu, chuyển hóa vốn văn hóa cộng đồng thành vốn văn hóa của cá nhân, tạo nên bản sắc cá nhân cũng như tạo lập các mạng lưới xã hội cho bản thân. Từ cách tiếp cận phát triển bền vững, phát triển CNVH và sáng tạo hiện nay, tác giả Phạm Hồng Tung nhấn mạnh nguồn vốn văn hóa là toàn bộ các giá trị DSVH được đầu tư vào quá trình phát triển bền vững nói chung, tạo nên nền "kinh tế văn hóa" (cultural economy) [95].

Nhiều nghiên cứu cũng cho rằng vốn văn hóa, vốn xã hội và vốn kinh tế có thể chuyển đổi được cho nhau; đồng thời khẳng định nền văn hóa là tài sản của cộng đồng và chỉ trở thành vốn khi cộng đồng chưng cất chúng thành các giá trị có thể được sử dụng, phát huy để mang lại lợi ích nhất định [1]. Một cộng đồng có vốn văn hóa dồi dào có thể chuyển hóa vốn văn hóa thành vốn kinh tế thông qua các hoạt động du lịch và các ngành CNVH. Vốn văn hóa là yếu tố quan trọng trong việc duy trì và phát huy các giá trị DSVH của một cộng đồng. Việc bảo vệ di sản không chỉ là bảo vệ các công trình vật chất mà còn là việc bảo vệ các giá trị tinh thần mà cộng đồng đã tích lũy qua nhiều thế hệ. Vốn văn hóa thể hiện qua thể chế có thể giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của DSVH, gắn kết giữa di sản và cộng đồng. Vận dụng lý thuyết vốn văn hóa giúp NCS hiểu và phân tích được tác động của DSVH tới quá trình sản xuất, tiêu thụ, phân phối các sản phẩm CNVH, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH của các địa phương, trong đó có hai địa bàn nghiên cứu.

1.2.3.2. Lý thuyết kinh tế học di sản

DSVH là đối tượng nghiên cứu và thực hành của kinh tế học di sản với một số công trình tiêu biểu như [62; 128; 132; 133; 138; 140…] của các tác giả Throsby, Rypkema, Mourato, Hà Hữu Nga…, trong đó phân tích, làm rõ các nội dung cốt lõi như: kinh tế học di sản nghiên cứu những lợi ích hoặc giá trị của DSVH như giá trị "sử dụng" (lợi ích tài chính, giá trị thẩm mỹ,… thông qua các hoạt động KT - XH dựa trên việc khai thác giá trị các di sản) và giá trị "không sử dụng" (những lợi ích vô hình từ DSVH, như những tri thức về di sản, giá trị lựa chọn (quyền lựa chọn di sản trong tương lai), những giá trị lưu truyền cho các thế hệ sau thông qua các tác động lan tỏa tích cực). Các giá trị của di sản là dành cho tất cả mọi người trong cộng đồng có di sản và rộng ra là cả nhân loại, giống như một dạng hàng hóa công cộng mang tính phúc lợi xã hội và mang đặc trưng "phi cạnh tranh" (tiêu dùng của người này không làm giảm giá trị của người khác) và "phi loại trừ" (khi hàng hóa có sẵn thì mọi người không thể bị loại trừ khỏi việc tiêu dùng nó) [62; 90].

Liên quan đến lý thuyết này, các nhà nghiên cứu còn đưa ra khái niệm kinh tế di sản trên cơ sở kết hợp giữa kinh tế học và việc quản lý, khai thác di sản để tạo ra giá trị kinh tế, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc thù của mỗi quốc gia. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành, trong đó các di sản không chỉ được coi là tài sản cần bảo tồn mà còn là nguồn tài nguyên kinh tế có thể khai thác thông qua du lịch, dịch vụ và các hoạt động kinh tế khác gắn liền với di sản với yêu cầu bảo

đảm sự bền vững, không làm suy giảm các giá trị văn hóa vốn có của di sản [17; 25]. Tư duy mới về kinh tế di sản đã thay đổi cách nhìn nhận về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển khi không còn coi di sản là một gánh nặng chi phí cho bảo tồn, mà coi đó là nguồn lực kinh tế tiềm năng. Sự kết hợp giữa các yếu tố văn hóa, công nghệ, sự tham gia của cộng đồng và khung chính sách hỗ trợ là những yếu tố quyết định để kinh tế di sản phát huy hết tiềm năng trong bối cảnh hiện đại [25]. Kinh tế di sản là gắn kết bảo tồn di sản với bảo vệ môi trường, bảo đảm rằng các hoạt động kinh tế được phát triển một cách bền vững và không làm tổn hại đến môi trường sống; thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển các ngành CNVH trên cơ sở phát huy giá trị của DSVH - nguồn cảm hứng cho các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Tư duy mới về kinh tế di sản thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) vào quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH; huy động sự tham gia của cả Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương - yếu tố then chốt để phát huy giá trị DSVH một cách hiệu quả [25]. Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần hoạch định và thực hiện chương trình phát triển đặc thù trên cơ sở chú trọng giá trị kinh tế của di sản; bảo tồn và khai thác, phát triển bền vững di sản, tránh gây tổn hại đến di sản; nâng cao tính cộng đồng, thúc đẩy kinh tế di sản phục vụ lợi ích cộng đồng [17].

Trong kinh tế học di sản, việc chọn lọc kỹ càng các phương pháp đo lường chi phí và lợi ích của việc bảo tồn di sản có vai trò rất quan trọng để có thể được áp dụng phù hợp với các chính sách cụ thể ở mỗi địa phương, cộng đồng hay quốc gia. Việc áp dụng các cách tiếp cận cũng gặp khó khăn khi thiếu các bộ dữ liệu toàn diện và nhất quán về di sản vì hầu hết các di sản đều nằm trong phạm vi quản lý của các chính quyền địa phương nên cần phải chú ý đặc biệt đến tính khả thi của việc phân tích chi phí - lợi ích ở cấp địa phương. Trong việc xem xét các phương pháp luận, cần xác định những dữ liệu nào thực sự cần thiết và cách thức thu thập các dữ liệu đó; xác định cách phân tích nào có thể được lồng ghép vào quá trình ra các quyết định, chính sách (khi nào thì cần sử dụng cách tiếp cận định lượng phù hợp và khi nào thì nên kết hợp với các đánh giá định tính). Các nhà tư vấn kinh tế học môi trường cho rằng việc thiếu các nghiên cứu định giá di sản hiện tồn đã tạo ra khó khăn, hạn chế cho việc thực hiện các kỹ thuật định giá di sản, do vậy cần thiết phải áp dụng thêm các kỹ thuật định giá phi thị trường đối với các di sản. Đây cũng là hoạt động đòi hỏi nhiều nguồn lực. Một giải pháp được xem xét trong lĩnh vực kinh tế môi trường là chuyển giao lợi

ích, theo đó các giá trị của một hàng hóa phi thị trường được chuyển giao sang loại hàng hóa khác có cùng các thuộc tính.

Có thể thấy, các phân tích trong các công trình trên rất có giá trị đối với hoạt động bảo tồn DSVH, cung cấp tri thức về phương pháp đánh giá toàn diện chi phí và lợi ích của di sản, về vấn đề ban hành chính sách di sản để tránh xung đột giữa lợi ích công và tư nảy sinh trong lĩnh vực di sản, về vấn đề cân bằng các mục tiêu kinh tế và văn hóa trong hoạch định chính sách di sản... Đây là những tài liệu tham khảo có giá trị, những lý thuyết cơ sở để NCS có thể vận dụng trong quá trình thực hiện luận án, nhất là trong phân tích các tác động hai chiều (tích cực và tiêu cực) của DSVH tới các hoạt động KT - XH và tác động của các hoạt động KT - XH tới DSVH tại hai địa bàn nghiên cứu.

1.2.3.3. Khung phân tích của luận án

Trên cơ sở các lý thuyết trên, luận án tiến hành phân tích làm rõ mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH thông qua tác động hai chiều qua lại của DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu. Theo đó, các tác động tích cực của hai đối tượng là DSVH và phát triển KT - XH sẽ tạo nên mối quan hệ thuận chiều, cùng thúc đẩy nhau phát triển; các tác động tiêu cực sẽ tạo nên mối quan hệ nghịch chiều, gây ra những khó khăn cho quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, thậm chí tạo mâu thuẫn giữa hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và phát triển KT - XH, vì thế có thể kìm hãm sự phát triển bền vững. Từ đó, luận án bàn luận một số vấn đề có liên quan, hướng tới bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Khung phân tích có thể được khái quát thông qua sơ đồ sau:

Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

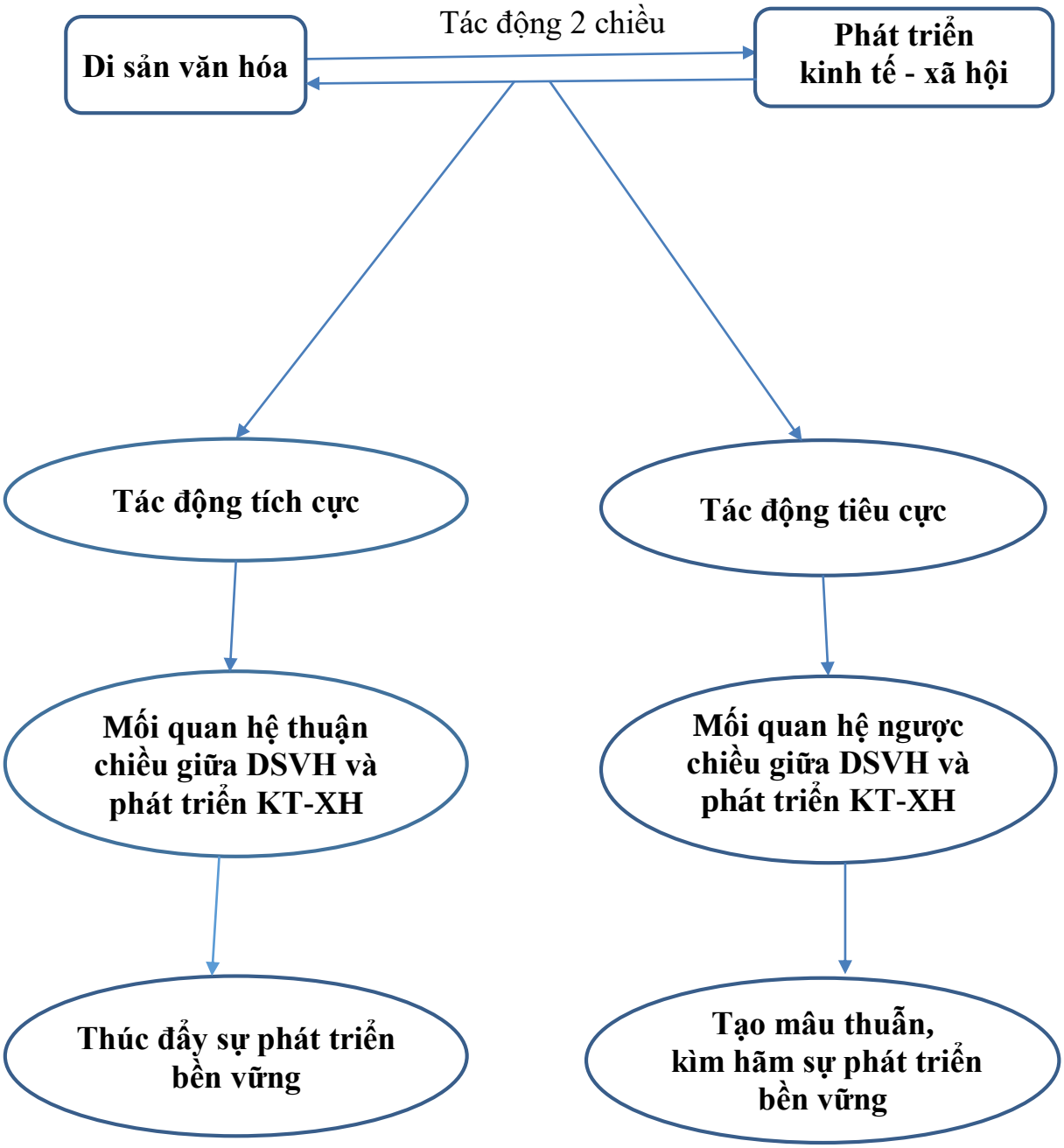

1.3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Khu phố cổ Hà Nội

Khu phố cổ Hà Nội là tên gọi để chỉ khu vực đô thị có lịch sử lâu đời, tập trung dân cư của kinh thành Thăng Long xưa hoạt động buôn bán giao thương, tiểu thủ công nghiệp, nay thuộc khu vực lõi của Thủ đô Hà Nội - phường Hoàn Kiếm (trước ngày 01-7-2025 thuộc quận Hoàn Kiếm cũ). Theo Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15, ngày 16-6-2025, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *"Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025"*, phường Hoàn Kiếm mới gồm toàn bộ diện tích và dân số của các phường là Hàng Mã, Hàng Bồ, Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Buồm, Hàng Gai, Lý Thái Tổ (thuộc quận Hoàn Kiếm cũ); phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của các phường Đồng Xuân, Tràng Tiền, Cửa Đông, Hàng Bông, Hàng Trống (thuộc quận Hoàn Kiếm cũ); một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường Cửa Nam (thuộc quận Hoàn Kiếm cũ), Điện Biên (thuộc quận Ba Đình cũ), tổng diện tích tự nhiên là 1,93km^2; quy mô dân số là 71.280 người với mật độ vào nhóm cao nhất của thành phố Hà Nội [98].

Luận án tập trung khảo sát khu phố cổ theo ranh giới được xác định trong Quyết định số 70 BXD/KT-QH, ngày 30-3-1995, của Bộ Xây dựng phê duyệt "Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển phố cổ Hà Nội", có 76 tuyến phố, ranh giới là phố Trần Quang Khải và Trần Nhật Duật (ở phía đông), phố Phùng Hưng (ở phía tây), các phố Cầu Gỗ, Hàng Thùng, Hàng Bông, Hàng Gai (ở phía nam), phố Hàng Đậu (ở phía bắc), thuộc 10 phường (cũ) là phường Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Cửa Đông, Hàng Bạc, Hàng Buồm, Hàng Bông, Hàng Bồ, Hàng Đào, Hàng Mã, Hàng Gai [13]. Theo Quyết định 6398/QĐ-UBND, ngày 24-10-2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc "Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc khu phố cổ Hà Nội", khu phố cổ Hà Nội rộng khoảng 82 ha, được chia ra làm 2 khu vực: Khu bảo vệ, tôn tạo cấp I (được giới hạn bởi các phố Hàng Chiếu, Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Mắm, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật với diện tích khoảng 19 ha, gồm 21 phố, đoạn phố và 17 ô phố); khu bảo vệ, tôn tạo cấp II (gồm các phố và 66 ô phố còn lại trong ranh giới khu phố cổ với diện tích khoảng 63 ha) [100].

Khu phố cổ Hà Nội được chia thành ba cụm dân cư (trên cơ sở lấy các chợ hoặc đường phố thương mại hiện có làm trung tâm khu vực) là cụm Đồng Xuân, chợ Hàng Da và Hàng Bè. Hệ thống nhà cổ trong khu phố cổ đã được UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) đưa vào danh mục bảo tồn gồm hơn 1.000 công trình. Đây là một di sản

đô thị có kiến trúc độc đáo, với những ngôi nhà hình ống, thấp, mặt tiền hẹp, chiều dọc lớn, phản ánh đặc điểm địa lý và điều kiện sinh hoạt của người dân (dành mặt tiền cho thật nhiều cửa hàng, ngôi nhà phát triển theo chiều sâu để lần lượt từng ngăn làm nơi sản xuất, ăn ở, sinh hoạt của mỗi gia đình). Khu phố cổ Hà Nội mang dấu ấn văn hóa của các thời kỳ, cũng là nơi hội tụ của cư dân khắp mọi miền đất nước hoạt động buôn bán giao thương và tiểu thủ công nghiệp với những phố nghề đặc trưng và những sản phẩm phong phú được đặt tên cho các đường phố, mỗi phố buôn bán một loại mặt hàng (như phố Hàng Mã, Hàng Tre, Thuốc Bắc, Hàng Thiếc,... đến nay vẫn giữ được sản phẩm truyền thống; phố Hàng Buồn bán bánh kẹo, Hàng Quạt bán đồ thờ, Mã Mây chuyên dịch vụ du lịch…). Khu phố cổ còn có các không gian văn hóa sáng tạo, như phố bích họa Phùng Hưng, Trung tâm văn hóa nghệ thuật 22 Hàng Buồm; các tuyến phố văn hóa ẩm thực (phố Tống Duy Tân - ngõ Hàng Bông (Cấm Chỉ))… Những không gian này không chỉ diễn ra các hoạt động phát triển KT - XH của người dân địa phương, mà còn diễn ra các hoạt động bảo tồn, sáng tạo, phát huy giá trị các DSVH, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng với nhiều lễ hội đặc trưng, tiêu biểu như lễ hội trung thu, lễ hội đền Bạch Mã, lễ hội đình Kim Ngân, các hội nghề, lễ hội vua Lê đăng quang...

Không chỉ đóng vai trò vị trí trung tâm của kinh thành Thăng Long xưa mà khu phố cổ Hà Nội còn lưu giữ kho tàng DSVH đồ sộ, thể hiện bản sắc văn hóa của mảnh đất kinh kỳ nghìn năm văn hiến. Tính đến thời điểm nghiên cứu của luận án (hết năm 2024), quận Hoàn Kiếm (cũ) có hơn 190 DSVH vật thể (di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng kháng chiến… - xem Phụ lục 4), như Quần thể di tích Hồ Gươm - Đền Ngọc Sơn - Đền Bà Kiệu, đền vua Lê, đền Quan Đề, đình Kim Ngân, đình Đồng Lạc, Ô Quan Chưởng, ngôi nhà di sản số 87 Mã Mây, các đình thờ các ông tổ nghề…; trong đó có 52 di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng di tích các cấp; 33 di tích cách mạng kháng chiến đã được gắn biển công nhận [105]. Các công trình di tích đa dạng, phong phú về loại hình, có nhiều giá trị tiêu biểu, gắn với sự hình thành và phát triển của Hà Nội, được tập trung chủ yếu ở khu vực phố cổ và khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm, ở những nơi tập trung đông dân cư với các ngành, nghề, phố nghề truyền thống… cùng hệ thống lễ hội, phong tục, tập quán, các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực… hết sức phong phú, đặc sắc.

Trong 20 năm qua, quận Hoàn Kiếm (cũ) và thành phố Hà Nội luôn chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH khu phố cổ. Các hoạt động văn hóa, hội thảo,

triển lãm, các dự án triển khai trong khu phố cổ Hà Nội về chỉnh trang các phố, trùng tu, tôn tạo di tích, dự án xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan, trường học đã đem lại một diện mạo mới cho khu phố cổ, góp phần làm đẹp thành phố, cải thiện điều kiện sống cho người dân, lưu giữ các giá trị văn hóa. Để bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, cảnh quan nơi đây, thành phố đã xây dựng nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, trong đó có việc xây dựng không gian đi bộ khu phố cổ, quanh hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý, bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội còn một số bất cập. Trong khoảng 1.000 ngôi nhà thuộc khu phố cổ đã được thống kê và hiện còn bảo lưu được thì đa số đều xuống cấp, chỉ bảo lưu được từng bộ phận (chủ yếu có niên đại là thế kỷ XIX). Kết quả đạt được trong việc khôi phục và gìn giữ nét cổ kính của khu phố cổ, nhất là các nhà cổ còn khiêm tốn. Các hoạt động dân sinh và hoạt động kinh tế của người dân trong khu vực phố cổ có nhiều tác động tới hệ thống DSVH trên địa bàn, từ đó đặt ra nhiều vấn đề cần xem xét, giải quyết.

1.3.2. Khu phố cổ Hội An

Theo Đề án số 16-ĐA/TU ngày 04-7-2023 của Tỉnh ủy Quảng Nam về "Xây dựng và phát triển Hội An theo định hướng thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch đến năm 2030", khu phố cổ Hội An "là di tích đặc biệt của quốc gia, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới; là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế và là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo" [88]. Tính đến thời điểm nghiên cứu của luận án (hết năm 2024), khu phố cổ Hội An thuộc thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam cũ) với quy mô dân số không lớn, song mật độ dân số năm 2023 là 1.582 người/km^2, gấp 4,9 lần so với cả nước, gấp 11 lần so với mật độ dân số toàn tỉnh Quang Nam (cũ) và gấp khoảng 40 lần so với mật độ chuẩn trên thế giới, riêng phường Minh An có khu phố cổ thì mật độ dân số còn lớn hơn nhiều với 7.774 người/km^2 [88]. Theo Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15, ngày 16-6-2025, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *"Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025"*, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong, Cẩm Nam và xã Cẩm Kim thành phường mới có tên gọi là phường Hội An (thuộc thành phố Đà Nẵng từ ngày 01-7-2025) [99]. Theo đó, khu phố cổ Hội An (vốn thuộc phường Minh An cũ) thuộc phường Hội An (từ ngày 01-7-2025) với giới hạn phía Đông là đường Hoàng Diệu;

phía Tây là điểm giao nhau giữa hai đường Phan Đình Phùng và Nguyễn Thị Minh Khai; phía Nam là đường Bạch Đằng và đoạn sông phía Nam đường Nguyễn Thị Minh Khai; phía Bắc là đường Phan Chu Trinh. Khu phố cổ có diện tích 0,3 km^2, gồm khu vực I (là khu vực bảo vệ nguyên trạng, với các yếu tố gốc cấu thành DSVH Hội An; được xác định bởi đường Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bội Châu về phía Đông; đường Phan Châu Trinh, Nguyễn Thị Minh Khai về phía Tây; toàn bộ đoạn sông Hội An, từ đường Trương Minh Lượng, Nguyễn Thị Minh Khai đến đỉnh kè sông Hội An về phía Nam; đường Phan Châu Trinh, Lê Lợi về phía Bắc) và khu vực IIA, IIB (là khu vực đệm, bao quanh khu vực bảo vệ I của di tích, có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng tới kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích) [88; 94; 107]. Phố cổ Hội An là một tổng thể bao gồm nhiều loại hình di sản cùng tồn tại và được lưu giữ khá toàn vẹn với sự đan xen của các công trình kiến trúc, công trình tôn giáo và công trình sinh hoạt cổ với các DSVH phi vật thể đang được cộng đồng gìn giữ và trực tiếp thực hành trong môi trường phố cổ, tạo nên hệ sinh thái DSVH đặc sắc.

Khu phố cổ Hội An có lịch sử hơn 400 năm xây dựng và phát triển, từng là thương cảng quốc tế sầm uất từ thế kỷ XVII với sự giao thương nhộn nhịp với nhiều nước, như Nhật Bản, Trung Quốc, một số nước phương Tây; có sự gắn kết hài hòa giữa các công trình kiến trúc, DSVH và các yếu tố sinh thái xung quanh (đảo, sông, bờ biển, các đụn cát cùng những làng nghề truyền thống ở vùng phụ cận của Hội An). Phố cổ Hội An là một quần thể kiến trúc cổ vô cùng đặc sắc, phong phú, mang "hồn cốt" của những con người nơi thương cảng xưa, được tiếp nối và giữ gìn đến ngày nay. Chạy dọc theo những con phố chính nằm song song với sông Hội An (phố Bạch Đằng, Nguyễn Thái Học, Trần Phú, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thị Minh Khai) và những con phố nhỏ cắt ngang (Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nhị Trưng, Trần Quý Cáp,…) là hơn 1.000 nhà cổ được xây dựng chủ yếu bằng gỗ, 2 tầng, kết cấu không gian mở và hài hòa, mang đến cảm giác êm đềm, bình yên với sự kết hợp giữa kiến trúc dân tộc với phong cách kiến trúc của Trung Quốc, Pháp, Nhật thông qua quá trình giao lưu văn hóa trong lịch sử phát triển của thương cảng Hội An. Cùng với đó là hệ thống chùa, đình, nhà thờ họ, hội quán, miếu, giếng cổ, cầu cổ, nhà cổ, bảo tàng, nhà trưng bày, triển lãm… rất đặc sắc. Theo thống kê của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An năm 2015, thành phố Hội An (cũ) có 1.439 di tích, trong đó

khu phố cổ tập trung 1.329 di tích kiến trúc nghệ thuật (xem Phụ lục 10).

Gắn kết với hệ thống kiến trúc độc đáo ở Hội An là các lễ hội với quy mô và đặc điểm khác nhau, phong tục, tập quán, nghề thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật diễn xướng truyền thống (nghệ thuật bài chòi - DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại, dân ca, hát bả trạo, hát đối, múa lân…), trò chơi dân gian, văn hóa ẩm thực (với nhiều món ăn nổi tiếng như cao lầu, hoành thánh, mỳ Quảng, mỳ Phúc Kiến, bánh bao, chí mà, bánh vạc,…) vô cùng phong phú, đặc sắc, góp phần tạo nên linh hồn cho phố cổ Hội An.

Bên cạnh đó, khu phố cổ Hội An còn gắn kết với nhiều làng nghề truyền thống của thành phố Hội An (cũ) với hơn 50 nghề cùng nhiều làng nghề hoạt động sôi nổi, như nghề mộc, nghề gốm, nghề làm đèn lồng, nghề làm tre dừa, may mặc, làm đồ da, làm hoa đăng, chạm trổ, điêu khắc, đắp vẽ… với nhiều nét văn hóa độc đáo. Tính đến cuối năm 2024, thành phố Hội An (cũ) có 6 nghề được ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, bao gồm: nghề khai thác yến sào Thanh Châu, nghề gốm Thanh Hà, nghề mộc Kim Bồng, nghề trồng rau Trà Quế, nghề thủ công truyền thống làm nhà tre, dừa ở Cẩm Thanh, nghề thủ công truyền thống đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm. Gần đây, Hội An đã xuất hiện những nghệ nhân tiên phong trong các nghề thủ công, sáng tạo nên các tác phẩm nghệ thuật độc đáo từ đất sét, tre, củi lũ, bẹ dừa nước, gốc cây, các vật liệu tái chế hay những thứ rác thải. Nhiều không gian sáng tạo nghề thủ công đã hình thành và bước đầu xác lập được thương hiệu như làng Lụa, làng Củi lũ, xóm thủ công, xưởng Tái sinh, công viên Đất nung, Tân Taboo, Vườn giấy Việt... được hình thành, hoạt động khá hiệu quả. Ngoài ra, nghề thủ công chế biến gắn với văn hóa ẩm thực dân gian là kho tàng sáng tạo độc đáo của cộng đồng ở Hội An. Các nghề thủ công, tiểu thủ công nghiệp được kết với hoạt động du lịch, đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, triển khai chương trình OCOP, tạo sức hấp dẫn cho các sản phẩm du lịch của thành phố. Năm 2023, thành phố Hội An (cũ) được công nhận là "Thành phố sáng tạo ở lĩnh vực thủ công truyền thống và nghệ thuật dân gian" trong mạng lưới UCCN.

Thời gian qua, hệ thống DSVH ở khu phố cổ Hội An được quản lý và bảo tồn theo những quy định và hướng dẫn cụ thể của các văn bản quốc tế về quản lý và bảo tồn DSVH; đồng thời phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản hướng dẫn kèm theo cũng như các quy định riêng cụ thể của địa phương một cách chi tiết, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và đặc điểm các DSVH của

địa phương. Thành phố Hội An và tỉnh Quảng Nam (cũ) đã có nhiều nỗ lực trong việc khai thác những giá trị đặc trưng, riêng có (về kiến trúc, văn hóa, làng nghề, những câu chuyện văn hóa về quá trình sản xuất, lao động, sáng tạo…) để xây dựng thành những sản phẩm du lịch độc đáo; đưa Hội An trở thành điểm đến hấp dẫn không chỉ của Việt Nam mà còn của khu vực và thế giới. Song, những biến đổi khí hậu khó lường và những nhu cầu dân sinh đang đặt ra thách thức lớn cho các DSVH ở khu phố cổ Hội An.

Hai địa phương được NCS lựa chọn là hai đại diện tiêu biểu cho phức hợp di sản bao gồm nhiều loại hình DSVH (quy mô, đặc điểm, giá trị, tuổi,…), tạo nguồn lực dồi dào cho việc xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Bên cạnh đó, những nét tương đồng và khác biệt giữa hai địa bàn nghiên cứu ở các yếu tố như hệ thống quản lý di sản, định hướng phát triển của chính quyền địa phương cùng sự đa dạng của các bên liên quan; thực tiễn triển khai hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; mức độ phát triển du lịch cũng như các ngành CNVH; mức độ đô thị hóa… cũng là những điểm cần lưu ý trong quá trình thực hiện luận án.

Tiểu kết Chương 1

Dựa trên phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu, cách tiếp cận liên ngành, NCS đã tiến hành tổng quan tình hình nghiên cứu theo các chủ đề cơ bản là: nghiên cứu về DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Các công trình nghiên cứu đã cho thấy vai trò, vị trí của DSVH là nguồn lực quan trọng trong phát triển KT - XH; đồng thời phân tích, đánh giá những tác động đa chiều của các hoạt động kinh tế tới DSVH... Song, các khía cạnh khác của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu chưa được làm rõ cũng như chưa được phân tích một cách sâu sắc và hệ thống. Sau khi tổng quan, NCS bước đầu nhận diện được những vấn đề đã được làm rõ, những khoảng trống trong nghiên cứu; từ đó đề ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Bên cạnh đó, NCS còn hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản như: khái niệm DSVH, di sản hóa, bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, phát triển, phát triển kinh tế - xã hội, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, trong đó, NCS đã phân tích một số công trình nghiên cứu làm rõ vai trò và tác động của DSVH tới hoạt động phát triển KT - XH, cũng như tác động trở lại của hoạt động phát triển KT - XH tới

DSVH, từ đó thấy được đặc điểm, tính chất của mối quan hệ biện chứng và mang tính quy luật giữa DSVH và phát triển KT - XH. NCS cũng khái quát một số lý thuyết được vận dụng trong quá trình thực hiện luận án như: lý thuyết về vốn văn hóa, lý thuyết về kinh tế học di sản, xây dựng khung phân tích của luận án; đồng thời trình bày khái quát về hai địa bàn nghiên cứu. Thông qua đó, NCS có cơ sở khoa học và thực tiễn cho các nghiên cứu về thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, bàn luận các vấn đề có liên quan ở các chương tiếp theo nhằm góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ trên, góp phần bảo đảm lợi ích thiết thực, chính đáng của người dân địa phương và doanh nghiệp, cũng như tiếp tục lan tỏa các giá trị của DSVH.

Chương 2:
THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

2.1. Khảo sát mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở hai địa bàn nghiên cứu

Như phần lý luận ở chương 1 ở trên, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An được thể hiện thông qua sự tác động biện chứng, đa chiều (cả tích cực và tiêu cực), qua lại lẫn nhau giữa. Do đó, từ việc phân tích các tác động của DSVH tới phát triển KT - XH và ngược lại, NCS có thể bước đầu nhận định và đánh giá được mối quan hệ của DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu là thuận chiều hay nghịch chiều, hoặc bao gồm cả những khía cạnh thuận và nghịch tùy thuộc vào điều kiện cụ thể.

Trước khi phân tích tác động qua lại để làm rõ đặc điểm, tính chất mối quan hệ trên, NCS tiến hành khảo sát việc ban hành và thực thi chính sách bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trong phát triển KT - XH; cùng với kết quả điều tra xã hội học, NCS rút ra nhận xét, đánh giá về những tác động hai chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH của chính quyền và nhân dân ở hai địa bàn nghiên cứu.

2.1.1. Việc ban hành và thực thi chính sách bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội

Ở khu phố cổ Hà Nội: Trong khoảng 10 năm qua, Quận ủy, HĐND, UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) đã chủ động, tích cực xây dựng 2 chương trình công tác toàn khóa là Chương trình số 03-CTr/QU, ngày 07-7-2016 của Quận ủy Hoàn Kiếm về "Phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng người Hoàn Kiếm thanh lịch, văn minh theo hướng phát triển toàn diện" (nhiệm kỳ 2015 - 2020) và Chương trình số 05-CTr/QU, ngày 06-8-2021 của Quận ủy Hoàn Kiếm về "Phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; xây dựng người Hoàn Kiếm hiện đại, thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện giai đoạn 2021-2025"; qua đó đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của chính quyền và nhân dân trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người, trong đó có bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH. Quận ủy Hoàn Kiếm (cũ) cũng triển khai Đề án số 13/ĐA-QU, ngày 29-11-2016 về "Tập trung bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, mở rộng hợp tác quốc tế" (giai đoạn 2016-2020); UBND quận ra Kế hoạch số

185/KH-UBND, ngày 13-10-2017 về "Giải phóng mặt bằng và tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2016-2020"; HĐND quận cũng ban hành nghị quyết về bố trí nguồn vốn hằng năm để tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị các di tích; Quận ủy triển khai Chương trình số 03-CTr/QU, ngày 06-8-2021 về "Tạo sự chuyển biến mạnh và bền vững về quản lý đô thị, bảo tồn phát huy các giá trị di sản đô thị quận Hoàn Kiếm hiện đại, văn minh, tiến tới đô thị thông minh". Quận ủy Hoàn Kiếm (cũ) ban hành Đề án số 19, ngày 01-11-2021 về "Tập trung bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, mở rộng hợp tác quốc tế" (giai đoạn 2020-2025); Đề án số 11-ĐA/QU về "Phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn quận Hoàn Kiếm" theo hướng tập trung phát triển các không gian động lực và các lĩnh vực dịch vụ chủ yếu của kinh tế ban đêm trên cơ sở khai thác các tiềm năng, lợi thế so sánh về DSVH; Đề án số 378/ĐA-UBND về xây dựng "Một số nét văn hóa ứng xử của người dân khu phố cổ"; Đề án "Tổ chức lễ hội truyền thống trong khu phố cổ và khu vực hồ Hoàn Kiếm"; "Phát triển và quảng bá DSVH ẩm thực quận Hoàn Kiếm phục vụ phát triển du lịch, đến năm 2025, định hướng 2030" nhằm từng bước nhận diện thương hiệu, xây dựng bản đồ di sản ẩm thực số phục vụ du lịch. Ngày 11-01-2021, UBND quận Hoàn Kiếm ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp với cơ quan chức năng, tổ chức đoàn thể trong thực hiện các dự án bảo tồn tôn tạo, phát huy, quảng bá giá trị văn hóa khu phố cổ Hà Nội và các giá trị lịch sử - văn hóa hồ Hoàn Kiếm…

Theo báo cáo của quận Hoàn Kiếm (cũ), đến năm 2024, các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đề ra của các chương trình, đề án đã đạt kết quả khá toàn diện đáp ứng nội dung, tiến độ, các chỉ tiêu yêu cầu, như tổng mức đầu tư công trong lĩnh vực văn hóa từ năm 2014-2024 đạt khoảng 631,668 tỷ đồng; 349,9 tỷ đồng để hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai thi công dự án xây dựng Nhà văn hóa quận tại 46 Hàng Cót, Trung tâm thể dục thể thao quận tại 225 Hồng Hà trong giai đoạn 2020-2025 [75]. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội hỗ trợ về nguồn lực đầu tư 6 di tích trong giai đoạn 2022-2025 với số tiền 361,8 tỷ đồng; thực hiện rà soát, kiểm tra, phân loại, đánh giá hiện trạng các di tích trên địa bàn phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2021-2025 [74]. Từ năm 2016 đến năm 2024, quận Hoàn Kiếm đã đầu tư từ nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa hàng trăm tỷ đồng cho công tác bảo tồn, tôn tạo DSVH; lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng nhiều

di sản. Nhiều di tích lịch sử - văn hóa sau khi được tu bổ đã được khôi phục giá trị văn hóa, tạo điều kiện cho các sinh hoạt tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng tại địa bàn, tạo cơ sở để xây dựng nhiều sản phẩm văn hóa chất lượng cao gắn kết với phát triển kinh tế ban đêm. Các hoạt động trên đều trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần nâng cao nhận thức và chất lượng cuộc sống của người dân, quảng bá, phát huy các giá trị DSVH trong phát triển KT - XH của địa phương.

NCS đã tiến hành khảo sát, đánh giá về thực trạng công tác bảo tồn các loại hình DSVH ở khu phố cổ Hà Nội với kết quả thể hiện qua biểu đồ 2.1.

BIỂU ĐỒ 2.1: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN DSVH TẠI KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

(số lượng khảo sát: 300 phiếu, đơn vị: phiếu)

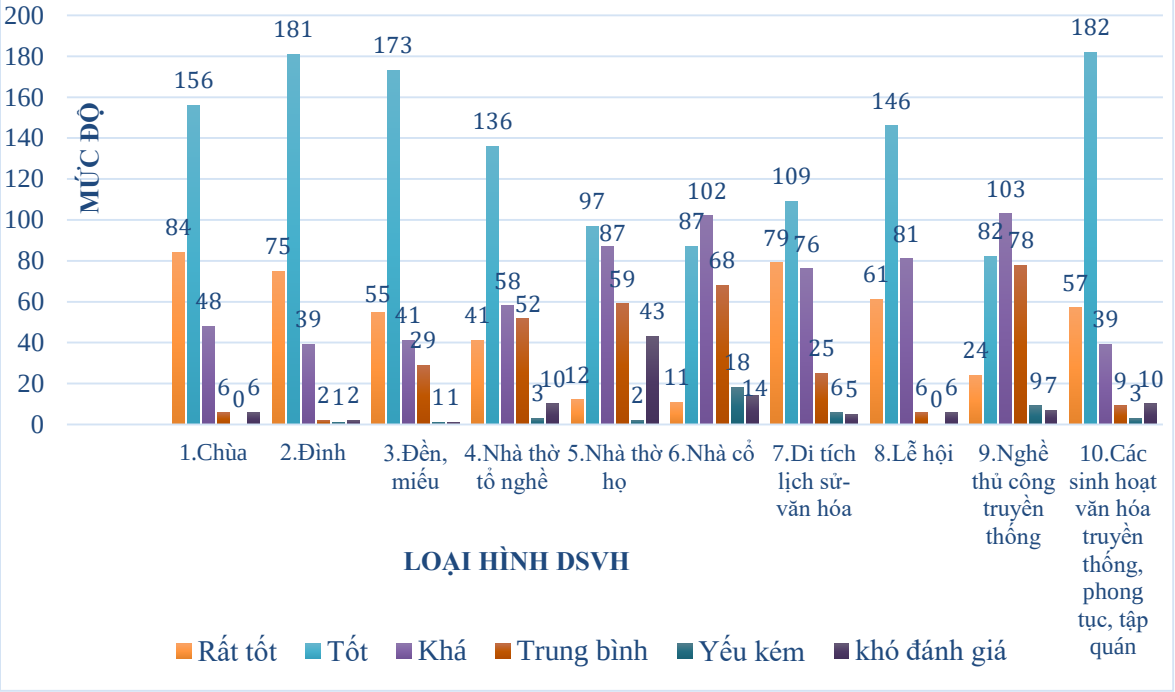

Biểu đồ 2.1: Thực trạng công tác bảo tồn DSVH khu phố cổ Hà Nội

(Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Trong số 300 người được hỏi ý kiến, đa phần người được hỏi đều có đánh giá tốt (cột màu xanh dương), nhất là ở đình, đền, chùa, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa truyền thống. Ở loại hình nhà thờ họ, nhà cổ (để kinh doanh hay để ở) hay các nghề thủ công truyền thống thì công tác bảo tồn chủ yếu được đánh giá ở mức khá do nhiều nguyên nhân. Khảo sát này đã phản ánh khá sát với thực tiễn ở khu phố cổ Hà Nội khi thực tế có nhiều nhà cổ xuống cấp và nghề thủ công cùng các phố nghề bị mai một, không còn giữ được nét sầm uất như xưa. Nhìn chung, trong nhận thức của người dân và đại diện chính quyền về cơ bản thống nhất rằng hoạt động đồng bảo tồn, giữ

gìn các DSVH đã được chú trọng, nhất là với những di sản liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, gắn với lịch sử lao động, sáng tạo văn hóa của người dân. Đây là cơ sở để chính quyền và nhân dân Hà Nội nói chung và khu phố cổ nói riêng tiếp tục bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn nữa giá trị các DSVH trong phát triển KT - XH địa phương thời gian tới.

Ở khu phố cổ Hội An: Thời gian qua, chính quyền và nhân dân Hội An có nhiều quyết tâm, nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH - nguồn lực quan trọng trong phát triển bằng những chính sách và hành động thiết thực, cụ thể. Tỉnh Quảng Nam (cũ) và thành phố Hội An (cũ) xác định tập trung gắn kết bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống kết tinh ở hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể trong quá trình phát triển KT - XH; đầu tư giữ gìn, tu bổ và phục hồi các di tích lịch sử - cách mạng, các làng nghề truyền thống và các danh thắng gắn với chiến lược phát triển kinh tế du lịch; khuyến khích sáng tạo và phát huy những giá trị văn hóa thể hiện bản sắc dân tộc và bản sắc địa phương; bảo tồn và phát huy hiệu quả các làng nghề truyền thống, các giá trị DSVH. Với phương châm "bảo tồn để phát triển" và "phát triển để bảo tồn", Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 15-9-2023 của Thành ủy Hội An "Về thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 31-7-2023 của Tỉnh ủy Quảng Nam về xây dựng và phát triển khu phố cổ Hội An theo định hướng thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch đến năm 2030" đặc biệt nhấn mạnh cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kế thừa, bảo tồn và phát triển, bản sắc chung và tính đặc thù; lấy sinh thái và văn hóa làm nền tảng, động lực để phát triển KT - XH.

Cùng với đó, DSVH thế giới Hội An được quản lý khá hiệu quả với sự phân cấp chặt chẽ, phối hợp đồng bộ. UBND thành phố Hội An (cũ) trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản; phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan. Ngành văn hóa là cơ quan chuyên môn về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản sớm được thành lập, kiện toàn tổ chức, quy định chức năng, nhiệm vụ để tham mưu hiệu quả. Các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng được tạo cơ chế thuận lợi tham gia vào quá trình bảo tồn, phát huy DSVH. Cùng với việc phân cấp quản lý, khu phố cổ Hội An được quản lý nghiêm ngặt bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh 3 văn bản tạo khung pháp lý theo quy định (Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH thế giới đô thị cổ Hội An gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2012-2025; Kế hoạch quản lý DSVH thế giới khu phố cổ Hội An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030; Quy chế bảo vệ DSVH thế giới

khu phố cổ Hội An), còn có các quy chế và cơ chế phù hợp với đặc thù "di sản sống" được ban hành, mang lại hiệu quả kịp thời, tích cực để quản lý di sản.

Các doanh nghiệp ở Hội An tham gia ngày càng tích cực vào những chương trình phát triển du lịch di sản gắn với du lịch xanh. Các chính sách về bảo tồn DSVH được người dân tích cực bàn thảo và bày tỏ sự thống nhất, đồng thuận cao, quyết định đến hiệu quả thực thi của nhiều hoạt động như: Phố đi bộ, phố không có tiếng động cơ, đêm phố cổ… Lợi ích mang lại từ bảo tồn di sản tạo điều kiện để các chủ di tích chăm lo, đầu tư kinh phí tu bổ để bảo vệ di tích của chính họ.

Việc lồng ghép hiệu quả các nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội tại khu phố cổ Hội An thời gian qua đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DSVH với việc phục hồi được di sản cảnh quan, không gian đô thị Hội An. Bên cạnh đó, sự kết nối giữa DSVH thế giới đô thị cổ Hội An với Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm và không gian văn hóa các làng quê, làng nghề truyền thống cũng góp phần tạo nên sự gắn kết giữa hoạt động bảo tồn DSVH với bảo vệ môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tại di sản [88]. Cốt lõi của tài nguyên văn hóa Hội An là truyền thống "Nhân tình thuần hậu" với nếp sống giản dị, hiếu khách, sinh hoạt gia đình truyền thống cùng các phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống tốt đẹp của cư dân đô thị cổ Hội An - phần hồn của DSVH được người dân trong khu phố cổ gìn giữ trong từng ngôi nhà, nếp phố, tạo nên không gian DSVH đặc trưng của vùng đất thương cảng hạ lưu sông Thu Bồn. Việc giáo dục về DSVH được lồng ghép mạnh vào các trường học bằng chương trình giáo dục bài bản, gắn giáo dục với hành động thực tế cho học sinh. Chính vì vậy, theo khảo sát của NCS thực hiện trên địa bàn khu phố cổ Hội An, đa số người được khảo sát đều nhận xét các loại hình DSVH trên địa bàn được bảo tồn tốt (màu xanh dương), thể hiện qua biểu đồ 2.2 sau:

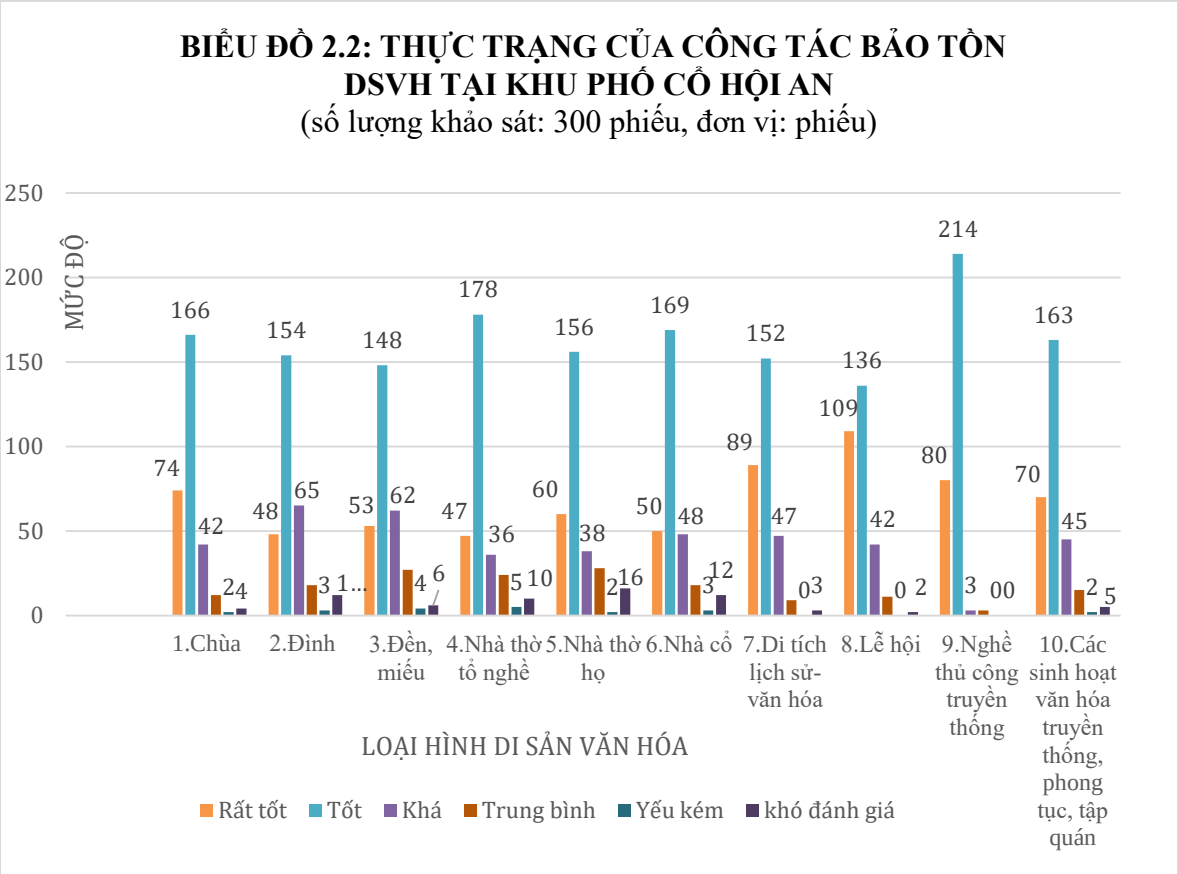

Biểu đồ 2.2: Thực trạng công tác bảo tồn DSVH tại khu phố cổ Hội An

(Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Những kết quả trên trong việc ban hành và thực thi các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị DSVH phản ánh thực tiễn, trong nhận thức của người dân và đại diện chính quyền ở khu phố cổ Hội An về cơ bản thống nhất coi trọng hoạt động đồng bảo tồn, giữ gìn các DSVH. Đây là cơ sở để chính quyền và nhân dân Hội An tiếp tục bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn nữa giá trị các DSVH.

2.1.2. Tác động của di sản văn hóa tới phát triển kinh tế - xã hội tại hai địa bàn nghiên cứu

** Thứ nhất, DSVH được "vốn hóa", chuyển dịch thành vốn kinh tế, trở thành nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu.*

Với khu phố cổ Hà Nội: Khu phố cổ là khu vực thuộc trung tâm chính trị, kinh tế, trung tâm văn hóa của Thủ đô, hiện còn lưu giữ được hệ thống DSVH đặc sắc, phong phú, kết tinh hồn cốt của mảnh đất Thăng Long nghìn năm văn hiến. Do vậy, DSVH có vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của đất kinh kỳ. Kết quả khảo sát của NCS thể hiện qua biểu đồ 2.3 có thể đem đến đánh giá bước đầu về nhận thức của người dân và chính quyền địa phương về vai trò, tầm quan trọng

của DSVH đối với sự phát triển của một số hoạt động kinh tế.

BIỂU ĐỒ 2.3: VAI TRÒ, TẦM QUAN TRỌNG CỦA DSVH VỚI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA HỘ GIA ĐÌNH/ DOANH NGHIỆP Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

(số lượng khảo sát: 300 phiếu, đơn vị: phiếu)

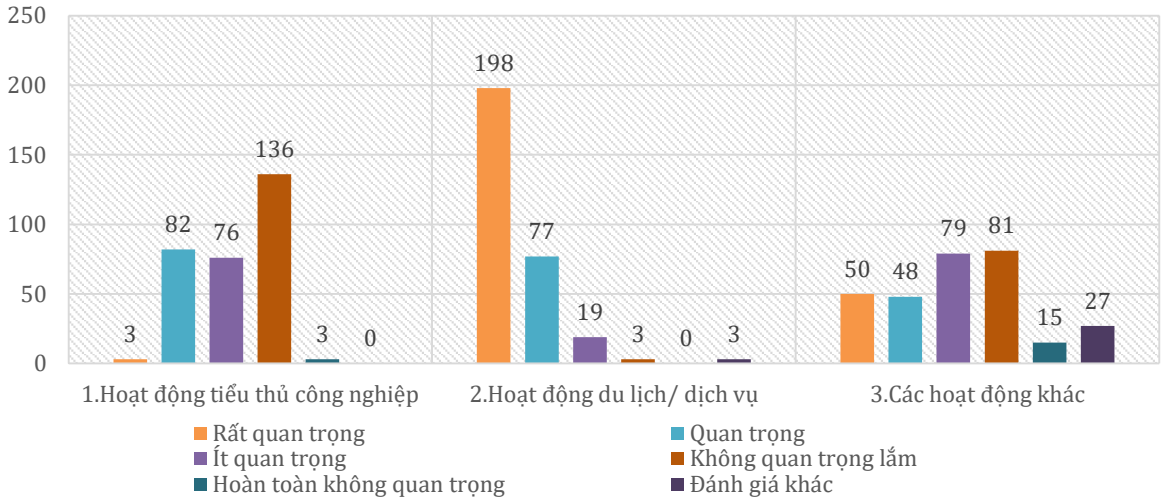

Biểu đồ 2.3: Vai trò, tầm quan trọng của DSVH với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp ở khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Ở biểu đồ 2.3, có thể thấy trong số 300 phiếu khảo sát, những đánh giá của người được khảo sát đối với các hoạt động kinh tế ở khu phố cổ Hà Nội là du lịch/dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và các hoạt động khác có những sự khác biệt rõ rệt và phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế của địa phương (riêng hoạt động nông nghiệp không rõ rệt tại địa phương nên không thuộc đối tượng khảo sát của luận án và đã được chỉ rõ ở phần phạm vi của đề tài). Theo UBND quận Hoàn Kiếm (cũ), tính đến năm 2024, ngành du lịch/dịch vụ chiếm hơn 98% cơ cấu các ngành kinh tế. Đây cũng chính là thế mạnh nổi trội, là hạt nhân kinh tế của khu phố cổ nói riêng và quận Hoàn Kiếm (cũ) nói chung trên cơ sở phát huy hiệu quả các nguồn lực, trong đó có nguồn lực DSVH. Do vậy, trong nhận thức của phần đông người được khảo sát, DSVH được đánh giá là có vai trò "rất quan trọng" và "quan trọng" với hoạt động du lịch/dịch vụ với số phiếu lần lượt là 198/300 phiếu và 77/300 phiếu, chiếm 95,7%; còn lại chỉ 4,3% (25/300 phiếu) đánh giá là "ít quan trọng", "không quan trọng lắm" và "đánh giá khác", không có ý kiến nào đánh giá "hoàn toàn không quan trọng". Đối với hoạt động tiểu thủ công nghiệp, các ý kiến tập trung vào đánh giá "không quan trọng lắm" (139/300 phiếu) và "ít quan trọng" (76/300 phiếu) với tỷ lệ tương ứng của cả hai đánh giá là 71,6%. Đánh giá "quan trọng" có 82/300 phiếu, chiếm 27,3%. Điều này có thể

lý giải bởi đặc điểm lịch sử của khu phố cổ Hà Nội, không chỉ là địa bàn trung tâm của thành phố Hà Nội hiện nay mà còn từng là trung tâm của Hà Nội - Kẻ Chợ, là trung tâm kinh tế lớn nhất của kinh thành Thăng Long xưa.

Ngoài ra, Hà Nội với 36 phố phường từng nổi tiếng là vùng đất hội tụ nhiều nghề thủ công truyền thống và thợ thủ công tài giỏi từ các vùng, miền của cả nước cùng các sản phẩm tinh xảo, từ đó xây dựng nên những phố nghề nổi tiếng trong lịch sử. Những sản phẩm thủ công trong không gian phố nghề cùng nếp sinh hoạt trong không gian văn hóa của làng nghề là nét văn hóa đặc sắc của Thăng Long - Hà Nội. Song, trải qua bao biến thiên, dâu bể, nhiều nghề thủ công nay đã mai một, những nghệ nhân xưa dần thưa vắng do tuổi cao, ít hoặc không có người nối nghiệp; những phố nghề xưa đã không còn tấp nập, sầm uất; nhiều gia đình đã chuyển sang nghề khác để mưu sinh khi không thể trụ được với nghề truyền thống trước sức ép của kinh tế thị trường và các sản phẩm công nghiệp. Bởi vậy, trong cách nhìn nhận, đánh giá của nhiều người, những DSVH đã ít còn quan trọng hoặc chưa được phát huy giá trị đối với hoạt động thủ công trong bối cảnh hiện đại khi các nghề thủ công truyền thống của Hà Nội đã mai một. Với các hoạt động kinh tế khác, về cơ bản, người được khảo sát đều thể hiện sự đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng của DSVH. Như vậy, thông qua khảo sát này, chúng ta có thể thấy đa phần người dân cũng như chính quyền quận Hoàn Kiếm cũ và phường Hoàn Kiếm mới đều nhìn nhận được tầm quan trọng của các DSVH trong phát triển KT - XH của địa phương.

Về tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế tại khu phố cổ Hà Nội (xem biểu đồ 2.4), có thể thấy, về cơ bản các ý kiến được khảo sát đều cho rằng DSVH có tác động rất tốt và khá tốt tới các hoạt động kinh tế chính ở khu phố cổ Hà Nội (68,4% với tiểu thủ công nghiệp, 91,6% với du lịch/dịch vụ và 54% với các hoạt động kinh tế khác. Kết quả khảo sát này thống nhất với kết quả ở biểu đồ 2.3.

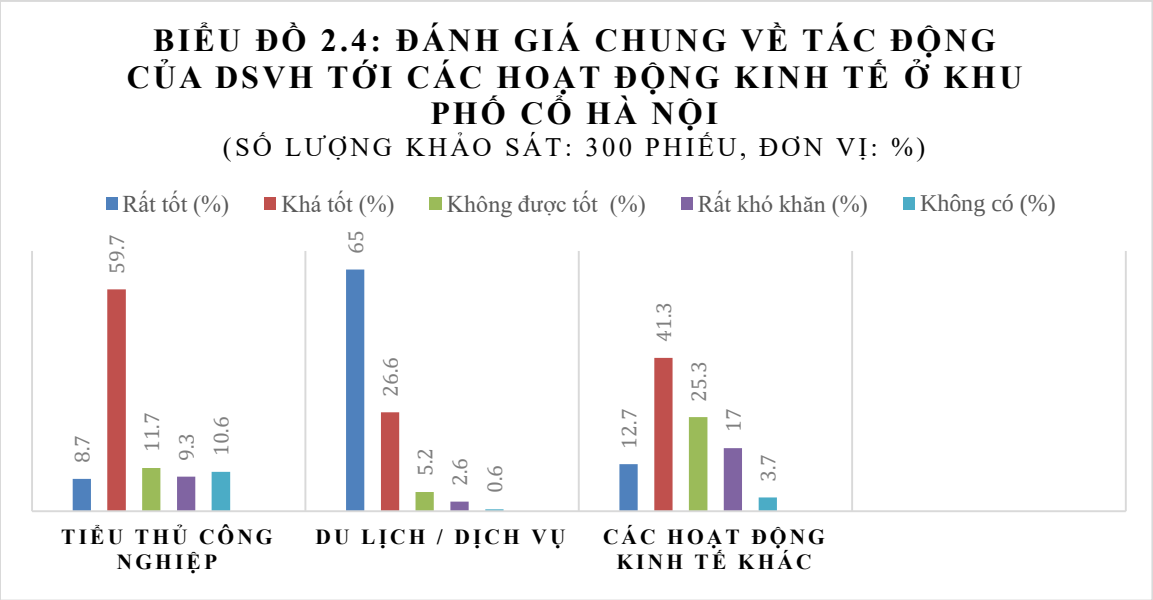

Biểu đồ 2.4: Đánh giá chung về tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế ở khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Thành phố Hà Nội và quận Hoàn Kiếm (cũ) đã triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án để vừa bảo tồn, vừa phát huy giá trị các DSVH thông qua quá trình "vốn hóa", đưa DSVH trở thành "đầu vào" để xây dựng nên hệ thống sản phẩm của các ngành CNVH như sản phẩm du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, sản phẩm ẩm thực… với sự đan xen giữa cổ kính và hiện đại. Cụ thể là các tour du lịch di sản, tham quan các di tích lịch sử nổi tiếng (Hồ Hoàn Kiếm, Đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa, phố cổ Hà Nội,...); tham quan khu phố với các cửa hàng lưu niệm thủ công mỹ nghệ với các sản phẩm thủ công từ các làng nghề xung quanh khu vực Hoàn Kiếm (đèn lồng, lụa Hà Đông, thêu tay, gốm sứ… - vừa là những hàng hóa du lịch vừa là những biểu tượng văn hóa; tham gia các lễ hội, sự kiện văn hóa (lễ hội Đền Ngọc Sơn, lễ hội chùa Bà Đá, Tết Nguyên Đán,…); thưởng thức nhiều nghệ thuật truyền thống như ca trù, hát xẩm, múa rối nước… tại các sân khấu biểu diễn ở khu vực Hồ Hoàn Kiếm, các sản phẩm ẩm thực truyền thống độc đáo của Hà Nội (phở bò, bánh cuốn, chả cá Lã Vọng,...), tranh vẽ phố cổ Hà Nội - những sản phẩm nghệ thuật rất được du khách yêu thích, phản ánh vẻ đẹp đặc trưng của phố cổ với những ngôi nhà cổ kính, con phố nhỏ và không gian di sản lịch sử...

Trong giai đoạn 2015-2024, nhiều hoạt động biểu diễn, nghệ thuật, triển lãm tranh, ảnh, các chương trình hội thảo, hội nghị, tọa đàm đã được tổ chức tại các điểm di sản tiêu biểu ở khu phố cổ Hà Nội (xem bảng 2.1).

Bảng 2.1: Tổng hợp các hoạt động tại các điểm di sản khu phố cổ Hà Nội giai đoạn 2015-2024 (Nguồn: Ban Quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội)

Địa điểm	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tại các điểm di sản tiêu biểu, KG bích họa Phùng Hưng, 49 Trần Hưng Đạo, KG đi bộ hồ Hoàn Kiếm, Phố đi bộ khu Phố cổ	1.Trưng bày: 4 2.Triển lãm:14 3.Tọa đàm, hội thảo: 2 4.Biểu diễn: 698	1.Trưng bày: 2 2.Triển lãm: 33 3.Tọa đàm, hội thảo: 1 4.Biểu diễn: 714	1.Trưng bày: 9 2.Triển lãm: 29 3.Tọa đàm, hội thảo: 16 4.Biểu diễn: 1126	1.Trưng bày: 10 2.Triển lãm: 21 3.Tọa đàm, hội thảo: 19 4.Biểu diễn: 1176	1.Trưng bày: 13 2.Triển lãm: 23 3.Tọa đàm, hội thảo: 16 4.Biểu diễn: 785	1.Trưng bày: 9 2.Triển lãm: 19 3.Tọa đàm, hội thảo: 5 4.Biểu diễn: 779 5.Tuyên truyền cổ động: 5 6.Hoạt động khác (giải cờ vua quốc tế) : 2	1.Trưng bày: 15 2.Triển lãm: 5 3.Tọa đàm, hội thảo: 13 4.Biểu diễn: 264 5.Tuyên truyền cổ động: 4	1.Trưng bày: 32 2.Triển lãm: 8 3.Tọa đàm, hội thảo: 12 4.Biểu diễn: 1469 5.Tuyên truyền cổ động: 3 6. Hoạt động khác (giải cờ vua quốc tế, giới thiệu sách, sự kiện ngoại giao): 5	1.Trưng bày: 27 2.Triển lãm: 10 3.Tọa đàm, hội thảo: 30 4.Biểu diễn: 1529 5.Tuyên truyền cổ động: 3 6. Hoạt động khác (giải cờ vua quốc tế) : 2	1.Trưng bày: 44 2.Triển lãm: 19 3.Tọa đàm, hội thảo: 64 4.Biểu diễn: 1348

Bước phát triển của các hoạt động văn hóa tại các điểm di sản khu phố cổ Hà Nội giai đoạn 2015-2024 thể hiện qua biểu đồ 2.5 dưới đây:

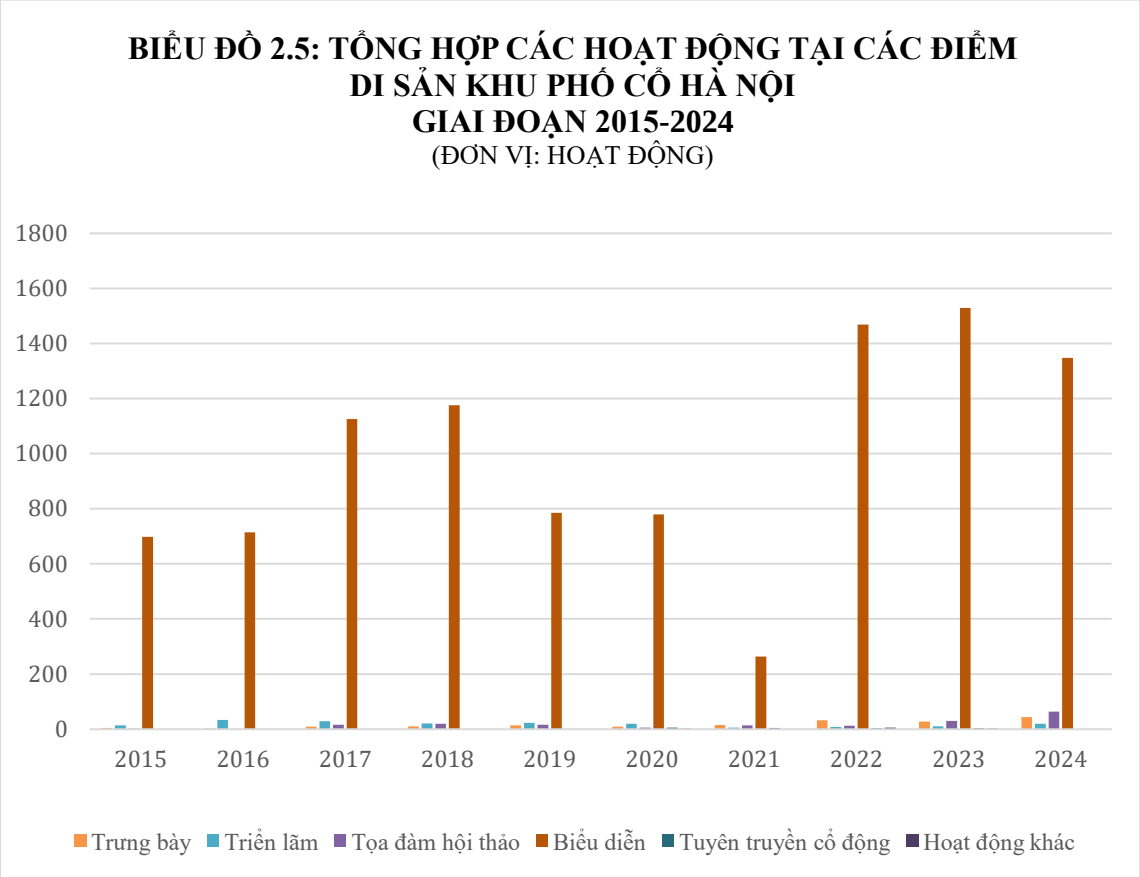

Biểu đồ 2.5: Tổng hợp các hoạt động văn hóa tại các điểm di sản khu phố cổ Hà Nội giai đoạn 2015-2024

(Nguồn: Ban Quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội)

Theo dõi bảng 2.1 và biểu đồ 2.5, có thể thấy các hoạt động được tổ chức nhiều nhất là biểu diễn (trên 100 buổi 1 năm ở thời điểm trước đại dịch COVID-19). Đây cũng chính là thế mạnh của khu phố cổ Hà Nội và Thủ đô trên cơ sở phát huy giá trị các DSVH. Tuy nhiên, hoạt động này cùng các hoạt động khác đồng loạt giảm trong các năm 2020, 2021 và 2022 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Năm 2024, các hoạt động đều có xu hướng hồi phục và tăng dần, trong đó chú ý là các tọa đàm, hội thảo nhằm tạo diễn đàn để trao đổi, thảo luận giữa các chuyên gia văn hóa, du lịch, các nhà quản lý, hoạt động thực tiễn và người dân có thể bày tỏ ý kiến, hiến kế nhằm phát huy nguồn lực DSVH đặc sắc của quận Hoàn Kiếm (cũ), trong đó có khu phố cổ Hà Nội.

Quận Hoàn Kiếm (cũ) cũng linh hoạt, sáng tạo trong công tác tổ chức tạo điểm tĩnh kết hợp với không gian công cộng với sự cởi mở, thiên về các hoạt động cộng đồng lồng ghép một cách hài hòa với các không gian đi bộ trên địa bàn (không gian đi bộ khu phố cổ Hà Nội, không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm và phụ cận; không gian

sáng tạo phố bích họa Phùng Hưng (ra mắt năm 2018 do quận Hoàn Kiếm (cũ), Korea Foundation (Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc) và UN-Habitat (Ủy ban định cư con người Liên hợp quốc tại Việt Nam) phối hợp); không gian cầu đi bộ Trần Nhật Duật... Tất cả đã tạo điểm nhấn du lịch cho khu phố cổ Hà Nội, là nơi giao lưu, điểm hẹn, điểm đến thú vị của mọi người dân, là không gian tổ chức các hoạt động sáng tạo, kết nối cộng đồng, góp phần làm cho người dân thêm yêu thành phố, khơi dậy những năng lượng sáng tạo tích cực, đồng thời góp phần định hình bản sắc văn hóa và thương hiệu Hà Nội - "Thành phố sáng tạo" ở lĩnh vực thiết kế.

Ngoài ra, Hà Nội đã xây dựng được nhiều sản phẩm du lịch mới, chất lượng trên chính những "chất liệu" từ DSVH, tiêu biểu như sản phẩm "Đêm Hà Nội - Điểm chạm của những xúc cảm" cùng 15 sản phẩm du lịch hấp dẫn, ứng dụng nhiều công nghệ mới gắn với các di sản tại khu phố cổ Hà Nội; sản phẩm du lịch văn hóa "Hành trình Di sản" thu hút hơn 1.000 lượt khách (nhất là học sinh, sinh viên); xây dựng sản phẩm tour đêm "Nhạc xưa phố cổ" vào mỗi tối thứ bảy hằng tuần trong không gian phố đi bộ khu phố cổ...; đồng thời gắn biển mã QR giới thiệu các điểm liên kết với Hoankiem360 tại 11 điểm di tích; đặt tour, ngôn ngữ, mục triển lãm (trưng bày online); xây dựng hoàn thành thủ tục chuyển đổi dữ liệu trên hạ tầng của VNPT; tập trung biên soạn, đăng nhiều tin truyền thông về DSVH khu phố cổ trên Trang thông tin điện tử Hoàn Kiếm 360; ra mắt "App ẩm thực Hoàn Kiếm" nhằm giới thiệu ứng dụng mới về ẩm thực Hoàn Kiếm. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội còn tạo dấu ấn đậm nét trong việc lan tỏa sự sáng tạo trên cơ sở phát huy giá trị các DSVH đặc sắc với Lễ hội Thiết kế sáng tạo Hà Nội năm 2023 - được tổ chức với quy mô lớn ở nhiều địa điểm, trong đó có khu phố cổ Hà Nội, với nhiều loại hình sáng tạo, "đánh thức" những di sản công nghiệp có tuổi thọ hàng trăm năm tưởng như đã "ngủ quên" để thành địa điểm văn hóa hấp dẫn (như tháp nước Hàng Đậu, Nhà máy xe lửa Gia Lâm).

Theo UBND thành phố Hà Nội, với trung bình khoảng 20.000 lượt khách đến với không gian phố đi bộ khu phố cổ và hồ Hoàn Kiếm vào mỗi ngày cuối tuần, các hoạt động du lịch văn hóa đã và đang góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT - XH tại khu phố cổ. Có thể theo dõi số lượng khách du lịch đến Hà Nội và khách quốc tế lưu trú quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2019-2024 qua bảng 2.2 [102].

Bảng 2.2: Thống kê số lượng khách du lịch đến Hà Nội và khách quốc tế lưu trú quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2019-2024

(Nguồn: UBND thành phố Hà Nội và UBND quận Hoàn Kiếm (cũ))

Năm	Tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội (triệu lượt)	Khách quốc tế (triệu lượt)		Tổng doanh thu từ ngành du lịch Hà Nội (nghìn tỷ đồng)
		Khách quốc tế đến Hà Nội (triệu lượt)	Khách quốc tế lưu trú tại quận Hoàn Kiếm (cũ) (triệu lượt)	
2019	29	7,025	2,35	103,807
2020	8,65	1,11	chưa rõ	28,02
2021	4	(gần như không do dịch COVID-19)	(gần như không do dịch COVID-19)	11,28
2022	18,7	1,5	0,568	60
2023	24	4	1,5	87,65
2024	27,86	6,35	2,1	110,52

Bảng 2.2 cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ sau dịch COVID-19 với sự tăng trưởng liên tục của lượng khách du lịch tới Hà Nội, trong đó có khách quốc tế lưu trú tại quận Hoàn Kiếm (cũ) từ năm 2023, 2024. Năm 2024, lượng khách đến Hà Nội và lưu trú tại Hoàn Kiếm đã tăng và đạt gần đến con số năm 2019 trước dịch, song tổng doanh thu ngành du lịch đã vượt mức đạt được của năm 2019 do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự gia tăng số lượng, chất lượng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, góp phần quan trọng trong việc thu hút du khách thưởng thức, trải nghiệm du lịch văn hóa tại Hà Nội và Hoàn Kiếm. Nhờ đó, thời gian qua, thành phố Hà Nội được bình chọn là "Điểm đến du lịch thành phố hàng đầu thế giới năm 2022; "Điểm đến du lịch thành phố hàng đầu châu Á" năm 2024…

Bên cạnh đó, theo UBND thành phố Hà Nội, năm 2019, đóng góp của các ngành CNVH Thủ đô là 1,49 tỷ USD, chiếm 3,7% GRDP của thành phố. Trong giai

đoạn 2021-2024, vượt qua những khó khăn từ đại dịch COVID-19, tốc độ phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch của quận Hoàn Kiếm (cũ) được đẩy mạnh theo hướng ngày càng chất lượng, hiệu quả và bền vững, ước đạt 9,8%, trong đó doanh thu ngành du lịch đạt 21,4% (chỉ tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của quận là 20%). Ước tính cả nhiệm kỳ 2020-2025, tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành thương mại - dịch vụ của quận Hoàn Kiếm (cũ) đạt 11,9%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực với ngành thương mại - dịch vụ chiếm 98,04% trong cơ cấu kinh tế quận (bảng 2.3) [74].

Bảng 2.3: Thống kê mức tăng/giảm doanh thu ngành thương mại - dịch vụ quận Hoàn Kiếm (cũ) giai đoạn 2020-2024

(Nguồn: UBND quận Hoàn Kiếm (cũ)); đơn vị: %

	Năm 2020	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**
Mức tăng/giảm tổng doanh thu ngành thương mại, dịch vụ	Giảm 13,4 (do ảnh hưởng dịch COVID-19)	Giảm 1,25 (do ảnh hưởng dịch COVID-19)	Tăng 15,9	Tăng 14,7	Tăng 14,6
Mức tăng doanh thu ngành thương mại			8,5	15,1	14,3
Mức tăng doanh thu lưu trú - ăn uống			93,6	92,6	66,2
Mức tăng doanh thu du lịch			373,8 (chủ yếu vẫn là du lịch nội địa)	343,7	48,5
Mức tăng doanh thu ngành dịch vụ khác			24,2	8,6	8,1

Là trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch của Thủ đô, cơ cấu thu ngân sách quận Hoàn Kiếm (cũ) chủ yếu từ thuế công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (chiếm tỷ trọng 75% thu ngân sách hằng năm). Từ năm 2020, mặc dù bị tác động của đại dịch COVID-19, song chính quyền và nhân dân quận đã nỗ lực để bù đắp nguồn thu nên tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ) trong giai đoạn 2021-2024 vẫn tăng trưởng, đạt ở mức cao và vượt kế hoạch thành phố Hà Nội

giao. DSVH với vai trò là nguồn lực góp phần phát triển KT - XH, nhất là các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch, góp phần quan trọng vào tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ) [74], thể hiện qua biểu đồ 2.6 sau đây:

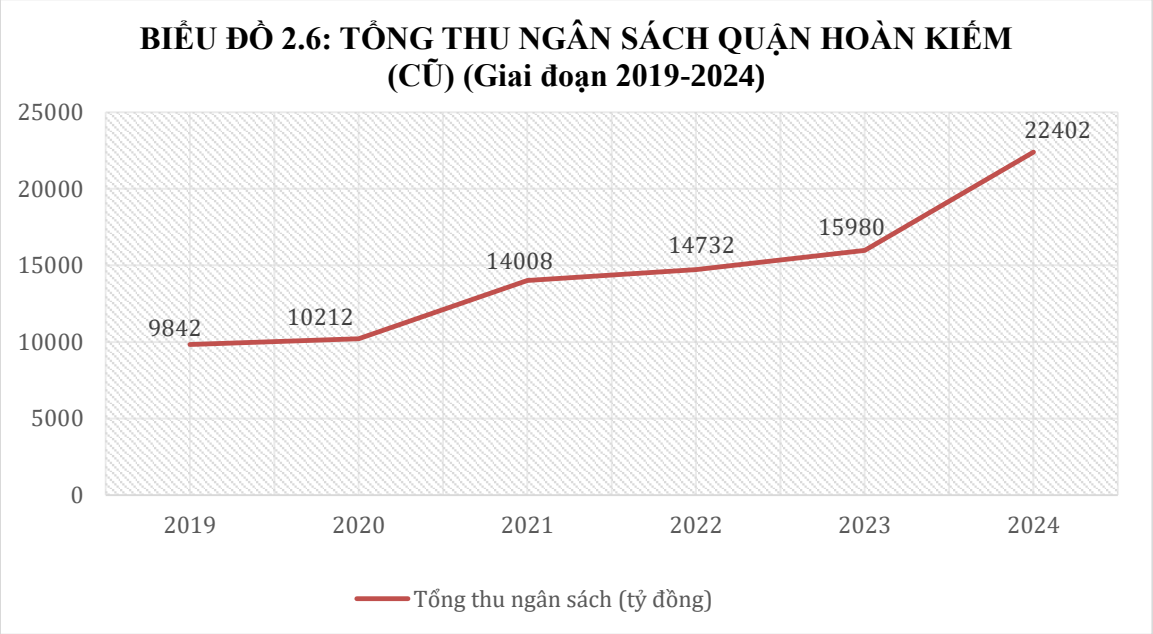

Biểu đồ 2.6: Tổng thu ngân sách trên địa bàn quận Hoàn Kiếm (cũ) từ năm 2019 đến năm 2024 (Nguồn: Quận ủy Hoàn Kiếm (cũ))

Ngoài ra, DSVH góp phần thúc đẩy chuỗi giá trị gia tăng trong phát triển kinh tế khu phố cổ Hà Nội thông qua việc xây dựng các sản phẩm OCOP đa giá trị, tiêu biểu như nhóm sản phẩm OCOP về thực phẩm, đồ ăn (với nhiều món ăn nức tiếng); thủ công mỹ nghệ (sản phẩm nghề gốm, nghề kim hoàn, nghề chạm khắc gỗ, nghề dệt thủ công, nghề thêu, nghề khảm xà cừ…), được gắn kết với du lịch văn hóa…; qua đó không chỉ giữ gìn được giá trị đặc sắc của Hà Nội mà còn tăng khả năng cạnh tranh và giá trị kinh tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương.

Với khu phố cổ Hội An: Theo kết quả điều tra xã hội học của NCS, có thể thấy đa phần người được khảo sát đều đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng của DSVH với các hoạt động kinh tế ở Hội An (xem biểu đồ 2.7).

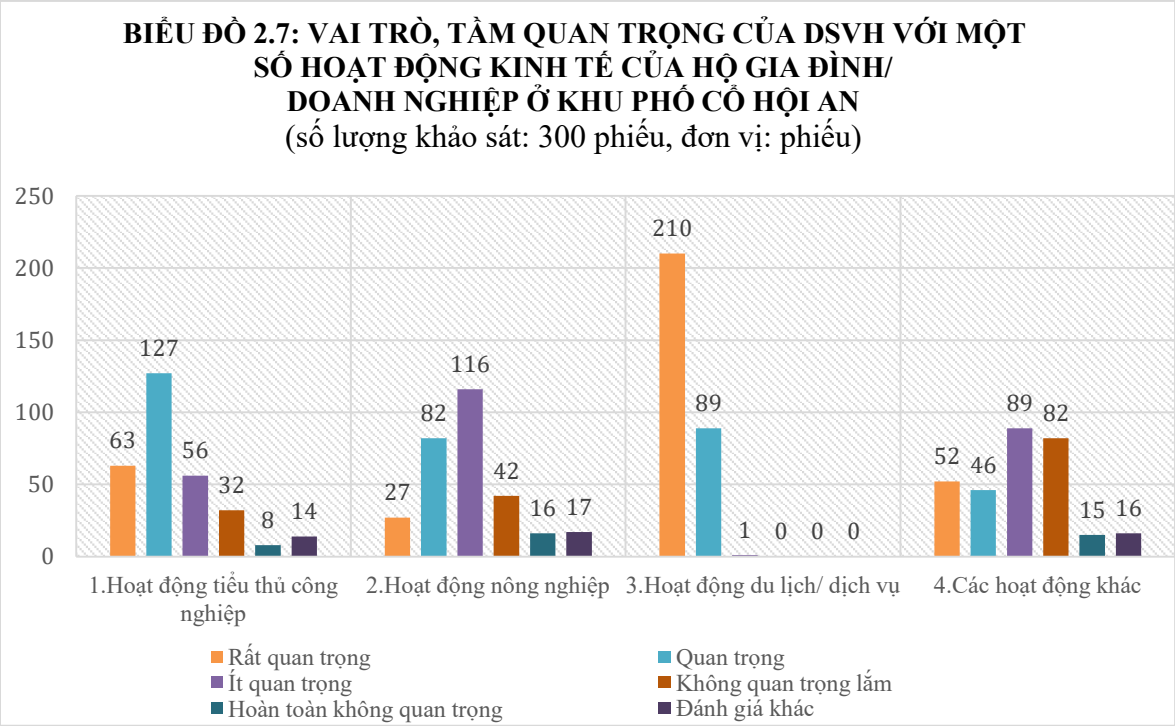

Biểu đồ 2.7: Vai trò, tầm quan trọng của DSVH với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp ở khu phố cổ Hội An

(Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Với hoạt động du lịch/dịch vụ, phần đông người được khảo sát tại Hội An đều đánh giá DSVH có vai trò, vị trí "rất quan trọng" và "quan trọng" với số phiếu lần lượt là 210/300 phiếu và 89/300 phiếu, chiếm 99,7%; còn lại chỉ 0,3% (1/300 phiếu) đánh giá là "ít quan trọng", không có ý kiến nào đánh giá "không quan trọng lắm", "hoàn toàn không quan trọng" và "đánh giá khác". Với hoạt động tiểu thủ công nghiệp, số phiếu đánh giá DSVH có vai trò, vị trí "rất quan trọng" và "quan trọng" lần lượt là 63/300 phiếu và 127/300 phiếu, chiếm 63,3% số người được khảo sát.

Ở các hoạt động nông nghiệp và hoạt động khác, các đánh giá có phần đa dạng hơn chứ không tập trung vào một hay hai mức cụ thể như ở hoạt động du lịch/dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp do người được khảo sát có nhiều đánh giá khác nhau. Tuy số phiếu đánh giá vai trò của DSVH ở mức "rất quan trọng" và "quan trọng" không cao so với hoạt động du lịch/dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp, song không phải là quá thấp với tổng số phiếu ở hai mức này là 109 (27 và 82), chiếm 36,3% và 98 (52 và 46), chiếm 32,7%; mức đánh giá "ít quan trọng" đang giữ vị trí cao nhất với lần lượt số phiếu là 116 (38,7%) và 89 phiếu (29,7%), mức "đánh giá khác" là 16 và 17 phiếu cũng cao hơn so với mức này ở các hoạt động du lịch/dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Điều này có thể lý giải bởi nguyên do ngành du lịch/dịch vụ chiếm gần 64%

trong tổng cơ cấu kinh tế thành phố Hội An (cũ) và là ngành kinh tế chủ yếu ở khu phố cổ Hội An. Với việc phát huy hiệu quả giá trị của hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể vô cùng đặc sắc trong phát triển du lịch, Hội An liên tục nhiều năm đứng trong tốp đầu các điểm đến di sản hấp dẫn nhất châu Á và thế giới, là một trong địa phương đi đầu cả nước trong phát triển kinh tế di sản, nhất là ngành du lịch văn hóa. Có thể nói, ngành du lịch/dịch vụ là một trong những ngành mũi nhọn có đóng góp lớn với sự phát triển KT - XH của địa phương. Điều này cũng được người dân tại phường Hội An khẳng định trong cuộc phỏng vấn sâu của chúng tôi:

"Ở quê tôi đi đâu cũng thấy các kiến trúc rất độc đáo. Rồi Hội An còn có nhiều lễ hội nữa, có nghệ thuật hô hái bài chòi, nhiều món ăn ngon… (cười). Tôi nghĩ những DSVH đó chính là điểm khác biệt để Hội An thu hút khách du lịch từ các vùng, miền cả nước và khách quốc tế. Nhờ đó mà người dân chúng tôi buôn bán, làm ăn cũng thuận lợi hơn, đời sống ngày càng được cải thiện" [mã: A6, Phụ lục 3B].

Bên cạnh đó, tiểu thủ công nghiệp là một ngành có nhiều thế mạnh, tiềm năng của Hội An gắn với du lịch văn hóa đã mang lại hiệu quả rõ rệt cho KT - XH của Hội An. Các phường Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây hiện còn lưu giữ được nhiều nghề truyền thống. Các làng nghề thủ công với không gian văn hóa, DSVH, sản phẩm văn hóa cùng những nghệ nhân luôn hiện hữu không chỉ trong tâm thức của mỗi người dân mà còn sống động trong đời sống cộng đồng. Bởi vậy, với đa phần người được khảo sát, DSVH giữ vai trò rất quan trọng và quan trọng với các hoạt động kinh tế, nhất là ở lĩnh vực du lịch/dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Về nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác, nhìn chung, người dân cũng nhận thức được vai trò của DSVH song chưa thực sự rõ nét; một số cho rằng DSVH còn rất nhiều tiềm năng chưa được khai thác hiệu quả ở một số ngành, nghề, địa phương. Điều này thống nhất với khảo sát của NCS về các tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế tại khu phố cổ Hội An được thể hiện qua biểu đồ 2.8 cho thấy đa số các ý kiến được khảo sát cho rằng DSVH có tác động rất tốt và khá tốt tới các hoạt động kinh tế chính ở khu phố cổ Hội An (63% với nông nghiệp, 91,3% với tiểu thủ công nghiệp, 93% với du lịch/dịch vụ và 79,3% với các hoạt động kinh tế khác.

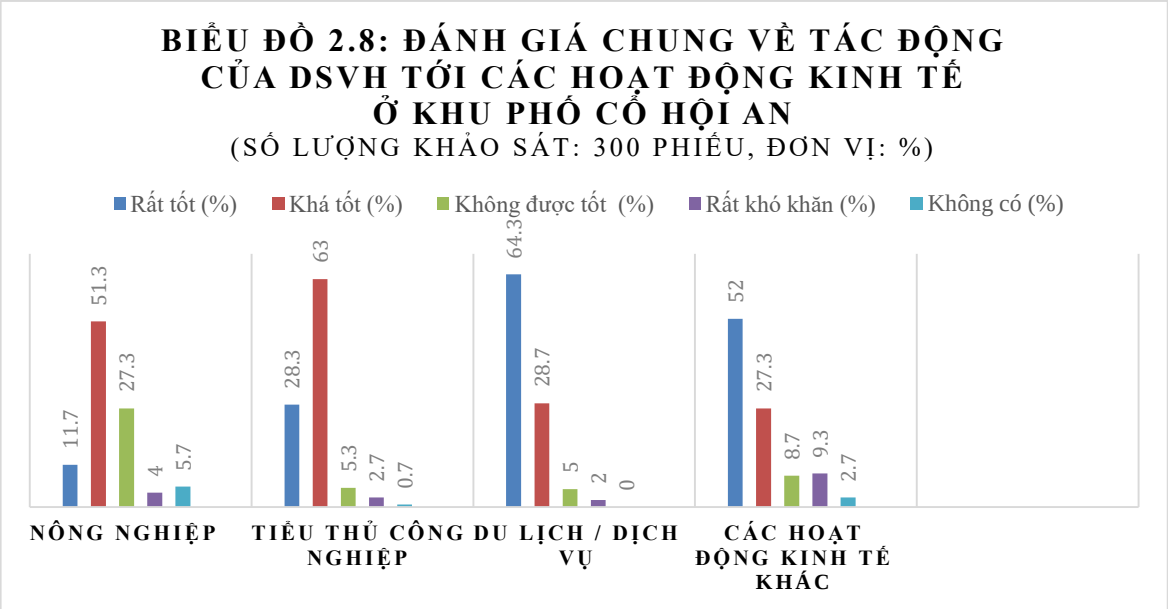

Biểu đồ 2.8: Đánh giá chung về tác động của DSVH tới các hoạt động kinh tế ở khu phố cổ Hội An (Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Trên thực tế, thời gian qua, hệ thống DSVH vô cùng phong phú của Hội An đã được "vốn hóa", thành "đầu vào" để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn. Các điểm đến mang đặc trưng sinh thái, làng nghề được tập trung hoàn thiện, góp phần tạo nên nét riêng có của Hội An. Năm 2023, Hội An thực hiện thành công bước đầu Đề án "Phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ" ra tuyến đường Phan Châu Trinh cùng các Lễ cúng Cầu Bông Trà Quế, Lễ giỗ tổ nghề Mộc Kim Bồng, Lễ cúng thần nông, Lễ giỗ tổ nghề gốm Thanh Hà, Lễ hội cầu ngư Cửa Đại…

Từ năm 1996, Hội An đã có nhà biểu diễn nghệ thuật cổ truyền Hội An với nhiều diễn viên, nghệ sĩ dân ca, múa, hát tuồng và nhạc công các loại nhạc cụ dân tộc để biểu diễn các tiết mục nghệ thuật truyền thống, tạo nên nét nổi bật trong các sản phẩm văn hóa đặc trưng dựa trên DSVH (như nghệ thuật Bài chòi, Lễ hội Tết Nguyên tiêu, Lễ hội tết Trung thu ở Hội An…); là chất liệu cơ bản của các sản phẩm văn hóa - du lịch đầy sáng tạo và độc đáo của Hội An (các chương trình Đêm phố cổ, Phố dành cho người đi bộ, Đêm Hoài Giang, hô hát bài chòi và chơi bài chòi…). Trong đó Lễ hội trăng rằm Hội An (Đêm rằm phố cổ) được đông đảo độc giả của nhiều tạp chí du lịch nổi tiếng thế giới bình chọn xếp hạng là địa điểm thú vị thích hợp cho việc trải nghiệm và tận hưởng cuộc sống về đêm.

Hội An còn có một số không gian văn hóa sáng tạo điển hình như Đảo Ký ức Hội An với nhiều sản phẩm văn hóa tiêu biểu như show diễn thực cảnh quy mô lớn nhất và hay nhất Việt Nam mang tên "Ký ức Hội An"; nhà hát bằng tre duy nhất tại

Việt Nam - Trung tâm Lune Hội An với nhiều chương trình được biểu diễn có sự kết hợp độc đáo giữa xiếc và nghệ thuật dân gian...; Công viên Đất nung tại làng gốm Thanh Hà - không gian kiến trúc độc đáo, hội tụ đông đảo kiến trúc sư, nghệ sĩ, nghệ nhân trong và nước ngoài tham gia các xưởng sáng tác, tạo mẫu và giao lưu văn hóa, nghệ thuật, truyền nghề cho thiếu nhi…

Năm 2024 - kỷ niệm 25 năm Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận DSVH thế giới, khu phố cổ Hội An tổ chức nhiều hoạt động văn hóa hấp dẫn và giàu ý nghĩa, như tọa đàm "Những dấu ấn trên chặng đường bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Đô thị cổ Hội An"; triển lãm Di sản Hội An qua tranh; trưng bày ảnh trực tiếp tại đình Hội An và trưng bày online... Nhiều sản phẩm văn hóa - du lịch, điểm đến mới được triển khai, như việc xây dựng tuyến phố văn minh thương mại tại đường Nguyễn Thị Minh Khai và đường Trần Phú; khai trương Bảo tàng thổ sản, phát triển một số loại hình kinh tế đêm, chợ thủ công, chợ OCOP ven sông Cổ Cò tại phường Hội An Tây (Cẩm An cũ) gắn với du lịch vùng sông nước. Du khách đến Hội An không chỉ để tham quan các DSVH, tìm hiểu về lịch sử địa phương, mà còn được trải nghiệm, tham gia các lớp học thủ công mỹ nghệ, thưởng thức văn hóa ẩm thực, từ đó tạo ra một lượng lớn doanh thu từ dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, bán lẻ, vận tải… Từ cuối năm 2022 đến nay, du lịch ở Hội An đã có những bước phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 với số lượt khách du lịch ngày càng tăng, đóng góp ngày càng lớn với sự phát triển KT - XH thành phố Hội An (cũ) [106] (xem bảng 2.4).

Bảng 2.4: Thống kê số lượng khách du lịch đến Hội An giai đoạn 2019-2024

(Nguồn: UBND thành phố Hội An (cũ))

	Năm 2019	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**
Tổng lượng khách du lịch (triệu lượt)	5,35	0,923	0,158	1,536	4	4,426
Khách quốc tế (triệu lượt)	4	0,658	0,008	0,28	3	3,574

Sự hồi phục của ngành du lịch Hội An thể hiện rõ nét qua tổng doanh thu toàn ngành du lịch, đóng góp ngày càng nhiều vào tổng giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) [113] (xem bảng 2.5 và biểu đồ 2.9).

Bảng 2.5: Tổng hợp tổng giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) và doanh thu ngành du lịch thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024

(Nguồn: UBND thành phố Hội An (cũ)); đơn vị: tỷ đồng

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng giá trị sản xuất	11.780,9	7.610,4	3.856	4.661	6.930	7.728,07
Doanh thu du lịch	5.300	771	135	712	4.139,7	5.231,104

Số liệu của bảng 2.5 được biểu diễn bởi biểu đồ 2.9 dưới đây:

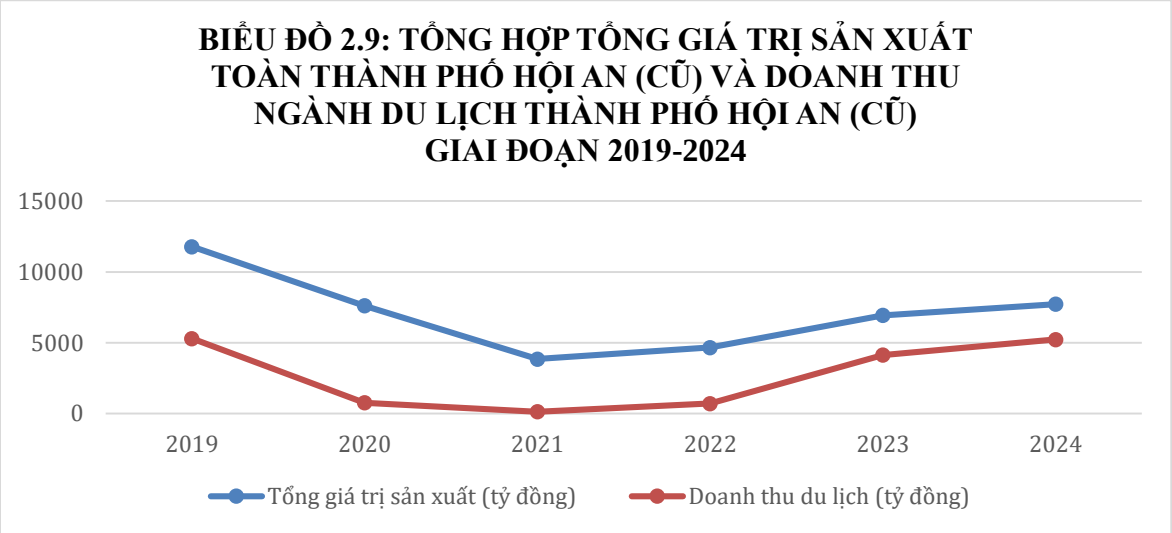

Biểu đồ 2.9: Tổng giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) và doanh thu ngành du lịch thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024

(Nguồn: UBND thành phố Hội An (cũ))

Theo dõi biểu đồ 2.9 có thể thấy, doanh thu ngành du lịch ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong giá trị sản xuất toàn thành phố Hội An (cũ) (ngoại trừ các năm ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19), trong đó du lịch văn hóa, du lịch di sản có vị trí quan trọng hàng đầu. Doanh thu ngành du lịch chiếm 45% tổng giá trị sản xuất toàn thành phố năm 2019, gần 60% năm 2023 và 67,8% năm 2024. Như vậy, có thể thấy, nguồn lực DSVH được phát huy hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch, thương mại, dịch vụ ở Hội An.

Thứ hai, DSVH góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy công tác bảo tồn các nghề thủ công truyền thống của hai địa bàn nghiên cứu.

Với khu phố cổ Hà Nội: DSVH góp phần tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm cho người dân khu phố cổ Hà Nội cũng như lan tỏa tới các vùng lân cận, từ các công việc trong ngành du lịch (hướng dẫn viên, nhân viên khách sạn, nhà hàng), đến các công việc như bán hàng, vận tải, nghề thủ công, quản lý di sản… Trong thời gian lưu trú, các du khách vừa tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, vừa có thể xem các buổi biểu diễn nghệ thuật (như múa rối nước, ca trù, chèo), thưởng thức ẩm thực phố cổ, hay tham gia các workshop học làm đồ thủ công, mua bán các sản phẩm quà tặng, đồ lưu niệm… Các hoạt động này tạo ra nguồn thu ổn định cho người dân. Điều này cũng được người dân đồng tình. Trả lời một cuộc phỏng vấn sâu của NCS, đại diện một hộ kinh doanh tại phường Hoàn Kiếm cho biết:

"Nhà chúng tôi đã sinh sống ở phố cổ nhiều đời, cũng gần ngay ngôi nhà di sản ở số 87 phố Mã Mây. Tôi thấy khá đông khách du lịch, nhất là khách nước ngoài tới thăm và thích thú với những ngôi nhà cổ của Hà Nội. Cũng vì thế mà hàng quán xung quanh đây kinh doanh cũng tốt. Nếu không có gì để thu hút, hấp dẫn khách thì họ đã không đến đây nhiều như vậy và nhà tôi cũng như các hộ kinh doanh ở đây cũng không biết bán cho ai (cười)" [mã: HK3, Phụ lục 3A].

Ngoài ra, một số phố nghề truyền thống ở khu phố cổ đang được hồi phục và duy trì, như phố Hàng Gai (kinh doanh tơ lụa); phố Lãn Ông (kinh doanh đông nam dược); phố Hàng Bạc (kinh doanh nghề kim hoàn)…, đóng góp vào sự phát triển ngành thương mại dịch vụ - ngành thế mạnh và trọng tâm của quận Hoàn Kiếm (cũ). Các nghề thủ công truyền thống, như nghề chạm khắc gỗ, nghề kim hoàn, nghề thêu, nghề khảm xà cừ, nghề gốm, đúc đồng… và các sản phẩm tinh xảo ở khu vực phố cổ trên cơ sở tụ hội tinh hoa bốn phương đã trở thành mặt hàng được ưa chuộng ở trong nước và còn xuất khẩu ra thế giới, mở ra thị trường rộng lớn, tạo cơ hội cho các nghệ nhân và người dân địa phương gia tăng thu nhập. Chuỗi các hoạt động với tên gọi "Chuyện đình trong phố", giới thiệu phố nghề, nghề thủ công được tổ chức tại các điểm di tích ở phố cổ ngày càng thu hút đông đảo người dân và du khách; các phong tục, tập quán, lễ hội, nghệ thuật dân gian,... truyền tải những câu chuyện sản phẩm mang tính nhân văn, phản ánh nét đẹp văn hóa của đất và người Thủ đô được duy trì, tiếp nối.

Với khu phố cổ Hội An: DSVH đã và đang mang lại nhiều lợi nhuận cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ở Hội An, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Du lịch cùng các ngành thương mại, dịch vụ liên quan đến DSVH đã tạo ra hàng nghìn việc làm cho người dân địa phương với sự đa dạng ngành, nghề,

như nhân viên nhà hàng, khách sạn, nhân viên vận tải khách du lịch và hàng hóa, hướng dẫn viên du lịch, các nghệ nhân làm thủ công mỹ nghệ... Với sức hấp dẫn của DSVH mang tầm quốc tế, lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến với Hội An có sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 và ngày càng tăng, giúp tạo thêm nhiều công việc và góp phần cải thiện thu nhập cho cộng đồng dân cư, nhất là các gia đình kinh doanh, buôn bán hoặc có nghề thủ công truyền thống. Có thể nhận thấy sự thay đổi trong thu nhập bình quân đầu người của thành phố Hội An (cũ) qua bảng 2.6 sau đây (theo số liệu qua các báo cáo tình hình phát triển KT - XH các năm 2019-2024) [106]:

Bảng 2.6: Tổng hợp thu nhập bình quân đầu người thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024 (Nguồn: UBND thành phố Hội An (cũ))

Năm	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng)
2019	53,1
2020	40,2
2021	36,16
2022	46,53
2023	53,18
2024	64,4

Số liệu của bảng 2.6 được biểu diễn bởi biểu đồ 2.10 dưới đây:

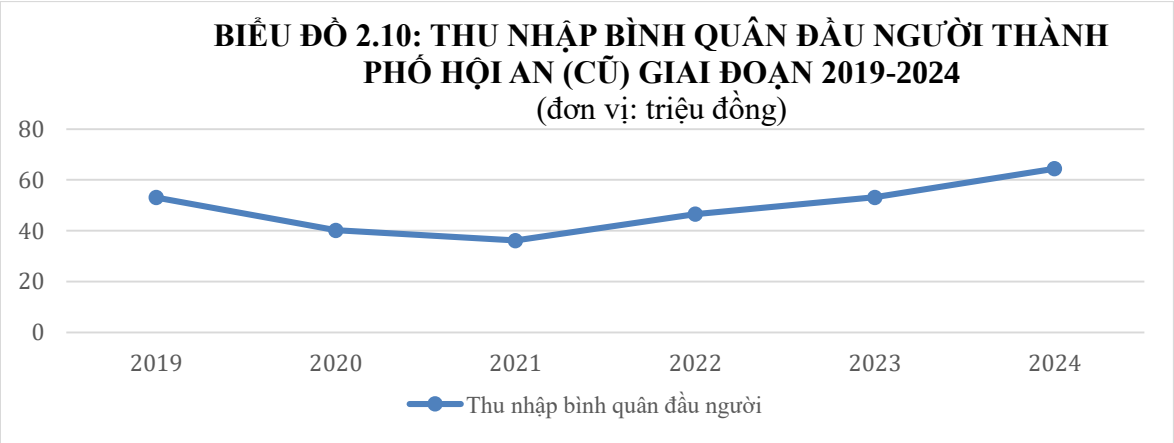

Biểu đồ 2.10: Thu nhập bình quân đầu người thành phố Hội An (cũ) giai đoạn 2019-2024 (Nguồn: UBND thành phố Hội An (cũ))

Theo dõi bảng 2.6 và biểu đồ 2.10, ta thấy thu nhập bình quân đầu người ở Hội An đã có xu hướng ngày càng tăng (trừ năm 2020, 2021 do ảnh hưởng nặng nề

bởi đại dịch COVID-19), từ năm 2022 tăng dần và đến năm 2023 đạt 53,18 triệu đồng, cao hơn năm 2019 và năm 2024 đã cao hơn năm 2019 là 11,3 triệu đồng. Có thể thấy, nhờ những sản phẩm du lịch, dịch vụ được xây dựng từ "nguyên liệu đầu vào" là các DSVH, cơ cấu kinh tế của thành phố Hội An (cũ), nhất là ở vùng nông thôn được chuyển đổi theo hướng hiện đại gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, thủ công nghiệp. Từ đó, giúp người nông dân tạo ra nguồn sinh kế và làm giàu ngay trên chính quê hương mình, từ chính những lợi thế về DSVH mà cộng đồng là chủ thể sáng tạo và gìn giữ; từ đó hạn chế lượng lớn người dân "ly hương", bỏ làng ra thành phố tìm kiếm công việc, giảm áp lực đô thị hóa, góp phần thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở Hội An.

Có thể nói, Hội An đã trở thành hình ảnh ấn tượng, mang tính quốc gia đối với bạn bè quốc tế. Sức hút từ DSVH đã giúp Hội An xây dựng được thương hiệu "Điểm đến thành phố văn hóa hàng đầu thế giới" liên tục trong 4 năm (2019, 2021, 2022, 2023); một trong những thành phố được yêu thích nhất thế giới và châu Á.

Là thành viên của UCCN, thành phố Hội An (cũ) tập trung bảo tồn, phát triển nhiều làng nghề thủ công với hệ sinh thái di sản làng nghề hết sức đa dạng, từ không gian văn hóa, các di sản gắn với làng nghề, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đến những bí kíp, lễ hội, nghệ thuật dân gian, sinh hoạt văn hóa làng nghề... Các làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng, làng chiếu Cẩm Kim, làng rau Trà Quế… tạo thành một hệ thống vành đai làng nghề bao quanh khu phố cổ, gắn bó chặt chẽ với sự phát triển kinh tế, thương mại và đời sống cư dân của khu phố cổ Hội An. Ví dụ như nghề gốm Thanh Hà ngày càng được mở rộng để cung cấp gạch ngói lợp cho hoạt động xây dựng, phục dựng, tu bổ, tôn tạo các ngôi nhà cổ hoặc sản xuất các vật dụng như bình, lọ, niêu, nồi… cho sinh hoạt hằng ngày của người dân ở các khu vực xung quanh. Làng yến Thanh Châu, làng rau Trà Quế cũng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách về sản phẩm quà tặng, thưởng thức văn hóa ẩm thực địa phương, du lịch sinh thái. Làng nghề mộc và nghề nề Kim Bồng được hồi sinh thông qua các hoạt động chạm khắc, trang trí, tu sửa các di tích đình, chùa, miếu, các ngôi nhà cổ… và ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn với du khách. Điều này cũng được người dân tại phường Hội An Tây (xã Cẩm Hà cũ) khẳng định trong cuộc phỏng vấn sâu của chúng tôi: "Nhà tôi cùng bà con làng xóm xưa nay vẫn trồng rau theo kinh nghiệm mà ông bà tích lũy, truyền lại để vườn rau luôn xanh tươi, chống chịu sâu bệnh tốt và có

hương vị đặc biệt không giống nơi khác. Du khách đến với phố cổ Hội An thường cũng hay ghé qua làng tôi để trải nghiệm việc làm đất, gieo hạt, trồng rau…; hoặc đạp xe tham quan, giải khát bằng nước từ hạt rau é, ăn các món ăn với rau húng, hẹ, é,… Nhờ đó, thu nhập chúng tôi ngày càng cải thiện (khoảng 70 triệu/năm)" [mã: A8, Phụ lục 3B].

Từ năm 2006 đến nay, UBND thành phố Hội An (cũ) đã chỉ đạo xây dựng hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng cho các sản phẩm nghề thủ công, tiêu biểu như đèn lồng Hội An, gốm Thanh Hà, mộc Kim Bồng, tre dừa Cẩm Thanh, rau Trà Quế, yến sào Cù Lao Chàm, bánh ít Cù Lao Chàm, may Hội An, cao lầu Hội An…; xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm OCOP tại đường Nguyễn Thái Học - trung tâm phố cổ Hội An. Những "đại sứ văn hóa" này ngày càng thu hút du khách mua sắm, trải nghiệm, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân ở các làng nghề, khuyến khích nhiều thanh niên trong làng tiếp tục giữ nghề truyền thống. Việc gắn kết các DSVH làng nghề với các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm cũng góp phần nâng cao hiệu quả việc bảo tồn và lan tỏa giá trị DSVH làng nghề; thúc đẩy hoạt động đầu tư nâng cấp hạ tầng, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường làng nghề.

Ngoài ra, gần đây, Hội An đã xuất hiện những nghệ nhân tiên phong trong các nghề thủ công, sáng tạo nên các tác phẩm nghệ thuật độc đáo từ đất sét, tre, củi lũ, bẹ dừa nước, gốc cây, các vật liệu tái chế... Nhiều không gian sáng tạo nghề thủ công đã hình thành và bước đầu xác lập được thương hiệu như làng lụa, làng củi lũ, xóm thủ công, xưởng tái sinh, công viên đất nung, vườn giấy Việt... Sự truyền nghề của các nghệ nhân, thợ thủ công cho con cháu giúp nâng cao nhận thức của người dân về tinh hoa và tri thức làng nghề Hội An, lan tỏa và tiếp nối những giá trị DSVH. Như vậy, có thể thấy, DSVH trực tiếp và gián tiếp góp phần bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống ở Hội An.

Thứ ba, DSVH góp phần gia tăng cố kết cộng đồng, tạo cơ sở để thúc đẩy giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa và sáng tạo những giá trị văn hóa mới ở hai địa bàn nghiên cứu.

Với khu phố cổ Hà Nội: Hệ thống DSVH tại khu phố cổ Hà Nội là chứng nhân sống động của quá khứ với những câu chuyện, ký ức của các thế hệ cha ông qua bao thăng trầm của lịch sử, tạo nền tảng vững chắc để kết nối cộng đồng qua nhiều thế kỷ. Các hoạt động bảo tồn và phát huy DSVH thời gian qua đã góp phần tạo ra không

gian công cộng, môi trường văn hóa nơi người dân có thể thực hành các sinh hoạt văn hóa, cùng nhau tham gia vào các hoạt động cộng đồng, như các lễ hội, sự kiện văn hóa được tổ chức quanh các di sản lịch sử tại khu phố cổ…, bởi vậy, người dân địa phương cũng như các du khách thập phương được trải nghiệm và gắn kết trong một không gian chung, có thể chia sẻ, học hỏi và cùng nhau tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống. Hiện nay, đô thị hóa đang tạo ra nhiều áp lực đối với bảo tồn DSVH, vì vậy việc tham gia các sinh hoạt văn hóa giúp người dân Hoàn Kiếm ý thức sâu sắc hơn về cội nguồn, trân trọng lịch sử, thêm yêu và tự hào về quê hương, đất nước, tăng cường sự gắn kết giữa các thế hệ, giữa các cá nhân và cộng đồng, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị các DSVH; qua đó góp phần xây dựng một cộng đồng gắn bó và đô thị bền vững. Trả lời cuộc phỏng vấn sâu của NCS, một người dân ở phường Hoàn Kiếm chia sẻ:

"Tôi bán nước ở phố Hàng Bạc lâu lắm rồi, thấy ở đây hoạt động buôn bán cũng sầm uất, quán nước của tôi đủ nuôi cả nhà. Khách du lịch và người dân cũng hay đến đây mua một số đồ kim hoàn, trang sức và các hàng hóa khác, với đến thăm đình Kim Ngân là nhiều, nhất là dịp lễ hội đình Kim Ngân và Hội nghề kim hoàn. Người dân như tôi náo nức lắm, thấy vui khi được hòa vào không khí lễ hội cùng mọi người dân phố cổ và khách du lịch, thấy gắn bó và yêu hơn với nơi mình sống ấy" [mã: HK5, Phụ lục 3A].

Bên cạnh đó, DSVH ở khu phố cổ Hà Nội là một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong thúc đẩy các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa với nhiều chương trình đặc sắc. Đặc biệt trong những ngày tháng 10 lịch sử của năm 2024, "Ngày hội văn hóa vì hòa bình" kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô và kỷ niệm 25 năm Hà Nội được vinh danh "Thành phố vì hòa bình" đã được tổ chức rất thành công với sự hưởng ứng của đông đảo người dân Thủ đô và khách du lịch, khơi dậy và lan tỏa mạnh mẽ tinh thần yêu chuộng hòa bình, thanh lịch, văn minh của người Hà Nội; Lễ hội Áo dài du lịch Hà Nội 2024 đã góp phần quảng bá nét đẹp truyền thống của người Hà Nội và dân tộc Việt Nam; Lễ hội Thiết kế sáng tạo Hà Nội 2024 với chủ đề "Giao lộ sáng tạo" với hàng nghìn nhà sáng tạo, các hoạt động cộng đồng hấp dẫn cùng các hội thảo, tọa đàm về các lĩnh vực thiết kế, kiến trúc, di sản và các lĩnh vực khác (chủ yếu diễn ra ở khu phố cổ Hà Nội), qua đó góp phần lan tỏa tinh thần sáng tạo và tình yêu dành cho Hà Nội, nâng cao sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng trong và ngoài nước; tạo ra nhiều cơ hội hợp tác trong

lĩnh vực văn hóa, giáo dục, du lịch… Các hoạt động văn hóa tại các điểm di sản của phố cổ Hà Nội đã đáp ứng nhu cầu văn hóa của người dân và khách du lịch, nâng cao đời sống văn văn hóa của người dân, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Với khu phố cổ Hội An: Hội An là nơi lưu giữ, bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các DSVH. Nhiều loại hình di sản đã và đang có nguy cơ mai một được đầu tư phục hồi, duy trì tốt; tiêu biểu là tục dựng cây nêu ngày tết, sau 12 năm phục hồi đã trở thành phong trào rộng khắp tạo nét đẹp văn hóa ngày tết đặc sắc trong cộng đồng cư dân ở Hội An, lưu giữ những phong tục, tập quán tốt đẹp, từ đó bồi đắp thêm tình yêu và sự gắn bó với quê hương, đất nước. Các làng nghề bảo tồn được cảnh quan, nghề thủ công truyền thống, kho tàng văn nghệ dân gian phong phú, văn hóa ẩm thực đặc sắc…, từ đó nâng tầm và xây dựng trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn; các lễ hội, sự kiện văn hóa định kỳ được duy trì tổ chức chuyên nghiệp. Hoạt động bảo tồn DSVH và không gian văn hóa gắn kết với các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa ở Hội An luôn có sự tham gia của cộng đồng và du khách, qua đó góp phần gia tăng sự cố kết cộng đồng, tăng cường trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị DSVH trong mỗi người dân Hội An cũng như trách nhiệm với DSVH nói chung của du khách khi tới mỗi điểm đến di sản.

Ở Hội An cũng có nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật, quy định về bảo tồn DSVH hiệu quả; những nội dung quan trọng được tổ chức thành hội nghị tập trung tại địa bàn dân cư, hay thông qua các tài liệu in ấn, tổ chức tham quan du lịch, hội thảo, tọa đàm khoa học, triển lãm, các kênh thông tin truyền thông, website, các sự kiện, lễ hội văn hóa để du khách hiểu, yêu mến và đến nhiều hơn với Hội An. Thành phố Hội An (cũ) cũng chú trọng mở các lớp dân ca, bài chòi, nhạc cụ dân tộc đào tạo diễn viên, nhạc công cho phong trào cơ sở; phát hiện, tuyển chọn đội ngũ diễn viên, cộng tác viên nòng cốt của phong trào văn hóa - văn nghệ, sự kiện, lễ hội của thành phố; đưa chương trình dạy hát dân ca vào các trường học và các lớp dạy hát dân ca, múa dân gian, nhạc cụ dân tộc cho thiếu nhi vào các dịp hè (từ năm 2004 đến nay); mở lớp học hát dân ca - bài chòi hằng đêm tại hoạt động "Phố đêm" trong khu phố cổ cho các em học sinh (từ năm 2010). Các hội diễn/liên hoan đàn và hát dân ca hoặc hội thi dân ca - hô hát bài chòi, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới", mô hình văn hóa ở gia đình, tộc họ, khu dân cư, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cửa hàng, cửa hiệu, nơi công cộng... được nhân dân đồng tình hưởng ứng, tạo nên tinh thần đoàn

kết, chung sức, chung lòng cùng bảo tồn, gìn giữ DSVH.

Đề án 1956/UBND về "Xây dựng Hội An - Thành phố sáng tạo giai đoạn 2024-2027, định hướng đến năm 2030 (Lĩnh vực thủ công và nghệ thuật dân gian)" đã đề ra Dự án cấp thành phố "Mộc Kim Bồng - khơi nguồn sáng tạo" nhằm phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, tạo ra giá trị tăng thêm cho người dân thông qua phát triển du lịch bền vững, lan tỏa khởi nghiệp sáng tạo; Dự án "Ươm mầm sáng tạo tài năng trẻ", đưa nghệ thuật dân gian trở thành bộ môn giáo dục cho học sinh 36 trường học các cấp trong toàn thành phố; tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành tại các không gian mở; Dự án "Sáng tạo Hội An qua môi trường công nghệ số", xây dựng không gian phản chiếu tài sản văn hóa và sáng tạo của thành phố; quảng bá, kết nối ý tưởng và tăng sự tiếp cận, thụ hưởng văn hóa và sáng tạo cho mọi công dân; các dự án quốc tế là: Liên hoan nghệ thuật dân gian quốc tế tại Hội An; Lễ hội đèn lồng quốc tế (định kỳ 02 năm tổ chức một lần với sự tham gia của các thành viên quốc tế, với sự hợp tác giữa các đối tác công - tư với các thành phố có thực hành sáng tạo đèn lồng trên thế giới); Ngôi nhà sáng tạo Hội An (chương trình hợp tác trong nước và quốc tế về đào tạo, chia sẻ kiến thức, trao đổi kinh nghiệm và thực hành sáng tạo trong các lĩnh vực sáng tạo của mạng lưới UCCN). Các dự án trên góp phần lan tỏa sức sáng tạo ở Hội An và cả nước, phát triển nghề thủ công và nghệ thuật dân gian của Hội An theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Ngoài ra, với đặc thù thương cảng sớm, Hội An đã và đang chủ động thiết lập, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực DSVH. Nhiều tổ chức của UNESCO, các tổ chức của Chính phủ và phi chính phủ nước ngoài, nhất là đối với đối tác Nhật Bản được gắn kết, mở rộng và ngày càng hiệu quả. Từ năm 1999 đến nay đã có hơn 300 lượt đoàn khách quốc tế đến Hội An hợp tác nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm bảo tồn DSVH, hợp tác tổ chức hội thảo, lễ hội... Nhiều tình nguyện viên (Nhật Bản, Đức, Australia) là những chuyên gia trên lĩnh vực bảo tồn di sản đến giúp đỡ các hoạt động quản lý, tu bổ và phát huy giá trị di sản tại Hội An. Cùng với đó là nhiều lễ hội, sự kiện giao lưu văn hóa quốc tế, như Lễ hội giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản, Ẩm thực quốc tế, Liên hoan âm nhạc ASEAN và kết nối biểu diễn văn hóa nghệ thuật dân gian tại nhiều quốc gia (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ý, Đức, Mỹ…), Lễ hội đèn lồng Hội An lần thứ 3 tại thành phố Wernigerode (Đức) và Ngày văn hóa Hội An tại Paris (Pháp) đã góp phần quảng bá DSVH Hội An đến cộng đồng quốc tế. DSVH mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế cho Hội An trong việc bảo tồn DSVH, phát triển du lịch;

thu hút nguồn lực và đầu tư quốc tế.

Như vậy, có thể thấy, DSVH có nhiều tác động tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH của khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, DSVH cũng có một số tác động tiêu cực, ảnh hưởng tới hoạt động KT - XH, cụ thể là:

Ở khu phố cổ Hà Nội, một số làng nghề, phố nghề còn thải ra các chất thải rắn, độc hại, tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và các hoạt động kinh tế khác (như tuyến phố Hàng Bạc, Hàng Đồng, Hàng Thiếc). Ở nhiều tuyến phố trung tâm còn có hiện tượng lấn chiếm vỉa hè của các hộ làm nghề, gây ách tắc giao thông, ảnh hưởng đến mĩ quan đô thị, như phố Hàng Tre, Hàng Nón, Hàng Mã… Nhiều hộ dân không được xây dựng, cải tạo nhà cửa do những quy định về bảo tồn DSVH, dẫn tới tình trạng nhiều thế hệ phải chung sống trong không gian chật chội, bí bách của các căn hộ phố cổ đã xuống cấp, không bảo đảm an toàn. Việc sống trong "phố cổ" được người dân ví như sống trong "phố khổ", ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư ngay giữa đô thị lớn với vị thế Thủ đô như Hà Nội; từ đó đặt ra bài toán về giải quyết vấn đề bảo vệ di sản hay hy sinh di sản vì phát triển KT - XH.

Ở khu phố cổ Hội An, nhiều hộ dân phải đối mặt với nguy cơ mất an toàn tính mạng khi phải sống trong những ngôi nhà cổ đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng không có khả năng sửa chữa, trùng tu do nguồn kinh phí quá lớn lên đến hàng tỷ đồng, vượt quá khả năng của người dân. Theo Trung tâm Bảo tồn DSVH thế giới Hội An, trên thực tế, việc thực hiện giải pháp hạ giải di tích để trùng tu, nhất là đối với di tích thuộc sở hữu tư nhân, đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn khả năng chống đỡ luôn gặp nhiều khó khăn vì có di tích là nhà thờ tộc họ, có di tích là sở hữu chung của nhiều thành viên. Hiện nay, nhiều di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc ở Hội An bị xuống cấp nghiêm trọng, không còn giải pháp chống đỡ, gồm nhà số 56/10 Lê Lợi, 76/18 Trần Phú, hội quán Ngũ Bang đều là các di tích loại I và II, thuộc sở hữu tập thể, không có người đại diện về pháp lý cũng như trách nhiệm để đứng ra lo việc tu bổ, sửa chữa. Nhiều di tích nhà cổ ở Hội An xuống cấp tới mức không thể ở được nhưng cũng không thể hạ giải, trùng tu vì ngôi nhà đã trải qua quá nhiều chủ sở hữu, liên quan đến nhiều đời. Nhiều nhà cổ có tuổi đời sử dụng đã hàng trăm năm, trị giá hàng chục tỷ đồng ở vị trí đắc địa bậc nhất Hội An đang trong diện không thể chống đỡ, trùng tu, mà buộc phải hạ giải. Nhưng việc hạ giải cũng chưa thể tiến hành do chưa làm việc được với người đại diện pháp lý. Hoặc khu đất ở 76/18 Trần Phú nguyên là

đất của dòng tộc, rộng hàng ngàn mét vuông nhưng giờ đây đã có 3 gia đình con cháu các thế hệ của dòng tộc này cư ngụ. Nhiều năm qua đây là một trong những căn nhà xuống cấp nặng nhất, tốn không ít công sức và tiền của để gia cố, chống mối mọt. Hiện nay một trong ba ngôi nhà trên khu đất này gần như không thể chống đỡ nổi, mà phải hạ giải. Tuy nhiên việc thiếu người đại diện về pháp lý, chịu trách nhiệm để đứng ra lo liệu các thủ tục tu bổ khiến mọi việc chưa thể tiến hành. Ngoài ra còn có các nhà cổ trong tình trạng khó xử lý, như các nhà cổ trên đường Lê Lợi, Bạch Đằng, hội quán Ngũ Bang… Thực tế vẫn có tình trạng chủ nhà không đối ứng nên công tác bảo vệ tổng thể không gian, quần thể khu phố cổ còn gặp khó khăn. Điều này ảnh hướng không nhỏ tới tâm lý cũng như ảnh hưởng với việc bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho người dân địa phương, đặt ra vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn bảo tồn và phát huy giá trị DSVH gắn kết với sự phát triển KT - XH của địa phương.

2.1.3. Sự tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến di sản văn hóa tại hai địa bàn nghiên cứu

Các hoạt động KT - XH có tác động nhiều mặt tới DSVH, vừa có tác động tích cực góp phần bảo tồn, phát huy và nâng tầm giá trị các DSVH, định vị thương hiệu địa phương; song cũng có những tác động tiêu cực, tạo nên mâu thuẫn và gây cản trở hoạt động bảo tồn, phát huy DSVH, thậm chí suy giảm tính nguyên vẹn và giá trị cốt lõi của DSVH, tạo nên tính nghịch chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH.

Ở phương diện tích cực:

Thứ nhất, các hoạt động phát triển kinh tế góp phần gia tăng nguồn lực tài chính cho công tác bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Với khu phố cổ Hà Nội: Trong mối quan hệ tương tác, các hoạt động phát triển KT - XH có những tác động tích cực nhất định tới DSVH ở khu phố cổ Hà Nội. NCS thực hiện khảo sát 300 phiếu với 2 nội dung chủ yếu là tác động của nhóm các hoạt động kinh tế và nhóm các hoạt động dân sinh tới DSVH. Nhóm các hoạt động kinh tế gồm hoạt động du lịch, dịch vụ, hoạt động thủ công nghiệp, các hoạt động kinh tế khác. Nhóm các hoạt động dân sinh gồm hoạt động sinh hoạt thường ngày, các sinh hoạt văn hóa. Có thể minh họa tác động của một hoạt động kinh tế tiêu biểu tại địa bàn là hoạt động du lịch, dịch vụ tới DSVH thông qua biểu đồ 2.11 sau đây:

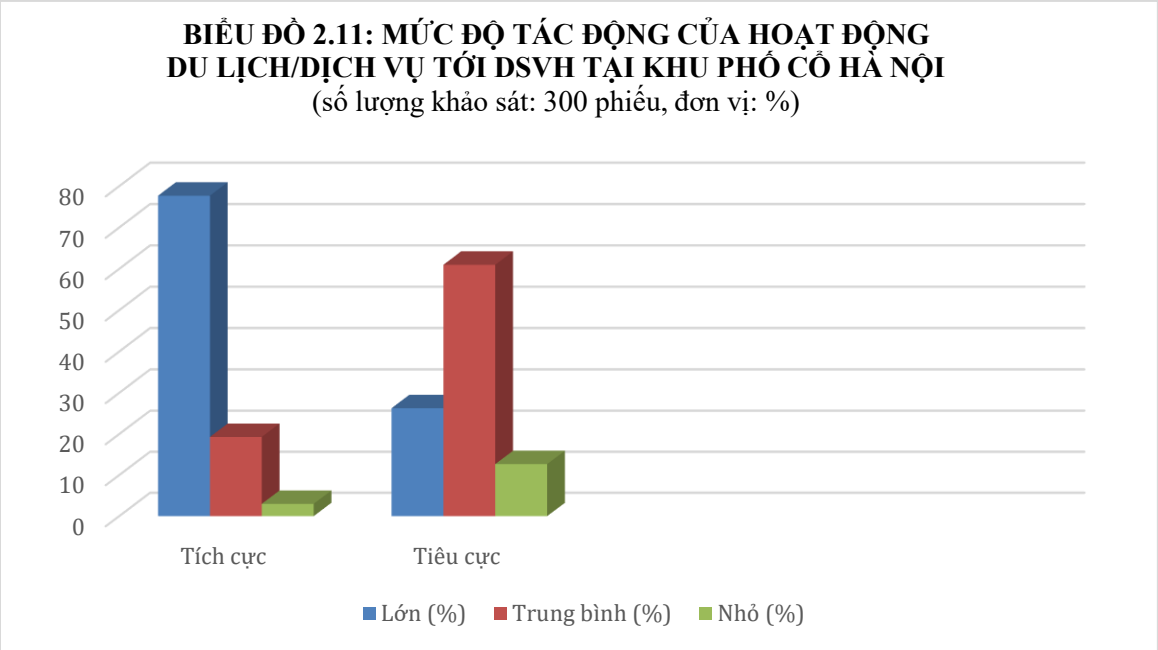

Biểu đồ 2.11: Mức độ tác động của hoạt động du lịch, dịch vụ tới DSVH tại khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Tương tự như biểu đồ 2.11 ở trên, các biểu đồ biểu diễn tác động của hoạt động thủ công nghiệp, hoạt động kinh tế khác, hoạt động sinh hoạt thường ngày, các sinh hoạt văn hóa lên DSVH (xem Phụ lục 7) đều gồm hai khía cạnh đánh giá là tích cực và tiêu cực; ở mỗi khía cạnh đánh giá có 3 mức độ khác nhau là lớn, trung bình và nhỏ. Kết quả điều tra xã hội học của NCS cho thấy, số phiếu đánh giá tác động tích cực của ngành thương mại, dịch vụ, du lịch chủ yếu ở mức lớn với 233/300 phiếu (ứng với 77,7%); còn đánh giá tác động tích cực ở các hoạt động thủ công và hoạt động khác chủ yếu ở mức trung bình (169/300 và 192/300 tương ứng lần lượt là 56,3% và 64%). Có thể lý giải nguyên nhân là do trong cơ cấu kinh tế của quận Hoàn Kiếm (cũ), ngành thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm hơn 98% với nhiều sản phẩm được xây dựng trên cơ sở phát huy giá trị các DSVH. Trong khi đó, các hoạt động thủ công gắn với các làng nghề, phố nghề truyền thống ở khu phố cổ Hà Nội đã mai một khá nhiều qua những thăng trầm của lịch sử và chịu sức ép lớn của kinh tế thị trường và sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại. Do vậy, sự gắn kết và tác động của hoạt động này tới các DSVH ở địa phương chưa nổi bật và không chủ yếu. Các sinh hoạt văn hóa cũng có những tác động tích cực lớn tới DSVH với 125/300 phiếu (ứng với 41,7%, cao hơn so với 2 mức còn lại); các sinh hoạt thường ngày chủ yếu là tác động tiêu cực lớn với 192/300 phiếu (ứng với 64%). Từ việc nghiên cứu các tài liệu thứ cấp và kết quả điều tra xã hội học, NCS nhận thấy, thời gian qua, sự phát triển của

các hoạt động kinh tế, trong đó có sự phát triển của các ngành CNVH, nhất là du lịch văn hóa dựa trên sự khai thác giá trị các DSVH vừa mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, vừa góp phần tăng thu ngân sách; tạo cơ sở cho việc gia tăng nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo, gìn giữ các DSVH từ cả nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính được xã hội hóa bởi các tổ chức, doanh nghiệp có nhiều lợi nhuận từ các hoạt động khai thác, phát huy giá trị DSVH trong sản xuất, kinh doanh. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, doanh thu từ du lịch, dịch vụ, thương mại có thể được sử dụng để tái đầu tư vào công tác duy trì các di tích, cải thiện về kết cấu hạ tầng như hệ thống giao thông, không gian công cộng, các công trình phục vụ du lịch (như các khu phố đi bộ, bảo tàng, trung tâm thông tin di sản…); phát triển các dự án bảo tồn di sản, tái đầu tư một phần vào việc tìm kiếm, lưu trữ, lập kế hoạch và bảo tồn, phát huy bền vững giá trị các DSVH; qua đó giúp tạo ra một môi trường bền vững cộng đồng địa phương.

Thống kê của UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) cho thấy, năm 2023, số lượng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn là 685; số doanh nghiệp ngành du lịch là 265. Năm 2023, tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành du lịch quận năm 2023 là 343,7% với trên 1,7 triệu lượt khách quốc tế có lưu trú. Doanh thu ngành du lịch trong 3 năm gần đây là 2021, 2022 và 2023 lần lượt là 246 tỷ đồng, 896 tỷ đồng và 339 tỷ đồng. Năm 2024, tổng mức doanh thu ngành thương mại - dịch vụ tăng 14,6% (đạt 100,3% so với kế hoạch năm 2024); trong đó doanh thu ngành thương mại tăng 14,3%; doanh thu lưu trú - ăn uống tăng 66,2%; doanh thu du lịch tăng 48,5%; doanh thu ngành dịch vụ khác tăng 8,1%. Số khách du lịch quốc tế lưu trú qua đêm ước tính đạt 2,1 triệu lượt khách [74]. Các hoạt động kinh tế, nhất là thương mại, dịch vụ, du lịch không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, mà còn tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện sinh kế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và có thêm nguồn tài chính cho công tác bảo tồn DSVH. Nhờ tốc độ bình quân tăng trưởng doanh thu thương mại, dịch vụ, du lịch của quận Hoàn Kiếm (cũ) luôn cao (giai đoạn 2020-2023 ước đạt 9,8%, trong đó doanh thu ngành du lịch đạt 21,4 %) và đóng góp lớn vào thu ngân sách nên quận Hoàn Kiếm (cũ) có thêm nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó có hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của quận Hoàn Kiếm (cũ) ở 3 lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo đạt 1.593 tỷ đồng, bằng 53% kế hoạch vốn trung hạn [74]. Cũng nhờ có thêm nguồn lực nên công tác bồi thường, hỗ trợ tái định

cư để giải phóng mặt bằng, di chuyển các hộ dân trong các trường học, các di tích khu vực phố cổ được quận tiếp tục triển khai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tổng thể, việc tái đầu tư, bảo tồn, phục dựng, quản lý, phát huy giá trị các DSVH Thủ đô được đẩy mạnh. Từ năm 2016 đến năm 2024, quận Hoàn Kiếm (cũ) đã đầu tư từ nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa hàng trăm tỷ đồng cho công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích trên địa bàn.

Tính đến hết 30-11-2023, tại không gian đi bộ khu phố cổ Hà Nội, 726 buổi biểu diễn được tổ chức, trong đó 311 buổi biểu diễn do ngân sách quận chi trả và 415 buổi biểu diễn là từ xã hội hóa [104]. Như vậy, con số buổi biểu diễn từ nguồn xã hội hóa chiếm đa số (hơn 63%), chứng tỏ nguồn lực từ các doanh nghiệp và trong nhân dân khá dồi dào và đóng góp ngày càng tích cực cho hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong đời sống cộng đồng.

Bên cạnh đó, trong kỷ nguyên số, các hoạt động kinh tế có nhiều bước phát triển nhờ đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, từ đó ngày càng gia tăng nguồn lực tài chính cho các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong bảo tồn DSVH, trong xây dựng các sản phẩm CNVH dựa trên nguồn lực DSVH. Việc số hóa các di tích, sử dụng công nghệ mô phỏng, công nghệ 3D, công nghệ VR/AR có thể giúp bảo vệ và phục hồi bền vững các di sản cũng như tạo nên sự thú vị, mới mẻ cho các sản phẩm du lịch di sản của khu phố cổ Hà Nội. Quận Hoàn Kiếm (cũ) triển khai xây dựng "Cẩm nang du lịch Hoàn Kiếm" phiên bản song ngữ Anh - Việt bản giấy và bản điện tử (cung cấp thông tin về các DSVH, ẩm thực, lưu trú, gợi ý hành trình khám phá); "App du lịch Hoàn Kiếm"...

Với khu phố cổ Hội An: NCS cũng thực hiện khảo sát 300 đối tượng ở khu phố cổ Hội An về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế và hoạt động dân sinh tới DSVH Hội An và thu được kết quả ở các mức lớn, trung bình và nhỏ (xem Phụ lục 7). Trong nhận thức của những người được khảo sát, số phiếu đánh giá hoạt động du lịch, dịch vụ, hoạt động thủ công nghiệp có tác động tiêu cực chủ yếu ở mức trung bình là nhiều nhất (lần lượt là 132 và 145/300 phiếu, chiếm 41% và 43,8%), số phiếu đánh giá ở mức tiêu cực lớn đều nhỏ hơn so với mức trung bình và nhỏ. Hoạt động sinh hoạt thường ngày có số phiếu đánh giá tiêu cực ở mức lớn là cao nhất với 107/300 phiếu song chỉ chiếm 35,7% (không vượt quá 50%) và về cơ bản không chênh lệch nhiều so với mức trung bình và thấp. Có thể minh họa tác động của

hoạt động kinh tế du lịch, dịch vụ tới DSVH tại Hội An thông qua biểu đồ 2.12 sau đây:

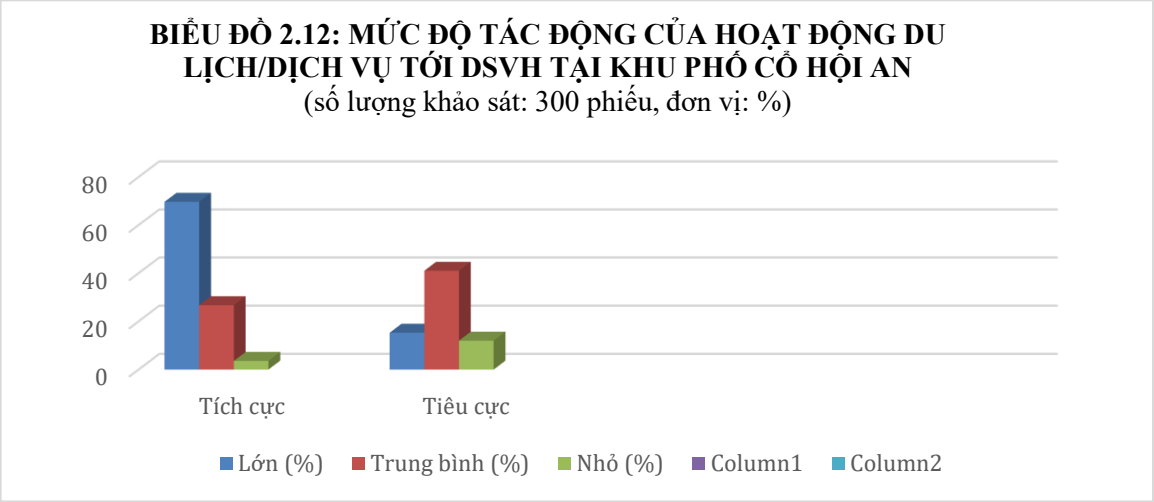

Biểu đồ 2.12: Mức độ tác động của hoạt động du lịch, dịch vụ tới DSVH tại khu phố cổ Hội An (Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Trong cơ cấu kinh tế của thành phố Hội An (cũ), ngành thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm hơn 67%, bên cạnh đó, ngành thủ công nghiệp gắn với nhiều làng nghề truyền thống được bảo tồn và ngày càng phát triển, nhất là khi thành phố Hội An (cũ) được gia nhập UCCN ở lĩnh vực thủ công và nghệ thuật dân gian. Những hoạt động kinh tế này góp phần quan trọng vào công tác bảo tồn, đầu tư tu bổ di sản cũng như nâng cao đời sống nhân dân địa phương, trong đó có khu vực phố cổ Hội An. Thực tế này cũng thể hiện trong kết quả khảo sát khi số phiếu đánh giá tác động tích cực của ngành du lịch, dịch vụ chủ yếu ở mức lớn với 209/300 phiếu (69,7%); đánh giá tác động tích cực ở mức lớn của các hoạt động thủ công là 139/300 (46,3%); còn các đánh giá tác động tích cực ở hoạt động nông nghiệp và hoạt động khác chủ yếu ở mức trung bình và nhỏ. Các sinh hoạt văn hóa cũng có những tác động tích cực ở mức lớn tới DSVH với 142/300 phiếu (chiếm 47,3%, cao hơn so với 2 mức còn lại); số phiếu đánh giá tác động tiêu cực lớn với các sinh hoạt thường ngày tuy cao nhất là 107/300 phiếu (chiếm 35,7%) song không quá 50% và không chênh lệch nhiều so với mức trung bình và nhỏ. Kết quả điều tra xã hội học và một số tài liệu cho thấy, các hoạt động kinh tế liên quan tới di sản ở khu phố cổ Hội An có những đóng góp tích cực cho công tác bảo tồn DSVH trên địa bàn. Năm 2024, tổng giá trị sản xuất (GO) theo giá so sánh năm 2010 của thành phố Hội An (cũ) ước đạt 7.728,07 tỷ đồng (tăng 14,02% so với năm 2023, vượt 4,98% so với kế hoạch), trong đó GO toàn ngành du lịch - dịch vụ - thương mại tăng 15,74% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 65,34% trong

GO toàn thành phố; giá trị sản xuất ngành kinh tế du lịch tăng bình quân hằng năm 19,57%, tổng lượt khách đến Hội An đạt 4-5 triệu lượt/năm, tăng bình quân 20,7%/năm, góp phần nâng tổng thu ngân sách trên địa bàn. Năm 2024, thu nhập bình quân đầu người của thành phố Hội An (cũ) đạt 64,4 triệu đồng, tăng hơn 21 triệu đồng so với năm 2023 (tuy có thấp hơn so với GDP bình quân đầu người cả nước song so với một đô thị cấp tỉnh có diện tích và số dân ít thì con số này ở mức khá hơn so với các đô thị hoặc huyện tương đương trên cả nước) [106].

Thành phố Hội An (cũ) cũng huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, thương mại, các dịch vụ ăn uống, lưu trú; các nguồn ngân sách Trung ương, địa phương, nguồn lực xã hội từ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế (tiêu biểu như tổ chức JICA của Nhật Bản) để bảo tồn, phát huy các DSVH trên địa bàn, nhất là ở khu phố cổ Hội An, cải thiện kết cấu hạ tầng tại khu vực di sản với các dự án bảo tồn, cải tạo các công trình cổ, xây dựng các không gian văn hóa phục vụ du khách và người dân. Chi phí tu bổ các di tích do Nhà nước quản lý được lấy từ ngân sách nhà nước. Còn các di tích do tư nhân quản lý (chiếm đến khoảng 82,8% tổng số di tích ở phố cổ Hội An), tùy thuộc vào từng loại và hiện trạng mà nhận hỗ trợ về tài chính từ ngân sách nhà nước theo tỷ lệ quy định (với trường hợp đặc biệt, tùy theo tình hình tài chính của chủ sở hữu có thể được hỗ trợ lên đến 100%). Đại diện chính quyền thành phố Hội An (cũ) cho biết, nguồn thu từ vé tham quan đang là nguồn thu ngân sách chủ yếu của Hội An và khoảng 50% - 70% trong số này được dùng để tu bổ, tôn tạo các di tích cũng như để hỗ trợ trùng tu đối với di tích tập thể, tư nhân [18]. Kinh phí cho tu bổ các di tích ở Hội An ngày càng cao do tính phức tạp và dễ bị hư hại trước những tác động khắc nghiệt của thời gian và thiên nhiên, nhất là khi biến đổi khí hậu có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới các hệ thống di tích. Vì thế, nguồn lực tài chính từ các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại có đóng góp quan trọng trong công tác bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa ở Hội An.

Hội An được đánh giá là một trong những hình mẫu về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH thông qua sự phát triển kinh tế, nhất là hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại nhờ sự đồng thuận, chung tay của cộng đồng người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Thời điểm sau khi được công nhận là DSVH thế giới, nhiều ngôi nhà cổ đã xuống cấp, chính quyền Hội An và người dân đã nhận thấy được giá trị lớn lao của những DSVH và cùng nỗ lực, chung sức giữ gìn để không phá vỡ cấu

trúc khu di sản, đồng thời khai thác các DSVH để phát triển du lịch nhằm vừa nâng cao đời sống người dân vừa tạo ra nguồn kinh phí để tôn tạo, trùng tu các di tích.

Thời gian qua, Hội An rất chú trọng công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa với kinh phí hàng trăm tỷ đồng, cùng sự tham gia đóng góp lớn của người dân, doanh nghiệp [88]. Hội An cũng tích cực sử dụng nguồn thu từ du lịch trong tái đầu tư nâng cấp chất lượng của hệ thống kết cấu hạ tầng và các thiết chế công cộng của địa phương với việc ngầm hóa toàn bộ hệ thống dây cáp điện khu phố cổ; đầu tư xây dựng thêm khu vực đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng; cải thiện hệ thống thu gom rác thải và vận hành hiệu quả nhà máy xử lý rác thải… Nhờ đó, đến nay, không gian quần thể kiến trúc đô thị truyền thống ở Hội An được bảo tồn tốt và đã trải qua giai đoạn cứu nguy khẩn cấp. Trong thời gian tới, khu phố cổ Hội An xác định tiếp tục điều phối và huy động hiệu quả các nguồn lực, trong đó có nguồn lực tài chính nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, góp phần khẳng định vị thế của Hội An là điểm đến di sản hấp dẫn của thế giới, hội tụ các yếu tố sinh thái và văn hóa trong phát triển.

Thứ hai, hoạt động phát triển kinh tế góp phần giữ gìn các DSVH, củng cố sự gắn kết cộng đồng và thúc đẩy ý thức bảo tồn DSVH địa phương; tăng cường quảng bá, mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế và nâng tầm DSVH khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Với khu phố cổ Hà Nội: Sự phát triển của các hoạt động kinh tế, nhất là hoạt động du lịch trên cơ sở khai thác DSVH của khu phố cổ Hà Nội giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, bồi đắp thêm niềm tự hào về "Hà Nội - 36 phố phường", về lịch sử hình thành và phát triển của Thăng Long - Hà Nội; từ đó thúc đẩy sự tự giác, tự nguyện, ý thức trách nhiệm bảo vệ DSVH ở mỗi người dân Hoàn Kiếm. Trả lời một cuộc phỏng vấn sâu của NCS, một người dân tại phường Hoàn Kiếm cũng chia sẻ:

"Vào các dịp lễ tết hay khi có các sự kiện, hoạt động văn hóa do khu phố cổ Hà Nội tổ chức, tôi thường cùng con cháu tham gia, rồi đi thăm các di tích lịch sử, văn hóa, trải nghiệm nhiều hoạt động và gặp rất nhiều khách du lịch. Tôi thấy mọi người đều rất hào hứng và mong muốn tìm hiểu về văn hóa, con người Hà Nội. Qua mỗi dịp như vậy, bản thân tôi và mấy cháu nhỏ cũng thấy hiểu hơn và vô cùng tự hào về lịch sử, văn hóa của Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến, anh hùng và sáng tạo" [mã: HK1, Phụ lục 3A].

Và cũng thông qua các hoạt động du lịch, dịch vụ, mỗi người dân khu phố cổ Hà Nội có nhiều cơ hội tiếp xúc với khách du lịch các nơi, trong đó có khách quốc tế, từ đó có ý thức rèn luyện văn hóa ứng xử hơn trong vai trò của những "đại sứ văn hóa" nhằm lan tỏa các giá trị văn hóa Thủ đô.

Các hoạt động kinh tế, thương mại, dịch vụ và sinh hoạt văn hóa có những tác động tích cực đến hệ thống DSVH ở khu phố cổ Hà Nội, nhất là đối với DSVH phi vật thể. Nhiều phong tục, tập quán, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn dân gian… của người dân Hà Nội - Kẻ Chợ xưa kia gắn với 36 phố phường giao thương nhộn nhịp, sầm uất, phố nghề và nghề thủ công từ mọi miền tụ hội hiện còn được lưu giữ. Các lễ hội truyền thống của người Hà Nội, như Tết Nguyên Đán, lễ hội đền Ngọc Sơn, lễ hội đình Kim Ngân và hội nghề kim hoàn… cùng nhiều sinh hoạt văn hóa, nghi lễ, tập tục, thói quen… cứ thế đã trở thành nét đặc trưng của người dân, được giữ gìn qua các thế hệ; từ đó tiếp tục gắn kết mỗi người dân Thăng Long xưa trong một cộng đồng cộng cảm, cộng mệnh tới ngày nay. Điều này tạo ra một môi trường bảo tồn mạnh mẽ, nơi người dân tham gia trực tiếp vào việc duy trì các giá trị của DSVH. Một số nghề thủ công truyền thống của Hà Nội, như làm lụa, gốm sứ, hoặc nghề mây tre đan, vẫn được duy trì trong các hoạt động dân sinh và sản xuất cũng góp phần bảo tồn các kỹ thuật và giá trị nghệ thuật trong nền kinh tế hiện đại.

Sự phát triển các ngành CNVH Thủ đô cũng như khu phố cổ Hà Nội còn giúp nâng tầm di sản, đưa DSVH đến gần hơn với cộng đồng quốc tế. Thông qua các hoạt động du lịch văn hóa, kết hợp với các ngành, nghề thủ công mỹ nghệ, các các show múa rối nước, triển lãm nghề mây tre đan với chủ đề "Made of Tre", chương trình "Chuyện nhạc phố cổ", tour du lịch đêm "Ngọc Sơn - Đêm huyền bí", cùng nhiều hội chợ, hội nghị…, khách du lịch quốc tế có thể trải nghiệm cũng như tôn trọng, lan tỏa các giá trị DSVH của Hoàn Kiếm, Hà Nội ra thế giới. Thông qua các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm văn hóa trên cơ sở khai thác giá trị các DSVH, nhiều doanh nghiệp Thủ đô Hà Nội có thêm cơ hội hợp tác, liên kết với các tổ chức, quốc gia trên thế giới trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, định vị thương hiệu "Hà Nội - Thành phố sáng tạo".

Với khu phố cổ Hội An: Điểm đặc biệt và tạo nên sức hấp dẫn Hội An chính bởi đây là "di sản sống". Để làm được điều đó, biết bao thế hệ người dân Hội An đã sống cùng di sản, sống trong di sản, gắn bó và có ý thức giữ gìn di sản bằng chính việc duy trì các phong tục, tập quán, nghi lễ, lễ hội, biểu diễn nghệ thuật dân gian, trò chơi dân

gian, tiêu biểu như lễ hội nguyên tiêu, lễ hội tết trung thu hay các lễ hội truyền thống tại các đền, chùa, cùng các trò chơi, nghệ thuật hô hát bài chòi,… qua nhiều thế kỷ. Đây là những hoạt động không thể thiếu trong đời sống của người dân, đồng thời là yếu tố quan trọng để du khách hiểu và cảm nhận sâu sắc về DSVH của Hội An. Qua đó, tình yêu, sự trân trọng với DSVH, tinh thần cố kết cộng đồng không ngừng nuôi dưỡng, bồi đắp, củng cố, góp phần tạo nên hồn cốt của khu phố cổ Hội An với sự giao thoa văn hóa Đông - Tây độc đáo. Các nghề thủ công làm đèn lồng, dệt vải, gốm sứ, chế tác đồ gỗ… vẫn được duy trì và phát triển trong đời sống dân sinh ở Hội An, vừa là hoạt động kinh tế, vừa là phương thức bảo tồn các kỹ thuật, tri thức dân gian phong phú thể hiện qua chất lượng và mẫu mã sản phẩm truyền thống của địa phương; qua đó truyền tải các giá trị văn hóa đến các thế hệ sau và bảo vệ những nghề thủ công đặc trưng của địa phương.

Người dân ở Hội An, thông qua các hoạt động dân sinh, có thể tham gia trực tiếp vào việc giữ gìn các di tích, bảo vệ các không gian di sản, giám sát và bảo vệ giá trị các DSVH vật thể và phi vật thể. Trong đó, thanh niên Hội An - với sức trẻ, lòng nhiệt huyết và tri thức được trau dồi, bồi đắp không ngừng - được xem là lực lượng chính trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị DSVH của quê hương. Hội An cũng chú trọng thu hút, bồi dưỡng những thanh niên có năng khiếu và đam mê để tham gia trực tiếp trình diễn nghệ thuật dân gian Hội An, tạo nên sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Hội An còn khuyến khích những thợ thủ công trẻ phát huy tình yêu nghề và sức sáng tạo để làm nên những sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ chất liệu văn hóa dân gian, mang bí quyết truyền thống của quê hương, từ đó góp phần bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống. Thanh niên cũng tiên phong thực hiện phong trào "Nếp sống văn minh, Gia đình văn hóa"; thực hiện tốt các quy ước về nếp sống văn minh trong việc cưới, lễ hội; tình nguyện tham gia lễ hội, hội diễn, liên hoan văn hóa du lịch tổ chức tại Hội An... Một học sinh ở khu phố cổ Hội An đã chia sẻ: "Chúng em vẫn tích cực hưởng ứng các phong trào "Thanh niên Hội An với Di sản văn hóa", "Em yêu phố cổ", "Tương lai của chúng em"; "Hành động vì môi trường"; "Tuyên truyền tiếng Anh di sản" ở trong nhà trường và ở khu dân cư bằng nhiều hành động thiết thực, như thi vẽ tranh, thi hùng biện, thi tìm hiểu, tổ chức hình thức cuộc thi rung chuông vàng…; thông qua qua đó mỗi học sinh chúng em thấy yêu quý và tự hào vô cùng về các giá trị của DSVH Hội An và thấy mình cần có trách nhiệm giữ gìn DSVH" [mã: A7, Phụ lục 3B].

Hoạt động kinh tế, nhất là du lịch, dịch vụ, thương mại có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về giá trị các DSVH cho cộng đồng địa phương, giúp tăng cường, mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, quảng bá và định vị thương hiệu phố cổ Hội An. Thông qua nhiều việc làm, trong đó có các công việc liên quan tới điểm đến di sản, như kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ẩm thực, vận chuyển khách, sản xuất và buôn bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ…, người dân Hội An có nhiều cơ hội tiếp xúc hơn với khách du lịch từ khắp nơi tới Hội An. Từ đó, mỗi người dân chú trọng, quan tâm tới vấn đề chất lượng các sản phẩm cung cấp (như các món ăn, sản phẩm thủ công truyền thống như tò he, đèn trang trí nhà, bình lọ, tranh gốm, tranh khắc gỗ, tượng gỗ, đồ gia dụng bằng gỗ, đèn lồng Hội An…), đồng thời trở thành những "đại sứ văn hóa", lan tỏa nét đẹp của văn hóa Hội An.

Gắn bó với hệ thống nhà và các kiến trúc cổ Hội An là nhiều lễ hội, các sinh hoạt văn hóa rất phong phú, các món ăn đặc sắc gói ghém tấm lòng của đầu bếp và tinh hoa của vùng đất, những đồ thủ công mỹ nghệ thể hiện sự tài hoa, khéo léo của người thợ thủ công vùng đất hạ lưu sông Thu Bồn… hiện vẫn còn được các thế hệ người dân Hội An giữ gìn, tiếp nối. Những DSVH này trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc để du khách trải nghiệm, khám phá. Bên cạnh đó, phải kể đến các chương trình biểu diễn nghệ thuật cổ truyền Hội An, chương trình lễ hội "Đêm phố cổ" được tổ chức thường xuyên từ năm 1998 đến nay giúp giữ gìn nhiều loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Hội An trong lòng phố cổ, như hát bài chòi, dân ca Quảng Nam, hát bội, múa dân gian,... Nhờ có du lịch và các hoạt động thương mại, dịch vụ mà các DSVH được được lan tỏa rộng rãi tới đông đảo du khách trong nước và quốc tế, đồng thời được nâng tầm giá trị. Không những thế, chính người dân địa phương cũng nhờ vậy mà ý thức hơn về những giá trị mà mình đang sở hữu, để trân trọng những di sản cha ông để lại, từ đó có ý thức bảo vệ, kế thừa và phát huy các giá trị DSVH độc đáo.

Ngoài ra, nhiều hoạt động đã được Hội An tổ chức như trưng bày hình ảnh giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản, cập nhật thường xuyên tin bài trên Website Hoianheritage.net phiên bản tiếng Việt, tiếng Anh, Zalo Trung tâm, Facebook Di sản Hội An; kết nối với Nhật Bản (thành phố Niihama, Đại học Nữ Chiêu Hòa), Thái Lan, Indonesia, Đức, Ba Lan, Văn phòng JICA tại Việt Nam,… trong các hoạt động bảo tồn và quảng bá DSVH Hội An, trao đổi với các bên liên quan của thành phố Wernigerode - CHLB Đức về dự án "Con đường sinh thái khu phố cổ Hội An" và

"Xây dựng khu vườn Wernigerode tại Hội An"; xúc tiến thủ tục liên quan đến việc đăng ký tham gia Tổ chức các thành phố di sản thế giới (OWHC); xây dựng hồ sơ đăng ký Giải thưởng Bảo tồn UNESCO đối với công trình tu bổ nhà số 77 - Trần Phú; xúc tiến thủ tục xin dự án tài trợ của KOICA về Phát triển thành phố thông minh phục vụ quản lý di sản và hỗ trợ quản lý đô thị... Các hoạt động trên cũng góp phần mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH ở Hội An.

Như vậy, ở mặt thuận chiều, thông qua các tác động tích cực, các hoạt động phát triển KT - XH đã và đang góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, giúp các DSVH tiếp tục lan tỏa các giá trị sống động trong đời sống đương đại tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Ở phương diện tiêu cực: Quá trình phát triển KT - XH với nhiều hoạt động kinh tế và hoạt động dân sinh đã có không ít tác động tiêu cực tới hệ thống DSVH trên địa bàn khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Theo khảo sát của NCS, các tác động tiêu cực này được đánh giá ở các mức lớn, trung bình và nhỏ (xem Phụ lục 7). Có thể thấy những tác động tiêu cực của hoạt động KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu hiện nay là:

Với khu phố cổ Hà Nội: Việc thiếu chặt chẽ trong quản lý một số hoạt động KT - XH đã dẫn tới tình trạng ô nhiễm môi trường, đe dọa tính bền vững của các DSVH, làm phai nhạt các giá trị văn hóa truyền thống. Có thể thấy, bên cạnh tác động tích cực lớn thì hoạt động du lịch, dịch vụ cũng có tác động tiêu cực không hề nhỏ tới các DSVH ở khu phố cổ Hà Nội. Thực tiễn địa phương có thể lý giải cho những đánh giá này của đối tượng thực hiện khảo sát. Thời gian qua, ở khu phố cổ Hà Nội, lượng khách du lịch tới các điểm DSVH cũng như các không gian sáng tạo, không gian đi bộ không chỉ đem lại nguồn thu cho thương mại, dịch vụ, mà sự gia tăng nhanh chóng, có thời điểm quá tải đã ảnh hưởng, thậm chí có khi xâm hại đến không gian DSVH. Thực tế không gian phố đi bộ có lúc bị lạm dụng quá mức bởi những hội chợ với quá nhiều gian hàng liên tiếp, thiết kế thiếu tính thẩm mỹ, che chắn không gian hồ Hoàn Kiếm, chiếm dụng nhiều không gian đi bộ, sử dụng loa công suất lớn. Ngoài ra, vì chạy theo lợi nhuận và không quan tâm đến "tuổi thọ", "sức bền" và ý nghĩa thực sự của các DSVH, thực tế đã có những doanh nghiệp tổ chức một số sự kiện thể thao, thương mại tại khu vực di sản với sự tham gia của các nhãn hàng tài trợ cùng hàng trăm gian hàng quây kín cả một đoạn phố dài, khiến khách tham quan không thể thưởng thức vẻ đẹp hồ Hoàn Kiếm hay các DSVH ở các khu vực phụ cận. Các hoạt

động thương mại trong khu phố cổ cũng có thể tạo ra sự thương mại hóa quá mức đối với DSVH. Nhiều cửa hàng, quán ăn, hoặc dịch vụ du lịch tập trung vào việc phục vụ khách du lịch, thay thế sản phẩm thủ công truyền thống bằng các sản phẩm công nghiệp hoặc hàng hóa sản xuất hàng loạt, dẫn tới việc không giữ gìn được tính chân thực và đặc sắc của các giá trị văn hóa.

Bên cạnh đó, việc có quá nhiều du khách đến tham quan ở một số địa điểm di sản ở những thời điểm nhất định đã gây ra ô nhiễm môi trường với nhiều rác thải, tiếng ồn, khói bụi, làm ảnh hưởng đến không gian di sản, ảnh hưởng đến giá trị của DSVH. Trả lời phỏng vấn sâu của NCS, một số khách du lịch cho rằng: "Tình trạng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến cảnh quan trong không gian đi bộ và ở các điểm di tích lịch sử, văn hóa khu phố cổ Hà Nội [mã: HK8, Phụ lục 3A]. Ngoài ra, thực tế cho thấy một số chương trình biểu diễn nghệ thuật có quy mô lớn ở khu vực phố cổ chưa tuân thủ việc bảo đảm âm lượng phù hợp, bật loa công suất lớn dẫn đến tình trạng xung đột âm thanh, gây tiếng ồn và ảnh hưởng đến không gian đi bộ, cộng đồng dân cư sinh sống tại khu vực lân cận… Một số nhà nghiên cứu cũng cho rằng: "Các không gian như phố đi bộ không phải là nơi để tổ chức các hoạt động thương mại với việc bày bán nhiều các loại hàng hóa hay tụ tập đông người ăn uống một cách xô bồ, xả rác, gây mất vệ sinh môi trường" [mã: HK10, Phụ lục 3A]. Có thể thấy, nếu chỉ quan tâm đến mục đích kinh tế khi vận hành một tuyến phố đi bộ sẽ khiến mô hình này thất bại bởi mô hình này không chỉ để kinh doanh, tăng nguồn thu cho địa phương mà còn giúp nâng cao chất lượng đô thị cho người dân với không gian thông thoáng (vốn bị xe cộ xâm lấn hằng ngày), không phải càng đông người đến, càng thu nhiều tiền thì mới là thành công. Hơn thế nữa, với vị trí đặc biệt, hồ Hoàn Kiếm được coi như "bông hoa của Thủ đô", là không gian văn hóa, là nơi để lắng đọng, suy tư về chiều sâu lịch sử, văn hóa của mảnh đất kinh kỳ nghìn năm văn hiến, là không gian khơi nguồn sáng tạo.

Thực tế cũng cho thấy, lối ứng xử thanh lịch - nét đẹp truyền thống của cư dân Thăng Long - Hà Nội hiện nay ở nhiều nơi, nhiều lúc bị phai nhạt, thậm chí xuất hiện nhiều biểu hiện tiêu cực trong ứng xử ở một bộ phận dân cư, doanh nghiệp, gây ấn tượng không tốt đối với khách du lịch, nhất là khách quốc tế, nghiêm trọng hơn là mất nét đẹp văn hóa hàng nghìn năm của Thủ đô.

Đặc biệt, hoạt động kinh tế, thương mại, dịch vụ và áp lực đô thị hóa có nhiều tác động tiêu cực tới các DSVH tại khu phố cổ Hà Nội.

Khu phố cổ Hà Nội thuộc quận Hoàn Kiếm (cũ) và phường Hoàn Kiếm hiện nay vốn là một trong những khu vực có mật độ dân số cao nhất thành phố Hà Nội cùng số lượng doanh nghiệp rất lớn. Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và sự phát triển nhanh chóng của các hoạt động dân sinh trong khu phố cổ Hà Nội đang gây ra áp lực lớn đối với các khu di tích và DSVH. Với kiến trúc đô thị cổ là các nhà xây dạng hình ống, nhiều hộ gia đình ở chung một số nhà, đan xen giữa các khu tập thể, không ít những căn nhà xếp chồng lên nhau với gác xép diện tích chỉ khoảng 10m^2; hầu hết các tuyến phố là các gia nghiệp, hộ gia đình kinh doanh thương mại, tập trung hàng hóa lớn…, các hoạt động dân sinh ở khu phố cổ Hà Nội đang tạo sức ép rất lớn lên kết cấu hạ tầng, môi trường, không gian, nhất là ở khu phố cổ. Trái với vẻ ngoài sầm uất của các tuyến phố là con ngõ nhỏ tối tăm, sâu hun hút, chật hẹp bên trong với nhiều căn nhà bé nhỏ, xuống cấp qua thời gian của nhiều người dân với nhiều thế hệ.

Các di tích lịch sử, văn hóa nằm trong khu vực phố cổ, gần với nhà dân cũng bị tác động tiêu cực bởi các hoạt động dân sinh với lượng nước thải, rác thải sinh hoạt lớn, bị ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí do mật độ dân cư quá cao. Thậm chí, có một số di tích bị xâm lấn do các sinh hoạt của người dân. Một số hoạt động văn hóa của người dân diễn ra trong không gian hẹp, bị quá tải bởi số người tham gia quá đông cũng gây ra áp lực lớn cho các công trình kiến trúc hàng trăm năm tuổi đang ngày càng xuống cấp trước những tác động của biến đổi khí hậu bất thường, phức tạp. Tình trạng ô nhiễm do số lượng phương tiện giao thông tăng lên, cùng với đó là việc xử lý rác thải không hiệu quả đã và đang làm giảm chất lượng sống của người dân, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh các di tích, làm giảm đi vẻ đẹp và giá trị của các công trình lịch sử. Việc gia tăng dân số, xây dựng các công trình hiện đại, khu vực thương mại và dịch vụ cũng làm thay đổi cấu trúc, kiến trúc của khu phố cổ.

Với khu phố cổ Hội An:

Hoạt động du lịch đại trà và hoạt động dân sinh đang gia tăng áp lực lên các DSVH và môi trường sống ở Hội An. Một vấn đề mà khu phố cổ Hội An phải đối mặt hiện nay là tốc độ gia tăng dân số cơ học khá cao, lượng khách du lịch ngày càng lớn, dẫn đến tình trạng quá tải ở các điểm du lịch nổi tiếng; cùng với đó là nhiều lao động từ các địa phương khác trong và ngoài tỉnh đến buôn bán, kinh doanh và không ít các nhà khoa học, cán bộ, nghệ sĩ... đến nghiên cứu, công tác. Tất cả đã gia tăng sức

ép lên khu phố cổ, ảnh hưởng tới môi trường, tạo ra những khó khăn cho việc bảo tồn DSVH với những điều khoản nghiêm ngặt đã được UNESCO quy định.

Việc gia tăng các phương tiện giao thông, rác thải đã gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn, gây tắc nghẽn giao thông…, ảnh hưởng tiêu cực tới không gian văn hóa vốn yên bình của phố cổ Hội An. Chia sẻ với NCS, một người dân Hội An nhấn mạnh: "Nhà tôi đã nhiều đời gắn bó với phố cổ Hội An. Giờ kinh tế đi lên, khách du lịch đến đây ngày càng đông, thấy cùng mừng à, chỉ có điều không còn không gian yên bình như xưa nữa, đường phố đông người mà không khí cũng bị ô nhiễm hơn" [mã: A3, Phụ lục 3B]. Bên cạnh đó, tình trạng quá tải các tour du lịch trên sông Hoài cùng nhiều xuồng du lịch và các con thuyền nhỏ vận chuyển du khách ra Cù Lao Chàm cũng gây ra khói bụi và ô nhiễm tiếng ồn lớn; đồng thời, ảnh hưởng tiêu cực đến hệ động, thực vật khu vực sông và Cù Lao Chàm cũng như làm mất cảnh quan ven sông của phố cổ. Lượng rác thải tập trung ở trong vùng lõi phố cổ và xung quanh tăng nhanh, vừa đòi hỏi thêm nhiều nguồn lực tài chính để nâng cấp hệ thống xử lý rác thải ngày càng bị quá tải trong khi số lượng các xe tải gom rác và nguồn nhân công cho hoạt động này còn hạn chế; còn hiện tượng vứt rác thải bừa bãi xuống biển, sông, ao hồ cùng nguồn nước thải đều đổ ra sông và các nguồn kênh mương, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.

Khi số lượng dân cư và du khách tăng lên, nhu cầu về nhà ở, kết cấu hạ tầng và các dịch vụ ngày càng lớn. Việc xây dựng các khu đô thị mới, khu vực thương mại và các cơ sở dịch vụ du lịch có thể gây áp lực lên không gian di sản, phá vỡ sự hài hòa giữa kiến trúc cổ truyền và các công trình hiện đại, làm giảm đi tính nguyên vẹn của khu phố cổ, ảnh hưởng đến cảnh quan và giá trị thẩm mỹ của khu phố cổ Hội An. Việc xây dựng hoặc sửa chữa các khu nhà cổ có nơi không bảo đảm các yêu cầu về tính khoa học và tính thẩm mỹ, dẫn tới ảnh hưởng đến tính chân xác, thậm chí có thể làm hư hại các di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống nhà cổ, đường phố,… hoặc thay đổi chức năng của những không gian văn hóa, từ đó khiến khu vực di sản mai một giá trị lịch sử. Việc tu bổ nhà cổ ở Hội An đang gặp khó khăn trước áp lực của biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt cực đoan, trong khi vật liệu truyền thống cho các di tích ngày càng khan hiếm (gỗ kiền kiền - loại vật liệu chủ yếu để làm rường, cột ở các nhà cổ đang rất khan hiếm, giá thành cao, còn một số loại gỗ khác thì giá thành rẻ hơn nhưng chất lượng không bảo đảm); nguy cơ mất dần tính chân xác trong quá trình bảo tồn, tôn tạo các di tích luôn hiện hữu.

Hiện nay, nhiều căn nhà cổ ở Hội An vốn dùng để ở đã chuyển sang kinh doanh, dịch vụ, thay đổi chủ sở hữu, tạo ra khó khăn trong quản lý hoạt động tu bổ, sửa chữa hoặc hạ giải một số công trình trong những trường hợp cần thiết. Một số nhà riêng vốn có chức năng sinh hoạt của hộ gia đình ở Hội An đã chuyển thành địa điểm trưng bày cho du khách tham quan (như nhà cổ Tấn Ký (101 Nguyễn Thái Học), nhà cổ Đức An (129 Trần Phú)…). Nhiều chủ nhà cổ dọc theo các phố Trần Phú, Lê Lợi, Nguyễn Thái Học,… đã chuyển ngôi nhà đang ở thành cửa hàng kinh doanh, buôn bán (quán cà phê, nhà hàng, các cửa hàng bán đồ lưu niệm, quần áo, đèn lồng, đồ thủ công mỹ nghệ…), không gian sống của người dân đã thay đổi theo hướng chuyển ra khỏi các ngôi nhà cổ hoặc thu hẹp không gian sống (nhường chỗ cho hoạt động buôn bán, kinh doanh). Điều này tuy mang lại lợi ích kinh tế cho chủ hộ nhưng lại làm thay đổi bộ mặt của phố cổ, phần nào giảm đi nét đẹp cổ kính, làm thay đổi tính nguyên bản và tổng thể của nhiều công trình kiến trúc cổ Hội An. Nhiều khách du lịch cho rằng: "Hiện nay, phố cổ Hội An dường như đã thiếu vắng đi nét hoài cổ và yên tĩnh của ngày xưa, không mang lại nhiều cảm giác đầm ấm của những ngôi nhà gắn với những sinh hoạt thường ngày của người dân, mà có vẻ giống như một "khu mua sắm", "điểm tham quan" luôn tấp nập" [mã: A1, Phụ lục 3B]. Đây là một trong những vấn đề cần suy ngẫm.

Đối với khu phố cổ Hội An, có một vấn đề nổi bật là sự thay đổi nếp sống trong cộng đồng và nguy cơ mai một các giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển KT - XH.

Thực tiễn ở Hội An cho thấy, sự phát triển của kinh tế cũng đẩy giá cả sinh hoạt tăng lên nhanh chóng, tạo nên không ít khó khăn cho nhiều hộ gia đình ở khu phố cổ, dẫn tới tình trạng một số hộ gia đình bán nhà hoặc cho thuê nhà hay chuyển đổi mục đích sử dụng để kinh doanh. Từ kiến trúc cổ với kết cấu truyền thống, những khoảng không gian thiêng của các ngôi nhà đã thay đổi và biến thành các địa điểm kinh doanh để tạo lợi nhuận, dẫn tới việc thiếu không gian sinh sống; từ đó nhiều thế hệ không còn chung sống cùng nhau dưới một mái nhà. Việc thay đổi chức năng sinh hoạt vốn có của nhiều ngôi nhà cổ Hội An đã khiến cho các giá trị tinh thần của mỗi ngôi nhà với ý nghĩa, giá trị như một mái ấm gia đình đã và đang bị mai một dần.

Ngoài ra, sự phát triển kinh tế cũng dẫn tới những biến đổi xã hội đáng kể trong đời sống cư dân phố cổ Hội An với thời gian làm việc dài hoặc đặc thù theo ca kíp (phục vụ theo nhu cầu khách du lịch), dẫn tới sự xáo trộn sinh hoạt và phân công

công việc trong gia đình, người lao động có xu hướng dành ít thời gian cho gia đình hơn, lối sống dần có sự thay đổi, từ đó ảnh hưởng đến mối quan hệ trong gia đình cũng như tác động tiêu cực tới sự phát triển của gia đình ở Hội An - không gian diễn ra nhiều sinh hoạt văn hóa, bồi đắp và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Thói quen sinh hoạt truyền thống cũng có sự thay đổi trước tác động của đô thị hóa. Chính sự biến động về cơ cấu dân cư, nghề nghiệp, môi trường sống, tâm lý xã hội,... từ tình trạng thay đổi chủ sở hữu, cho thuê mặt bằng kinh doanh dẫn đến những biến đổi trong "nếp nhà", nếp sống, giềng mối cố kết cộng đồng cư dân phố cổ - "hồn cốt" của văn hóa Hội An. Sự giao lưu, hội nhập quốc tế cũng đặt các giá trị truyền thống của người dân Hội An đứng trước nguy cơ bị phai nhạt hoặc bị phá vỡ. Đây là một vấn đề cần chú ý trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH ở Hội An hiện nay.

2.2. So sánh hai địa bàn nghiên cứu

Qua nghiên cứu các tài liệu và thực tiễn, có thể thấy khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An đều là những địa phương có hệ thống DSVH phong phú và đa dạng; cách thức bảo tồn, phát huy, khai thác giá trị DSVH cũng như mối quan hệ giữa di sản với phát triển KT - XH tại hai địa phương này có những điểm tương đồng và khác biệt nhất định. Luận án đã làm rõ vấn đề này qua các nội dung cụ thể như sau:

2.2.1. Điểm tương đồng

Một là, cùng giữ vai trò là những trung tâm DSVH (khu phố cổ Hà Nội thuộc vùng lõi của phường Hoàn Kiếm - trung tâm lịch sử, văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội; Hội An từng là thương cảng quốc tế nổi tiếng từ thế kỷ XVI, XVII), cả khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An đều ngày càng chú trọng hơn công tác bảo tồn DSVH thông qua việc thực hiện nhiều chương trình, đề án, kế hoạch... Trong các hoạt động đó đều có sự kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, nhà khoa học, hướng tới mục tiêu bảo vệ DSVH một cách bền vững.

Hai là, cả khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An đều coi DSVH là nguồn lực quan trọng, có khả năng tạo giá trị gia tăng cho phát triển KT - XH, nhất là trong phát triển du lịch, các ngành CNVH cùng các hoạt động dịch vụ, thương mại có liên quan. Điều này thể hiện từ chủ trương, quyết sách đến các hành động cụ thể của hai địa phương khi khéo léo lồng ghép giá trị văn hóa kết tinh trong các DSVH vào chiến lược phát triển KT - XH, từ đó chú trọng phát triển các ngành kinh tế có khai thác giá trị của DSVH để người dân và các bên liên quan cùng hưởng lợi, tạo ra nguồn lực tài

chính giải quyết các nhu cầu và vấn đề phát triển xã hội. Cũng từ đó, hình thành nhiều mô hình kinh tế hiệu quả trên cơ sở "vốn hóa" các DSVH thành các sản phẩm văn hóa đặc thù đa giá trị, tạo dựng các không gian du lịch văn hóa đặc trưng như phố đi bộ khu phố cổ, phố đi bộ Hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội hay phố cổ không khói xe ở Hội An, kết hợp với các hoạt động thương mại, dịch vụ, thủ công mỹ nghệ,… Các lễ hội, phố nghề, lối sống đô thị truyền thống đều được tái sinh như một "sản phẩm văn hóa - kinh tế". Sự phát triển các ngành CNVH dựa trên chất liệu DSVH có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển KT - XH của hai địa phương, phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19 từ năm 2023, 2024. Cả hai địa phương cùng có sự đan xen giữa hoạt động bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH. Song hai đối tượng là DSVH và phát triển KT - XH đều có những tác động đa chiều, qua lại với nhau, bên cạnh những tác động thì cũng có những tác động tiêu cực, từ đó đặt ra không ít thách thức cho công tác bảo tồn DSVH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Bài toán mà cả hai địa phương cùng đối mặt là giữ gìn bản sắc nhưng không kìm hãm đời sống KT - XH của cư dân, đòi hỏi cần có những nghiên cứu để tìm ra giải pháp bảo đảm sự cân bằng, hài hòa mối quan hệ này.

Ba là, cả hai địa phương đều có nhiều bước đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo tồn và khai thác giá trị các DSVH, như việc áp dụng công nghệ số và các phương thức quản lý hiện đại để bảo vệ và quảng bá di sản, từ việc số hóa các tài liệu, tạo các tour, tuyến du lịch thông minh, xây dựng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trên cơ sở phát huy các giá trị DSVH đến các hệ thống quảng bá di sản qua các nền tảng số, ứng dụng các công nghệ số trong quản trị di sản bền vững… Đồng thời hai địa phương cũng ngày càng chú trọng hơn tới các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ DSVH thông qua nhiều phương tiện truyền thông hiện đại với việc tích hợp nhiều công nghệ mới.

2.2.2. Điểm khác biệt

Một là, về đặc trưng văn hóa và DSVH:

Khu phố cổ Hà Nội thuộc phường Hoàn Kiếm - phường trung tâm của Thủ đô Hà Nội - đô thị đặc biệt cấp quốc gia với lịch sử hàng nghìn năm, lưu giữ nhiều di tích lịch sử, văn hóa đa dạng, vừa mang đặc trưng văn hóa của nền văn minh sông Hồng của đồng bằng Bắc Bộ, vừa kết tinh giá trị văn hóa của dân tộc. Với vị thế đó, các giá trị DSVH của khu phố cổ Hà Nội có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại,

có sự giao lưu văn hóa đa dạng trong và ngoài nước, có sức ảnh hưởng, lan tỏa đến nhiều vùng, miền trên cả nước cũng như có sự quảng bá ra thế giới. Nơi đây gắn với các hoạt động buôn bán truyền thống, phố nghề, phố hàng, mang tính "phố nghề - phố sống". Hệ thống DSVH mang đặc điểm của "di sản đô thị" nằm phân tán, đan xen trong đô thị hiện đại mang đặc điểm của một siêu đô thị, vừa là trung tâm chính trị - hành chính, vừa là trung tâm văn hóa, kinh tế của quốc gia - Thủ đô Hà Nội.

Khu phố cổ Hội An mang đầy đủ các đặc trưng nổi bật của một "đô thị di sản" đã được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới (năm 1999). Quy mô đô thị ở Hội An tuy nhỏ nhưng có sự nổi bật là toàn bộ khu phố cổ (khoảng 30 ha lõi và vùng đệm) được bảo tồn như một thực thể thống nhất với tính nguyên vẹn cao về kiến trúc gỗ, nhà cổ, phố nghề truyền thống và sự hoàn chỉnh của không gian phố cổ với nhiều nét văn hóa độc đáo. Hội An sở hữu hệ thống DSVH mang đậm dấu ấn văn hóa đa dạng của các dân tộc Việt, Chăm, Hoa và sự tiếp biến với các nền văn hóa Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây. Phố cổ Hội An mang tính "phố bảo tàng - phố du lịch" với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa, du lịch di sản là chủ yếu.

Hai là, về cơ chế quản lý và bảo tồn DSVH:

Khu phố cổ Hà Nội đối mặt với nguy cơ "biến dạng di sản" khi việc xây dựng và các hoạt động thương mai dẫn tới nguy cơ phá vỡ cảnh quan di sản. Do vậy, ở khu phố cổ Hà Nội, việc bảo tồn di sản thường gắn liền với các khu di tích lớn và việc tái tạo, xây dựng không gian đô thị cũng như gắn với yêu cầu bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển đô thị hiện đại. Di sản ở khu phố cổ Hà Nội chỉ là một phần trong bức tranh kinh tế đa dạng (thương mại, dịch vụ, tài chính) của Thủ đô nên các hoạt động bảo tồn phải thích ứng với nhu cầu mở rộng, giao thông, hạ tầng. Quản lý DSVH ở khu phố cổ Hà Nội cần có sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương, với những chính sách phát triển đô thị đồng bộ, đồng thời duy trì và tôn vinh DSVH; bảo tồn từng hạng mục, tuyến phố, kết hợp chỉnh trang, cải tạo hạ tầng. Trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, thành phố Hà Nội đạt được nhiều kết quả tích cực trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH, song phải đối mặt với một số thách thức từ việc phát triển các dự án thương mại, xây dựng, tạo ra áp lực cho công tác bảo tồn không gian di sản.

Ở Hội An, DSVH được bảo tồn được khá nguyên vẹn trong không gian đô thị cổ với các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt, như hạn chế việc xây dựng mới, quản lý màu sơn, mái ngói, quảng cáo…; chú trọng bảo vệ các giá trị kiến trúc truyền thống,

duy trì đặc trưng kiến trúc của phố cổ. Hội An có một mô hình bảo tồn khá thành công nhờ vào sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương, sự hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, JICA và các quỹ bảo tồn; đồng thời chú trọng đến sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH.

Ba là, về sự tương tác giữa DSVH và người dân:

Ở khu phố cổ Hà Nội, cư dân sinh sống đông đúc, chức năng kinh tế - thương mại thay đổi theo hướng dịch vụ, du lịch, nhưng không tách biệt khỏi nhịp sống đô thị hiện đại. Phát triển du lịch nhưng không "đóng khung" toàn bộ khu phố cổ mà gắn với hoạt động thương mại và cư trú đương đại của một siêu đô thị hiện đại là thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, mặc dù có nhiều sáng kiến bảo tồn nhưng việc bảo vệ DSVH vẫn gặp không ít thách thức do sự thay đổi thói quen tiêu dùng, sinh hoạt văn hóa của cư dân đô thị hiện nay với xu hướng xa dần các giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời chịu áp lực đô thị hóa mạnh mẽ. Nhu cầu về không gian sống của người dân và sự phát triển của các dự án hạ tầng tạo ra áp lực lớn trong bảo tồn DSVH. Môi trường xung quanh các di sản cũng chịu tác động nhiều mặt từ các hoạt động KT - XH nên ở một số nơi chưa thực sự xây dựng được không gian văn hóa lành mạnh. Một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa nhận thức được tầm quan trọng của DSVH cũng như chưa có ý thức trách nhiệm trong bảo vệ và giữ gìn các giá trị DSVH của địa phương.

Trong khi đó, có thể thấy, Hội An khá thành công trong việc tạo ra một cộng đồng gắn bó với DSVH. Cộng đồng cư dân đã có sự điều chỉnh sinh hoạt nhất định, thậm chí di dời một phần để duy trì bản sắc di sản. Chính quyền ở Hội An đã khuyến khích người dân tham gia tích cực vào việc bảo tồn các DSVH, các làng nghề thủ công với nhiều sản phẩm thủ công truyền thống gắn với các tour, tuyến du lịch văn hóa, du lịch di sản…

Bốn là, về xu hướng chiến lược gắn kết DSVH với phát triển KT - XH:

Khu phố cổ Hà Nội có mục tiêu bảo tồn DSVH trong điều kiện phát triển đô thị hiện đại với chiến lược phát triển du lịch văn hóa mang tính đa dạng và quốc tế cùng các mục tiêu thu hút khách du lịch vừa để tham quan DSVH, vừa để trải nghiệm các giá trị văn hóa đương đại với nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa gắn kết truyền thống và hiện đại; phát triển du lịch đô thị kết hợp văn hóa - ẩm thực - sáng tạo, gắn với định vị và phát triển thương hiệu "Thành phố sáng tạo" ở lĩnh vực thiết kế.

Tuy nhiên, khu phố cổ Hà Nội là khu vực trung tâm của Thủ đô nên xu hướng

thời gian tới là đô thị hóa tiếp tục gia tăng, nhu cầu không gian thương mại, dịch vụ và cư trú sẽ vẫn rất cao; xu hướng tập trung vào chỉnh trang đô thị thay vì bảo tồn toàn diện, tập trung vào tuyến phố đi bộ, không gian công cộng, dự án điểm. Quá trình đô thị hóa cùng xây dựng các công trình hiện đại đã và đang tạo ra áp lực lớn đối với việc bảo tồn các DSVH; việc xây dựng các công trình cao tầng, mở rộng các tuyến đường, hoặc phát triển các dự án thương mại làm giảm giá trị cảnh quan, nhất là ở khu phố cổ. Cùng với áp lực dân số, hạ tầng xuống cấp và quá tải, thực trạng kinh doanh tự phát của người dân cũng là thách thức đặt ra với khu phố cổ Hà Nội khi nơi đây có nhu cầu cao trong việc bảo tồn nguyên trạng các DSVH. Cư dân đông đúc, khó di dời, mâu thuẫn giữa bảo tồn - sinh hoạt - kinh doanh thường xuyên xảy ra tại phố cổ. Vấn đề xử lý mối quan hệ giữa nhu cầu thiết yếu của người dân cũng như yêu cầu phát triển kinh tế khu vực phố cổ và yêu cầu đặt ra trong bảo vệ, tôn tạo, phát huy giá trị các DSVH trên địa bàn thời gian qua còn thiếu hài hòa và chưa thực sự hiệu quả.

Khu phố cổ Hội An lại có một lợi thế là không bị ảnh hưởng quá nhiều bởi đô thị hóa và hiện đại hóa; phát triển dựa trên mô hình "đô thị bảo tàng sống", nơi bảo tồn và du lịch di sản có sự gắn kết chặt chẽ, bảo tồn DSVH mang định hướng phát triển với kinh tế địa phương xoay quanh di sản, doanh thu từ du lịch di sản chiếm tỷ trọng chủ yếu trong ngân sách địa phương, góp phần tạo dựng thương hiệu quốc tế. Chính quyền địa phương và các tổ chức quốc tế đã chú trọng vào việc bảo tồn nguyên vẹn diện mạo đô thị cổ, nên các biện pháp bảo tồn ở khu phố cổ Hội An thường xuyên được điều chỉnh để cân bằng giữa bảo vệ các DSVH và phát triển kinh tế. Thời gian tới, xu hướng du lịch hóa vẫn chiếm ưu thế, nhưng sẽ dịch chuyển từ "du lịch đại chúng" sang du lịch trải nghiệm chất lượng cao. Hội An cũng tăng cường ứng dụng công nghệ số (vé điện tử, bảo tàng số, thực tế ảo) để quản lý du khách và truyền thông di sản; thúc đẩy đa dạng hóa sinh kế (phát triển thủ công mỹ nghệ, các ngành CNVH) nhằm giảm lệ thuộc vào du lịch quốc tế. Đồng thời Hội An tập trung vào bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa, chú trọng đến du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm theo mô hình bền vững.

Có thể thấy, mô hình bảo tồn và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hội An được triển khai thành công và trở thành một ví dụ điển hình cho sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH một cách bền vững. Các giá trị DSVH được bảo tồn khá nguyên vẹn. Chính quyền và cộng đồng

địa phương đã duy trì tương đối sự cân bằng giữa bảo tồn DSVH và thu hút du khách thông qua các chiến lược phát triển du lịch bền vững, như việc hạn chế xây dựng các công trình hiện đại trong khu phố cổ, giữ gìn vẻ đẹp truyền thống... Hội An rất chú trọng đến việc giáo dục cộng đồng về giá trị của DSVH thông qua các chương trình truyền thông, hội thảo và sự kiện văn hóa; qua đó giúp người dân nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản, ý thức được trách nhiệm trong công tác bảo tồn DSVH. Hội An cũng được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như UNESCO, các chuyên gia quốc tế để tăng cường khả năng bảo tồn, phát huy giá trị DSVH của thành phố, đồng thời tạo dựng mối quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực DSVH.

Tuy nhiên hiện nay, Hội An đã và đang thu hút lượng lớn du khách, đặc biệt là trong mùa cao điểm, dẫn đến tình trạng quá tải du lịch, ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách và tạo gánh nặng cho hạ tầng địa phương. Áp lực từ du lịch đại trà khiến Hội An phải đối mặt với vấn nạn tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường và sự thay đổi nếp sống, thách thức từ biến đổi khí hậu (lũ lụt), áp lực bảo tồn tĩnh… Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng việc phát triển du lịch thiếu sự kiểm soát phù hợp có thể dẫn đến sự thương mại hóa quá mức DSVH. Các lễ hội có thể bị biến tướng, không còn giữ được giá trị đích thực. Các dự án phát triển có thể tạo áp lực lên các khu vực di sản, gây ảnh hưởng đến môi trường và các giá trị văn hóa. Mặc dù khu phố cổ được bảo vệ chặt chẽ, sự đô thị hóa và phát triển bên ngoài khu vực phố cổ có thể tạo ra khoảng cách giữa các khu vực bảo tồn và khu vực phát triển mới. Sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH là chưa đồng đều. Một số cư dân vẫn chủ yếu chỉ quan tâm đến lợi ích ngắn hạn từ du lịch mà quên đi hay bỏ qua yêu cầu giữ gìn các giá trị văn hóa. Ngoài ra, Hội An cũng đang đứng trước nguy cơ phụ thuộc lớn vào du lịch di sản nên dễ mất tính đa dạng xã hội và lệ thuộc kinh tế đơn ngành. Cùng với đó là nguy cơ "bảo tàng hóa" khu phố cổ để chuyển thành không gian của các dịch vụ du lịch và lưu trú, biến phố cổ thành "sân khấu" du lịch, trong khi đó người dân địa phương bị buộc tới tình huống phải chuyển khỏi trung tâm phố cổ để ra ngoại ô, dẫn tới sự phai nhạt các sinh hoạt văn hóa truyền thống tại địa phương.

2.2.3. Một số vấn đề rút ra

Có thể rút ra những điểm cơ bản về các DSVH trong sự gắn kết với phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu của luận án như sau:

**Với khu phố cổ Hà Nội:* Khu phố cổ Hà Nội mang đặc điểm của di sản đô thị. Hệ thống DSVH phong phú, đa dạng, nằm trong không gian đô thị hiện đại, rộng lớn (mang tính "siêu đô thị"), có tính đan xen cao (cách tổ chức không gian), chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa mạnh, xen kẽ giữa yếu tố cổ kính và hiện đại (mức độ nguyên trạng). Do vậy, quá trình phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại cũng như các ngành CNVH sẽ gặp những khó khăn trong việc cân bằng giữa bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH, đồng thời chịu nhiều tác động của công tác quy hoạch đô thị và quản trị đô thị. DSVH có nhiều cấp quản lý và dễ bị chồng chéo cũng như phải đối mặt với nguy cơ cao bị mai một, biến dạng, không giữ được tính xác thực, nguyên bản.

**Với khu phố cổ Hội An*: Khu phố cổ Hội An mang đặc điểm của một đô thị di sản với chủ yếu là di sản kiến trúc đô thị cổ, giữ được tính đồng bộ, nguyên vẹn cao trong cấu trúc phố cổ - "bảo tàng sống" có quy hoạch thống nhất, ít xen lấn hiện đại; mật độ tập trung cao trong khu phố cổ, có nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc; có cơ chế quản lý riêng, tương đối tập trung và nhất quán hơn. Công tác bảo tồn DSVH ở Hội An đã được tuân thủ các nguyên tắc chặt chẽ hết mức có thể trong nhiều năm qua. Do nhu cầu cuộc sống, để thuận tiện hơn cho sinh hoạt hằng ngày hay công việc kinh doanh, buôn bán, nhiều chủ hộ gia đình sở hữu các ngôi nhà cổ muốn sửa chữa hoặc thay đổi một phần cấu tạo của ngôi nhà theo hướng hiện đại, thích hợp hơn. Khi có nhu cầu, các chủ hộ phải xin giấy phép của chính quyền và các cơ quan hữu quan và tuân theo các văn bản quy định, hướng dẫn trong việc sửa chữa, có thể được nhận hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật và nhân lực nhằm hướng tới mục tiêu bảo đảm tính chân xác và nguyên trạng của các DSVH ở phố cổ Hội An.

Như vậy, mô hình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ở Hà Nội và Hội An có nhiều điểm chung trên cơ sở đưa DSVH làm nguồn lực và động lực phát triển kinh tế với những chiến lược phù hợp để hướng tới mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong sự phát triển bền vững. Song, mỗi nơi lại có những phương pháp, cách thức riêng biệt phù hợp với đặc điểm lịch sử, địa lý và chiến lược phát triển của từng địa phương.

Nếu như khu phố cổ Hà Nội có hệ thống DSVH nằm giữa lòng đô thị hiện đại - nơi DSVH tồn tại đan xen với các hoạt động hành chính, thương mại và giao thông sôi động, do vậy cần chú trọng sự kết hợp giữa di sản cổ và hiện đại trong môi trường đô thị lớn; thì Hội An lại giữ được một tổng thể kiến trúc đồng bộ, yên bình và biệt

lập hơn, bảo tồn một không gian văn hóa nguyên vẹn với các phương pháp bảo tồn nghiêm ngặt và phát triển du lịch bền vững.

Về phương diện KT - XH, khu phố cổ Hà Nội nổi bật với mô hình phát triển dịch vụ, thương mại kết hợp văn hóa, trong khi khu phố cổ Hội An điển hình cho mô hình phát triển du lịch di sản gắn với cộng đồng địa phương, thúc đẩy du lịch bền vững, bảo tồn các nghề thủ công. Do vậy, điểm nổi bật của khu phố cổ Hà Nội là bài toán "bảo tồn trong lòng phát triển", còn khu phố cổ Hội An là ví dụ điển hình cho việc "giữ nguyên bản sắc để phát triển du lịch bền vững". Sự khác biệt trong quy mô đô thị, định hướng quản lý và chiến lược phát triển đã dẫn đến những đặc trưng riêng trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị DSVH gắn kết với phát triển KT - XH của mỗi địa phương.

**Một số bài học tham khảo cho các địa phương trên cả nước:*

Từ thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An cùng những so sánh điểm giống và khác nhau của hai địa bàn trên, có thể rút ra bài học cho một số địa phương trên cả nước, cụ thể là một số đô thị có những điểm tương đồng về DSVH và điều kiện KT - XH với hai địa bàn nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, nâng cao và đổi mới nhận thức về DSVH như một nguồn lực và động lực phát triển KT - XH.

Trong bối cảnh mới hiện nay, DSVH không chỉ đơn thuần là đối tượng cần bảo tồn mà còn có thể trở thành một nguồn vốn văn hóa (cultural capital) quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế dịch vụ, du lịch, thương mại, thủ công truyền thống, các ngành CNVH. Việc khai thác hợp lý các giá trị của di sản sẽ tạo ra sức hấp dẫn đặc thù cho đô thị, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trong phát triển kinh tế địa phương. Trong quá trình đó, sự tham gia của cộng đồng cư dân được xem là yếu tố quyết định đối với tính bền vững của công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Trong các đô thị và địa phương có di sản, người dân không chỉ là chủ thể sinh sống mà còn là người sáng tạo, lưu giữ, bảo vệ và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động lao động sản xuất, sinh hoạt thường ngày và các hoạt động văn hóa. Khi cộng đồng được tham gia vào quá trình quản lý, khai thác và hưởng lợi từ các hoạt động kinh tế gắn với di sản, họ sẽ có động lực và ý thức mạnh mẽ hơn trong việc bảo vệ và gìn giữ di sản.

Thứ hai, về việc nhận diện và xử lý hiệu quả một số thách thức, nguy cơ.

Cả hai khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An đều đứng trước nguy cơ mất cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Hà Nội đối diện với nguy cơ "mất di sản trong quá trình hiện đại hóa" với dân số đông, khó di dời, môi trường sống quá tải, di sản có nhiều nguy cơ bị xâm hại, mất tính xác thực; trong khi ở khu phố cổ Hội An nhiều cư dân gốc di dời khỏi phố cổ, nguy cơ hiện hữu là "mất sức sống trong quá trình bảo tồn", đô thị di sản bị "bảo tàng hóa". Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và thiên tai (lũ lụt ở Hội An, xuống cấp công trình ở Hà Nội) đang làm bài toán bảo tồn thêm phức tạp. Do đó, các địa phương có di sản cần chú ý thách thức trong quá trình triển khai các hoạt động KT - XH có thể dẫn tới tình trạng phá vỡ cảnh quan khu vực di sản hoặc làm mất dần tính nguyên gốc của di sản, biến dạng kiến trúc do một số hoạt động xây dựng, thương mại thiếu kiểm soát; hoặc suy giảm giá trị DSVH phi vật thể (mai một nghề truyền thống, nếp sống cộng đồng) do các hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại. Sự phát triển lệ thuộc nhiều vào du lịch, thiếu đa dạng ngành nghề (ở Hội An) hoặc khai thác di sản chưa tương xứng với tiềm năng, giá trị kinh tế phân tán (ở Hà Nội), cũng như sự chênh lệch lợi ích kinh tế giữa các bộ phận cư dân khác nhau (chủ cửa hàng, dịch vụ du lịch thường hưởng lợi nhiều hơn từ di sản, trong khi người dân địa phương khác chịu áp lực sinh hoạt, giá đất, chi phí sinh hoạt cao), giữa cư dân, nhà quản lý và nhà đầu tư, giữa doanh nghiệp và chính quyền… đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi cần có cơ chế, giải pháp để xử lý hài hòa. Nếu quá chú trọng phát triển kinh tế mà xem nhẹ bảo tồn, di sản có nguy cơ bị biến dạng hoặc mai một; ngược lại, nếu chỉ tập trung bảo tồn một cách cứng nhắc mà không gắn với nhu cầu phát triển của xã hội thì di sản khó có thể phát huy giá trị trong đời sống đương đại. Vì vậy, các đô thị có di sản cần xây dựng chiến lược phát triển KT - XH dựa trên nguyên tắc bảo tồn gắn với phát huy giá trị di sản, "bảo tồn mang chức năng phát triển, phát triển nâng cao thêm năng lực bảo tồn".

Thứ ba, về quy hoạch tổng thể gắn bảo tồn di sản với phát triển bền vững.

Thực tiễn ở hai địa bàn nghiên cứu cho thấy việc thiếu quy hoạch tổng thể dài hạn gắn bảo tồn với phát triển bền vững; sự chồng chéo thẩm quyền giữa các cơ quan (văn hóa, du lịch, xây dựng, quy hoạch, chính quyền đô thị…); thiếu mô hình tài chính bền vững cho bảo tồn (quỹ bảo tồn, cơ chế xã hội hóa thực chất), thiếu cơ chế giám sát và chế tài chưa nghiêm đều dẫn đến những tác động tiêu cực, tạo nên tính nghịch chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Chính vì vậy, cần có chính sách bảo tồn và quản trị di sản bền vững với tầm nhìn dài hạn, mà trước hết

là xây dựng các quy hoạch bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH một cách tổng thể với những quy định chặt chẽ về cải tạo kiến trúc, kiểm soát mật độ xây dựng, tổ chức không gian công cộng và quản lý hoạt động kinh doanh - những yếu tố then chốt để duy trì tính toàn vẹn của di sản. Các địa phương cần xây dựng chiến lược phát triển các ngành CNVH, kinh tế sáng tạo dựa trên di sản trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc cân bằng giữa khai thác giá trị kinh tế của di sản và bảo vệ tính xác thực, tính toàn vẹn của không gian di sản.

Điều này đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà chuyên môn trong lĩnh vực bảo tồn và quy hoạch đô thị, cũng như sự tham gia của cộng đồng địa phương. Xây dựng quy hoạch riêng cho từng khu, tích hợp với quy hoạch đô thị - du lịch - giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu. Siết chặt vi phạm xây dựng trái phép, quảng cáo lấn chiếm; xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng giữa các cấp quản lý; triển khai dự án giãn dân hợp lý, kết hợp chính sách tái định cư hỗ trợ sinh kế. Đa dạng hóa nguồn lực kinh tế, huy động xã hội hóa (doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức quốc tế). Bên cạnh đó cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng du lịch văn hóa, du lịch di sản. Thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích từ kinh tế di sản (quỹ bảo tồn cộng đồng).

Các địa phương có thể tham khảo và xây dựng mô hình "Trung tâm văn hóa - sáng tạo - du lịch" tại đô thị có di sản; hoặc mô hình "Đô thị di sản gắn với du lịch chất lượng cao" gắn với bảo tồn làng nghề truyền thống; mô hình "Du lịch di sản gắn kết với du lịch sinh thái, cảnh quan"…, hướng tới sự phát triển bền vững.

Như vậy, có thể thấy, thực tiễn giải quyết mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH của khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An đã để lại một số bài học tham khảo cho các địa phương trên cả nước có những điểm tương đồng về DSVH và các yếu tố KT - XH; đồng thời khẳng định thêm quan điểm nếu xử lý đúng đắn, hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH thì DSVH hoàn toàn có thể trở thành nguồn lực và động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH, góp phần quan trọng trong việc xây dựng các thương hiệu địa phương và tạo nên chiều sâu văn hóa cho các đô thị.

Tiểu kết Chương 2

Với cách tiếp cận liên ngành, trên cơ sở thực hiện các phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu, phỏng vấn sâu, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi,

luận án trình bày các nội dung cơ bản trong chương 2 là: khảo sát thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu thông qua việc phân tích các tác động đa chiều qua lại của DSVH và sự phát triển KT - XH trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực để nhận định về tính thuận chiều và nghịch chiều của mối quan hệ trên; từ đó so sánh để rút qua những điểm giống và khác nhau giữa khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, chỉ ra những vấn đề cần quan tâm.

Nhìn chung, các DSVH được giữ gìn, lưu truyền, bảo tồn và phát huy giá trị, trở thành nguồn lực và động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH tại hai địa phương trên. DSVH ở khu phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An được "vốn hóa", chuyển dịch thành vốn kinh tế, trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển KT - XH, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, gia tăng cố kết cộng đồng, tạo cơ sở để thúc đẩy hợp tác quốc tế và sáng tạo những giá trị văn hóa mới; tuy nhiên DSVH cũng có một số tác động tiêu cực nhất định như gây ra những trở ngại nhất định cho sinh hoạt của người dân ở khu phố cổ trước áp lực gia tăng dân số, nhu cầu dân sinh trong khi DSVH có những yêu cầu cần tuân thủ nghiêm ngặt trong việc bảo tồn hay các làng nghề, phố nghề có thể gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan và không gian đô thị... Song song với đó, các hoạt động KT - XH cũng có tác động trở lại tới DSVH theo hai chiều hướng là tích cực và tiêu cực. Ở chiều tích cực, các hoạt động KT - XH góp phần gia tăng nguồn lực tài chính, nâng cao năng lực bảo tồn DSVH; tăng cường nhận thức của cộng đồng về DSVH, giúp tăng cường quảng bá, mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, nâng tầm DSVH và định vị thương hiệu, bản sắc địa phương; các hoạt động dân sinh góp phần giữ gìn các DSVH, tăng cường gắn kết cộng đồng và thúc đẩy ý thức bảo tồn DSVH. Ở chiều ngược lại, các hoạt động KT - XH cũng có những tác động tiêu cực, gây cản trở hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, tạo nên tính nghịch chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu. Việc thiếu chặt chẽ trong quản lý một số hoạt động KT - XH đã gia tăng áp lực lên các DSVH và môi trường sống, dẫn tới tình trạng ô nhiễm môi trường, đe dọa tính bền vững, thậm chí ảnh hưởng tới tính nguyên vẹn và suy giảm giá trị cốt lõi của DSVH, làm thay đổi nếp sống trong cộng đồng và phai nhạt các giá trị văn hóa truyền thống… Kết quả nghiên cứu ở chương 2 cho thấy mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ đa chiều được phản ánh thông qua các tác động tích cực và tiêu cực, từ đó làm nảy sinh những vấn đề mới

cần nghiên cứu, giải quyết. Tìm hiểu mối quan hệ trên để luận án có cái nhìn toàn diện, từ đó bàn luận mở rộng các vấn đề liên quan ở chương tiếp theo nhằm xử lý hiệu quả để hướng tới sự cân bằng, hài hòa trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An trên cơ sở những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai địa bàn nghiên cứu.

Chương 3:
BÀN LUẬN MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

3.1. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Hội nhập quốc tế - cơ hội và thách thức đặt ra đối với vấn đề bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và giữ gìn bản sắc dân tộc

Trong những thập niên gần đây, quá trình hội nhập quốc tế đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ không chỉ trên phương diện kinh tế, chính trị mà còn có sức ảnh hưởng và tác động lớn đến lĩnh vực văn hóa. DSVH - hiện thân của ký ức cộng đồng, kết tinh bản sắc dân tộc - không nằm ngoài tiến trình đó. Thực tiễn đã cho thấy, hội nhập quốc tế không chỉ mở ra những cơ hội lớn trong việc bảo tồn, phát huy và lan tỏa giá trị DSVH, từ đó góp phần thúc đẩy tính thuận chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, mà còn đặt ra những thách thức và yêu cầu mới trong cách tiếp cận, quản trị, tương tác với các giá trị DSVH trong thế giới đương đại nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc.

Về cơ hội, trước hết, hội nhập quốc tế giúp quảng bá DSVH ra thế giới, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Nhờ hội nhập quốc tế, các quốc gia có nhiều cơ hội tham gia vào các tổ chức toàn cầu như UNESCO, ICOMOS hay tham gia các công ước quốc tế, từ đó nâng cao khả năng định vị giá trị di sản của quốc gia - dân tộc trong không gian toàn cầu, đồng thời mở ra nhiều cơ hội để phát triển KT - XH của địa phương có di sản. Tiêu biểu như việc Dubrovnik - thành phố cổ nhất của Croatia nằm ven biển Adriatic được UNESCO công nhận là Di sản thế giới vào năm 1979. Đây là bước ngoặt trong quá trình hồi sinh của thành phố này sau chiến tranh. Nhờ danh hiệu quốc tế, chính phủ Croatia đã nhận được nhiều khoản viện trợ, hỗ trợ về vốn và kỹ thuật bảo tồn để gìn giữ vẻ đẹp cổ kính của kiến trúc lịch sử, xây dựng Dubrovnik trở thành điểm đến thu hút khách du lịch nổi bật tại Địa Trung Hải, tạo động lực lớn cho sự phát triển kinh tế địa phương.

Ở Việt Nam, nhiều di sản vật thể và phi vật thể đã được UNESCO ghi danh, từ đó thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, như Cố đô Huế, Quần thể danh thắng Tràng An, Nhã nhạc cung đình Huế, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương hay

Quan họ Bắc Ninh… được công nhận là các di sản của thế giới, trở thành niềm tự hào không chỉ của nhân dân Việt Nam mà còn là di sản chung của nhân loại. Hình ảnh văn hóa Huế, văn hóa cố đô Hoa Lư (Tràng An), văn hóa xứ Kinh Bắc hay các giá trị văn hóa Việt Nam đã vượt ra khỏi phạm vi vùng, miền, biên giới quốc gia mà khu vực để lan tỏa giá trị ra toàn thế giới; đồng thời tạo điều kiện để các DSVH được gìn giữ, duy trì sức sống, phát huy giá trị, góp phần củng cố bản sắc văn hóa dân tộc.

Hội nhập cũng tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và chuyên môn quốc tế trong công tác bảo tồn di sản. Những hợp tác song phương hoặc đa phương trong lĩnh vực văn hóa đã giúp nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn lực và công nghệ trong bảo tồn di sản. Ví dụ như dự án bảo tồn khu đền Angkor Wat (Campuchia) nhận được sự hỗ trợ từ nhiều quốc gia, trong đó Nhật Bản và Pháp đóng vai trò then chốt trong cung cấp kỹ thuật trùng tu và đào tạo nhân lực địa phương. Chính sự hợp tác quốc tế này đã cứu Quần thể di tích Angkor cũng như đền Angkor Wat khỏi nguy cơ hư hỏng nghiêm trọng sau nhiều năm chiến tranh. Tại Việt Nam, nhiều dự án bảo tồn lớn đã được thực hiện với sự giúp đỡ của các tổ chức nước ngoài, như việc trùng tu DSVH thế giới - Quần thể di tích cố đô Huế, số hóa các tư liệu Hán Nôm quý hiếm... với nhiều chuyên gia quốc tế, mang đến những kỹ thuật hiện đại, kinh nghiệm và tư duy mới giúp cho công tác bảo tồn di sản khoa học hơn và hiệu quả bền vững hơn. Đặc biệt, dự án hỗ trợ bảo tồn phố cổ Hội An có sự tham gia của nhiều tổ chức quốc tế như JICA (Nhật Bản), UNESCO, Quỹ Ford có những đóng góp rất lớn trong việc bảo tồn di sản, quy hoạch không gian di sản, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực DSVH... Nhờ đó, Hội An không chỉ bảo lưu được gần như nguyên vẹn kiến trúc độc đáo mà còn phát huy nguồn lực DSVH trong xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc, góp phần đưa Hội An trở thành một trong những điểm đến di sản hàng đầu Việt Nam và có sức hấp dẫn toàn cầu.

Cùng với đó, hội nhập quốc tế góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, đối thoại văn hóa và đa dạng hóa cách tiếp cận di sản. Nhờ các chương trình hợp tác song phương và đa phương về văn hóa - giáo dục, các tuần lễ văn hóa, triển lãm, hội chợ cùng các hoạt động văn hóa quốc tế, đội ngũ nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên có cơ hội tiếp cận các nền văn hóa khác nhau, được giao lưu, học hỏi lẫn nhau về mô hình bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhiều quốc gia - dân tộc trên thế giới, đồng thời hiểu rõ và trân trọng hơn giá trị văn hóa của dân tộc trong sự so sánh và tiếp xúc đa chiều. Ví dụ ở Việt Nam, Festival Huế

được tổ chức định kỳ 2 năm 1 lần (từ năm 2000), là một trong những lễ hội lớn với nhiều chương trình lễ hội cộng đồng được tái dựng với một không gian rộng lớn, như Đêm Hoàng cung, lễ tế Nam Giao, lễ truyền lô và vinh quy bái tổ, lễ hội áo dài, lễ hội biển, chợ quê, diễn thơ, thả thơ, thả diều... cùng nhiều hội thi, hội chợ, triển lãm, hội thảo khoa học…, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước quốc tế. Đây là sự kiện có tính quốc tế hóa cao, quy tụ các đoàn nghệ thuật, các nhà nghiên cứu di sản đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; không chỉ góp phần quảng bá văn hóa Huế, văn hóa dân tộc Việt Nam, mà còn tạo ra môi trường giao lưu văn hóa sâu sắc giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Ngoài ra, hội nhập quốc tế cũng thúc đẩy các quốc gia hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách văn hóa theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Khi tham gia vào tổ chức, diễn đàn và công ước quốc tế, các quốc gia phải cam kết thực hiện nhiều quy định, điều khoản về xây dựng kế hoạch bảo vệ di sản rõ ràng; hoàn thiện khung pháp lý và chính sách văn hóa theo chuẩn mực quốc tế; tăng cường chế tài đối với các hành vi xâm hại, buôn bán, phá hoại DSVH; nâng cao trách nhiệm và minh bạch hơn trong bảo vệ và khai thác giá trị DSVH. Đối với Việt Nam, sau khi tham gia Công ước 2003 về bảo vệ DSVH phi vật thể, nước ta đã có những thay đổi rõ nét về mặt thể chế, như ban hành Luật Di sản văn hóa sửa đổi (năm 2009), xây dựng danh mục di sản phi vật thể quốc gia, nhiều DSVH phi vật thể được sưu tầm, phục dựng, bảo tồn hiệu quả hơn. Tính đến hết năm 2025, sau 22 năm tham gia Công ước 2003, Việt Nam đã có 16 DSVH phi vật thể được UNESCO ghi danh vào Danh sách DSVH phi vật thể đại diện; khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê trên toàn quốc; hàng nghìn cá nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú. Hoạt động kiểm kê và lập hồ sơ khoa học DSVH phi vật thể giúp cho các nhà quản lý, nhà nghiên cứu nhận diện rõ hơn về di sản để xây dựng các kế hoạch, chiến lược bảo vệ và phát huy giá trị của DSVH phi vật thể, ngăn chặn nguy cơ mai một, thất truyền, góp phần tích cực trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa của quốc gia - dân tộc và đa dạng văn hóa của nhân loại. Ngoài ra, các DSVH phi vật thể được sưu tầm nghiên cứu, phục dựng, thực hành, trao truyền đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho cộng đồng.

Ngoài ra, cộng đồng địa phương có nhiều cơ hội được hưởng lợi từ di sản, nhất là thông qua du lịch văn hóa. Người dân có thể phát triển kinh tế từ các dịch vụ đi kèm tại các điểm đến di sản, qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế, đồng thời

ý thức hơn trong việc giữ gìn di sản, củng cố và lan tỏa tinh thần tự hào về DSVH của dân tộc. Trên thế giới, thành phố Kyoto (Nhật Bản) là hình mẫu thành công trong phát triển du lịch gắn liền với các DSVH như kiến trúc nhà gỗ, các ngôi chùa, văn hóa trà đạo,... Chính quyền địa phương khuyến khích người dân tham gia gìn giữ và khai thác di sản bằng cách tổ chức các tour du lịch cộng đồng, lớp học trải nghiệm văn hóa...

Khu phố cổ Hà Nội - với vị thế là khu vực trung tâm của Thủ đô Hà Nội, trung tâm kinh tế, văn hóa, hội nhập… của Thủ đô và cả nước; cùng khu phố cổ Hội An - một điểm đến di sản nổi tiếng của Việt Nam sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để tranh thủ các cơ hội từ quá trình hội nhập quốc tế nhằm phát triển các ngành CNVH trên cơ sở phát huy nguồn lực dồi dào từ hệ thống DSVH, từ đó vừa bảo tồn và vừa phát huy ngày càng hiệu quả các DSVH trong quá trình phát triển KT - XH, định vị thương hiệu và bản sắc địa phương.

Thời gian qua, nhiều lễ hội mang tầm quốc tế đã được tổ chức ở Hà Nội, trong đó phố cổ luôn là một trong những trung tâm với nhiều hoạt động giao lưu văn hóa giữa Hà Nội với các tỉnh, thành phố trên cả nước và với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, nhất là từ khi Hà Nội gia nhập mạng lưới UCCN ở lĩnh vực thiết kế; tiêu biểu như Lễ hội thiết kế sáng tạo; Ngày hội văn hóa vì hòa bình; nhiều triển lãm văn hóa làng nghề, phố nghề… thu hút đông đảo người dân, khách du lịch cùng nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế tham dự, với nhiều không gian, sự kiện văn hóa đặc sắc, tạo cơ hội để di sản được tôn vinh trong không gian đa văn hóa. Từ một không gian truyền thống mang đậm sắc thái địa phương, phố cổ Hà Nội với hệ thống DSVH đặc sắc đã trở thành điểm đến văn hóa hấp dẫn.

Khu phố cổ Hà Nội đang phải đối mặt với thách thức lớn là tình trạng xuống cấp của các công trình kiến trúc và sự biến đổi của không gian đô thị hiện đại. Quá trình hội nhập quốc tế đã giúp thành phố tiếp cận các nguồn lực và chuyên môn bảo tồn từ nước ngoài thông qua quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương của nước Cộng hòa Pháp mà là tiêu biểu với Vùng Ile-de-France và thành phố Toulouse trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH phố cổ Hà Nội. Nhiều dự án bảo tồn các di sản được triển khai, như án bảo tồn ngôi nhà cổ số 87 phố Mã Mây - "Ngôi nhà Di sản" với kiến trúc nhà ở điển hình được bảo tồn tốt nhất tại khu phố cổ. Thành phố Toulouse cũng hỗ trợ Hà Nội tu bổ đình Đồng Lạc (số 38 phố Hàng Đào), ngôi nhà số 51 phố Hàng Bạc - nơi hiện có hàng chục hộ gia

đình sinh sống; dự án bảo tồn, tôn tạo mặt đứng một đoạn phố Tạ Hiện dài 52m, phục dựng cửa đi, cửa sổ theo phong cách cũ; các biển quảng cáo được thiết kế màu trầm, có kích thước tương đồng; những đường nét kiến trúc gốc của các ngôi nhà (kiến trúc phương Đông, kiến trúc ảnh hưởng Trung Hoa, kiến trúc Pháp) được tôn trọng, giúp nơi đây trở thành điểm đến yêu thích của khách du lịch, nhất là khách nước ngoài. Thành phố Toulouse (Pháp), vùng Thủ đô Bruxelles (Vương quốc Bỉ) còn thực hiện dự án Asia Rehab do Liên minh châu Âu hỗ trợ với mục tiêu nâng cao điều kiện sống cho người dân phố cổ Hà Nội thông qua việc bảo tồn, tôn tạo phố cổ Hà Nội, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp kỹ thuật cho bảo tồn DSVH cũng như cải thiện điều kiện sống của người dân trong khu phố cổ; đồng thời tổ chức một số hội thảo quốc tế để trao đổi kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực bảo tồn, nâng cao giá trị di sản và những giá trị tham chiếu cho Hà Nội.

Bên cạnh đó, Dự án Haidep do tổ chức JICA(Nhật Bản) tài trợ "Dự án thí điểm: Bảo tồn và phát triển bền vững khu phố cổ", triển khai thí điểm trên địa bàn phố Hàng Buồm, chỉnh trang mái hiên, mái che, mái vẩy gắn sự tham gia của cộng đồng vào quản lý kiến trúc, quy hoạch khu phố cổ... UNESCO phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội cũng tổ chức các chương trình đào tạo nguồn nhân lực về bảo tồn đô thị, giúp nhiều cán bộ, kiến trúc sư và sinh viên được tiếp cận với kiến thức chuyên môn hiện đại về bảo tồn di sản đô thị từ các mô hình của Kyoto, Hồng Kông, Paris… cũng như được truyền cảm hứng và sự nhiệt huyết, tinh thần trách nhiệm với công tác bảo tồn, phát huy DSVH. Các tour du lịch khám phá phố cổ bằng xe xích lô; trải nghiệm nghề truyền thống với các hoạt động như làm giấy dó, nặn tò he, trà đạo... ở khu phố cổ Hà Nội được triển khai trên cơ sở tham khảo những mô hình hiệu quả trên thế giới đã mang lại những kết quả tích cực cho du lịch văn hóa ở địa phương, vừa giúp cải thiện sinh kế cho cư dân phố cổ vừa khơi dậy tình yêu và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong bảo tồn DSVH - nguồn vốn quý giá của dân tộc, qua đó góp phần gìn giữ khu phố cổ Hà Nội thực sự trở thành "di sản sống" trong lòng đô thị hiện đại.

Hội An từng là cảng thương mại quốc tế quan trọng tại Đông Nam Á trong suốt thế kỷ XVII, XVIII vốn có nền tảng giao lưu văn hóa, thương mại đa quốc gia. Khu phố cổ Hội An - DSVH thế giới - là minh chứng rõ nét cho việc hội nhập quốc tế có thể mang lại nhiều tác động tích cực trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH. Trước khi được UNESCO công nhận là DSVH thế giới, Hội An là một đô thị cổ nhiều

khó khăn, nhiều DSVH phải đối mặt với nguy cơ bị hư hỏng, xuống cấp. Song, từ khi tiến hành quá trình hội nhập quốc tế, nhất là thông qua các hoạt động hợp tác văn hóa và du lịch, sự hỗ trợ tích cực của UNESCO, JICA, khu phố cổ Hội An đã được bảo tồn gần như nguyên vẹn các DSVH, nhiều di sản được trùng tu, tôn tạo. Đến nay, Hội An vẫn giữ được vẻ trầm mặc, cổ kính trong không gian đô thị truyền thống, Hội An trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng hàng đầu Việt Nam và khẳng định được thương hiệu trên quốc tế khi nhiều lần được các tổ chức, tạp chí danh tiếng khác trên thế giới bình chọn là một trong những điểm đến thành phố văn hóa hàng đầu châu Á, các thành phố tuyệt vời nhất châu Á, các điểm đến phổ biến nhất thế giới, trung tâm lịch sử quyến rũ nhất châu Á… Cũng từ đó, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của DSVH, chủ động tham gia vào quá trình gìn giữ và phát huy giá trị của DSVH; tạo động lực để cộng đồng bảo tồn nhiều làng nghề, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật biểu diễn dân gian, ẩm thực đặc trưng… thông qua việc tiếp cận với các mô hình quản lý di sản tiên tiến từ các nước trên thế giới, khơi dậy những ý tưởng sáng tạo trong việc bảo tồn giá trị DSVH, nhất là từ khi thành phố Hội An (cũ) gia nhập UCCN ở lĩnh vực thủ công và nghệ thuật dân gian. Sự tương tác văn hóa thông qua hội nhập, sự tham gia các mạng lưới quốc tế giúp Hội An tiếp cận phương pháp quản lý di sản, sáng kiến văn hóa quốc tế, nâng cao khả năng "thích ứng" với bối cảnh toàn cầu hơn, từ đó các DSVH Hội An có sự tiếp biến linh hoạt và củng cố thêm bản sắc văn hóa thông qua việc xây dựng và phát triển các sản phẩm CNVH. Nhờ vậy, DSVH ngày càng được nâng tầm, góp phần khẳng định bản sắc văn hóa và thương hiệu địa phương.

Hội nhập quốc tế cũng đưa vào Hội An các xu hướng phát triển như du lịch xanh, đô thị thông minh, phát triển bền vững, giúp bảo vệ môi trường xung quanh khu phố cổ, từ đó không chỉ bảo vệ di sản kiến trúc mà cả cảnh quan để duy trì hài hòa không gian di sản. Việc thu hút nguồn lực quốc tế giúp địa phương học hỏi phương pháp, công nghệ, quản lý di sản từ quốc tế, nâng cao năng lực nội bộ, từ đó xây dựng quy hoạch tốt hơn, chú trọng môi trường, cảnh quan, hạn chế các tác động tiêu cực từ quá trình du lịch đại trà.

Về thách thức, mặc dù mang lại nhiều cơ hội đối với DSVH và phát triển KT - XH, song hội nhập quốc tế cũng đặt ra thách thức không nhỏ đối với DSVH, đe dọa bản sắc văn hóa của các quốc gia - dân tộc.

Nguy cơ lớn nhất mà các quốc gia trên thế giới phải đối mặt là mất bản sắc

văn hóa dân tộc. Quá trình hội nhập quốc tế đang thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng giao lưu, hợp tác và mở rộng ảnh hưởng văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc. Cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, sự đẩy mạnh các hoạt động hội nhập trên nhiều lĩnh vực, thông qua sản phẩm của các ngành CNVH, như phim ảnh, âm nhạc, thời trang, trò chơi trực tuyến… các giá trị văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán của một số quốc gia được phổ biến ra khắp thế giới; từ đó có những tác động nhất định tới nhận thức văn hóa, thói quen tiêu dùng, sinh hoạt văn hóa của người dân ở các quốc gia, thậm chí có khi bị biến đổi theo hướng đồng nhất, làm giảm dần các khác biệt về mặt văn hóa, dẫn tới nguy cơ văn hóa bị "lai căng", phai nhạt bản sắc văn hóa - tấm "căn cước" để "định danh", nhận diện một nền văn hóa và phân biệt dân tộc này với dân tộc khác, vốn cần được duy trì nhằm bảo vệ sự đa dạng của nền văn hóa thế giới. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được kết tinh ở hệ thống DSVH bị biến đổi, tạo áp lực rất lớn đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tính chất đa dạng phong phú của các nền văn hóa dân tộc có nguy cơ bị thay thế bằng một nền văn hóa "đồng dạng". Do đó, sự lo ngại về nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc là mối lo chung của nhiều nước trên thế giới khi thực tế là một số nước phát triển đang muốn áp đặt các giá trị văn hóa của mình cho toàn thế giới. Nhờ sự phát triển của khoa học, công nghệ, các sản phẩm văn hóa ở những nước phát triển có sức mạnh và khả năng bành trướng khắp toàn cầu, tấn công dữ dội văn hóa nước ngoài, đe dọa bản sắc và tính đa dạng văn hóa của các dân tộc. Các tập đoàn truyền thông đa phương tiện của một số nước có tiềm lực chiếm ưu thế về phương tiện và hạ tầng kỹ thuật chi phối hầu hết nguồn thông tin trên thế giới. Thực tế cho thấy, các nước giàu có khả năng sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm văn hóa đi khắp các nước trên thế giới; thậm chí thâm nhập sâu vào các nước nghèo, các nước đang phát triển, trong khi những sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở nước chưa và đang phát triển thì rất khó thâm nhập vào thị trường của các nước phát triển do không đủ sức cạnh tranh. Đây là bất lợi về mặt KT- XH cho các nước đang phát triển và chậm phát triển vì CNVH ngày nay đang mang lại một nguồn lợi khổng lồ và nhiều giá trị KT-XH.

Ngoài ra, hội nhập quốc tế còn dẫn tới sự lan truyền nhanh chóng và sự phổ biến ngày càng rộng khắp của các loại hình văn hóa hiện đại khiến các loại hình văn hóa dân gian, DSVH phi vật thể (như ca trù, xoan, hát quan họ, hát xẩm…) mặc dù được UNESCO công nhận nhưng vẫn có nguy cơ mai một vì thiếu đội ngũ kế cận; năng lực cạnh tranh quốc tế của các sản phẩm văn hóa truyền thống còn yếu nên khó

khăn trong quá trình lan tỏa và khẳng định giá trị...

Không chỉ thế, ngôn ngữ - yếu tố quan trọng nhất của văn hóa, cũng là một loại hình DSVH phi vật thể vô cùng quan trọng đã và đang gặp nhiều thách thức khi hiện nay tiếng Anh trở thành ngôn ngữ giao tiếp quốc tế. Nhờ ưu thế của việc sử dụng tiếng Anh cũng như các phương tiện truyền thông, những sản phẩm văn hóa của các nước phát triển nhanh chóng được phổ biến rộng rãi trên toàn cầu, được giới trẻ ở nhiều nước chưa phát triển và đang phát triển tiếp thu qua internet và tiếng Anh, dẫn đến sự đứt gãy các truyền thống và tập quán giữa các thế hệ, dần dần làm phai nhạt các giá trị văn hóa dân tộc. Thực tế này đòi hỏi mỗi quốc gia dân tộc cần xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trong quá trình hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, hiện tượng thương mại hóa DSVH quá mức với sự phát triển du lịch một cách ồ ạt đã khiến nhiều sản phẩm văn hóa được xây dựng từ các DSVH bị thay đổi, hoặc giảm đi sự chân thực và mất đi giá trị nguyên bản để phù hợp với thị hiếu của khách tham quan; thậm chí còn xảy ra tình trạng di sản bị xâm hại giá trị cốt lõi và đe dọa tính bền vững. Hiện nay, một số lễ hội truyền thống, phong tục, tập quán, trò chơi dân gian bị biến tướng hoặc lạm dụng để khai thác thương mại quá mức, bị mất tính linh thiêng, tính cộng đồng; không ít lễ hội, tín ngưỡng bị "sân khấu hóa", trở thành sự kiện thương mại, hoặc tổ chức theo mô hình thị trường, có nhà tài trợ, vé vào cổng, bán hàng hóa kèm theo. Không gian thiêng bị thay đổi thành không gian thương mại với các ki-ốt, quảng cáo, nhà hàng, khách sạn quanh nơi tổ chức nghi lễ. Chính quyền ở một số địa phương đã đẩy mạnh lễ hội như một "thương hiệu điểm đến" để phát triển du lịch với việc biến tấu nội dung để tăng tính hấp dẫn với khách du lịch. Không gian tổ chức bị xâm lấn bởi hoạt động thương mại, làm mờ ranh giới giữa không gian thiêng và thế tục. Thậm chí có nơi cộng đồng không còn là người quyết định nội dung lễ hội. Nghi lễ dân gian dần mai một vì không được thực hành trong môi trường nguyên gốc. Giá trị luân lý, đạo đức, ứng xử cộng đồng - từng được khắc ghi qua lễ hội - bị thay thế bằng trải nghiệm tiêu dùng, giải trí. Nhiều yếu tố thiêng liêng, tín ngưỡng, tâm linh bị làm loãng hoặc bị thay thế bởi phần biểu diễn, diễu hành, ca nhạc, sân khấu. Khi đó, các DSVH - "vốn văn hóa" đặc thù không được phát huy hiệu quả mà bị lạm dụng, bị thương mại hóa quá mức, không bảo đảm sự bền vững trong quá trình phát triển kinh tế di sản.

Thực tế ở một số địa phương cho thấy, nhiều làng nghề truyền thống đang bị

mai một. Nghề truyền thống không chỉ là phương thức sản xuất, mà còn là nơi kết tinh tri thức dân gian và bản sắc văn hóa của từng cộng đồng. Tuy nhiên, các làng nghề, nghệ nhân và sản phẩm thủ công truyền thống đang phải đối mặt với nguy cơ thương mại hóa cực đoan. Việc sản xuất hàng loạt sản phẩm thủ công truyền thống để chạy theo thị hiếu khách du lịch mà mất đi tính thủ công tinh xảo, cá nhân hóa và tính nghệ thuật vốn có của nghề truyền thống, từ đó di sản nghề bị mất phần hồn cốt vốn có, bản sắc địa phương mờ nhạt, nhất là mất đi tính độc bản của sản phẩm - một yếu tố làm nên giá trị của nghệ nhân và di sản. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng làm nghề, mà còn đe dọa đến sự tồn tại của những tri thức dân gian và bản sắc văn hóa - những giá trị không thể thay thế bằng máy móc hay sản xuất đại trà. Cùng với đó là các tri thức nghề truyền thống không được truyền dạy liên tục, thường xuyên; các chuỗi sản xuất truyền thống (gắn với dòng họ, phường hội, quy ước làng nghề) bị đứt gãy, dẫn đến tan rã cấu trúc nghề truyền thống.

Hội nhập quốc tế kéo theo sự gia tăng du khách quốc tế tại các điểm đến di sản cũng tạo áp lực lớn lên kết cấu hạ tầng, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến không gian di sản. Tình trạng "quá tải du lịch" không chỉ gây hư hại vật lý lên các di tích, công trình cổ mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân địa phương. Sự phát triển du lịch di sản thiếu kiểm soát cũng khiến cho các yếu tố văn hóa truyền thống bị pha trộn quá mức với các yếu tố hiện đại hoặc ngoại lai, làm giảm đi sự đa dạng văn hóa. Sự gia tăng lượng khách du lịch và nguồn đầu tư quốc tế có thể khiến việc quản lý di sản trở nên phức tạp và khó kiểm soát, đặc biệt khi các chính sách bảo tồn di sản chưa đủ mạnh hoặc thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan. Bên cạnh đó, sự phát triển du lịch dẫn tới sự thay đổi sinh kế truyền thống, nhiều người dân có thể bị mất cơ hội thực hành nghề truyền thống..., nếu không có những chính sách điều tiết kịp thời, cộng đồng địa phương tại điểm đến sẽ không được hưởng lợi ích chính đáng từ di sản, hoặc bị biến thành những "người phục vụ" cho du lịch thay vì là người bảo vệ di sản và là chủ thể thực sự của các di sản. Ở một số nơi, sự gia tăng giá bất động sản ở khu vực điểm đến di sản cũng như sự gia tăng chi phí sinh hoạt cũng gây ra nhiều hệ lụy xã hội và những khó khăn trong cuộc sống của cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, nhiều yếu tố, sản phẩm phản văn hóa cũng dễ dàng vượt qua biên giới quốc gia thông qua hội nhập quốc tế để thâm nhập vào nước ta, tạo ra trong lòng xã hội trào lưu "cách tân", xem nhẹ và quay lưng lại với các giá trị truyền thống và

coi thường tính kế thừa, dẫn tới nguy cơ đụng độ, xung đột giữa văn hóa ngoại lai với văn hóa dân tộc. Các thế lực thù địch lợi dụng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", truyền bá, phổ biến các loại tư tưởng phản động, độc hại, đánh vào thị hiếu thấp kém của một bộ phận dân chúng và cán bộ, từng bước hủy hoại sức sống văn hóa dân tộc.

Bởi vậy, có thể thấy, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ không chỉ tụt hậu trong sự phát triển của các ngành CNVH trong quá trình hội nhập quốc tế, đánh mất thị trường tiêu thụ mà còn có nguy cơ bỏ lỡ cơ hội tạo dựng "sức mạnh mềm" - được thể hiện ở sức hấp dẫn, lan tỏa từ các giá trị DSVH thông qua các hoạt động bảo tồn và phát huy. Để ứng phó với các nguy cơ từ hội nhập quốc tế, việc đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, coi trọng việc giữ gìn và phát huy giá trị DSVH đang trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Không nằm ngoài những tác động trên của hội nhập quốc tế, phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An - hai trong số những điểm đến di sản nổi bật của Việt Nam với hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể đặc sắc - đều đã và đang phải đối mặt với những tác động đa chiều của quá trình hội nhập quốc tế, trong đó có những thách thức, nguy cơ. Cả phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An đều đối diện với nguy cơ các DSVH bị thương mại hóa quá mức và phai nhạt giá trị văn hóa truyền thống. Nhiều phố nghề, làng nghề truyền thống tại các phố cổ Hà Nội đã bị mai một; nhiều cửa hàng bán các mặt hàng truyền thống đang dần bị thay thế bằng các cửa hàng kinh doanh hàng hóa hiện đại, cà phê, nhà hàng hoặc các dịch vụ giải trí, du lịch. Nhiều công trình kiến trúc cổ bị sửa chữa hoặc cải tạo không phù hợp nhằm phục vụ mục đích kinh doanh, dẫn đến mất đi tính nguyên bản và thẩm mỹ truyền thống. Tại Hội An, các con phố như Nguyễn Thái Học, Trần Phú giờ đây nhộn nhịp với hàng loạt nhà hàng và cửa hàng lưu niệm, phần lớn phục vụ du khách chứ không còn phục vụ nhu cầu đời sống thường nhật của người dân. Hội nhập quốc tế thúc đẩy sự gia tăng mạnh mẽ lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến các DSVH, trong đó phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An cùng với hoạt động thương mại phát triển nhanh chóng, tạo ra áp lực ngày càng lớn tới kết hạ tầng, môi trường và không gian di sản. Ở một số di sản xảy ra tình trạng khai thác quá mức các DSVH, thậm chí là xâm hại DSVH, biến DSVH trở thành mục tiêu trục lợi; đi kèm đó là không ít hệ lụy tiêu cực như ô nhiễm môi trường... Ngoài ra, những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và nhiều thách thức an ninh phi truyền thống (dịch bệnh, thiên tai…) hiện nay đang đặt ra không ít

thách thức, tạo ra nguy cơ gây hư hại các DSVH cũng như sức ép với công tác bảo tồn DSVH tại khu phố cổ Hà Nội và Hội An. Thực tiễn này đã và đang tác động đến hiện trạng DSVH, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trong quá trình gắn kết với phát triển KT - XH ở nước ta và ở hai địa bàn nghiên cứu của luận án.

Thương mại hóa và nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa là một nguy cơ khó tránh trong quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt đối với các DSVH gắn liền với hoạt động du lịch. Nếu không được kiểm soát và điều chỉnh hợp lý, nó sẽ dẫn đến sự mất mát nghiêm trọng về tính nguyên bản và giá trị văn hóa của di sản. Quản lý DSVH như phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An không chỉ đơn thuần là việc bảo vệ các công trình kiến trúc mà còn liên quan đến bảo tồn giá trị các DSVH phi vật thể, duy trì sự sống của cộng đồng cư dân và đáp ứng các nhu cầu phát triển KT - XH. Với phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An, việc cân bằng giữa phát triển kinh tế từ du lịch, dịch vụ và bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống là bài toán cần được ưu tiên giải quyết nhằm bảo đảm sự bền vững của các di sản quý giá, đòi hỏi sự nỗ lực từ nhiều phía, nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương.

Như vậy, vấn đề hiện nay không nằm ở việc từ chối hội nhập, mà là cần làm chủ quá trình hội nhập một cách bản lĩnh và có bản sắc. Trước những yêu cầu mới của thực tiễn, ngày 24-1-2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW "Về hội nhập quốc tế trong tình hình mới". Đây là một quyết sách đột phá, xác định hội nhập quốc tế chủ động, tích cực là động lực chiến lược để Việt Nam mở rộng không gian phát triển trong kỷ nguyên mới. Do vậy, trong quá trình triển khai các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ở nước ta cũng như ở hai địa bàn nghiên cứu cần tích cực thúc đẩy các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế thông qua nhiều sự kiện văn hóa, hợp tác giáo dục, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực DSVH, hoạt động của các quỹ bảo tồn DSVH, các tổ chức quốc tế cũng như sự chung tay của chính quyền, nhân dân, các tổ chức cả trong nước và quốc tế để phát huy cả nội lực và ngoại lực, tiếp thu và học hỏi nhiều kinh nghiệm, thu hút thêm nguồn lực quốc tế để nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, góp phần thúc đẩy tính thuận chiều mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH tại phố cổ Hà Nội, phố cổ Hội An nói riêng và cả nước nói chung.

3.1.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vấn đề bảo đảm tính xác thực và giá trị của di sản văn hóa

Ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tiến trình tất yếu trong sự phát triển của mọi quốc gia. Quá trình này đã làm biến đổi sâu sắc xã hội trên nhiều mặt, trong đó có văn hóa và nhất là DSVH - vốn mang tính "nhạy cảm, dễ bị tổn thương" với những biến đổi không gian, thời gian, lối sống… Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tác động nhiều mặt, có thể thúc đẩy tính thuận chiều hoặc tính nghịch chiều của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH thông qua những tác động tích cực và tác động tiêu cực tới hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH.

Về tác động tích cực, với đặc trưng là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa nhanh cùng sự cải thiện kết cấu hạ tầng - kỹ thuật, thay đổi hệ giá trị xã hội, quá trình này tạo ra cơ hội để cộng đồng và xã hội nâng cao nhận thức về giá trị DSVH, nhìn nhận vai trò quan trọng của DSVH - kết tinh bản sắc văn hóa dân tộc trong lịch sử phát triển, từ đó khơi dậy một "cơ chế phản ứng văn hóa" là "bảo tồn để khẳng định bản sắc" trong bối cảnh mới nhiều thay đổi. Ví dụ tại Hàn Quốc, trong những năm 1960 - giai đoạn đất nước này tiến hành quá trình công nghiệp hóa rất nhanh, nhận thức về giá trị của việc bảo vệ các truyền thống và văn hóa lâu đời của Hàn Quốc ngày càng tăng với việc ghi nhận, tôn vinh và hỗ trợ các cá nhân có khả năng truyền nghề thủ công hoặc biểu diễn các DSVH phi vật thể được mệnh danh là "Bảo vật quốc gia sống". Cùng với đó, quá trình hiện đại hóa thúc đẩy hệ thống giáo dục, hệ thống thông tin và truyền thông, internet, các nền tảng số, các nghiên cứu khoa học, trong đó có nghiên cứu về văn hóa và DSVH ngày càng phát triển. DSVH vốn trước đây chủ yếu tồn tại ở dạng "sống" trong cộng đồng, dần được lý thuyết hóa, định danh, khẳng định vai trò và được xác định như một nguồn lực để tạo ra những sản phẩm hàng hóa đặc thù đa giá trị của các ngành CNVH. Trong môi trường công nghiệp hóa với sự mất đi nhanh chóng của không gian sống cũ, làng nghề bị đô thị hóa, kiến trúc truyền thống bị thay thế bằng nhà cao tầng, phong tục, tập quán dần thay đổi... cũng chính là khi con người mong muốn "quay về quá khứ" để tìm lại bản sắc, giá trị nền tảng.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa dẫn tới sự ra đời của nhiều công nghệ hiện đại để hỗ trợ phổ biến, truyền thông, quảng bá về các DSVH, mở ra kỷ nguyên mới cho việc số hóa di sản, mở ra cơ hội cách thức mới trong tiếp cận di sản theo hướng hiệu quả hơn qua nền tảng số như bảo tàng ảo, video tư liệu, tour 360 độ, AI phục dựng...,

đặc biệt với di sản đang bị xuống cấp, có nguy cơ mất mát hoặc không thể tiếp cận thường xuyên hay các DSVH phi vật thể cần được ghi lại, bảo lưu; từ đó góp phần đưa di sản đến gần hơn với đông đảo công chúng, nhất là thế hệ trẻ. Không chỉ hỗ trợ về mặt kỹ thuật, khoa học, công nghệ mà còn làm thay đổi căn bản tư duy, phương pháp tiếp cận, mô hình bảo tồn DSVH theo hướng hiện đại.

Các phương tiện truyền thông đóng vai trò to lớn trong việc quảng bá, khơi dậy sự quan tâm tới DSVH của cộng đồng. Giáo trình phổ thông và đại học đã tích hợp kiến thức về DSVH; đồng thời các khóa học online, hoạt động ngoại khóa ngày càng nhấn mạnh vai trò của DSVH, DSVH cùng các giá trị truyền thống được đặt trong tương quan mới có điều kiện được tái hiện, tái sử dụng, được sáng tạo, lan tỏa hơn, kết nối rộng khắp hơn, di sản được nhìn nhận như một phần của hành trình hiện đại. Từ đây, di sản không còn là "chuyện của bảo tàng" hay "việc của ngành văn hóa" mà trở thành nội dung sống động trong đời sống số và văn hóa đại chúng, nhận thức của xã hội về DSVH ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh đó, khung pháp lý và thể chế được củng cố nhờ hiện đại hóa quản trị với sự phát triển của nhà nước pháp quyền và hệ thống quản trị minh bạch hơn. Điều này thúc đẩy việc luật hóa quyền bảo vệ và khai thác DSVH thay vì chỉ dựa trên cam kết đạo đức hay phong tục, tập quán. Việc hình thành các thể chế chuyên biệt trên lĩnh vực DSVH giúp DSVH trở thành một lĩnh vực có chính sách cụ thể và được đầu tư bài bản.

Ngoài ra, khi các kết cấu hạ tầng được hiện đại hóa (giao thông, viễn thông, tiện ích đô thị), việc tiếp cận DSVH trở nên dễ dàng hơn, mở rộng không gian tiếp xúc và lan tỏa văn hóa. Điều này giúp di sản trở thành điểm đến du lịch, hoặc là một phần trong phát triển đô thị, từ đó tạo ra nhiều việc làm, góp phần gia tăng nguồn lực tài chính và nâng cao thêm năng lực cho bảo tồn DSVH, nâng tầm giá trị di sản. Du lịch văn hóa và các mô hình kinh tế gắn với di sản trở thành cầu nối giữa bảo tồn và phát triển, chuyển hóa giá trị tiềm ẩn thành lợi ích thiết thực cho cộng đồng, bảo tồn DSVH không còn là gánh nặng ngân sách, mà là một hoạt động đầu tư sinh lợi, bảo tồn mang chức năng phát triển, có tính bền vững nếu được quy hoạch và quản trị hợp lý. Khi bảo tồn di sản được nhìn nhận không chỉ là "chi phí" mà còn là "giá trị" và "cơ hội", thì điều kiện để bảo tồn bền vững được mở rộng. Làng gốm Bát Tràng (Hà Nội) là một minh chứng sống động cho việc nhờ phát triển du lịch làng nghề, nhiều nghệ nhân trẻ quay về nối nghiệp nghề truyền thống, thay vì rời đi khỏi quê hương

để làm việc tại khu công nghiệp; người dân có động cơ tham gia bảo tồn di sản vì điều đó gắn liền với lợi ích trực tiếp của họ. Nghề truyền thống, phong tục, ngôn ngữ địa phương, tri thức dân gian... nhờ đó được duy trì, tiếp nối qua các thế hệ.

Ở nhiều quốc gia các trên thế giới, một số khu công nghiệp cũ đã được biến đổi thành các không gian sáng tạo, không gian thủ công mỹ nghệ, không gian biểu diễn nghệ thuật, khu tham quan, công viên kết hợp không gian công nghiệp - văn hóa - giải trí, trở thành "di sản công nghiệp", gắn với giá trị lịch sử công nghiệp và văn hóa địa phương, một phần của DSVH trong quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa mới của các đô thị. Các khu nhà máy hiện đại hóa được dùng làm gallery, nhà ở sáng tạo, không gian nghệ thuật trở thành trung tâm sáng tạo, nơi giao lưu giữa văn hóa công nghiệp cũ và văn hóa hiện đại (tiêu biểu như ở Anh, Trung Quốc…). Việc bảo tồn kiến trúc hiện đại công nghiệp giúp khẳng định giá trị không chỉ của các di tích cổ điển mà còn của giai đoạn hiện đại/công nghiệp; có thể tích hợp quá khứ công nghiệp vào đời sống hiện đại. Đây cũng là nguồn lực quan trọng để phát triển các ngành CNVH và kinh tế ở các địa phương.

Về tác động tiêu cực, bên cạnh những tác động tích cực, quá trình này cũng đi kèm nhiều hệ lụy tiêu cực nếu thiếu kiểm soát.

Một thực trạng đáng báo động hiện nay là DSVH đang ngày càng có nguy cơ bị tổn thương, mất đi tính chân xác hoặc mất hẳn bởi các tác động tiêu cực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nếu thiếu định hướng bảo tồn song hành với phát triển. Đô thị hóa và phát triển hạ tầng - một hệ quả trực tiếp của công nghiệp hóa - đã phá vỡ không gian vật thể và cảnh quan văn hóa của nhiều vùng di sản. Hàng loạt di tích, làng cổ, đình chùa, chợ truyền thống bị giải tỏa, bao vây hoặc biến dạng bởi các công trình hiện đại không "ăn khớp", chưa phù hợp về ngôn ngữ kiến trúc hay không gian văn hóa. Không ít trường hợp, quy hoạch thiếu tầm nhìn văn hóa đã cắt đứt hoàn toàn kết nối giữa di sản và môi trường sinh tồn bản địa. Ví dụ như không gian sống động của một số cộng đồng ở làng nghề thủ công đang dần bị "bê tông hóa"; lễ hội, tín ngưỡng dân gian bị thương mại hóa nên dần mất đi chiều sâu, bối cảnh và tính linh thiêng, khiến giá trị văn hóa gốc ngày càng phai nhạt. Việc lạm dụng phát triển hạ tầng, mở rộng đô thị mà không tôn trọng vùng bảo vệ di sản có thể xâm hại di sản và làm mất tính xác thực của di sản. Các làng nghề, làng cổ, chợ quê… bị thay thế bằng khu công nghiệp, đô thị hóa nhanh chóng, kéo theo mất ngữ cảnh sinh tồn của nhiều loại hình DSVH phi vật thể, từ đó làm mất đi tính nguyên bản của di sản. Việc chuyển

đổi chức năng di sản công nghiệp mà làm mất hết dấu tích, biến thành công trình hoàn toàn mới không còn "chất công nghiệp" có thể làm mất giá trị lịch sử, văn hóa.

Bên cạnh đó, một số điểm đến di sản đã bị khai thác quá mức để phát triển du lịch một cách ồ ạt, chạy theo lợi ích trước mắt, các yếu tố truyền thống bị cắt gọt, đơn giản hóa hoặc tái dựng theo thị hiếu đám đông, dẫn đến mất tính xác thực - một tiêu chí cốt lõi của bảo tồn DSVH phi vật thể theo Công ước UNESCO 2003. Từ nghệ thuật hát xẩm, ca trù đến lễ hội dân gian đều đang chịu nguy cơ bị trình diễn hóa, tách khỏi môi trường diễn xướng dân gian, thậm chí bị biến trở thành "hàng hóa tiêu dùng" mà không còn là thực hành văn hóa sống.

Công nghiệp hóa làm biến đổi sâu sắc lối sống và cấu trúc cộng đồng - những nền tảng xã hội giữ gìn và tái sản xuất di sản. Quá trình di dân, giãn dân, công nghiệp hóa nông thôn và toàn cầu hóa tiêu dùng đã xóa nhòa nhiều tập quán văn hóa địa phương, khiến cộng đồng cư dân gốc ở địa phương - các chủ thể của DSVH bị phân tán, không còn môi trường xã hội để duy trì lễ hội, tập quán, nghề truyền thống... khiến không gian thực hành di sản bị đứt gãy. Người dân không còn sống theo chu kỳ tự nhiên - xã hội gắn với mùa vụ, nghi lễ và cộng đồng, mà chuyển sang lối sống cá nhân hóa, nhanh, tiện lợi - đặc trưng của xã hội công nghiệp. Lối sống này, trong dài hạn, làm suy yếu khả năng truyền thừa và duy trì di sản. Nhiều nhà khoa học đã cảnh báo về nguy cơ "mất phương hướng bản sắc" trong bối cảnh hiện đại hóa nhanh chóng. Cùng với đó, sự thống trị của văn hóa đại chúng, đặc biệt trong môi trường số, cũng tạo ra áp lực đồng hóa mạnh mẽ, khiến người trẻ xa rời di sản truyền thống và theo đuổi các giá trị phổ biến toàn cầu.

Ngoài ra, công nghiệp hóa còn làm phát sinh những bất bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác và thụ hưởng di sản. Ở một số nơi, người dân địa phương - vốn là chủ thể sáng tạo và gìn giữ di sản - bị gạt ra khỏi quá trình bảo tồn, phát huy giá trị di sản, thậm chí có khi bị biến thành "diễn viên" trong chính không gian sống của mình để phục vụ du khách. Nghệ nhân - người nắm giữ tri thức di sản - cũng thường thiếu được hỗ trợ và công nhận đúng mức, trong khi phần lớn giá trị kinh tế thu được từ khai thác di sản lại thuộc về các doanh nghiệp, công ty du lịch...

Tác động tiêu cực của công nghiệp hóa còn thể hiện ở sự suy giảm môi trường sinh thái - nền tảng tự nhiên gắn bó mật thiết với nhiều loại hình DSVH. Ô nhiễm không khí, tiếng ồn, rung chấn từ các khu công nghiệp, giao thông hay khai thác tài nguyên gần khu di tích đều đe dọa sự tồn tại vật lý của các công trình kiến trúc cổ và

không gian văn hóa cộng đồng.

Như vậy, có thể thấy, nếu phát triển thiếu quy hoạch, thiếu sự tham gia của cộng đồng, thiếu cơ chế giám sát, thì quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể trở thành nhân tố chính làm suy giảm tính xác thực của DSVH, làm xói mòn bản sắc dân tộc, từ đó gây ra những hệ lụy trong phát triển KT - XH.

Hai địa bàn nghiên cứu đều là những đô thị có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, hội tụ những tinh hoa văn hóa từ nhiều vùng, miền, vừa mang tính đa dạng vừa mang tính độc đáo với hệ thống DSVH rất phong phú, đặc sắc, có thể trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT - XH. Song đây cũng là những đô thị tập trung đông dân cư có mật độ dân số cao với quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh và tác động nhiều chiều (cả tích cực và tiêu cực) đến các hoạt động kinh tế, hoạt động dân sinh cùng các sinh hoạt văn hóa gắn liền với hệ thống DSVH trên địa bàn. Bởi vậy, để tìm hiểu, đánh giá mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH cần bàn đến những tác động của quá trình này.

Hiện nay, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy nền kinh tế nước ta tăng trưởng cao, cải thiện chất lượng tăng trưởng, tạo dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự phát triển văn hóa; từ đó, nguồn lực xã hội được huy động cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH ngày càng được đa dạng hóa và đẩy mạnh trên cả nước, trong đó có khu phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An. Luật DSVH năm 2024 đã đưa ra các quy định về Quỹ Bảo tồn DSVH trên cơ sở viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, nhằm huy động nguồn lực và sự tham gia sâu rộng hơn của các tổ chức, cá nhân cho công tác bảo vệ, phát huy giá trị DSVH. Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị DSVH Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình số hóa DSVH Việt Nam giai đoạn 2021-2030… được ban hành; các hoạt động bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn và phát huy DSVH được gắn với phát triển du lịch ở nhiều nơi, góp phần tạo ra sản phẩm văn hóa đặc sắc, hấp dẫn, hiện đại, có tính cạnh tranh cao mà hai địa bàn nghiên cứu là đại diện tiêu biểu.

Tuy nhiên, đối với khu phố cổ Hà Nội, hoạt động kinh tế du lịch ở khu vực phố cổ Hà Nội thời gian qua vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác quản lý, bảo tồn DSVH ở khu phố cổ còn một số hạn chế. Trong khoảng 1.000 ngôi nhà thuộc khu phố cổ đã được thống kê và hiện còn bảo lưu được thì đa số đều xuống cấp, chỉ bảo lưu được từng bộ phận (cổ nhất cũng chỉ có niên đại là thế kỷ XIX); kết quả của công

tác khôi phục và gìn giữ giá trị nguyên vẹn, tính chân xác của hệ thống kiến trúc này còn khiêm tốn. Trong khi đó, không ít hộ dân trong một số khu vực di sản đã vi phạm quy định trong xây dựng, cải tạo nhà cổ (quy định về khoảng lùi, chiều cao, mái…) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt... Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ đã dẫn đến sự biến đổi cảnh quan kiến trúc và không gian sinh hoạt truyền thống của phố cổ. Nhiều khu nhà cổ với kiến trúc lịch sử đặc trưng đã bị phá bỏ hoặc biến dạng để nhường chỗ cho các tòa nhà hiện đại, cửa hàng, dịch vụ thương mại. Việc xây dựng thiếu kiểm soát và quy hoạch chưa đồng bộ đã làm mất đi sự hài hòa về mặt thẩm mỹ cũng như phá vỡ mạch không gian lịch sử liên tục của phố cổ. Nhiều con phố đã trở nên quá tải, chen chúc và mất đi những nét đặc trưng vốn có, khiến giá trị di sản giảm sút. Bên cạnh đó, công nghiệp hóa thúc đẩy sự bùng nổ về kinh tế và dịch vụ, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và thương mại, dẫn đến hiện tượng thương mại hóa quá mức các giá trị văn hóa truyền thống. Các lễ hội dân gian, nghề thủ công và các DSVH phi vật thể tại phố cổ Hà Nội có nguy cơ bị mất sự chân thực, tính linh hoạt và bản sắc đặc trưng.

Quá trình công nghiệp hóa cũng kéo theo những biến đổi sâu sắc về mặt xã hội - kinh tế đối với cộng đồng cư dân truyền thống. Việc gia tăng giá bất động sản và chi phí sinh hoạt đẩy nhiều hộ gia đình truyền thống phải di cư khỏi khu phố cổ hoặc cố bám trụ và chuyển đổi nghề nghiệp sang các lĩnh vực dịch vụ, giảm đi số lượng người trực tiếp gìn giữ DSVH; từ đó gây ra sự đứt gãy trong truyền thống cộng đồng, làm suy yếu các mối liên kết xã hội và hệ thống giá trị văn hóa địa phương. Nếp sống văn hóa, giao tiếp thanh lịch, văn minh, sự tự giác giữ gìn trật tự đô thị, vệ sinh môi trường của một số người dân, hộ kinh doanh còn hạn chế. Hiện tượng lấn chiếm vỉa hè kinh doanh, đổ rác và phế thải ra đường còn xảy ra... Địa phương cũng phải đối mặt với thách thức đến từ sự phai nhạt các giá trị văn hóa truyền thống và tinh thần cố kết cộng đồng trong quá trình phát triển KT - XH. Ngoài ra, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng và sự gia tăng phương tiện giao thông cũng làm tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi và rung chấn, ảnh hưởng tiêu cực đến các công trình kiến trúc cổ, vốn được xây dựng từ vật liệu truyền thống và dễ bị tổn thương trước các tác động môi trường. Như vậy, công nghiệp hóa và hiện đại hóa nếu không đi kèm với chiến lược quản lý và bảo tồn hiệu quả, có thể làm mai một giá trị văn hóa của phố cổ Hà Nội - DSVH quý giá, "bảo tàng sống" không chỉ của Thủ đô mà còn của cả nước.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một vấn đề đặt ra với khu phố cổ Hà Nội là vấn đề giãn dân. Hầu hết các căn nhà khu phố cổ đều gắn với công việc

kinh doanh. Người dân phố cổ tận dụng từng mét vuông trong ngõ mở các hàng quán bán các loại hàng hóa, trà đá, kinh doanh dịch vụ ăn uống,... Vì nơi ở thuận tiện trong kinh doanh, buôn bán, họ chấp nhận chung sống với sự ồn ào, chật chội cùng nhiều khó khăn, bất tiện trong sinh hoạt. Vì mưu sinh và cũng vì sự gắn bó với nếp sống, nếp sinh hoạt văn hóa bao đời nay nên hầu hết người dân đều mong muốn bám trụ ở phố cổ. Khảo sát của NCS cũng cho thấy rõ thực tế này khi có đến 210/240 phiếu khảo sát thu được (chiếm 87,5%) thể hiện ý kiến của người dân mong muốn tiếp tục sinh sống tại khu phố cổ Hà Nội; chỉ có 30/240 ý kiến người dân (chiếm 12,5%) là muốn chuyển đi nơi khác (xem biểu đồ 3.1).

Biểu đồ 3.1: Lựa chọn giữa tiếp tục sống ở vùng di sản hay chuyển đến nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn của người dân tại khu phố cổ Hà Nội

Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Trước đây, thành phố Hà Nội đã công bố đề án di dân phố cổ với mục tiêu giảm mật độ dân cư cũng như áp lực lên hạ tầng tại khu vực này trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, nguồn lực, quy trình thực hiện giãn dân còn khó khăn dẫn đến tình trạng còn chậm về tiến độ. Việc giãn dân phố cổ được thực hiện theo 2 giai đoạn, trong đó, giai đoạn 1 bắt đầu từ quý IV-2013 và hoàn thành vào quý IV-2016, thực hiện di dời khoảng 1.153 hộ dân. Năm 2015, UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho quận Hoàn Kiếm (cũ) triển khai xây dựng khu đô thị giãn dân phố cổ tại phường Việt Hưng, quận Long Biên. Giai đoạn 2 dự kiến bố trí khoảng 30ha để di dời 5.020 hộ dân, phải thực hiện xong trong năm 2020. Dự án đã được hoàn thành

từ nhiều năm nay những vẫn không có người về ở khiến nhiều hạng mục đã xuống cấp. Dẫn tới tình trạng đề án gần như rơi vào tình trạng bế tắc với hàng loạt vướng mắc về chính sách đền bù, tái định cư, duy trì sinh kế... Người dân thuộc diện giãn dân không chịu rời xa phố cổ, trong khi hàng loạt khu chung cư tái định cư phục vụ cho việc giãn dân phố cổ rơi vào cảnh xuống cấp. Mật độ dân cư tập trung tại phố cổ luôn trong tình trạng quá tải. Trong khi đó, khu phố cổ Hà Nội lại đang xuống cấp nghiêm trọng, cần phải nhanh chóng bảo tồn. Do đó, thành phố Hà Nội cùng với các đơn vị chức năng có liên quan đã nghiên cứu và đang có phương án tái khởi động đề án giãn dân phố cổ trong thời gian tới. Khi được hỏi về việc này, nhiều người dân phố cổ cho rằng: "Chúng tôi khó có thể rời phố cổ để chuyển đi nơi khác, thậm chí có khi sẵn sàng bám trụ vì muốn gắn bó với nơi kinh doanh, buôn bán đã rất quen thuộc và thuận tiện với các khách hàng quen nhiều năm" [mã: HK7, Phụ lục 3A]. Một số người cũng khẳng định thêm: "Sinh sống ở phố cổ Hà Nội luôn có đông đảo khách du lịch bởi vậy công việc buôn bán trở nên thuận lợi hơn nhiều so với các khu vực khác" [mã: HK6, Phụ lục 3A].

Có thể thấy, nhiều hộ gia đình tìm cách để trụ lại ở phố cổ vì mưu sinh, chấp nhận sống ở nơi bí bách, chật hẹp, thậm chí cả nguy cơ mất an toàn do một số ngôi nhà đang xuống cấp nghiêm trọng thay vì chuyển đến nơi giãn dân mới, vắng vẻ, không có hoặc ít địa điểm vui chơi cũng như cơ hội tìm kiếm việc làm để tạo nguồn thu nhập. Chính vì vậy, nơi ở mới cần có điều kiện kinh doanh phù hợp để bảo đảm sinh kế cho người dân gắn với các dịch vụ thiết yếu khác như trường học, bệnh viện…

Theo các chuyên gia, giãn dân phố cổ Hà Nội là vấn đề đã được đặt ra hơn 30 năm, từ quy hoạch năm 1992, UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) được giao làm quy hoạch giãn dân và đã được thành phố phê duyệt nhưng không thực hiện được. Nguyên nhân là do mô hình ở mới để phục vụ giãn dân chưa phù hợp. Một chuyên gia được NCS phỏng vấn cho rằng: "Người dân khu phố cổ chỉ ở vài m^2 nhưng thu nhập có khi cả trăm triệu mỗi tháng. Nếu chuyển đến nơi ở mới tuy rộng nhưng không biết tìm ra nguồn thu nhập bằng cách nào. Do đó, nơi ở mới để phục vụ giãn dân không phải chỉ để ở mà còn cần bảo đảm có thể kinh doanh để có thu nhập. Mô hình này phải là khu chất lượng cao, tiện nghi cũng như có nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa, giải trí đa dạng bởi những người giãn dân ở trong khu phố cổ là những người có thu nhập, thường có nhu cầu hướng tới một cuộc sống đầy đủ vật chất và tinh thần. Một vấn đề quan trọng mà các chuyên gia đề cập đến là vấn đề giá trị văn hóa. Hơn nữa, những

người dân ở khu phố cổ là những người đã mang những nét văn hóa truyền thống của Thăng Long - Hà Nội; bởi vậy, không gian sống mới cần giữ gìn và tiếp tục lan tỏa các giá trị văn hóa của Thủ đô" [mã: HK10, Phụ lục 3A].

Đối với khu phố cổ Hội An, như chương 2 đã phân tích, Hội An lại có một lợi thế là khu vực phố cổ không bị ảnh hưởng quá nhiều bởi đô thị hóa và hiện đại hóa. Chính quyền địa phương và các tổ chức quốc tế đã chú trọng vào việc bảo tồn nguyên vẹn diện mạo đô thị cổ, nên các biện pháp bảo tồn ở Hội An thường xuyên được điều chỉnh để cân bằng giữa bảo vệ các DSVH và phát triển kinh tế. Hội An tập trung vào việc bảo tồn nguyên vẹn và phát triển du lịch văn hóa, đặc biệt chú trọng đến du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm theo mô hình bền vững. Song sự gia tăng nhanh chóng của du lịch đại trà ở Hội An cũng với quá tình hiện đại hóa cũng gây nhiều áp lực. Một số sản phẩm thủ công truyền thống, như mây tre đan, thêu, đèn lồng… bị bị tác động theo hướng sản xuất hàng loạt, giảm giá trị nghệ thuật và tính độc đáo. Nhiều cư dân phố cổ chuyển ra khỏi khu vực trung tâm do giá đất tăng cao, hoặc chuyển đổi nghề truyền thống sang kinh doanh dịch vụ nhằm tận dụng lợi ích kinh tế nhanh chóng; từ đó làm giảm số lượng người duy trì các giá trị văn hóa mà còn khiến không gian thực hành di sản truyền thống dần bị thu hẹp, gây đứt gãy chuỗi kế thừa văn hóa.

Công tác bảo tồn, phát huy DSVH và bảo vệ môi trường sinh thái Hội An đối diện với nhiều thách thức do tình trạng quá tải về nhiều phương diện; đặc biệt là nguy cơ mất cân bằng trong phát triển và phai nhạt bản sắc, sự biến dạng tính nguyên gốc, chân xác tại các di tích lịch sử - văn hóa. Hiện nay, biến đổi khí hậu có diễn biến khó lường do hệ quả của sự phát thải khí nhà kính đi kèm với công nghiệp hóa và sự phát triển thiếu bền vững đã dẫn tới lũ sông Thu Bồn ngày càng có xu hướng tăng, cùng với sức tác động của thời gian, nhiệt độ, độ ẩm cao…, hằng năm, phố cổ Hội An thường xuyên phải hứng chịu nhiều trận bão, lũ lớn, cùng với các tác nhân rất bất lợi mối mọt, rong rêu,… đã gây hại nghiêm trọng đến cấu trúc gỗ của những kiến trúc cổ vốn giữ vai trò quan trọng làm nên hồn cốt của phố cổ Hội An. Do vậy, một số di tích bị xuống cấp nghiêm trọng hoặc tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Bên cạnh đó, việc bảo tồn, giữ gìn tính chân xác, nguyên vẹn các DSVH này không chỉ cần sự am hiểu, kiến thức khoa học, mà còn cần rất nhiều kinh phí và nguồn nhân lực lớn. Trong nhiều năm qua, công tác bảo tồn DSVH ở Hội An đã được tuân thủ các nguyên tắc chặt chẽ hết mức có thể song vẫn gặp nhiều khó khăn do hầu hết các ngôi nhà cổ trong phố cổ Hội An là tài sản cá nhân, nên có lúc chưa đạt được sự thống nhất, hài hòa giữa chính

quyền, cơ quan quản lý di sản địa phương và chủ sở hữu di tích trong việc quản lý, tổ chức các hoạt động cải tạo, phục hồi, sửa chữa hay sử dụng các di tích. Tuy còn một số vấn đề tồn tại, song có thể nhận thấy người dân Hội An đã nỗ lực để chung sức giữ gìn, bảo tồn và nâng tầm DSVH, góp phần phát triển KT - XH địa phương. Theo khảo sát của NCS (biểu đồ 3.2), đa số người dân vẫn mong muốn ở lại khu phố cổ để tiếp tục sinh sống vì mưu sinh và vì sự gắn bó, tình yêu với mảnh đất nhiều kỷ niệm của họ (với 222/240 ý kiến người dân được khảo sát (92,5%) mong muốn tiếp tục ở lại, chỉ có 18/240 ý kiến người dân được khảo sát (7,5%) thể hiện ý muốn chuyển đi nơi khác).

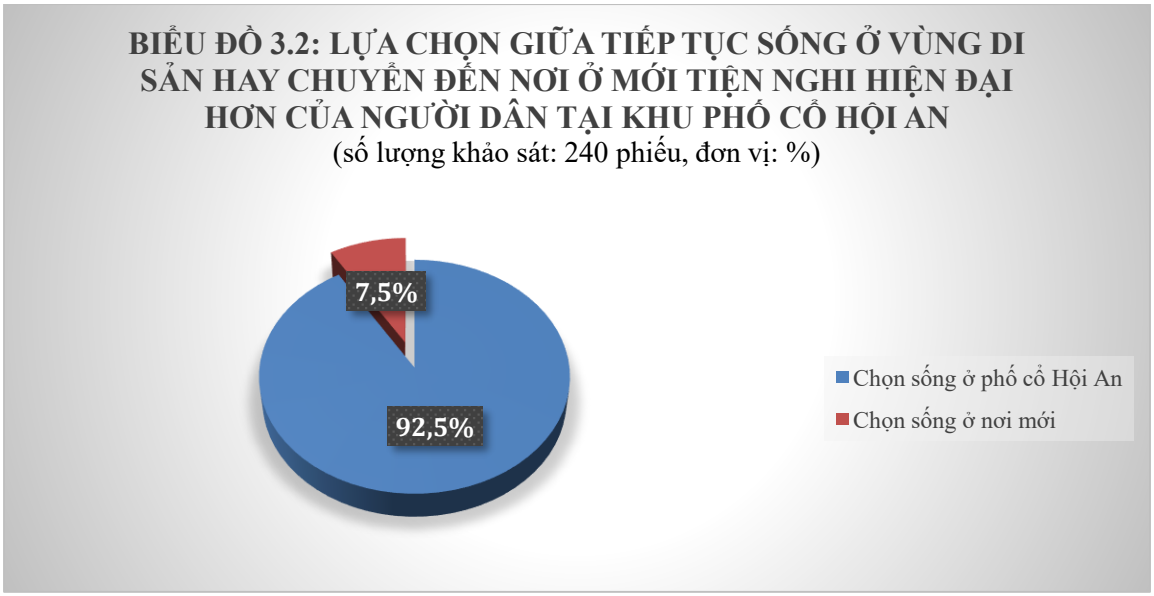

Biểu đồ 3.2: Lựa chọn giữa tiếp tục sống ở vùng di sản hay chuyển đến nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn của người dân tại khu phố cổ Hội An

(Nguồn: Số liệu điều tra của NCS năm 2024)

Có thể thấy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa hiện nay có những tác động nhất định tới DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, làm xuất hiện các vấn đề, như nhu cầu sinh hoạt và không gian sống của người dân trong mối quan hệ với yêu cầu và quy định bảo tồn DSVH; các hoạt động kinh tế cùng những tác động của môi trường, biến đổi khí hậu với yêu cầu bảo tồn DSVH; vấn đề chia sẻ quyền lợi của người dân với doanh nghiệp và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình khai thác giá trị kinh tế từ DSVH; vấn đề bảo đảm tính xác thực và giá trị các DSVH… Các vấn đề này đòi hỏi cần được giải quyết thấu đáo để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở hai địa bàn nghiên cứu, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững

của đất nước.

3.2. Tác động của chuyển đổi số tới mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Hiện nay, chuyển đổi số trở thành một xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn hóa và DSVH. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" đã khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Trong đó, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH không chỉ là yêu cầu khách quan của thời đại, mà còn là một hướng đi mới để giữ gìn và lan tỏa những giá trị quý báu của dân tộc trong đời sống đương đại.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là quá trình ứng dụng công nghệ số, như trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing)… vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm thay đổi cách thức vận hành, quản lý, tương tác và tạo ra giá trị mới. Quá trình này không chỉ đơn thuần là việc số hóa tài liệu hay ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mà là sự đổi mới toàn diện cách nghĩ, cách làm, phương thức hoạt động, vận hành của tổ chức và xã hội thông qua việc tích hợp công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực, khai thác tối đa dữ liệu và công nghệ để phục vụ mục tiêu phát triển. Trong lĩnh vực DSVH, chuyển đổi số giúp tái định hình cách thức tiếp cận, bảo tồn, lan tỏa giá trị DSVH hiệu quả, sáng tạo và bền vững hơn.

Biểu hiện cụ thể của chuyển đổi số trong lĩnh vực DSVH là việc số hóa các di sản (bao gồm văn bản, hiện vật, tư liệu, hình ảnh, âm thanh,...) để lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu số (ví dụ như việc số hóa các Hán Nôm, nhiều DSVH phi vật thể như hát xoan, ca trù, nhã nhạc cung đình Huế… được ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới dạng số); giúp lưu trữ và bảo quản di sản lâu dài, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, phục dựng, chia sẻ rộng rãi mà không làm hư hại bản gốc. Bên cạnh đó, các công nghệ 3D scanning, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) được sử dụng để xây dựng các bảo tàng ảo, triển lãm, tour du lịch số 3D, tạo ra trải nghiệm đương đại sinh động, chân thực và hấp dẫn cho người xem từ những DSVH lâu đời, vượt qua mọi rào cản về không gian, thời gian (Ví dụ các tour tham quan Hoàng thành Thăng Long, Cố đô Huế thông qua công nghệ VR…). Các mạng xã hội như YouTube, Facebook,

Tiktok cũng trở thành công cụ đắc lực để giới thiệu, quảng bá hình ảnh di sản đến cộng đồng trong nước và quốc tế, đặc biệt là giới trẻ thông qua việc tổ chức các chương trình trực tuyến, livestream lễ hội, thi vẽ tranh, kể chuyện về di sản. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm văn hóa sáng tạo đã được phát triển dựa trên di sản nhờ ứng dụng công nghệ, như các trò chơi trực tuyến khai thác văn hóa dân gian, truyện tranh lịch sử, thiết kế thời trang, quà tặng lưu niệm từ họa tiết truyền thống… Việc phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số dựa trên di sản góp phần thương mại hóa giá trị văn hóa theo hướng tích cực, sáng tạo, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế cho địa phương. Ngoài ra, chuyển đổi số trong lĩnh vực DSVH còn thể hiện ở việc sử dụng dữ liệu lớn và AI để nghiên cứu và quản lý di sản; phân tích dữ liệu văn hóa để theo dõi, giám sát phát hiện các nguy cơ đe dọa sự tồn tại và tính xác thực của di sản; đồng thời sử dụng công nghệ để kết nối với các tổ chức văn hóa quốc tế như UNESCO, ICOM...; tham gia vào các dự án nghiên cứu liên quốc gia, triển lãm trực tuyến toàn cầu, tăng uy tín và vị thế của di sản Việt Nam trên trường quốc tế.

Chuyển đổi số có tác động tích cực tới hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH trong phát triển KT - XH. Công nghệ số giúp số hóa di sản (văn bản, hiện vật, kiến trúc, phong tục, tập quán...) để lưu trữ và bảo vệ lâu dài, giảm nguy cơ mai một do thiên tai, thời gian hay chiến tranh. Chuyển đổi số giúp lưu giữ và truy cập lượng lớn thông tin về các DSVH theo cách có hệ thống, khoa học và dễ dàng tìm kiếm; từ đó, giúp tái cấu trúc tri thức văn hóa, phục vụ nghiên cứu liên ngành giữa văn hóa học - nhân học - lịch sử - nghệ thuật học. Trên thế giới, UNESCO đã triển khai chương trình Ký ức thế giới - "Memory of the World" để số hóa di sản tư liệu toàn cầu. Tại Việt Nam, nhiều dự án số hóa đã được triển khai nhằm bảo tồn tư liệu quý hiếm. Thư viện Quốc gia Việt Nam và Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang từng bước số hóa các văn bản cổ, tư liệu thư tịch cổ có giá trị lớn trong nghiên cứu văn hóa dân tộc. Dự án "Số hóa di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam" do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai đã xây dựng kho dữ liệu gồm hàng nghìn bản ghi âm, video về hát then, khèn Mông, cồng chiêng Tây Nguyên,...

Chuyển đổi số mở ra một không gian rộng lớn để di sản được lưu giữ, có thể "sống lại", lan tỏa và hội nhập, vượt qua các ranh giới về không gian, thời gian và ngôn ngữ, để người dân, nhất là thế hệ trẻ, có thể thuận tiện tiếp cận di sản mọi lúc mọi nơi, tăng cường sự gắn kết và tự hào dân tộc. Chuyển đổi số giúp thúc đẩy sáng tạo văn hóa, xây dựng sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giàu giá trị thông qua

việc ứng dụng công nghệ AI, blockchain, AR/VR... Nhiều sản phẩm du lịch thông minh, tour trải nghiệm ảo, bảo tàng 3D được xây dựng, tăng trải nghiệm du khách; từ đó, tăng thu nhập từ du lịch văn hóa; hình thành các ngành, nghề mới như thiết kế nội dung số, lập trình ứng dụng di sản, quản trị dữ liệu văn hóa...; thu hút giới trẻ tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa; tiêu biểu như việc triển khai hệ thống thuyết minh tự động qua mã QR ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; việc tổ chức các tour tham quan ảo (3D virtual tour) và trải nghiệm thực tế ảo (VR), tổ chức triển lãm, trưng bày trực tuyến tại Di tích Hoàng thành Thăng Long; hay việc xây dựng fanpage chuyên giới thiệu về không gian văn hóa Quốc Tử Giám, giới thiệu đến đống đảo công chúng về Trường Quốc Tử Giám xưa; tour "Tinh hoa đạo học" với việc ứng dụng công nghệ 3D Mapping… đã mang đến cho du khách những trải nghiệm chân thực và sống động về hành trình học tập, dùi mài kinh sử để thành nhân, thành tài của các nho sĩ ngày xưa, từ đó tôn vinh truyền thống hiếu học, tinh thần tôn sư trọng đạo và tư tưởng trọng dụng hiền tài của dân tộc Việt Nam. Ở tại Trung tâm Văn hóa nghệ thuật (22 Hàng Buồm, một trong những điểm đến hấp dẫn của khu phố cổ Hà Nội, du khách có cơ hội được tham gia trải nghiệm không gian thực tế ảo, tìm hiểu về lịch sử văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Hay như tại làng cổ Bát Tràng (huyện Gia Lâm cũ), việc ứng dụng công nghệ VR 3D đã giúp du khách tham quan làng nghề và hòa mình vào lễ hội làng với đầy đủ các phong tục, nghi lễ truyền thống thông qua trải nghiệm không gian ảo 3D… Trên thế giới, mô hình "bảo tàng số" đã rất phát triển, như ở Bảo tàng Anh (British Museum), Bảo tàng Louvre (Pháp),… cung cấp dịch vụ tham quan ảo toàn bộ không gian trưng bày.

Có thể thấy, không gian số giúp văn hóa trở nên đa trung tâm, đa chiều, người dùng vừa là người tiếp nhận, vừa là người kiến tạo nội dung văn hóa mới; đồng thời, tạo điều kiện để kết nối, hợp tác quốc tế, đưa di sản Việt Nam đến gần hơn với bạn bè năm châu. Ngoài ra, các công nghệ số còn giúp đưa di sản vùng sâu, vùng xa lên không gian mạng, tiếp cận công chúng toàn quốc và quốc tế; qua đó, tạo cơ hội kinh tế, giáo dục và phát triển KT - XH tại các địa phương còn khó khăn.

Như vậy, những tác động tích cực của quá trình chuyển đổi số tới DSVH góp phần thúc đẩy tính thuận chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH khi DSVH vừa được lưu giữ hiệu quả vừa trở nên sống động hơn trong đời sống đương đại nhờ công nghệ số, trở thành "đầu vào", thành tài sản, nguồn lực để xây dựng nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hóa vừa đa dạng vừa đặc sắc, thúc đẩy sự phát

triển các ngành CNVH, đóng góp ngày càng lớn vào GDP cũng như thúc đẩy sự sáng tạo các giá trị văn hóa mới để DSVH tiếp tục lan tỏa, phát huy giá trị và tiếp nối qua các thế hệ.

Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng có một số tác động tiêu cực khi có thể khiến một số DSVH bị khai thác quá mức theo hướng thị trường hóa, đánh mất tính thiêng liêng, bản sắc văn hóa dân tộc được kết tinh trong DSVH. Việc tái hiện di sản qua công nghệ (dựng lại, mô phỏng) đôi khi không phản ánh đúng bản chất văn hóa, dễ gây ra hiện tượng "sân khấu hóa di sản" một cách tràn lan, biến di sản thành sản phẩm trình diễn, tách rời khỏi bối cảnh văn hóa gốc; dẫn tới tình trạng mất đi tính nguyên gốc, mất tính độc bản hoặc sự biến dạng giá trị của DSVH. Đây là một nguy cơ hiện hữu của bất kỳ DSVH nào khi việc sử dụng các công nghệ số được sử dụng ngày càng phổ biến để phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên cơ sở các DSVH. Sự sao chép, chỉnh sửa hoặc việc thêm các hiệu ứng kỹ thuật số có khi được thực hiện một cách tùy tiện trên môi trường số có thể làm thay đổi nội dung, hình thức di sản, gây hiểu sai cho thế hệ sau, nguy cơ làm biến dạng di sản nếu quá đề cao tính giải trí mà xem nhẹ giá trị cốt lõi. Việc sao chép tràn lan, chỉnh sửa có thể khiến di sản bị bóp méo, thậm chí mất đi bản sắc vốn có. Trải nghiệm di sản qua màn hình và các công nghệ số dễ khiến người dùng thụ động, lệ thuộc vào công nghệ, thiếu thực hành thực tế, thiếu kết nối thật với văn hóa truyền thống, từ đó dẫn tới nguy cơ mai một bản sắc văn hóa.

Bên cạnh đó, tình trạng "bất bình đẳng số" có xu hướng gia tăng bởi ở người dân ở vùng sâu, vùng xa - nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa độc đáo - thường ít điều kiện tiếp cận công nghệ, dẫn đến nguy cơ mất cân bằng trong phân phối và quản lý tri thức văn hóa số, gây nên khoảng cách số, khiến một bộ phận người dân bị "bỏ lại phía sau". Đặc biệt, một trong tác động tiêu cực rất đáng lưu ý của việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực DSVH những rủi ro an ninh mạng và vấn nạn vi phạm bản quyền DSVH. Nhiều sản phẩm sử dụng hình ảnh di sản nhưng không rõ nguồn gốc, không xin phép cộng đồng chủ thể. Việc số hóa di sản dễ dẫn đến tình trạng bị sao chép, sử dụng trái phép, mất quyền kiểm soát tài sản văn hóa, dễ dẫn đến tranh chấp, xâm phạm tài sản văn hóa khi thực tế còn nhiều khoảng trống pháp lý về vấn đề bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ đối với di sản số hiện nay.

Tình trạng trên cùng các vấn nạn đáng lo ngại từ mặt trái của quá trình chuyển đổi số đã tăng thêm tính nghịch chiều trong mối quan hệ giữa DSVH và phát triển

KT - XH, gây ra mâu thuẫn giữa những yêu cầu đặt ra trong bảo tồn DSVH và thực tế xây dựng các sản phẩm văn hóa, du lịch từ DSVH khi sử dụng công nghệ số một cách thiếu kiểm soát và thiếu cơ chế điều tiết, từ đó có thể kìm hãm sự phát triển bền vững của các địa phương có di sản. Do vậy, cần chú trọng một số vấn đề trọng tâm sau đây:

Trước tiên, cần xây dựng hệ sinh thái số bền vững cho văn hóa và DSVH với kết hợp giữa bảo tồn và phát huy, khai thác hợp lý giá trị di sản. Đồng bộ với chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, gắn kết các mục tiêu bảo tồn, phát huy và phát triển KT - XH từ di sản; xác định lộ trình số hóa, đối tượng ưu tiên (di sản nguy cơ mai một, ít được biết đến), các bên tham gia, ngân sách... Chú trọng công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản số, có phân loại rõ theo loại hình vật thể, phi vật thể, tư liệu, địa danh..., định danh rõ ràng, bảo đảm tính học thuật và pháp lý. Tích hợp công nghệ GIS, AI, Big Data để phân tích, quản lý DSVH. Ứng dụng công nghệ mới để bảo tồn và tái hiện di sản, như ứng dụng công nghệ quét 3D để bảo tồn kiến trúc, hiện vật (chống hư hỏng, tái phục dựng); ứng dụng VR/AR để tạo trải nghiệm tương tác, phục vụ giáo dục và du lịch văn hóa; ứng dụng công nghệ AI để phục dựng ngôn ngữ cổ, giọng nói, văn bản thất truyền; ứng dụng công nghệ blockchain và NFT trong bảo vệ bản quyền di sản. Kết nối dữ liệu giữa các bảo tàng, thư viện, viện nghiên cứu, trường đại học và địa phương. Chú trọng đầu tư hạ tầng số cho vùng sâu, vùng xa. Chú trọng hoạt động đào tạo đội ngũ chuyên gia liên ngành vừa am hiểu cả công nghệ vừa có kiến thức về DSVH. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong số hóa di sản; học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có nền tảng công nghệ văn hóa mạnh (như Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Ý...).

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm CNVH dựa trên di sản. Kết hợp di sản với công nghệ để tạo ra các sản phẩm văn hóa giàu giá trị, như các chương trình nghệ thuật biểu diễn, trò chơi trực tuyến, phim hoạt hình, truyện tranh, các thiết kế thời trang,... Phát triển du lịch văn hóa số với các sản phẩm như bản đồ di sản số, audio guide, app khám phá văn hóa địa phương. Có chính sách hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư sáng tạo văn hóa số dựa trên di sản. Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) trong việc ứng dụng công nghệ vào bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp công nghệ với các đơn vị quản lý di sản để cùng phát triển các dự án công nghệ thông minh, từ đó giảm tải áp lực tài chính cho địa phương, đồng thời thu hút được sự sáng

tạo và nguồn lực từ khu vực tư nhân. Doanh nghiệp công nghệ được khuyến khích tham gia các dự án bảo tồn, đồng thời thương mại hóa sản phẩm số, tạo ra giá trị mới cho kinh tế di sản. Các dự án thử nghiệm công nghệ, như các ứng dụng thực tế ảo, quản lý di sản bằng công nghệ IoT (Internet of Things) cần có sự tham gia phối hợp của nhiều bên liên quan. Tăng cường công tác giáo dục văn hóa gắn với công nghệ, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, nhất là giới trẻ, về giá trị di sản và trách nhiệm giữ gìn DSVH trong thời đại công nghệ số. Cần chú ý rằng tăng cường ứng dụng công nghệ không được tách rời thực hành văn hóa truyền thống trong thực tiễn. Do vậy, cần gắn số hóa với truyền dạy, thực hành, lưu truyền trong cộng đồng dân cư. Khuyến khích cộng đồng cùng giám sát, sở hữu và khai thác sản phẩm di sản số.

Đặc biệt, cần ban hành khung pháp lý riêng cho DSVH số, trong đó quy định cụ thể về vấn đề bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm số hóa di sản; trách nhiệm cộng đồng và doanh nghiệp trong sử dụng hình ảnh, chất liệu văn hóa truyền thống. Cần xây dựng các hệ thống bảo mật tiên tiến, quy trình quản lý chặt chẽ, bảo vệ dữ liệu di sản khỏi các nguy cơ bị xâm nhập và tấn công mạng. Việc thiết lập các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ quyền riêng tư, xử lý thông tin nhạy cảm cũng cần được thực hiện song song với các dự án công nghệ. Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ địa phương, quản lý DSVH, nghệ nhân về kỹ năng số hóa, bảo vệ bản quyền trên không gian mạng.

Về vấn đề bảo vệ bản quyền của các DSVH trên không gian mạng, có thể áp dụng công nghệ định danh số Nomion, bản quyền các DSVH sẽ được khai thác hiệu quả thông qua việc tạo nguồn thu từ việc bán vé tham quan triển lãm số; sản xuất và phân phối các món đồ lưu niệm là bản sao có chứng thực của các hiện vật di sản; giao dịch các phiên bản số của hiện vật di sản trên chợ số. Công nghệ định danh số Nomion kết hợp chip NFC và blockchain để tạo ra danh tính số duy nhất cho mỗi sản phẩm vật lý, tạo ra liên kết 1-1 giữa sản phẩm vật lý và phiên bản số. Việc gắn mã định danh duy nhất cho mỗi hiện vật giúp theo dõi và quản lý thông tin chi tiết về nguồn gốc và tạo ra giá trị số của chúng. Công nghệ chip NFC và blockchain được sử dụng để bảo đảm việc truyền tải dữ liệu nhanh chóng và an toàn, đồng thời bảo vệ dữ liệu không thể giả mạo. Quá trình này giúp các cơ quan quản lý di sản bảo vệ hiện vật hiệu quả hơn, chống lại hàng giả và trộm cắp bản quyền, đồng thời tạo thêm xác thực khoa học từ công nghệ hỗ trợ. Khi đã được định danh và xác thực, các hiện vật DSVH được trưng bày dưới dạng triển lãm số, cho phép du khách từ mọi nơi trên thế giới

tham quan qua công nghệ VR, AR và MR (thực tế hỗn hợp), dễ dàng xác thực, tùy chỉnh và cá nhân hóa trải nghiệm sở hữu trên cả thế giới thực lẫn thế giới số, mang lại giá trị và cảm xúc riêng biệt. Triển lãm số không chỉ quảng bá DSVH toàn cầu dễ dàng mà còn tạo ra nguồn thu nhập bổ sung thông qua việc bán vé tham quan online. Bên cạnh đó, công nghệ này còn giúp cho việc sản xuất và phân phối các món đồ lưu niệm, tuy là bản sao của các hiện vật DSVH nhưng được xác thực, định danh bởi đơn vị sở hữu, từ đó tạo ra các nguồn thu mới và vẫn bảo vệ bản quyền di sản. Công nghệ chip NFC được tích hợp vào các sản phẩm này cho phép người dùng truy cập thông tin, dữ liệu của hiện vật được số hóa và dễ dàng xác thực bằng di động. Việc tạo ra các giao dịch phiên bản số của hiện vật di sản trên chợ số cũng được mở ra với việc bảo đảm tính xác thực và an toàn của giao dịch thông qua ứng dụng công nghệ blockchain; qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận và tạo ra mô hình kinh tế số trong phát triển các ngành CNVH.

Như vậy, có thể thấy chuyển đổi số là cơ hội lớn để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH dân tộc. Tuy nhiên, để tận dụng tốt cơ hội đó, cần có tầm nhìn chiến lược, chính sách đồng bộ, tiếp cận một cách toàn diện, liên ngành và bền vững, kết hợp giữa công nghệ, chuyên môn văn hóa, chính sách quản trị DSVH và sự tham gia của cộng đồng. Việc triển khai cần tránh tư duy hình thức, chạy theo công nghệ mà xa rời các giá trị văn hóa. Chỉ khi công nghệ được sử dụng đúng cách, giá trị cốt lõi của di sản được đề cao, giữ gìn và phát huy giữa muôn vàn thay đổi của công nghệ thì khi đó, DSVH mới thực sự là nguồn lực nội sinh, là nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong thời đại số và khi đó chuyển đổi số mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển văn hóa, kinh tế và xã hội một cách bền vững.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng đặt ra những yêu cầu cần đổi mới hoạt động quản lý di sản với sự điều tiết kịp thời của các cơ chế, chính sách phù hợp. Theo đó, tư duy quản lý di sản không chỉ dừng lại ở việc gìn giữ, mà cần đổi mới toàn diện theo hướng hiện đại, linh hoạt và bền vững hơn theo hướng thay đổi tư duy từ "quản lý" sang "quản trị sáng tạo", lấy công chúng làm trung tâm. *Trước hết*, cần chuyển từ phương thức "bảo tồn tĩnh" sang bảo tồn số và "bảo tồn sống". Trước đây, di sản chủ yếu được lưu giữ dưới dạng vật lý, dễ bị tác động bởi thời gian, môi trường và con người. Chuyển đổi số cho phép số hóa di sản dưới nhiều định dạng như hình ảnh, mô hình 3D, VR, AR, từ đó tạo ra các "bản sao số" có giá trị lưu trữ lâu dài. Không chỉ

dừng lại ở việc lưu giữ, các công nghệ này còn giúp công chúng tiếp cận và tương tác với di sản một cách sinh động, góp phần "kéo dài sự sống" của di sản trong không gian số. *Thứ hai*, quản lý di sản cần chuyển từ phương thức thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ thông minh. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu số hóa, liên thông và thống nhất sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý; đồng thời, các công nghệ như AI và IoT có thể hỗ trợ nhận diện hiện vật, dự báo tình trạng xuống cấp, cũng như giám sát các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến di sản. Nhờ đó, hoạt động bảo tồn trở nên chủ động và chính xác hơn. *Thứ ba*, cần đổi mới cách tiếp cận công chúng theo hướng cá nhân hóa và tăng tính trải nghiệm. Trong thời đại số, người dùng không còn thỏa mãn với việc tiếp nhận thông tin một chiều, mà mong muốn được tương tác và trải nghiệm. Các ứng dụng di động, hướng dẫn tham quan thông minh, nội dung đa phương tiện và đa ngôn ngữ sẽ giúp nâng cao chất lượng trải nghiệm, đồng thời thu hút nhiều đối tượng công chúng hơn, đặc biệt là giới trẻ. *Thứ tư,* cần xây dựng hệ sinh thái di sản số mở và liên kết. Di sản không nên được quản lý một cách riêng lẻ mà cần được kết nối giữa các bảo tàng, thư viện, khu di tích và ngành du lịch. Việc chia sẻ dữ liệu mở không chỉ phục vụ nghiên cứu mà còn tạo điều kiện cho các hoạt động sáng tạo, góp phần lan tỏa giá trị di sản trong xã hội. Các sản phẩm số như tham quan ảo, triển lãm trực tuyến hay nội dung sáng tạo từ di sản giúp mở rộng phạm vi tiếp cận mà không gây áp lực lên di tích thực. Đây là hướng đi quan trọng để vừa bảo tồn, vừa phát huy giá trị kinh tế - văn hóa của di sản trong dài hạn. *Thứ năm,* cần hoàn thiện thể chế và phát triển nguồn nhân lực phù hợp có kiến thức liên ngành, kết hợp giữa hiểu biết về di sản và kỹ năng công nghệ.

Hai địa bàn nghiên cứu của luận án là những không gian văn hóa đặc trưng của Việt Nam, mang đậm dấu ấn lịch sử, kiến trúc, lối sống đô thị truyền thống. Việc ứng dụng công nghệ số vào bảo tồn, phát huy DSVH tại hai địa bàn này đặt ra yêu cầu vừa bảo vệ giá trị nguyên bản, vừa đáp ứng nhu cầu tương tác, tiếp cận và phát triển du lịch cũng như các ngành CNVH theo hướng bền vững.

Thực tiễn cho thấy, Hà Nội đang xây dựng Danh mục dữ liệu mở, trong đó có các dữ liệu về các DSVH ở khu phố cổ Hà Nội cùng lịch trình các chương trình, sự kiện văn hóa... gắn với các DSVH đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, cùng nhiều hoạt động đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác chuyên môn và quản lý ở lĩnh vực bảo tàng, di tích, DSVH phi vật thể, di sản tư liệu; tăng cường số hóa các DSVH, ứng dụng các công nghệ mới để đa dạng hóa các không gian trải

nghiệm du lịch di sản; triển khai số hóa các điểm đến du lịch của Hà Nội bằng công nghệ 360, flycam, 3D… Nhờ đó, nhiều điểm đến của khu phố cổ Hà Nội ngày càng tăng sức hấp dẫn, tạo ra sức hút đặc biệt với du khách. Thông qua các trang web như www.hoankiem360.vn; www.hoankiem360.net.vn,... du khách được tương tác và trải nghiệm thực tế một cách trực quan, sinh động, cũng như trải nghiệm nhiều dịch vụ thương mại; hoặc thông qua ứng dụng "Ẩm thực Hoàn Kiếm" để khám phá, thưởng thức những nét ẩm thực đặc sắc nhất…

Đối với khu phố cổ Hội An, công tác thống kê du lịch, quản lý khách du lịch, vé tham quan, phòng, chống dịch bệnh đối với ngành du lịch, giới thiệu sản phẩm du lịch văn hóa… cũng được tích cực ứng dụng các công nghệ số, các hình thức thanh toán điện tử tại các khu, điểm du lịch được khuyến khích. Hoạt động quảng bá du lịch trên nền tảng Metaverse và đưa hình ảnh Hội An lên bản đồ 3D của thế giới Bizverse World cũng được đẩy mạnh với các dự án chuyển đổi số du lịch mang tên Hội An Metaverse, các di tích, điểm tham quan, làng nghề truyền thống… ở Hội An dần được số hóa bằng hình ảnh 3D gắn với xây dựng không gian 360 Space, hướng dẫn viên giọng địa phương thuyết minh tại các điểm bằng công nghệ AI; phát triển các sản phẩm du lịch khai thác giá trị DSVH dựa trên nền tảng công nghệ số; du lịch thực tế ảo, du lịch thông minh... Hội An đã triển khai gắn mã QR-Code số hóa cho các di tích lịch sử cách mạng - "địa chỉ đỏ" (khi du khách hoặc người dân quét mã QR tại điểm di tích, sẽ hiện thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh về lịch sử, kiến trúc, ý nghĩa, địa chỉ và các nội dung liên quan); trưng bày trực tuyến ("online display") các pano ảnh, thông tin các địa chỉ đỏ, mỗi pano có mã QR để người xem tìm hiểu chi tiết hơn; qua đó giúp du khách dễ tiếp cận, thông tin đa ngôn ngữ, tăng trải nghiệm du lịch thông minh và giáo dục cộng đồng nhanh chóng. Việc số hóa các DSVH ở Hội An và ứng dụng công nghệ cũng cải thiện chi phí quản lý, gia tăng giá trị đầu ra của các sản phẩm CNVH, du lịch, dịch vụ của địa phương, tối ưu chuỗi giá trị làng nghề thông qua nhiều hoạt động, trong đó có việc số hóa những câu chuyện văn hóa của các sản phẩm làng nghề, nâng cao kỹ năng tiếp thị kỹ thuật số để kết nối với khách hàng trên toàn cầu…

Thời gian tới, để thích ứng với bối cảnh mới với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hai địa bàn nghiên cứu cần áp dụng các công nghệ số tích cực hơn trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị DSVH để thúc đẩy ngày càng hiệu quả sự phát triển KT - XH địa phương. Hệ

thống cơ sở dữ liệu mở về các DSVH về kiến trúc, nghề truyền thống, phong tục, tập quán… cần được củng cố, mở rộng. Xây dựng nền tảng số để cư dân ghi lại câu chuyện, kỷ niệm, kỹ năng nghề thủ công…, tạo thành "ký ức số cộng đồng". Khuyến khích các nghệ nhân và thế hệ trẻ chuyển thể tri thức truyền thống sang định dạng số, như dự án số hóa nghề khảm trai phố Hàng Khay, kết hợp phim ngắn và dữ liệu 3D do chính nghệ nhân và sinh viên văn hóa thực hiện. Tích cực triển khai các sản phẩm du lịch văn hóa, sáng tạo với nhiều hoạt động trải nghiệm, khám phá các DSVH trong khu phố cổ trong không gian thực và không gian số cùng các triển lãm tương tác và trải nghiệm VR/AR/XR; kết hợp thuyết minh đa ngữ; tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) để cá nhân hóa trải nghiệm du lịch dựa trên nhu cầu người dùng (xây dựng các ứng dụng về DSVH, cung cấp lộ trình tham quan dựa trên sở thích cá nhân: ẩm thực, kiến trúc, tôn giáo...). Phát triển bản đồ văn hóa số tích hợp thông tin lịch sử, trải nghiệm du lịch, dịch vụ đi kèm; sử dụng công nghệ để xây dựng các trò chơi nhập vai, phim hoạt hình, ứng dụng kể chuyện (storytelling) về phố cổ Hà Nội cũng như phố cổ Hội An. Khuyến khích nghệ sĩ, nhà thiết kế ứng dụng hình ảnh phố cổ vào thời trang, đồ họa, thiết kế số (ví dụ như dự án thiết kế poster số về phố Hàng Đào, Hàng Bạc qua các thời kỳ có thể kết hợp với sản phẩm NFT (non-fungible token - tài sản số duy nhất được ghi nhận trên blockchain), góp phần quảng bá DSVH ra thế giới.

Bên cạnh đó, việc giới thiệu điểm đến di sản tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An trên các nền tảng số cần được đẩy mạnh hơn, tích hợp bản đồ du lịch với sử dụng hướng dẫn viên ảo hoặc các video trải nghiệm đa ngôn ngữ để giúp du khách dễ dàng tiếp cận. Việc triển khai các mô hình số hóa DSVH cũng cần có sự gắn kết hợp lý với các thực hành văn hóa cùng trải nghiệm văn hóa trên thực tế với các hoạt động tương tác tại chỗ để tăng điểm chạm tới cảm xúc. Ví dụ cùng với việc số các tour du lịch di sản khu phố cổ Hà Nội, tại những điểm di sản nổi bật như ngôi nhà di sản số 87 Mã Mây, có thể có thể tổ chức các buổi trình diễn mô phỏng cuộc sống của người Hà Nội xưa để tạo điểm nhấn đáng nhớ cho du khách như: tái hiện lại bữa cơm sinh hoạt của người Hà Nội, mô phỏng nếp sinh hoạt thường ngày, hoạt động buôn bán, hoạt động gói bánh chưng, pha trà, viết thư pháp, hướng dẫn làm đồ thủ công truyền thống (tò he, đèn lồng, đồ mây tre đan...). Những ngôi nhà cổ, hội quán xưa và các điểm di sản không chỉ là nơi để chiêm ngưỡng mà còn trở thành không gian tương tác sống động để du khách được cảm nhận, được chạm và được sống trong không khí Hà Nội xưa; từ đó, những giá trị di sản không chỉ được gìn giữ mà còn

được thổi hồn, lan tỏa mạnh mẽ bằng những trải nghiệm của mỗi du khách.

Như vậy, có thể thấy phố cổ Hà Nội và phố cổ Hội An là không gian văn hóa sống động, đặc sắc của lịch sử, ký ức và bản sắc đô thị Việt Nam. Việc ứng dụng công nghệ số vào hai không gian này cần được thực hiện một cách có chọn lọc, khoa học và gắn với thực hành văn hóa cộng đồng. Chuyển đổi số không chỉ nhằm mục tiêu quảng bá, mà cần được xem là công cụ hỗ trợ hiệu quả cho quá trình "hồi sinh" các DSVH trong đời sống đương đại, góp phần tạo nên chiều sâu văn hóa của hai đô thị. Để quá trình chuyển đổi số thực sự hiệu quả và phát huy tối đa giá trị di sản, cần tổng hòa giữa công nghệ - văn hóa - cộng đồng - chính sách quản lý; trong đó cần chú trọng công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các DSVH. Cần ban hành quy định pháp lý về bản quyền di sản số, quyền khai thác, chia sẻ, bảo vệ hình ảnh khu phố cổ. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ bảo vệ bản quyền số như công nghệ blockchain để ghi nhận, xác thực quyền sở hữu, lịch sử giao dịch bản quyền, giúp tránh sao chép, gian lận; kiểm soát truy cập, sao chép, chia sẻ các tài nguyên số qua phần mềm chuyên dụng; chèn mã định danh, dấu bản quyền vào hình ảnh, video, âm thanh số để dễ dàng nhận diện nguồn gốc, chủ sở hữu. Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm bản quyền liên quan đến tài sản số hóa di sản (xử phạt vi phạm, ngăn chặn sao chép trái phép). Theo dõi, cập nhật liên tục tình trạng bản quyền, quyền sử dụng tài nguyên số. Báo cáo định kỳ về hoạt động bảo vệ bản quyền, đồng thời lắng nghe phản hồi từ cộng đồng, người dùng. Cơ quan quản lý di sản (sở văn hóa, bảo tàng, trung tâm lưu trữ) phối hợp chặt với đơn vị số hóa, phát triển phần mềm để xây dựng chuẩn kỹ thuật, bản quyền. Cộng đồng dân cư, nghệ nhân cần tích cực tham gia ghi nhận và bảo vệ quyền lợi về câu chuyện, tư liệu truyền thống. Có cơ chế tài trợ, ưu đãi cho các startup văn hóa số, nhóm nghệ sĩ sáng tạo từ chất liệu di sản. Tăng cường hợp tác với UNESCO, tổ chức quốc tế về hoạt động bảo vệ bản quyền các di sản số. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và pháp lý sẽ giúp bảo vệ quyền lợi các bên, nâng cao giá trị DSVH số và bảo đảm phát triển bền vững trong kỷ nguyên số hóa.

3.3. "Nhà nước - thị trường - xã hội" với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Đảng ta khẳng định: xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; đồng thời xác định chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa và phát triển các ngành

CNVH…; xác lập tư duy mới về mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong việc quản lý và phát triển văn hóa, trong đó có lĩnh vực DSVH.

Bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH. Nhà nước quản lý và điều hành các hoạt động về DSVH; các doanh nghiệp gắn với thị trường góp phần đưa di sản trở thành nguồn lực được khai thác với nhiều giá trị; cộng đồng là những người sáng tạo, trực tiếp thực hành di sản, gắn bó chặt chẽ với di sản; nhà khoa học nghiên cứu đưa ra cơ sở để tham vấn chính sách cho Nhà nước theo hướng phù hợp với thực tiễn. Thực tiễn cho thấy, ở một số địa phương không có sự tham gia, phối hợp nhịp nhàng của các bên liên quan trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH thường dễ xảy ra những xung đột trong quá trình quản trị di sản hoặc thậm chí mâu thuẫn về lợi ích của nhiều bên. Do đó, cần xác định vai trò của bộ ba trên trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT - XH, từ đó phối hợp hiệu quả và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xử lý mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH để vừa chú trọng đến các yếu tố kinh tế vừa phải bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống. Nhà nước là cơ quan quản lý, bảo tồn di sản, định hướng chính sách, tạo ra các cơ chế pháp lý, tài chính và các công cụ để bảo đảm DSVH được bảo vệ trong quá trình phát triển KT - XH; tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; tuyên truyền, giáo dục pháp luật về DSVH; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về DSVH; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực (trong đó có nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các cơ chế tài chính hỗ trợ bảo tồn DSVH, chính sách ưu đãi để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia vào công tác bảo tồn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức hợp tác công - tư trong bảo tồn DSVH)… [78].

Thị trường là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ dựa trên các quy luật về giá cả, quy luật cung - cầu và quy luật cạnh tranh với sự tương tác giữa thành tố như nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng. Hiện nay, việc xây dựng thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa sẽ giúp Việt Nam tái cơ cấu mô hình tăng trưởng, tạo ra những sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tạo thêm việc làm, đóng góp tích cực cho nền kinh tế. Trong thị trường, các doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng. Đối với các ngành kinh tế dựa trên việc khai thác nguồn lực từ di sản, các doanh nghiệp vừa xúc tiến, quảng bá các điểm đến du lịch di sản vừa kết nối tour,

tuyến, xây dựng, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ du lịch hấp dẫn, đặc sắc; tham gia đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương có di sản; hợp tác với cộng đồng trong các chương trình bảo tồn, giáo dục về DSVH cho cộng đồng và du khách. Nhiều doanh nghiệp đã thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua nhiều hình thức, trong đó có việc trích lợi nhuận thu được từ khai thác di sản để xây dựng các quỹ bảo tồn DSVH, tài trợ, đóng góp và tham gia vào các dự án kiểm kê, sưu tầm, bảo tồn, tôn tạo các DSVH, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái di sản, thúc đẩy các sáng kiến bảo vệ DSVH trong cộng đồng. Các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, có thể cung cấp các giải pháp công nghệ cao như số hóa di sản, bảo quản di tích qua công nghệ 3D, hay xây dựng các nền tảng trực tuyến để quảng bá DSVH ra thế giới. Doanh nghiệp gắn với thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa được xây dựng trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị của các DSVH.

Xã hội được hiểu theo nghĩa hẹp là một khu vực bao gồm các giai tầng, nhóm xã hội, cộng đồng và các hình thức liên hợp dựa trên sự tự nguyện của các công dân. Trong lĩnh vực DSVH, xã hội chính là nơi tập hợp và huy động nguồn lực (tài chính, tri thức, nhân lực…) quan trọng cho việc đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị DSVH. Trong xã hội, cộng đồng - người dân là chủ thể quan trọng trong sáng tạo, giữ gìn, bảo vệ và trao truyền các giá trị DSVH (từ các di tích lịch sử - văn hóa đến các lễ hội, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, ngành, nghề thủ công, mỹ nghệ, ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn truyền thống...) qua nhiều thế hệ; đồng thời là đối tượng thụ hưởng, tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, là mục tiêu hướng tới của văn hóa. Cộng đồng có thể đóng vai trò trong việc giám sát và ngăn chặn các hành động xâm hại đến DSVH; đồng thời có thể tham gia vào quá trình xây dựng các mô hình kinh tế bền vững; giữ gìn nghề thủ công truyền thống. Bên cạnh đó, các nhà khoa học là những người đóng góp về mặt lý luận với những đánh giá, nhận xét chuyên môn về DSVH. Bằng kiến thức chuyên môn và sự sáng tạo, nhà khoa học có thể thực hiện nghiên cứu sâu rộng về các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật của DSVH, từ đó xác định những yếu tố cần bảo vệ, phục hồi hoặc phát huy ở các DSVH. Các nhà khoa học có thể nghiên cứu và vận dụng các phương pháp khoa học, công nghệ tiên tiến trong bảo tồn DSVH, từ việc số hóa các DSVH, tạo các mô hình 3D, đến việc phân tích hình ảnh, hoặc sử dụng vật liệu mới, kỹ thuật trùng tu, phục hồi các công trình cổ, giúp bảo vệ DSVH mà không làm mất đi tính nguyên vẹn, đồng thời giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực từ các hoạt động kinh tế; nghiên cứu, cung cấp cơ sở dữ liệu để xây

dựng các chiến lược bảo vệ DSVH; đề xuất các mô hình phát triển bền vững dựa trên khai thác giá trị các DSVH; tạo cơ sở cho việc hoạch định cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH.

Mỗi thành tố trong bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" đều nắm giữ vai trò nhất định trong quản lý và phát triển văn hóa và DSVH, đồng thời, mỗi bên lại có những hạn chế riêng, đòi hỏi sự bổ khuyết và hỗ trợ từ phía còn lại. Ví dụ trong điều kiện nguồn lực công còn hạn chế, Nhà nước cần huy động sự đóng góp của xã hội và phát triển thị trường các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên cơ sở phát huy giá trị các DSVH; phân bổ lại nguồn tài chính cho các chương trình, kế hoạch bảo tồn DSVH. Trong khi đó, mặt trái của cơ chế thị trường là xu hướng tối đa hóa lợi nhuận có thể dẫn tới việc thương mại hóa quá mức làm mất tính xác thực, thậm chí xâm hại giá trị di sản. Trên thực tế, các sản phẩm dựa trên nguồn lực DSVH chứa đựng tri thức và sự sáng tạo của cá nhân, tập thể, truyền tải nhiều giá trị mang tính biểu tượng, vì vậy khó có thể định giá bằng các công thức giá cả thông thường của thị trường. DSVH với những đặc trưng riêng về giá trị và quyền sở hữu đòi hỏi những sự cẩn trọng và không thể giao phó hoàn toàn vào "bàn tay" của thị trường. Do vậy, phát triển thị trường phải đi cùng với sự điều tiết và quản lý của Nhà nước cũng như sự giám sát của xã hội. Đồng thời, các thành tố xã hội, như cộng đồng địa phương, gia đình, nhóm xã hội và các tổ chức xã hội quần chúng, nhà khoa học có vai trò quan trọng trong quá trình bảo tồn DSVH và phát huy nguồn lực đặc hữu này trong phát triển KT - XH ở địa phương.

Do vậy, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH để hạn chế những tác động tiêu cực của hai đối tượng trên nhằm xử lý các mâu thuẫn có thể nảy sinh giữa bảo tồn và phát triển, thúc đẩy tính thuận chiều của mối quan hệ biện chứng này. Theo đó, Nhà nước cần nâng cao hiệu quả hoạt động theo hướng "tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả", đồng bộ, thông suốt. Thực hiện phân cấp quản lý DSVH để nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan, từ chính quyền địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp đến các tổ chức xã hội; bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên trong quá trình gắn kết DSVH và phát triển KT - XH. Nghiên cứu và giải quyết tốt mối quan hệ liên vùng, liên cấp, liên ngành trong công tác quản trị địa phương, quản trị quốc gia về phục dựng, bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH. Nhà

nước cần xây dựng các cơ chế cụ thể trong việc phân bổ nguồn lực quốc gia cho bảo tồn DSVH, thực hiện phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường. Nhà nước có thể trở thành khách hàng, hỗ trợ các tổ chức và nghệ sĩ thông qua việc đặt mua các sản phẩm văn hóa. Nguyên tắc căn bản trong phân bổ nguồn lực quốc gia chính là "đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư", tức là đầu tư từ ngân sách Nhà nước chỉ đóng vai trò "làm mồi" (ở các hạng mục như kết cấu hạ tầng, quảng bá thương hiệu, đào tạo nhân lực…) để thu hút nguồn đầu tư từ doanh nghiệp và xã hội vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, trong đó có các ngành CNVH với các sản phẩm dựa trên cơ sở phát huy giá trị các DSVH. Nhà nước cần đầu tư tài chính gián tiếp để hỗ trợ sự phát triển các ngành CNVH thông qua chính sách ưu đãi về thuế (khấu trừ thuế, miễn thuế) nhằm thúc đẩy những tổ chức xã hội, nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp tài chính, nhân lực, vật lực cho các hoạt động xây dựng sản phẩm của các ngành CNVH. Nhà nước cần bảo đảm sự công bằng trong phân phối nguồn lực; tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tránh thất thoát nguồn tài chính và bảo đảm phân phối nguồn lực phù hợp với đóng góp. Hoàn thiện thể chế định giá các tài sản văn hóa vô hình (thương hiệu, giá trị lịch sử - văn hóa) làm cơ sở cho thúc đẩy "vốn hóa" DSVH, tạo điều kiện cho chủ thể sản xuất kinh doanh đầu tư các sản phẩm, dịch vụ văn hóa từ chính nguồn lực DSVH của địa phương. Vai trò của Nhà nước là tư vấn, giám sát để bảo đảm việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH được thực hiện đúng định hướng, không dẫn đến thương mại hóa quá mức hay nguy cơ mai một bản sắc.

Trong nghiên cứu về bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" cũng cần chú ý mô hình "ba nhà" là "nhà sáng tạo - nhà doanh nghiệp - nhà trường". Đây là mô hình hiệu quả trong phát huy giá trị DSVH, nhất là các DSVH phi vật thể hiện nay để phát triển các ngành CNVH. Trong mô hình "ba nhà" này, người dân (cộng đồng) là những người kể chuyện di sản sống - người sáng tạo di sản (nhà sáng tạo) là nhân tố giữ vai trò then chốt, có vị trí quan trọng hàng đầu trong việc giữ gìn, lưu truyền, hồi sinh di sản, sáng tạo và lan tỏa các giá trị DSVH trong đời sống đương đại. Do vậy, Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm bảo vệ hoạt động sáng tạo và người lao động sáng tạo như nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan; phát huy tối đa vai trò chủ chốt của các cộng đồng chủ thể thông qua cơ chế tự quản. Kết hợp hài hòa giữa các nguyên tắc pháp luật của Nhà nước và thể chế xã hội truyền thống (luật tục, hương ước, phong tục…) trong quản lý và phát triển văn hóa, nhất là đối với DSVH trên cơ sở vừa tôn trọng tính thượng tôn của pháp luật

vừa bảo đảm nét đặc thù về văn hóa, xã hội của từng địa phương, từng cộng đồng với vai trò là chủ thể sáng tạo và thực hành DSVH. Thay vì can thiệp bằng các biện pháp hành chính, Nhà nước cần hỗ trợ, tạo điều kiện để cộng đồng có thể bảo đảm quyền tự quyết đối với việc duy trì, vận hành các thiết chế văn hóa dân gian, các không gian diễn xướng và các thực hành văn hóa. Từng bước hình thành cộng đồng người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa trong nước thông qua hoạt động quảng bá, nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của công chúng.

Với cộng đồng, cần không ngừng bồi đắp nhận thức và tinh thần trách nhiệm, huy động trí tuệ, công sức, sáng kiến của cộng đồng dân cư bằng việc đóng góp kinh phí, nhân lực, vật lực, phát huy sức sáng tạo… trong tu bổ, tôn tạo, giữ gìn, phục dựng, phát huy các DSVH; đồng thời chủ động tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng, hoạch định chính sách bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, để bảo đảm các kế hoạch phát triển kinh tế không làm tổn hại đến các giá trị văn hóa và để người dân có thể hưởng lợi chính đáng từ sự gắn kết DSVH và phát triển KT - XH. Tạo điều kiện để người dân được tham gia hoạt động quản lý, bảo tồn DSVH nhiều hơn; xây dựng văn hóa ứng xử, đạo đức kinh doanh trong hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan tại các điểm đến di sản. Đồng thời quyền lợi, lợi ích chính đáng của người dân trong quá trình khai thác nguồn lực DSVH cũng cần được bảo đảm với cơ chế phân chia công bằng lợi ích giữa các bên liên quan. Chỉ khi nào khơi dậy, phát huy tinh thần trách nhiệm của người dân trên cơ sở lòng yêu quê hương, tự hào về di sản và quyết tâm bảo vệ di sản với tư cách những chứng nhân của quá khứ, đồng thời có mong muốn, khát khao được lan tỏa giá trị di sản với tư cách sự vật của hiện tại và sẽ còn sức sống tới tương lai, thì khi đó di sản mới thực sự tỏa sáng và hiện hữu sống động, tham gia vào dòng chảy sôi động của cuộc sống đương đại.

Với các doanh nghiệp, cần nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mình để xây dựng kế hoạch đầu tư trở lại vào các DSVH, đưa nội dung này vào chiến lược phát triển doanh nghiệp và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh. Thực hiện chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, xây dựng các sản phẩm, dịch vụ từ DSVH như thời trang, nghệ thuật, du lịch, thủ công mỹ nghệ…

Như vậy, có thể thấy, thay vì quan hệ chủ thể quản lý và khách thể quản lý, Nhà nước, thị trường và xã hội cần hành động và thực thi vai trò của mình trong mối quan hệ đối tác, tăng cường tính hợp tác và kết nối, vận động cùng chiều, phối hợp

đồng bộ để phát huy vai trò một cách tối ưu, góp phần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Việc kết hợp giữa doanh nghiệp, hoạt động tự quản của cộng đồng và sự định hướng, quản lý của Nhà nước giúp bảo đảm sự hài hòa về lợi ích giữa các bên liên quan.

Trong bối cảnh mới hiện nay, bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" có vai trò quan trọng trong điều tiết mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH cũng như trong xây dựng hệ sinh thái di sản ở hai địa bàn nghiên cứu.

Hệ sinh thái di sản là một mạng lưới gồm nhiều yếu tố liên kết chặt chẽ liên quan đến việc bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị của di sản, bao gồm cả con người, tổ chức, môi trường và các hoạt động xoay quanh di sản, trong đó di sản không tồn tại riêng lẻ mà gắn với cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý, hoạt động du lịch và các giá trị KT - XH. Các thành phần này vừa hỗ trợ, vừa tác động lẫn nhau nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản một cách bền vững. Vì vậy, xây dựng và duy trì hệ sinh thái di sản có ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa và phát triển KT - XH. Khảo sát cho thấy, đại diện chính quyền, doanh nghiệp và đa phần người dân được khảo sát đều nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH cũng như vai trò gắn kết của các yếu tố trong hệ sinh thái di sản. Hai địa bàn nghiên cứu đã có sự phối hợp nhất định giữa bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, góp phần xây dựng hệ sinh thái di sản và thúc đẩy sự phát triển KT - XH ở địa phương.

Trước hết, Nhà nước (chính quyền) đóng vai trò định hướng, kiến tạo thể chế và bảo vệ giá trị cốt lõi của di sản. Tại khu phố cổ Hà Nội, chính quyền thành phố đã ban hành nhiều quy hoạch, quy chế quản lý nhằm kiểm soát xây dựng, bảo tồn kiến trúc, cảnh quan di sản và hạn chế tác động tiêu cực từ đô thị hóa. Tuy nhiên, do áp lực dân số và nhu cầu sinh kế, việc thực thi còn gặp không ít khó khăn. Trong khi đó, tại khu phố cổ Hội An, Nhà nước (chính quyền) thể hiện vai trò mạnh mẽ và nhất quán hơn với các chính sách bảo tồn chặt chẽ, kiểm soát hoạt động kinh doanh và du lịch trong khu phố cổ, góp phần giữ gìn tương đối nguyên vẹn không gian văn hóa của đô thị di sản.

Thứ hai, yếu tố thị trường gắn với các hoạt động kinh tế, nhất là hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại gắn liền với các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế di sản có vai trò quan trọng giúp "kích hoạt" giá trị kinh tế của di sản tại hai địa bàn nghiên cứu. Ở Hà Nội, khu phố cổ là trung tâm thương mại sôi động với đa

dạng ngành nghề, từ truyền thống đến hiện đại; tuy nhiên, yếu tố thị trường đôi khi lấn át yêu cầu bảo tồn di sản, dẫn đến tình trạng thương mại hóa quá mức, làm biến dạng không gian di sản. Tại Hội An, thị trường được định hướng phát triển theo mô hình "du lịch di sản", trong đó các hoạt động kinh doanh được kiểm soát để phù hợp với không gian và bản sắc văn hóa địa phương, nên bảo đảm tương đối hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Thứ ba, xã hội với cộng đồng cư dân địa phương, các tổ chức xã hội và du khách là những chủ thể trực tiếp tham gia và thụ hưởng di sản. Ở khu phố cổ Hà Nội, cộng đồng cư dân đông đúc, đa dạng về nghề nghiệp, nhưng mức độ tham gia vào hoạt động bảo tồn còn hạn chế, phần lớn do áp lực kinh tế và điều kiện sống. Trong khi đó, tại Hội An, cộng đồng địa phương đóng vai trò tích cực hơn, không chỉ trong việc gìn giữ nếp sống, phong tục, tập quán, mà còn tham gia vào các hoạt động du lịch và dịch vụ gắn với di sản; ý thức bảo tồn DSVH được nâng cao nhờ sự gắn kết giữa lợi ích kinh tế và giá trị văn hóa.

Như vậy, sự khác biệt trong mức độ cân bằng và tương tác giữa ba trụ cột "Nhà nước - thị trường - xã hội" đã tạo nên hai mô hình hệ sinh thái di sản với đặc điểm và hiệu quả khác nhau tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An. Do đó, cần có những cơ chế, chính sách phù hợp với từng địa phương để bảo tồn, phát huy hiệu quả DSVH, góp phần xây dựng hệ sinh thái di sản bền vững và thúc đẩy KT - XH phát triển tại hai địa bàn nghiên cứu. Trước tiên cần có tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị gắn với bảo tồn DSVH, trong đó quy hoạch không gian đô thị ở phường Hoàn Kiếm và Hội An, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa.... Các công trình mới cần được xây dựng với thiết kế phù hợp với kiến trúc cổ, không làm mất đi không gian và giá trị lịch sử của địa phương. Phát triển các không gian công cộng trong khu vực di sản, như công viên, quảng trường, các khu vực sinh hoạt cộng đồng, để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng dân cư cũng như du khách mà không làm ảnh hưởng đến các di tích lịch sử - văn hóa.

Bên cạnh đó, các chính sách phát triển du lịch bền vững cần được triển khai hiệu quả hơn thông qua việc giảm thiểu tình trạng quá tải du lịch, giảm áp lực lên các di sản, giới hạn số lượng khách du lịch vào các khu vực di sản, phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với khôi phục và giữ gìn các làng nghề... Đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển với tư duy đổi mới "vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo

phát triển", tạo không gian phát triển mới và tạo khung khổ pháp lý để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, trong đó có nguồn lực DSVH tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

Đặc biệt hiện nay, cả hai địa bàn nghiên cứu đều đang đứng trước những cơ hội và thách thức, khó khăn trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Với khu phố cổ Hà Nội: Việc thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12-4-2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII có những tác động không nhỏ đến công tác bảo tồn DSVH khi có sự thay đổi về địa giới hành chính, khu phố cổ Hà Nội nay thuộc phường Hoàn Kiếm, đặt ra những yêu cầu mới với việc bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH trong phát triển KT - XH; *một mặt,* tạo ra cơ hội cho chính quyền địa phương quản lý DSVH một cách chi tiết hơn, điều chỉnh các chiến lược bảo tồn và phát huy DSVH theo nhu cầu và đặc thù của từng khu vực cụ thể; qua đó giúp các hoạt động liên quan tới DSVH gần gũi hơn với cộng đồng, các quyết định về bảo tồn có thể được đưa ra nhanh chóng và linh hoạt hơn; tạo cơ hội để cộng đồng tham gia nhiều hơn vào công tác bảo vệ, tôn tạo, khai thác DSVH; chính quyền ở cấp cơ sở (cấp phường) có thể nhanh chóng tổ chức các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về DSVH, khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động du lịch cũng như bảo vệ ngành, nghề, giá trị truyền thống; sự phân bổ ngân sách và nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH được hợp lý và tập trung hơn; tránh sự dàn trải như khi còn quản lý ở cấp quận, huyện; từ đó giúp nâng cao hiệu quả bảo vệ các khu vực di sản cụ thể. *Mặt khác,* trước đây quận Hoàn Kiếm (cũ) có thể xây dựng các chiến lược dài hạn cho việc bảo tồn DSVH và phát triển kinh tế bền vững cho toàn quận; thì nay việc chia thành hai phường (phường Hoàn Kiếm và phường Cửa Nam) có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong các chiến lược quản lý di sản, vì mỗi phường có thể có các ưu tiên và chiến lược khác nhau; có thể tạo ra khó khăn trong việc bảo tồn, phát huy giá trị DSVH một cách toàn diện; khó khăn trong phối hợp giữa các phường và các cơ quan chức năng, các tổ chức bảo tồn DSVH; từ đó có thể dẫn tới việc thiếu sự nhất quán trong các chính sách bảo tồn DSVH và phát triển KT - XH, làm ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ di sản. Sự thiếu đồng bộ trong điều phối từ cấp quận có thể dẫn đến tình trạng các dự án xây dựng hạ tầng chưa tính toán đầy đủ đến tác động tới DSVH, từ đó có thể làm ảnh hưởng đến các khu di tích lịch sử quan trọng như khu phố cổ. Bên

cạnh đó, nguồn lực cho bảo tồn DSVH ở các phường còn hạn chế nên cũng gây khó khăn hoặc làm chậm tiến độ các hoạt động liên quan đến DSVH.

Với khu phố cổ Hội An: Trong bối cảnh thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, sau gần 20 năm xây dựng thương hiệu thành phố du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế, Hội An không còn tồn tại với tư cách thành phố - một đơn vị hành chính cấp huyện (dù tên gọi "Hội An" vẫn được giữ lại ở phường trung tâm và có trong tên gọi hai phường mới). Việc sáp nhập trên là chủ trương lớn, tạo đột phá về bộ máy và không gian phát triển, mang lại cơ hội tăng cường nguồn lực, bổ trợ lẫn nhau trong công tác bảo tồn DSVH ở Hội An, đồng thời giúp cho các hoạt động liên quan DSVH trở nên gần gũi hơn và được triển khai nhanh chóng hơn tới cộng đồng. Tuy nhiên, việc chia tách thành phố Hội An thành các phường và thay đổi về danh xưng trên có những ảnh hưởng đáng kể đến thương hiệu điểm đến du lịch đã được khẳng định và bản sắc văn hóa độc đáo của Hội An sau nhiều thế kỷ hình thành và phát triển. Điều này không chỉ gây khó khăn trong giao dịch quốc tế, mà còn tác động đến tâm tư, tình cảm của cộng đồng cư dân phố cổ Hội An. Ngoài ra, tương lai của các làng nghề truyền thống, các sản phẩm du lịch đặc sắc như đêm phố cổ, phố đi bộ, bài chòi,… cũng có thể bị ảnh hưởng khi bộ máy quản lý cấp thành phố Hội An (thành phố trực thuộc tỉnh) không còn.

Bên cạnh đó, việc giao chức năng quản lý DSVH cho một phường có thể không bảo đảm nguồn lực và chuyên môn cần thiết để giữ gìn, phát huy giá trị các DSVH này. Trong khi Hội An vừa được ghi danh vào mạng lưới UCCN, việc tiếp tục thực hành sáng tạo trong phạm vi 3 phường, một xã hay chỉ một phường trung tâm cũng đặt ra nhiều khó khăn. Việc Hội An không còn là thành phố trực thuộc tỉnh có thể ảnh hưởng đến công tác quản lý khu phố cổ (thuộc phường Hội An) khi việc đầu tư hạ tầng vốn trước đây do thành phố Hội An (cũ) thực hiện, bảo đảm sự khớp nối giữa các xã, phường; nếu sau này mỗi phường tự triển khai theo cách riêng thì sẽ dễ dẫn tới sự thiếu sự đồng bộ. Điều này đặt ra vấn đề cần phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp chính quyền để giữ vững và phát huy được bản sắc, thương hiệu phố cổ Hội An đã được tạo dựng.

Do vậy, trong bối cảnh mới, cả thành phố Hà Nội và phường Hoàn Kiếm cũng như thành phố Đà Nẵng và phường Hội An cần có những điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, góp phần thúc

đẩy sự phát triển KT - XH của địa phương, cụ thể là:

Đối với thành phố Hà Nội:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó chú trọng công tác gìn giữ, bảo tồn cấu trúc đặc trưng, quy hoạch, đầu tư, quản lý và phát huy hiệu quả giá trị của di sản đô thị và cảnh quan, kiến trúc khu vực nội đô lịch sử qua các thời kỳ. Các hoạt động kinh tế và hoạt động dân sinh trong khu vực di sản cần được định hướng phát triển bền vững.

Thứ hai, tích cực tuyên truyền, giáo dục và triển khai Luật Thủ đô năm 2024; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND, ngày 29-4-2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc Ban hành danh mục các khu vực, di tích, di sản, công trình cần tập trung nguồn lực để bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa; Quyết định số 3478/QĐ-UBND, ngày 6-7-2023, của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở của thành phố Hà Nội như các dữ liệu DSVH, lịch trình các sự kiện cộng đồng...; Kế hoạch số 294/KH-UBND, ngày 11-10-2024, của UBND thành phố Hà Nội về việc "Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên địa bàn thành phố đến năm 2025 và các năm tiếp theo", tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong hoạt động bảo tàng, quản lý di tích, DSVH phi vật thể, di sản tư liệu…

Thứ ba, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực DSVH, như đội ngũ quản lý, nghiên cứu, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ thuật viên, nghệ nhân, thợ nghề, những người làm công tác bảo vệ di tích ở địa bàn xã, phường… Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, nhất là nhân tài trong các lĩnh vực, ngành, nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế di sản, CNVH. Riêng với lĩnh vực DSVH và các ngành nghệ thuật đặc thù, cần có cơ chế đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt (có thể không hoàn toàn theo quan hệ cung - cầu trên thị trường lao động, mà có thể từ sự đặt hàng của thành phố, nhất là các lĩnh vực nghệ thuật nghệ thuật dân gian truyền thống có nguy cơ mai một. Xây dựng các mô hình tuyên truyền về giá trị DSVH để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cộng đồng dân cư, dần lan tỏa và đưa hoạt động này đi vào nền nếp, trở thành sợi dây gắn kết tình cảm cộng đồng, tạo thành các phong trào thi đua hiệu quả trong xã hội, xây dựng môi trường sinh hoạt văn hóa tích cực, lành mạnh, góp phần để di sản trở nên sống động trong đời sống Thủ đô hiện nay. Trong bối cảnh mới, tăng cường công tác quản lý và phối hợp giữa thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, chính quyền cấp phường cùng

cộng đồng dân cư địa phương trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị các DSVH trên địa bàn.

Đối với phường Hoàn Kiếm (mới):

Thứ nhất, hoàn thiện các cơ chế phối hợp giữa các phường và chính quyền thành phố Hà Nội cùng các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội theo hướng đồng bộ và hiệu quả; kịp thời và thường xuyên trao đổi thông tin để xây dựng các kế hoạch bảo tồn, phát huy DSVH phù hợp với đặc thù từng khu vực.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội với nhiệm vụ giám sát và hỗ trợ các phường trong việc bảo tồn DSVH, đồng thời phối hợp với các cơ quan nhà nước và các tổ chức bảo tồn quốc tế để triển khai các dự án bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên địa bàn.

Thứ ba, đẩy mạnh việc phân cấp, phối hợp chặt chẽ quản lý nhà nước trong phát triển du lịch bền vững trên cơ sở khai thác giá trị các DSVH giữa thành phố và hai phường mới, đặc biệt trong quản lý dịch vụ lưu trú và lữ hành; tạo cơ hội cho người dân và các doanh nghiệp tham gia đóng góp, đầu tư và hưởng lợi từ kinh tế di sản. Xây dựng các nền tảng số giúp người dân và du khách tiếp cận di sản một cách thuận tiện và tạo nên hiệu quả bảo vệ DSVH lâu dài.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả sự gắn kết giữa phát triển các ngành CNVH và định vị thương hiệu "Hà Nội - Thành phố sáng tạo" ở lĩnh vực thiết kế. Chú trọng lồng ghép yếu tố sáng tạo vào các chiến lược phát triển, chương trình hành động, chiến lược phát triển KT - XH của Thủ đô. Xây dựng hệ sinh thái di sản gắn kết với việc phát triển kinh tế ban đêm tạo nên chuỗi các sản phẩm du lịch, dịch vụ mang thương hiệu phố cổ Hà Nội với những câu chuyện văn hóa thể hiện chiều sâu lịch sử và văn hóa Thăng Long cùng các hoạt động trải nghiệm thú vị về quy trình sản xuất nghề thủ công, ẩm thực Hà Thành... Chú trọng công tác kiểm soát và cân bằng hệ sinh thái tại khu vực DSVH đi liền với việc xử lý nghiêm những vi phạm đối với DSVH.

Đối với thành phố Đà Nẵng:

Thứ nhất, thực hiện hiệu quả quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng mới (sau khi hợp nhất với tỉnh Quảng Nam) đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trong bối cảnh sáp nhập mới. Chú trọng công tác quy hoạch, bảo tồn khu phố cổ Hội An trong sự kết nối với Thánh địa Mỹ Sơn và Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm.

Thứ hai, tiếp tục triển khai nghiêm túc và đồng bộ các quy định về quản lý,

bảo tồn và phát huy giá trị DSVH đối với khu phố cổ Hội An cũng như Quy chế bảo vệ DSVH thế giới khu phố cổ Hội An, bảo đảm vừa bảo vệ được tính xác thực của DSVH thế giới, vừa để người dân được hưởng lợi từ các cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước. Các quy định bảo tồn DSVH hướng đến sự hài hòa, gắn kết trách nhiệm của các bên liên quan, trong đó có cộng đồng và doanh nghiệp hoạt động trong khu phố cổ. Chú trọng việc bảo vệ, bảo tồn nguyên trạng kiến trúc, cấu trúc của phố cổ và các di tích; nghiên cứu bảo tồn, khôi phục lại hình ảnh thành phố cảng thị sầm uất Hội An xưa; hạn chế thương mại hóa phố cổ; nghiên cứu, mở rộng thêm các tuyến phố đi bộ còn bảo lưu được giá trị cảnh quan, kiến trúc; ổn định dân số trong khu phố cổ ở mức phù hợp cùng các yêu cầu về giao thông, môi trường. Tiếp tục bảo tồn và phát triển phố cổ Hội An theo kiểu mẫu cấu trúc "phố - làng", tạo dựng hệ sinh thái di sản đa dạng và lan tỏa, thực hiện phương châm "bảo tồn để phát triển", "phát triển để bảo tồn".

Thứ ba, tiếp tục phục hồi các DSVH có nguy cơ mai một, nhất là nghệ thuật bài chòi. Nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các làng nghề truyền thống và nghệ thuật dân gian Hội An. Tạo điều kiện cho các nghệ nhân, cơ sở sản xuất thủ công tham gia hội trại, hội chợ để giao lưu, học hỏi tinh hoa nghề cũng như nâng cao năng lực quảng bá sản phẩm, tiếp cận xu thế mới trong dịch vụ, du lịch. Chú trọng xây dựng và bảo vệ thương hiệu của địa phương, đầu tư về kết cấu hạ tầng; quy hoạch đô thị nông thôn vùng di sản và phát triển làng nghề góp phần bảo tồn các nét đẹp truyền thống của Hội An và phát triển KT - XH của địa phương. Quy hoạch phát triển làng nghề kết hợp với đánh giá tác động môi trường tại các làng nghề. Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi của các nghề. Tổ chức việc giữ nghề và truyền nghề của các nghệ nhân lão thành cho lớp trẻ, bồi dưỡng thế hệ kế tiếp. Đẩy nhanh quá trình xây dựng thương hiệu chung cho tất cả các làng nghề.

Thứ tư, thúc đẩy phát triển hợp tác công - tư, đẩy mạnh việc liên kết và khơi thông các nguồn lực, thu hút vốn, nguồn nhân lực sáng tạo trong các ngành nghệ thuật như âm nhạc, hội họa, trình diễn... trên cơ sở khai thác nguồn vốn từ DSVH; khuyến khích doanh nghiệp, người dân, nghệ nhân, nghệ sĩ, doanh nhân… tham gia sáng tạo, phát triển các ngành CNVH. Thu hút các nhà đầu tư để phát triển các dịch vụ du lịch, thương mại, thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm. Xây dựng thêm nhiều mô hình sáng tạo mới theo hướng xã hội hóa để huy động sự chung tay giữa Nhà

nước, doanh nghiệp, nghệ sĩ, người dân. Thúc đẩy sáng tạo các sản phẩm du lịch đặc sắc có sự kết hợp hài hòa các loại hình nghệ thuật truyền thống (như dân ca, bài chòi, hát tuồng) với nghệ thuật đương đại, tiếp nối sự thành công của các chương trình "Đêm phố cổ", "Phố đi bộ", "Lễ hội đèn lồng", show thực cảnh "Ký ức Hội An", nhiều minishow ở đảo Ký ức Hội An với các câu chuyện và trải nghiệm độc đáo về văn hóa và lịch sử cho du khách; qua đó góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc của Hội An và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân và du khách. Tăng cường kết nối hiệu quả di sản khu phố cổ Hội An với Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm và không gian văn hóa làng quê, làng nghề, góp phần tạo thêm sản phẩm du lịch văn hóa và sinh thái độc đáo, hấp dẫn.

Thứ năm, phát triển hạ tầng và phương tiện giao thông thân thiện môi trường, hình thành các điểm tham quan ở vùng ven,… vừa giảm áp lực lên khu phố cổ Hội An, vừa tạo điều kiện cho nhiều đối tượng người dân và du khách được trải nghiệm các hoạt động du lịch đa dạng; tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ sáu, củng cố hoạt động của Trung tâm Bảo tồn DSVH thế giới Hội An (trước đây là Trung tâm Quản lý bảo tồn DSVH Hội An) - cơ quan trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, bảo đảm thực hiện các chức năng tham mưu và quản lý nhà nước toàn diện (bao gồm bảo tồn, tu bổ, phát huy giá trị DSVH, phát triển du lịch di sản và quản lý các hoạt động KT - XH liên quan đến di sản), phù hợp với các văn bản đã và đang được sửa đổi, ban hành.

Đối với phường Hội An (mới):

Thứ nhất, tập trung bảo tồn và lan tỏa thương hiệu Hội An, bảo đảm sự đồng bộ trong phát triển hạ tầng, nhất là ở khu phố cổ. Nâng cao vai trò của cấp phường và trách nhiệm quản lý của ngành văn hóa; phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý để công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH Hội An được liền mạch, hiệu quả, tránh gián đoạn. Các chức năng quản lý đặc thù của khu phố cổ Hội An cần được tiếp nối với cơ chế hiệu quả trong mô hình mới chính quyền địa phương 2 cấp.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác quản lý khu phố cổ Hội An tại các phường mới được chia tách từ thành phố Hội An (cũ), trong đó trọng tâm là phường Hội An trên cơ sở quán triệt quan điểm Hội An là khu phố cổ hiếm hoi ở châu Á còn bảo tồn được gần như nguyên vẹn hệ sinh thái di sản với hệ thống kiến trúc, cư dân, sinh hoạt văn hóa, không gian di sản; do vậy, việc tiếp cận Hội An không chỉ bằng tư duy hành chính, hay đơn thuần là một di tích cần quản lý; tránh việc thu hẹp tầm vóc của một

di sản toàn cầu. Công tác quản lý Hội An cần được đặt trong tầm nhìn lớn hơn với cách thức quản lý phù hợp để giữ được tính toàn vẹn của DSVH.

Thứ ba, chú trọng mô hình quản trị có sự phối hợp chặt chẽ, minh bạch giữa các cơ quan nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp, nhà khoa học, cộng đồng quốc tế để phù hợp, tương xứng với tầm vóc của một DSVH thế giới. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế để cộng đồng địa phương được tham gia vào các hoạt động bảo tồn, tổ chức lễ hội văn hóa, phát triển các nghề thủ công truyền thống; từ đó nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền lợi, trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị DSVH trong phát triển KT - XH.

Thứ tư, tích cực và chủ động hơn trong việc thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo ở Hội An trên nền tảng kế thừa, bảo tồn và phát huy DSVH, đồng thời cần tạo ra những giá trị mới và tăng trưởng đa chiều; coi sáng tạo là nguồn lực thúc đẩy sự phát triển của Hội An. Khuyến khích phát huy tài năng sáng tạo, đóng góp của nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, doanh nhân… trong việc sưu tầm, truyền dạy, bảo tồn các nghề thủ công, các loại hình văn nghệ dân gian; phát triển các tài năng trẻ; xây dựng vườn ươm nghệ thuật… Phát triển các không gian sáng tạo, chế tác, trình diễn và truyền nghề, tổ chức trại sáng tác các sản phẩm đa dạng, sáng tạo, có giá trị văn hóa và giá trị thương phẩm cao, gắn với phục vụ du lịch, xuất khẩu tại chỗ. Hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương cần hài hòa các tiêu chí văn hóa - hạnh phúc - phúc lợi - giáo dục - di sản - du lịch cộng đồng để bảo đảm tính bền vững, tạo dựng được bản sắc và định vị được thương hiệu riêng biệt của địa phương.

Tiểu kết Chương 3

Qua nghiên cứu các tài liệu và thực hiện phỏng vấn sâu với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và một số người dân, doanh nghiệp, khách du lịch, chương 3 của luận án đã bàn luận về một số vấn đề có liên quan tới mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT- XH trên cả nước nói chung cũng như ở hai địa bàn nghiên cứu nói riêng trong bối cảnh mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen cùng những yêu cầu mới đặt ra.

Trước tiên, hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ, có tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực, trong đó có DSVH. Bên cạnh việc giúp quảng bá DSVH ra thế giới, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế, tạo điều

kiện tiếp cận các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và chuyên môn quốc tế trong công tác bảo tồn di sản, góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, đối thoại văn hóa và đa dạng hóa cách tiếp cận di sản… thì hội nhập quốc tế cũng đặt ra nguy cơ làm phai nhạt và mất bản sắc văn hóa dân tộc, xâm hại giá trị cốt lõi và đe dọa tính bền vững của di sản. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa không chỉ có tác động tích cực là thúc đẩy các nghiên cứu khoa học, nâng cao nhận thức xã hội về giá trị và vai trò của DSVH cùng sự ra đời của nhiều công nghệ hiện đại hỗ trợ phổ biến, truyền thông, quảng bá về DSVH, mà còn có thể gây tổn thương, làm mai một, thậm chí xâm hại và làm mất đi tính xác thực của DSVH, gây ra sự suy giảm môi trường sinh thái - nền tảng tự nhiên gắn bó mật thiết với nhiều loại hình DSVH nếu thiếu sự định hướng và thiếu hiệu quả trong quản lý. Cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số trở thành một xu thế tất yếu, giúp mở ra một không gian rộng lớn để di sản được lưu giữ, có thể "sống lại", lan tỏa và hội nhập, vượt qua các ranh giới về không gian, thời gian và ngôn ngữ, để người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có thể dễ dàng, thuận tiện tiếp cận mọi lúc mọi nơi, tăng cường sự gắn kết và tự hào dân tộc. Song chuyển đổi số cũng dẫn tới nhiều nguy cơ như làm mất đi tính nguyên gốc, mất tính độc bản của DSVH. Đặc biệt, những rủi ro an ninh mạng và việc vi phạm bản quyền DSVH là vấn nạn đáng báo động khi thực hiện chuyển đổi số. Việc số hóa di sản dễ dẫn đến tình trạng bị sao chép, sử dụng trái phép, mất quyền kiểm soát tài sản văn hóa, dễ dẫn đến tranh chấp, xâm phạm tài sản văn hóa khi thực tế còn nhiều khoảng trống pháp lý về vấn đề bản quyền di sản số.

Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cần chú trọng phối hợp đồng bộ để phát huy vai trò của bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị DSVH gắn kết với phát triển KT - XH. Nhà nước quản lý và điều hành các hoạt động về DSVH; các doanh nghiệp gắn với thị trường góp phần đưa di sản trở thành nguồn lực được khai thác với nhiều giá trị; cộng đồng là những người sáng tạo, trực tiếp thực hành di sản, gắn bó chặt chẽ với di sản; nhà khoa học nghiên cứu đưa ra cơ sở để tham vấn chính sách cho Nhà nước theo hướng phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt hiện nay, cả hai địa bàn nghiên cứu đều đang đứng trước những cơ hội và thách thức trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đòi hỏi cần có những giải pháp phù hợp. Từ đó, luận án đề xuất một số kiến nghị với thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, phường Hoàn

Kiếm (mới) và phường Hội An (mới) trong bối cảnh mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH gắn kết với phát triển KT - XH, tạo giá trị tham khảo cho các địa phương khác trên cả nước.

KẾT LUẬN

1. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng xử lý tốt mối quan hệ giữa xây dựng, phát triển văn hóa và phát triển KT - XH, trong đó có mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống - kết tinh ở hệ thống DSVH phong phú, đa dạng, độc đáo và phát triển KT - XH. Bởi chính hệ thống DSVH đó có thể là nguồn tài nguyên được "vốn hóa", không chỉ là tài sản quý báu của dân tộc, mà còn trở thành nguồn lực để phát triển các ngành CNVH, qua đó vừa góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa thúc đẩy KT - XH phát triển. Song, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH không chỉ thuận chiều với các tác động tích cực của hai đối tượng trên mà còn tồn tại một số hạn chế do những tác động tiêu cực từ mặt trái của các hoạt động KT - XH tới DSVH; từ đó đặt ra những vấn đề cần giải quyết. Vì vậy, bảo đảm sự cân bằng, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH là một vấn đề mang tính quy luật và cũng là một trong những yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay.

2. Từ những cơ sở khoa học và thực tiễn đã được làm rõ, luận án tập trung phân tích mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An thông qua 3 chương.

Ở chương 1, với việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp cùng hệ thống tài liệu tham khảo có giá trị, luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu về DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH trên cả nước và ở hai địa bàn nghiên cứu; từ đó, bước đầu nhận diện được những vấn đề đã được nghiên cứu làm rõ, những khoảng trống khoa học để đề ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Luận án hệ thống các vấn đề lý luận cơ bản phục vụ việc triển khai đề tài như các khái niệm công cụ (khái niệm DSVH, di sản hóa, bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, phát triển KT - XH...), đồng thời phân tích làm rõ vai trò và tác động của DSVH tới phát triển KT - XH, cũng như tác động trở lại của hoạt động phát triển KT - XH tới DSVH, từ đó thấy được đặc điểm, tính chất (thuận chiều hoặc nghịch chiều) của mối quan hệ biện chứng giữa DSVH và phát triển KT - XH; phân tích khái quát lý thuyết về vốn văn hóa, về kinh tế học di sản), xây dựng được khung phân tích của luận án; khái quát về hai địa bàn nghiên cứu.

Ở chương 2, thông qua nghiên cứu các tài liệu thứ cấp và xử lý, phân tích kết quả điều tra xã hội học tại khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An, luận án khảo sát thực trạng và phân tích các tác động đa chiều, qua lại của DSVH và phát triển KT

- XH trên cả phương diện tích cực, tạo nên tính thuận chiều và phương diện tiêu cực, tạo nên tính nghịch chiều của mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH; kết quả nghiên cứu cho thấy DSVH vừa nguồn lực và động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển KT - XH, góp phần tạo dựng thương hiệu địa phương tại hai địa bàn nghiên cứu. Theo đó, Thủ đô Hà Nội hội tụ và kết tinh nhiều DSVH phong phú, đặc sắc của dân tộc Việt Nam, trong đó có khu phố cổ - trung tâm văn hóa của Thủ đô với mật độ di sản đậm đặc, đa dạng, giàu bản sắc văn hóa đô thị, tạo nguồn lực dồi dào để phát triển các ngành CNVH. Còn khu phố cổ Hội An (thành phố Đà Nẵng) - Di sản văn hóa thế giới - với quần thể kiến trúc vô cùng đặc sắc mang "hồn cốt" của những con người nơi thương cảng xưa, được tiếp nối và giữ gìn đến ngày nay, là điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam và thế giới. Bên cạnh đó, hoạt động KT - XH tại hai địa phương trên cũng tác động trở lại các DSVH, theo hướng tích cực là giúp nâng tầm và quảng bá rộng rãi các DSVH, đồng thời tạo thêm nguồn lực đầu tư trở lại cho hoạt động bảo tồn DSVH và góp phần làm cho DSVH trở nên sống động, được tiếp nối trong hiện tại và tương lai. Song các hoạt động KT - XH cũng có không ít tác động tiêu cực với mức độ khác nhau tới DSVH, có khi di sản bị thương mại hóa quá mức dẫn tới bị tổn hại, hoặc nảy sinh mâu thuẫn giữa nhu cầu đời sống của cư dân vùng di sản và yêu cầu bảo tồn di sản tùy từng điều kiện đặc thù địa phương, đặt ra những vấn đề mới cần nghiên cứu, giải quyết.

Ở chương 3, trên cơ sở nhận thức rõ bối cảnh mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, luận án thực hiện bàn luận mở rộng một số vấn đề liên quan đến đề tài như: quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và vấn đề bảo đảm tính xác thực của DSVH và bản sắc văn hóa; chuyển đổi số và những vấn đề mới đặt ra hiện nay với hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH; về bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" với việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH. Luận án cũng chỉ ra những cơ hội và thách thức đặt ra với hai địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách để phát huy vai trò của "Nhà nước - thị trường - xã hội" trong xử lý hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH, vừa góp phần bảo đảm lợi ích thiết thực, chính đáng của người dân địa phương và doanh nghiệp, vừa góp phần định vị thương hiệu và củng cố bản sắc địa phương, tiếp tục bồi đắp chiều sâu văn hóa của khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An.

3. Các kết quả nghiên cứu của luận án về cơ bản đã trả lời được các câu hỏi và

làm khá rõ các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra. Đó là khẳng định mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An là mối quan hệ biện chứng, vừa thuận chiều vừa nghịch chiều do nhiều yếu tố; thực trạng mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT - XH ở khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An được thể hiện thông qua thực tiễn tác động đa chiều giữa DSVH và phát triển KT - XH (tích cực và tiêu cực); mối quan hệ này có một số điểm tương đồng và khác biệt; điều này được lý giải bởi nguyên nhân từ những đặc trưng văn hóa, cơ chế quản lý và bảo tồn DSVH, sự tương tác giữa DSVH và người dân, chiến lược gắn kết DSVH với phát triển KT - XH tại hai địa bàn nghiên cứu; mối quan hệ trên đang chịu tác động bởi nhiều yếu tố của bối cảnh mới, như quá trình hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp… đòi hỏi cần có sự phối hợp đồng bộ, toàn diện giữa bộ ba "Nhà nước - thị trường - xã hội" với những giải pháp hiệu quả để xử lý hài hòa tại hai địa bàn nghiên cứu.

Hiện nay, trước những biến đổi nhanh chóng và khó dự báo của tình hình thế giới cùng các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh và sự thay đổi trong nhu cầu du lịch văn hóa trên toàn cầu, cần có các nghiên cứu tiếp theo về việc xây dựng chiến lược phát triển bền vững tại các khu vực có DSVH; mô hình quản trị di sản hiệu quả; mô hình "di sản dẫn dắt phát triển kinh tế" tại một số đô thị di sản; nghiên cứu chiến lược và chính sách phát triển phù hợp với từng địa phương nhằm hạn chế tình trạng khai thác quá mức làm tổn hại DSVH hoặc làm phai nhạt giá trị cốt lõi của DSVH, giải quyết căn bản mâu thuẫn có thể nảy sinh giữa bảo tồn và phát triển. Chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp cần hợp tác để xây dựng chiến lược quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH linh hoạt; thiết lập, sáng tạo, duy trì hiệu quả các mô hình phát triển bền vững, trong đó DSVH không chỉ là nguồn lực phát triển KT - XH, mà còn được giữ gìn, kế thừa, sáng tạo những giá trị văn hóa lâu bền cho tương lai, để DSVH được phát triển trong sự tiếp nối; góp phần lan tỏa và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, củng cố sức mạnh mềm văn hóa quốc gia trong kỷ nguyên mới./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đinh Thị Hương Giang (2025), "Thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở Hội An hiện nay và những vấn đề đặt ra", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 602 (4-2025), tr.27-31, chỉ số ISSN 0866-8655.
2. Đinh Thị Hương Giang (2025), "Khai thác hiệu quả các di sản văn hóa của thành phố Hà Nội theo Luật Thủ đô", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 596 (2-2025), tr.25-29, chỉ số ISSN 0866-8655.
3. Đinh Thị Hương Giang (2024), "Một số vấn đề trong phát triển nhận thức lý luận của Đảng về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội qua gần 40 năm đổi mới", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 24-10-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
4. Đinh Thị Hương Giang (2024), "Phát huy giá trị di sản văn hóa khu phố cổ (quận Hoàn Kiếm) trong phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 15-9-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
5. Đinh Thị Hương Giang (2024), "Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa thành phố Hà Nội trong thời kỳ mới", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 2-9-2024, chỉ số ISSN 2734-9071.
6. Đinh Thị Hương Giang (bút danh Đinh Giang) (2023), "Bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22-7-2023, chỉ số ISSN 2734-9071.
7. Đinh Thị Hương Giang (2023), "Quan điểm về xây dựng văn hóa trong bài viết "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng", *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển* số 3 (6-2023), tr.12-16, chỉ số ISSN 2815-5963.
8. Đinh Thị Hương Giang (2021), "Bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Cộng sản* số 968 (6-2021), tr.75-83, chỉ số ISSN 2734-9063.
9. Đinh Thị Hương Giang (2020), "Một số cơ chế phát huy hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới", *Tạp chí Cộng sản* số 955 (12-2020), tr.67-77, chỉ số ISSN 2734-9063.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Thị An (2017), "Mối quan hệ giữa vốn văn hóa và vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi ở Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 11, tr.3-14.
2. Trần Ánh (2008), "Bảo tồn DSVH và phát triển du lịch - Nhìn từ thực tiễn Quảng Nam", bài trình bày tại hội thảo *Quản lý DSVH thế giới và phát triển du lịch*, 20-25/03/2008, Hội An.
3. Đặng Văn Bài (2010), "Tính liên ngành trong hoạt động bảo tồn DSVH", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2(31), tr.17-23.
4. Đặng Văn Bài (2015), "Quan điểm bảo tồn DSVH trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 346, tr.15-20.
5. Đặng Văn Bài (2022), "Bảo tồn DSVH từ góc nhìn phát triển", in trong *Hướng tiếp cập giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH*, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.9-21.
6. Đặng Văn Bài (2023), "DSVH: "Nguồn vốn" cho phát triển KT - XH", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương,* Nxb. Xây dựng, Hà Nội, tr.81-88.
7. Nguyễn Duy Bắc (2022) (chủ nhiệm đề tài), *Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
8. Nguyễn Chí Bền (chủ biên) (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị DSVH vật thể Thăng Long - Hà Nội,* Nxb. Hà Nội.
9. Nguyễn Chí Bền (2023), "DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại ở Việt Nam: Tiếp cận từ lý thuyết vốn văn hóa", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, tr. 102-108
10. Trương Quốc Bình (2014), *Bảo vệ và phát huy giá trị DSVH Việt Nam,* Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Ninh Bình (2023), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH*

và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

12. Bộ Ngoại giao, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố Hà Nội: Hội thảo khoa học quốc tế "*Bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới - Tiếp cận dựa vào cộng đồng vì sự phát triển bền vững*", Hà Nội, ngày 21-5-2025.
13. Bộ Xây dựng (1995), *Quyết định số 70 BXD/KT-QH, ngày 30-3-1995 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển phố cổ Hà Nội*.
14. Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cầm (2022), "DSVH và sự phát triển bền vững, nhân văn ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 12-9-2022.
15. Cục DSVH (2014), *DSVH và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
16. Cục DSVH (2014), *Văn bản quản lý nhà nước về DSVH*, Hà Nội.
17. Nguyễn Hồng Diên (2024), "Kinh tế di sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22-12-2024.
18. Thái Bá Dũng (2023), "Phố cổ Hội An thu phí tham quan để "lấy di tích nuôi di tích"", *Báo Tuổi trẻ online*, ngày 04-4-2023.
19. Trần Hữu Dũng (2003), "Vốn xã hội và kinh tế", *Tạp chí Thời đại* (8), tr.23-24.
20. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Lê Quý Đức (2023), "Vận dụng lý thuyết di sản hóa trong nghiên cứu quản lý di sản văn hóa", *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển*, số 5 (tháng 12-2023), tr.23-26; 54.
25. Phạm Duy Đức (2024), "Đổi mới tư duy nhận thức về kinh tế di sản trong phát triển nhanh và bền vững đất nước", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 06-12-2024.

26. Phạm Duy Đức - Vũ Phương Hậu (đồng chủ biên) (2012), *Nghiên cứu xây dựng và phát triển ngành CNVH của Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
27. Phạm Duy Đức, Vũ Thị Phương Hậu (chủ biên) (2020), *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Quản lý DSVH và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam,* Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
29. Đặng Thị Hồng Hạnh (2018), *Nguồn lực văn hóa với sự phát triển kinh tế Thủ đô Hà Nội* (qua nghiên cứu làng Bát Tràng, Gia Lâm và Mông Phụ, Sơn Tây), Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
30. Vũ Thị Phương Hậu (2019), "DSVH trong phát triển du lịch ở Thủ đô Hà Nội", *Tạp chí Khoa học*, số tháng 6/2019.
31. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Văn hóa và Phát triển* (dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
32. Hội đồng quốc gia cho Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (2006), *Đô thị cổ Hội An* (2006), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
33. Hội Di sản văn hóa Việt Nam (2018), *DSVH phi vật thể Hà Nội trong đời sống đương đại,* Hà Nội.
34. Lê Thị Thu Hiền (2023), "Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, phát huy giá trị DSVH", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, tr.266-274.
35. Nguyễn Thị Hiền (2017), *Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể,* Nxb. *Văn hóa dân tộc*, Hà Nội.
36. Nguyễn Thị Hiền (2022), "Nhận diện và vai trò của cộng đồng đối với di sản", *Tạp chí Dân tộc học*, số 1-2022, tr.73-83.
37. Nguyễn Chí Hiếu (chủ nhiệm) (2020), "Nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam" (Đề tài cấp quốc gia, mã số KX.01.50/16-20, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia KX.01/16-20), Hà Nội, 2020.

38. Nguyễn Vũ Hoàng, Hoàng Thị Vân, Nguyễn Thị Tươi (2024), "Quá trình di sản hóa cầu Long Biên - Nhìn từ góc độ nhân học", *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 569 (tháng 5-2024), tr.21-25.
39. Đoàn Minh Huấn (2024), "Tầm nhìn Đô thị di sản thiên niên kỷ", *Báo Ninh Bình*, ngày 9-02-2024.
40. Nguyễn Quốc Hùng (2006), "Bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH - thiên nhiên thế giới phục vụ phát triển ở nước ta", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1(14), tr.18-24.
41. Nguyễn Quốc Hùng (2022), "Góp bàn về mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH và phát triển ở nước ta hiện nay", in trong *Hướng tiếp cập giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH,* Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.54-88.
42. Nguyễn Thế Hùng (chủ nhiệm) (2013), *Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình phát triển KT - XH và hội nhập quốc tế,* Đề tài khoa học cấp bộ, Cục DSVH, Hà Nội.
43. Trần Đình Hượu (1996), "Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc", in trong *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 239- 249.
44. ICOMOS (Hội đồng Di tích và Di chỉ Quốc tế), (1964), *Hiến chương Charter: Hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích và di chỉ*.
45. ICOMOS (1987), *Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử*.
46. ICOMOS (1996), *Nguyên tắc lập hồ sơ di tích, cụm kiến trúc và di chỉ.*
47. ICOMOS (1999a), *Hiến chương Burra: Hiến chương của ICOMOS Australia về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hóa.*
48. ICOMOS (1999b), *Hiến chương quốc tế về du lịch văn hóa - Việc quản lý du lịch ở những nơi có di sản quan trọng.*
49. Đinh Gia Khánh (2008), *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long-Đông Đô-Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
50. Hoàng Đạo Kính (2002). "Bảo tồn di sản Việt Nam hóa vật thể của Hội An - quan niệm và công việc cụ thể", in trong *DSVH - bảo tồn và trùng tu*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
51. Tô Lâm (2025), "Thực hiện "Bộ tứ trụ cột" để tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước phát triển", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 18-5-2025
52. Phan Huy Lê (2014), "DSVH trong sự phát triển đặc trưng bền vững của Thủ đô Hà Nội", *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 10/2014, tr.3-10.

53. Phan Huy Lê (2018), *DSVH Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

54. Từ Thị Loan (2014), "Bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại tại Việt Nam", in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *10 năm thực hiện Công ước bảo vệ DSVH phi vật thể của UNESCO - Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

55. Từ Thị Loan (2023), "Một số khuynh hướng ứng xử trong quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH: Những vấn đề đặt ra", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương,* Nxb. Xây dựng, Hà Nội, tr.237-245.

56. Phạm Tuấn Long (2021), *Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng*, Luận án tiến sĩ Quản lý đô thị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

57. Đoàn Văn Luân (2021), "Lý thuyết và vai trò của các bên liên quan trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật,* số 479, tháng 11-2021, tr.37-40; 66.

58. Lê Hồng Lý (chủ biên), Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu (2010), *Giáo trình Quản lý DSVH với phát triển du lịch*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

59. Lê Hồng Lý, Đào Thế Đức, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Cầm (2012): *"Vai trò của môi trường thực hành văn hóa trong việc bảo tồn di sản: Bài học từ các dự án bảo tồn di sản cồng chiêng và nhã nhạc"*, in trong sách *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại (trường hợp Hội Gióng)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

60. Nguyễn Văn Mạnh (Chủ biên) (2011), *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

61. Nguyễn Đức Minh (2007), "Du lịch văn hóa Hội An". Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.

62. Hà Hữu Nga (2019), "Khái niệm giá trị trong kinh tế học di sản và vài gợi ý ứng dụng ở Nghệ An", Kỷ yếu Hội thảo *Bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An*, ngày 8-5-2019, tr.9-23.

63. Võ Duy Nghĩa (2022), *Tín ngưỡng của người Hoa ở khu phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam hiện nay,* Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

64. Hà Nguyễn (2010), *Di tích lịch sử văn hóa Hà Nội*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

65. Nguyễn Thị Thống Nhất (2016), *Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị DSVH thế giới vật thể*, Nxb. Đà Nẵng.

66. Oscar Salemink (2006), "Một vài suy nghĩ về những người thợ thủ công, nghệ sĩ và trí thức văn hóa trong điều kiện thị trường", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3(16)-2006, tr.52-55.

67. Phùng Hữu Phú (2010), "Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội trên nền tảng 1000 năm văn hiến, anh hùng", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10/2010, tr.3-9.

68. Nguyễn Vinh Phúc (2009), *1000 Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Trẻ**, TP. Hồ Chí Minh.**

69. Nguyễn Thị Thu Phương (Chủ biên) (2022), *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

70. Quốc hội (2001), *Luật Di sản văn hóa, Luật số: 28/2001/QH10*, ngày 29-6-2001.

71. Quốc hội (2009), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Luật số 32/2009/QH12*, ngày 18-6-2009.

72. Quốc hội (2024), *Luật Thủ đô, Luật số: 39/2024/QH15,* ngày 28-6-2024.

73. Quốc hội (2024), *Luật Di sản văn hóa, Luật số: 45/2024/QH15*, ngày 23-11-2024.

74. Quận ủy Hoàn Kiếm (2024), *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Hoàn Kiếm lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Tài liệu phục vụ tiếp đoàn khảo sát của thành phố Hà Nội tháng 10-2024), Hà Nội*.

75. Quận ủy Hoàn Kiếm (2024), *Báo cáo số 356-BC/QU, ngày 29-3-2024 về "Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" trên địa bàn quận Hoàn Kiếm", Hà Nội*.

76. Dương Văn Sáu (2019), "Những quan điểm tiếp cận mới trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH qua con đường du lịch ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 423 (9-2019) tr.49-52.

77. Dương Văn Sáu (2022), "Những quan điểm tiếp cận mới về DSVH qua góc nhìn của kinh tế du lịch ở Việt Nam hiện nay", in trong *Hướng tiếp cập giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH*, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.278-309.

78. Hà Văn Siêu (2018), "DSVH với phát triển du lịch", *Tạp chí Cộng sản*, số 910 (8-2018), tr. 68-71.

79. Lương Huyền Thanh (2022), "Quá trình phát triển quan điểm của UNESCO về di sản văn hóa và ý nghĩa tham chiếu đối với Việt Nam", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 503 (7-2022), tr.13-17.

80. Thành ủy Hà Nội (2022), *Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 22-02-2022, Về phát triển CNVH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

81. Lê Quang Thiêm (chủ biên) (2020), *Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

82. Nguyễn Thịnh (2012), *DSVH Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

83. Hồ Xuân Tịnh (2008), "Khai thác sản phẩm văn hóa trong du lịch Quảng Nam", tham luận tại Hội thảo *Quản lý DSVH thế giới và phát triển du lịch*, 20-25/03/2008, Hội An.

84. Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Quảng Nam (2013), *Phát huy giá trị DSVH đối với phát triển du lịch - Kinh nghiệm từ Hội An*, Kỷ yếu hội thảo, ngày 22-6-2013, Hội An.

85. Lưu Trần Tiêu, Nguyễn Hữu Toàn, Nguyễn Quốc Hùng (2014), *Con đường tiếp cận DSVH Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

86. Lưu Trần Tiêu (2022), "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DSVH", in trong *Hướng tiếp cập giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH,* Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.41-53.

87. Tống Trung Tín và Bùi Minh Trí (2010): *Thăng Long - Hà Nội, lịch sử nghìn năm từ lòng đất,* Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

88. Tỉnh ủy Quảng Nam (2023), *Đề án số 16-ĐA/TU ngày 04-7-2023 về Xây dựng và phát triển Hội An theo định hướng thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch đến năm 2030.*

89. Tỉnh ủy Quảng Nam (2023), *Nghị quyết số 31-NQ/TU, ngày 31-7-2023 về Xây dựng và phát triển Hội An theo định hướng thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch đến năm 2030.*

90. Nguyễn Đức Trọng (2023), *Quản lý di sản thế giới Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội gắn với phát triển du lịch,* Luận án tiến sĩ Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia.

91. Nguyễn Phú Trọng: *"Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", Tạp chí Cộng sản,* số 979, tháng 12-2021

92. Võ Quang Trọng (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.

93. Đỗ Văn Trụ (2023), "Phát huy hiệu quả KT - XH từ các giá trị DSVH một cách bền vững", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và sự phát triển KT - XH: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương,* Nxb. Xây dựng, Hà Nội, tr.89-101.

94. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2023), *Sơ đồ khoanh vùng bảo vệ và các quy định bảo tồn khu phố cổ, ngày 14-8-2023*.

95. Phạm Hồng Tung (2024), "Di sản văn hóa - một nguồn vốn đặc biệt cho phát triển bền vững"; in trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thúc đẩy động lực tăng trưởng mới góc nhìn từ thực tiễn phát triển kinh tế di sản của tỉnh Quảng Ninh,* Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương và Tỉnh ủy Quảng Ninh tổ chức ngày 21-4-2024, tr.38-47.

96. Nguyễn Phước Tương (2004), *Hội An - Di sản thế giới*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.

97. Đỗ Thị Ngọc Uyển (2020), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, sinh thái với phát triển du lịch ở Hội An,* Luận án tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

98. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025*, ngày 16-6-2025.

99. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025*, ngày 16-6-2025.

100. UBND thành phố Hà Nội (2013), *Quyết định 6398/QĐ-UBND, ngày 24-10-2013 ban hành Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc khu phố cổ Hà Nội*.

101. UBND thành phố Hà Nội (2021), *Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29-12-2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy*

giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 17-11-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

102. UBND thành phố Hà Nội (Sở Du lịch Hà Nội), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ* (các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024).
103. UBND quận Hoàn Kiếm, Hội DSVH Thăng Long, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hà Nội (2020), *Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản khu phố cổ Hà Nội trong tiến trình phát triển Thăng Long - Hà Nội,* Kỷ yếu hội thảo khoa học, ngày 8-10-2020, Hà Nội.
104. UBND quận Hoàn Kiếm (Ban Quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội) (2023), *Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình số 06-Ctr/TU của Thành ủy, Kế hoạch số 176/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội năm 2023, Chương trình số 05-CTr/QU của Quận ủy Hoàn Kiếm về "Phát triển văn hóa - xã hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; xây dựng người Hoàn Kiếm hiện đại, thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện" và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*.
105. UBND quận Hoàn Kiếm, *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT - XH* (các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024).
106. UBND thành phố Hội An, *Báo cáo tình hình KT - XH, quốc phòng - an ninh* (các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024).
107. UBND tỉnh Quảng Nam (2011), *Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DSVH thế giới đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012- 2025*, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý bảo tồn DSVH Hội An.
108. UBND tỉnh Quảng Nam (2020), *Quyết định số 351/QĐ-UBND, ngày 11-2-2020 về Phê duyệt Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030.*
109. UNESCO (1954), *Công ước bảo vệ tài sản văn hóa trong các trường hợp xung đột vũ trang, năm 1954, unesco.org*.
110. UNESCO (1972), *Công ước Bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới*, Cục DSVH, Bộ VHTTDL biên dịch, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam hiệu đính và in ấn.
111. UNESCO (1982), *Báo cáo cuối cùng* tại Hội nghị thế giới về các chính sách văn hóa, tổ chức tại Mexico từ ngày 26-7 đến 6-8-1982, *unesdoc.unesco.org*, Paris, 11-1982, tr.41.

112. UNESCO (2003), *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, ich.unesco.org*, 2003.
113. UNESCO (2005), *Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, unesco.org*, 2005.
114. Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Viện Bảo tồn di tích (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Ninh Bình (2024): *Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, du lịch*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Ninh Bình, ngày 25-10-2024.
115. Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam (2022), *Hướng tiếp cập giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
116. Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (Chủ biên), (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng.
117. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta hiện nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.101-102.

Tài liệu tiếng nước ngoài

118. Ashworth, Gregory J. (1997), "Elements of Planning and Managing Heritage Sites" (Các yếu tố quy hoạch và quản lý di sản), In W. Nuryanti (Ed.), *Tourism and Heritage Management* (Quản lý du lịch và di sản). Gadjah Mada University Press, pp.165-191.
119. Bortolotto, Chiara & Skounti, Ahmed (biên soạn) (2023), *Intangible Cultural Heritage and Sustainable Development: Inside a UNESCO Convention (Key Issues in Cultural Heritage)* (Di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững: Bên trong một Công ước của UNESCO (Những vấn đề chính trong di sản văn hóa), Nxb. Routledge.
120. Bourdieu, Pierre (1986), *"The forms of capital"* (Các hình thức của vốn), in J. G. Richardson (Ed.) Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education, Greenwood Press, New York, pp.241-258.
121. Cerisola, Silvia (2019), *Cultural Heritage, Creativity and Economic Development* (Di sản văn hóa, sáng tạo và phát triển kinh tế), Nxb. Edward Elgar Publishing.
122. Cochrane, J., & Tapper, R. (2006), "Tourism's contribution to World Heritage Site management" (Đóng góp của du lịch đối với việc quản lý điểm di sản thế giới), In trong A. Leask, & A. Fyall, *Managing World Heritage Sites* (trang 97-109), Butterworth-Heinemann, Oxford.

123. Doustaly, Cécile (biên soạn) (2020), *Heritage, Cities and Sustainable Development: Interdisciplinary Approaches and International Case Studies (Cultural Management and Cultural Policy Education Book 7*) (Di sản, Thành phố và Phát triển bền vững: Các phương pháp tiếp cận liên ngành và Nghiên cứu trường hợp quốc tế (Tuyển tập sách Quản lý văn hóa và Giáo dục chính sách văn hóa, quyển 7), Nxb. P.I.E-Peter Lang S.A., Éditions Scientifiques Internationales.
124. Fouad, Sara S. & Messallam, Omneya (2018), *Investigating the Role of Community in Heritage Conservation through the Ladder of Citizen Participation Approach: Case study, Port Said, Egypt* (Nghiên cứu điều tra về vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản thông qua phương pháp tiếp cận bậc thang sự tham gia của người dân, nghiên cứu trường hợp ở Ai Cập), t. 12, *International Journal of Architectural and Environmental Engineering*, số 11.
125. *ICOMOS (2022),* Guidance and Toolkit for Impact Assessments in a World Heritage Context (Hướng dẫn và Bộ công cụ đánh giá tác động trong bối cảnh Di sản thế giới), https://whc.unesco.org/en/guidance-toolkit-impact-assessments/
126. Jokilehto, J. (2005), "Definition of Cultural Heritage - Reference to Documents in History" (Định nghĩa về DSVH - Tham khảo các tài liệu trong lịch sử), *ICCROM Working Groups 'Heritage and Society*.
127. McKercher, B., & Du Cros, H. (2002), *Cultural Tourism - The Partnership Between Tourism and Cultural Heritage Management* (Du lịch văn hóa - Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý DSVH), The Haworth Hospitality Press, New York.
128. Mourato & Mazzanti (2002), *Economic Valuation of Culture Heritage: Evidence and Prospects* (Đánh giá kinh tế DSVH: Minh chứng và triển vọng), In *Assessing the Values of Cultural Heritage* (Đánh giá giá trị DSVH), The Getty Conservation Institute (Viện bảo tồn Getty), Los Angeles.
129. Nuryanti, W. (1996), "Heritage and Postmodern Tourism" (Di sản và du lịch hậu hiện đại), *Annals of Tourism Research*, 23(2).
130. Pederson, A. (2002), "Tourism impacts and Problems" (Tác động của du lịch và những vấn đề), In trong *Managing Tourism at World Heritage Sites: A Practical Manual for World Heritage Site Managers*, UNESCO World Heritage Centre, Paris, pp.29-36.
131. Pineschi, Laura (biên soạn) (2023), *Cultural Heritage, Sustainable Development and Human Rights (Routledge Studies in Cultural Heritage and International Law*) (Di

sản văn hóa, Phát triển bền vững và Nhân quyền (Nghiên cứu Routledge về Di sản văn hóa và Luật quốc tế), Nxb. Routledge.

132. Rypkema, Donovan (2005), *The Economics of Historic Preservation: A Community Leader's Guide* (Kinh tế học của bảo tồn lịch sử: Hướng dẫn cho lãnh đạo cộng đồng), Nxb. National Trust for Historic Preservation (Quỹ tín thác quốc gia cho bảo tồn lịch sử), Hoa Kỳ.
133. Rypkema, Donovan (2011), *Measurements and indicators of heritage as development* (Các đo lường và chỉ số di sản trong phát triển), Tài liệu của ICOMOS, Paris.
134. Salemink, Oscar (2016), *Heritagisation as a Global Process: Heritagisation as (Dis)connection* (*Di sản hóa như một quá trình toàn cầu: Di sản hóa như (ngắt) kết nối*), trong cuốn sách do P. Taylor chủ biên, *Australian National University Press, Canberra,* pp.315-320.
135. Salemink, Oscar (2021), *Anthropologies of Cultural Heritage* (*Nhân học về di sản văn hóa*), *The Sage HandBook of Cultural Anthropology (Cẩm nang về nhân học văn hóa),* pp.423-436.
136. Timothy, D. J., & Nyaupane, G. P. (2009), *Cultural Heritage and Tourism in the Developing World - A Regional Perspective* (Di sản du lịch và di sản ở các nước đang phát triển - Quan điểm vùng) (Bản sách điện tử Kindle), Routledge, London.
137. Throsby, David (2001), *Economics and culture (Kinh tế học và văn hóa),* Cambridge University Press.
138. Throsby, David (2007), The Value of Heritage (Giá trị của di sản), Kỷ yếu *Hội thảo chuyên đề kinh tế học di sản tại Đại học Quốc gia Australia* (Heritage Economics Workshop ANU), ngày 11-12 tháng 10 năm 2007.
139. Throsby, David (2010), *The economics of Cultural Policy (Nhân tố kinh tế trong chính sách văn hóa),* Cambridge University Press.
140. Throsby, David (2012), *Heritage Economics: A Conceptual Framework, The Economics of Uniqueness: Historic Cities and Cultural Heritage Assets as Public Goods* (Kinh tế học di sản: Khung khái niệm, Nền kinh tế của tính độc đáo: Các thành tố lịch sử và tài sản DSVH là hàng hóa công cộng), World Bank, Wasington, pp.76-106.
141. The National Committee for The International Symposium on The Ancient Town of Hoi An (2006), *Ancient Town of Hoian (Phố cổ Hội An),* The Gioi Publisher, Hanoi.

142. UNESCO (2000), *Hoi An Protocol for Best Conservation Practice in Asia* (Hiệp ước Hội An cho các thực hành bảo tồn tốt nhất ở châu Á), UNESCO Bangkok, http://unesdoc.unesco.org/images/0018/001826/182617e.pdf.
143. UNESCO (2004), *The Effects of Tourism on Culture and the Environment in Asia and Pacific - Tourism and Heritage Site Management in the World Heritage Town of Luang Prabang, Lao PDR* (Tác động của du lịch đối với văn hóa và môi trường ở châu Á và Thái Bình Dương - Du lịch và Quản lý điểm di sản ở Đô thị di sản thế giới Luang Prabang, Lào).
144. UNESCO Bangkok (2008), *IMPACT: Cultural Tourism and Heritage Management in the World Heritage Site of the Ancient Town of Hoi An Vietnam* (Du lịch văn hóa và quản lý di sản văn hóa ở Điểm di sản thế giới Phố cổ Hội An, Việt Nam, Bangkok.
145. UNESCO, *Culture 2030 Indicators* (Bộ chỉ số văn hóa 2030), https://whc.unesco.org/en/culture2030indicators/.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ HƯƠNG GIANG

MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)

PHỤ LỤC LUẬN ÁN

HÀ NỘI - 2026

MỤC LỤC PHỤ LỤC

TT	Tên phụ lục	Nguồn	Trang
1	**Phụ lục 1**: Bản đồ khu phố cổ Hà Nội và quận Hoàn Kiếm (cũ)	Internet	1
2	**Phụ lục 2**: Bản đồ khu phố cổ Hội An và thành phố Hội An (cũ)	Internet	3
3	**Phụ lục 3**: Danh sách phỏng vấn sâu	Tác giả luận án	6
4	**Phụ lục 4**: Câu hỏi phỏng vấn sâu	Tác giả luận án	8
5	**Phụ lục 5**: Một số biên bản phỏng vấn sâu	Tác giả luận án	10
6	**Phụ lục 6**: Mẫu phiếu điều tra xã hội học	Tác giả luận án	17
7	**Phụ lục 7**: Kết quả xử lý số liệu khảo sát	Tác giả luận án	24
8	**Phụ lục 8**: Bảng số liệu thống kê nguồn vốn đầu tư bảo tồn phố cổ Hà Nội giai đoạn 2020-2024	UBND quận Hoàn Kiếm (cũ)	45
9	**Phụ lục 9**: Bảng danh mục di tích quận Hoàn Kiếm (cũ) năm 2022	UBND quận Hoàn Kiếm (cũ)	46
10	**Phụ lục 10**: Bảng số liệu các DSVH ở thành phố Hội An (cũ) năm 2015	UBND thành phố Hội An (cũ)	59
11	**Phụ lục 11**: Một số hình ảnh về khu phố cổ Hà Nội	Tác giả luận án	63
12	**Phụ lục 12:** Một số hình ảnh về khu phố cổ Hội An	Tác giả luận án	81

PHỤ LỤC 1: BẢN ĐỒ KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VÀ BẢN ĐỒ QUẬN HOÀN KIẾM (CŨ) (TRƯỚC NGÀY 01-7-2025)

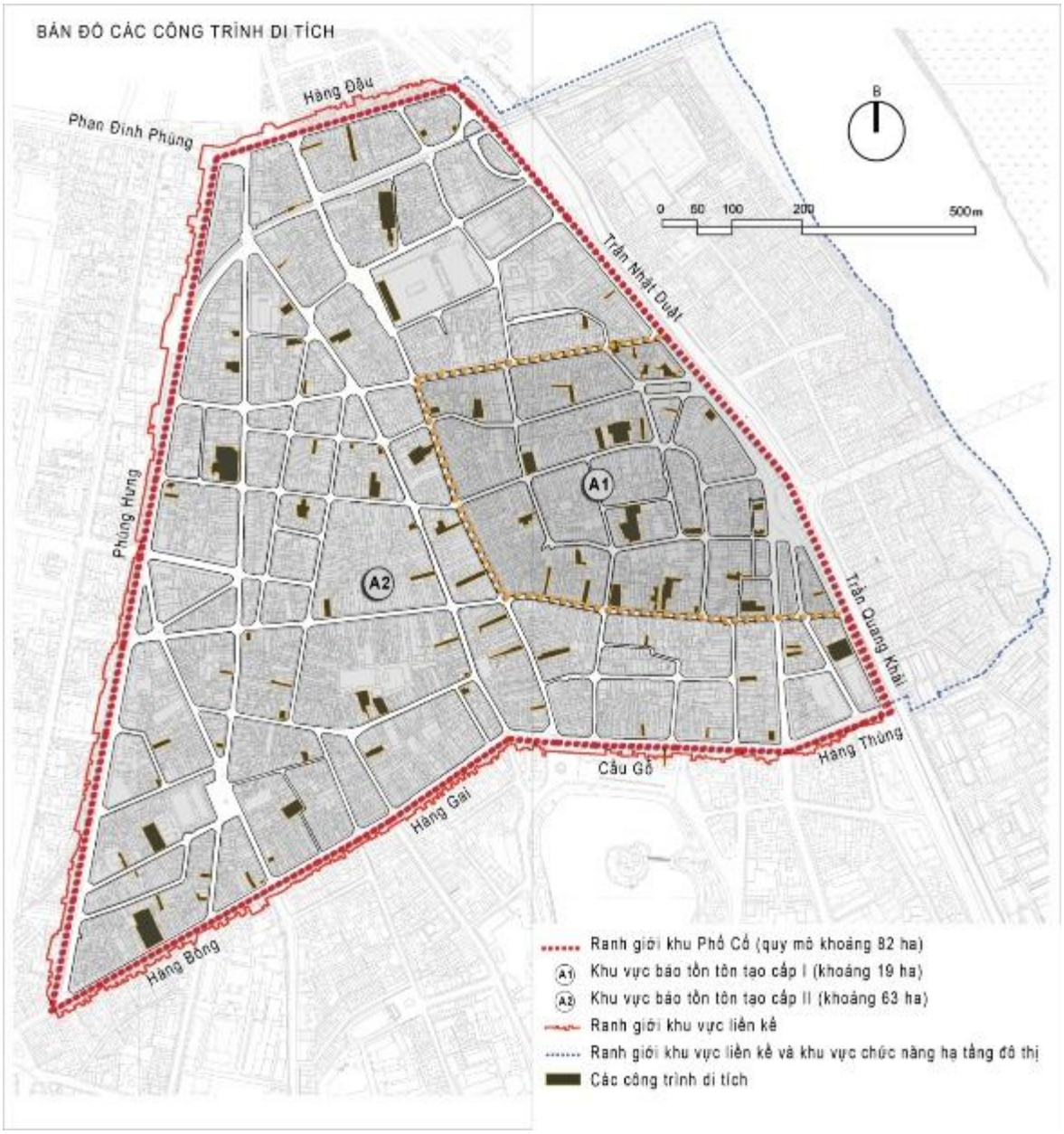

Bản đồ Khu bảo tồn cấp 1 (19ha) và Khu bảo tồn cấp 2 (63ha) khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: https://vienkientrucquocgia.gov.vn/11-10-2024-pho-co-ha-noi-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri/)

(Ranh giới khu phố cổ được xác định theo Quyết định 6398/QĐ-UBND, ngày 24-10-2013 của UBND thành phố Hà Nội, với phía Bắc giáp phố Hàng Đậu, phía Nam giáp phố Hàng Bông, Cầu Gỗ, phía Tây giáp phố Phùng Hưng và phía Đông giáp phố Trần Nhật Duật)

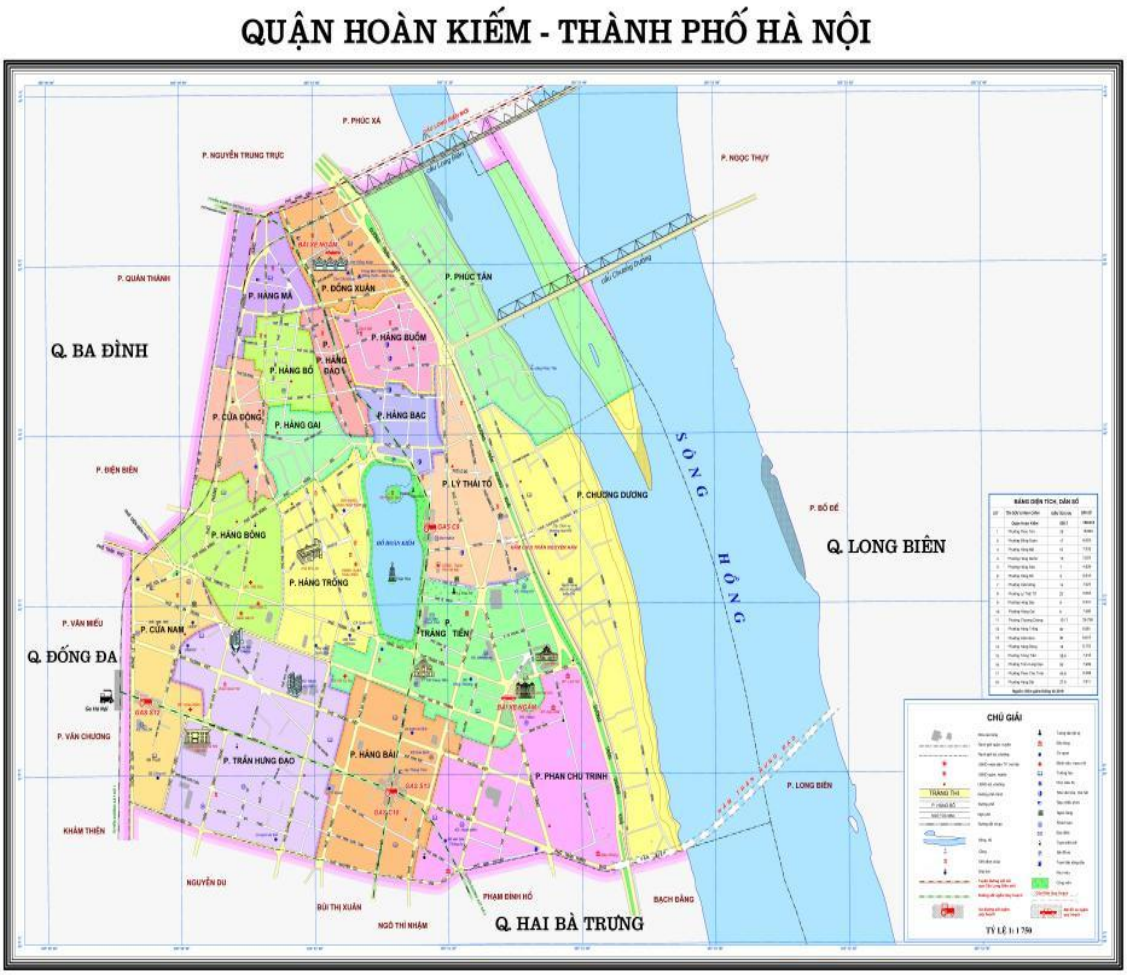

Bản đồ quận Hoàn Kiếm cũ (trước ngày 01-7-2025)

(Nguồn: https://inbandokholon.com/danh-muc/ban-do-thu-do-ha-noi/)

PHỤ LỤC 2: BẢN ĐỒ KHU PHỐ CỔ HỘI AN VÀ BẢN ĐỒ THÀNH PHỐ HỘI AN (CŨ) (TRƯỚC NGÀY 01-7-2025)

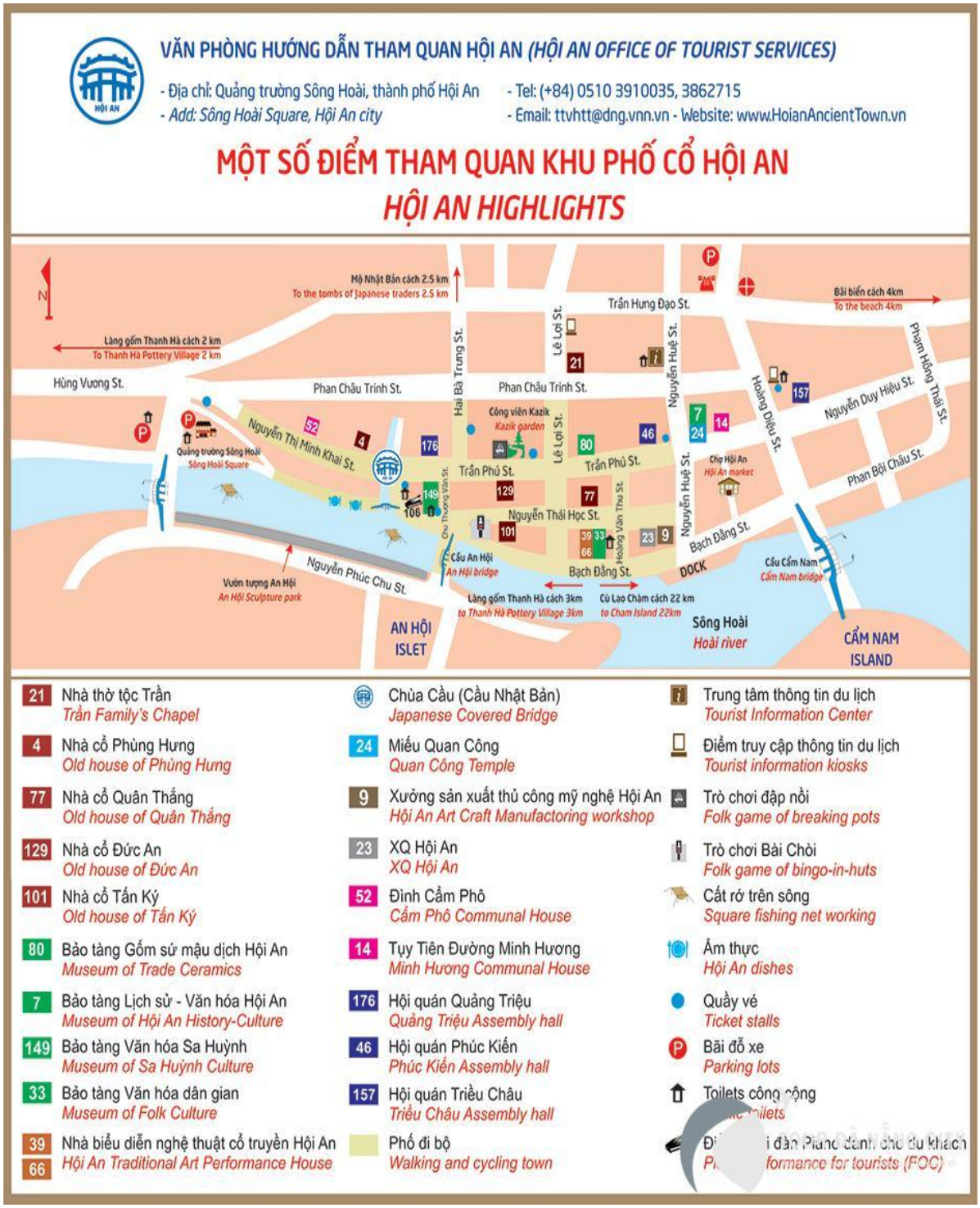

Bản đồ một số điểm tham quan khu phố cổ Hội An

(Nguồn: https://culaochamtourist.vn/ban-do-tham-quan-pho-co-hoi-an/)

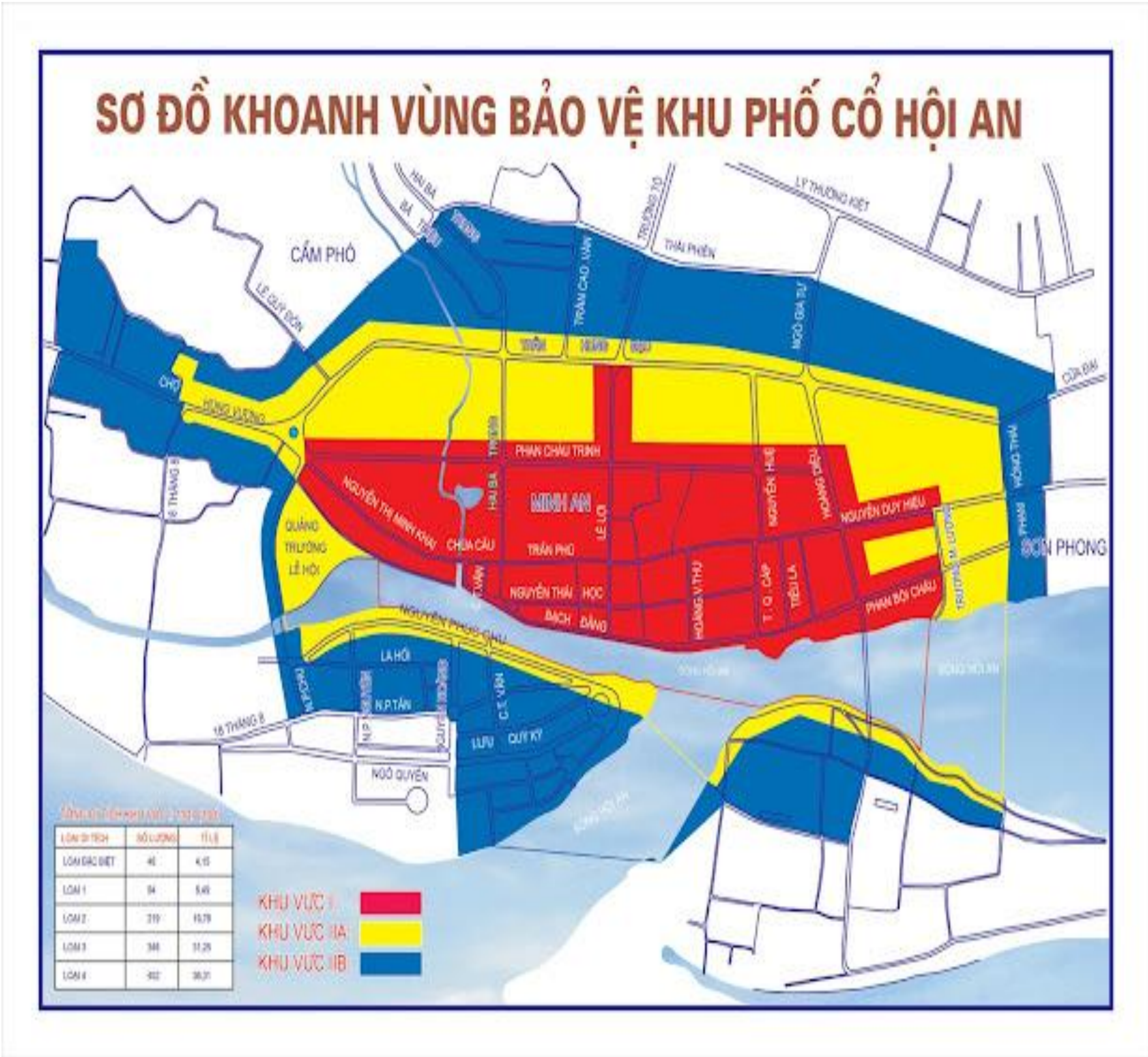

Sơ đồ khoanh vùng bảo vệ khu phố cổ Hội An

Nguồn: Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An (cũ) (trực thuộc thành phố Hội An trước ngày 01-7-2025)

Bản đồ hành chính thành phố Hội An cũ (trước ngày 01-7-2025)

(Nguồn: https://vi.m.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Administration_map_of_Hoian_City,_Quangnam_Province.jpg)

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH PHỎNG VẤN SÂU

(NCS thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu vào tháng 6 năm 2023 và tháng 6 năm 2024, các địa danh đã điều chỉnh theo địa giới hành chính mới sau ngày 01-7-2025)

Phụ lục 3A: Danh sách phỏng vấn sâu ở khu phố cổ Hà Nội

1. Nguyễn Mạnh L, nam, hưu trí, 75 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 12-6-2024 (mã: HK1)
2. Đinh Văn N, nam, viên chức, 28 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 12-6-2024 (mã: HK2)
3. Lê Đình H, nam, kinh doanh, 48 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 15-6-2024 (mã: HK3)
4. Đoàn Thế Đ, nam, khách du lịch, 26 tuổi, phỏng vấn ngày 15-6-2024 (mã: HK4)
5. Trần Thị X, nữ, lao động tự do, 51 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 15-6-2024 (mã: HK5)
6. Nguyễn Mai H, nữ, kinh doanh, 38 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 26-6-2024 (mã: HK6)
7. Nguyễn Xuân H, nữ, nội trợ, 36 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 26-6-2024 (mã: HK7)
8. Lâm Thị Thanh M, nữ, khách du lịch, 18 tuổi, phỏng vấn ngày 29-6-2024 (mã: HK8)
9. Nguyễn Văn T, nam, doanh nghiệp, 45 tuổi, phường Hoàn Kiếm, phỏng vấn ngày 29-6-2024 (mã: HK9)
10. Nguyễn Trọng C, nam, nhà nghiên cứu, 80 tuổi, Hà Nội, phỏng vấn ngày 30-6-2024 (mã: HK10)

Phụ lục 3B: Danh sách phỏng vấn sâu ở khu phố cổ Hội An

1. Trần Văn T, nam, khách du lịch, 25 tuổi, phỏng vấn ngày 15-6-2023 (mã: A1)
2. Nguyễn Văn K, nam, kinh doanh, 38 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 15-6-2023 (mã: A2)
3. Đỗ Đình N, nam, lao động tự do, 33 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 15-6-2023 (mã: A3)

4. Văn Thành T, nam, thợ thủ công, 48 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 16-6-2023 (mã: A4)

5. Nguyễn Thị H, nữ, khách du lịch, 29 tuổi, phỏng vấn ngày 16-6-2023 (mã: A5)

6. Đặng Xuân M, nữ, kinh doanh, 55 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 05-6-2024 (mã: A6)

7. Trần Thị Thanh H, nữ, học sinh, 12 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 05-6-2024, (mã: A7)

8. Phạm Kim L, nữ, nông dân, 50 tuổi, phường Hội An Tây, phỏng vấn ngày 06-6-2024 (mã: A8)

9. Lê Xuân V, nam, kinh doanh, 31 tuổi, phường Hội An, phỏng vấn ngày 06-6-2024 (mã: A9)

10. Trần Thọ Q, nam, nhà nghiên cứu, 45 tuổi, Đà Nẵng, phỏng vấn ngày 08-6-2024, (mã: A10)

PHỤ LỤC 4: CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

1. Ông/bà có biết địa phương mình sống có những di sản văn hóa nào không và những di sản văn hóa đó có vai trò gì trong cuộc sống của người dân và sự phát triển kinh tế của địa phương?
2. Theo ông/bà, hiện nay, các di sản văn hóa ở địa phương được bảo tồn và phát huy giá trị ra sao?
3. Theo ông/bà, di sản văn hóa có tạo ra sức hấp dẫn và là nguyên do căn bản để khách du lịch đến với địa phương không?
4. Việc phát huy giá trị các di sản văn hóa trong phát triển kinh tế có tác động như thế nào đến đời sống của người dân?
5. Ông/bà có tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương không? Ông/bà đánh giá như thế nào tham gia của cộng đồng trong các hoạt động đó?
6. Xin ông/bà cho biết cụ thể về những chính sách và biện pháp mà địa phương đã triển khai để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa?
7. Những khó khăn, thách thức trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa để phát triển kinh tế ở khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An là gì?
8. Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội tác động ra sao tới các di sản văn hóa ở địa phương nơi ông/bà sinh sống?
9. Ông/bà có thể chia sẻ quan điểm của mình về tác động của các hoạt động du lịch đến di sản văn hóa tại khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An?
10. Theo ông/bà, những hoạt động dân sinh tác động ra sao tới các di sản văn hóa của địa phương?
11. Ông/bà có thể chia sẻ về các sinh hoạt văn hóa ở khu phố mình đang sống không? Những hoạt động này có tác động thế nào đến các di sản văn hóa địa phương?
12. Theo ông/bà, những biện pháp nào là hiệu quả nhất để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng hiện nay ở khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An?
13. Theo ông/bà, làm thế nào để cân bằng giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội?
14. Theo ông/bà, mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương được thể hiện ra sao, là mối quan hệ thuận chiều hay nghịch chiều?

15. Theo ông/bà, hoạt động phát triển các ngành công nghiệp văn hóa (du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ…) trên cơ sở phát huy giá trị di sản văn hóa ở khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An đã đạt được kết quả gì, có gặp khó khăn, thách thức gì không?

16. Trong quá trình phát triển kinh tế di sản tại địa phương, doanh nghiệp của ông/bà gặp những thuận lợi, khó khăn gì?

17. Điều gì đã thu hút ông/bà đến thăm các di sản văn hóa ở khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An?

18. Ông/bà có thể chia sẻ cảm nhận của mình về các di sản văn hóa đã tham quan tại khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An?

19. Theo ông/bà, có điều gì cần cải thiện để nâng cao trải nghiệm du lịch văn hóa ở khu phố cổ Hà Nội/ khu phố cổ Hội An?

20. Ngoài du lịch, dịch vụ, thương mại, theo ông/bà, các ngành, nghề thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn có điều kiện phát triển tốt hơn trong thời gian tới ở khu phố cổ Hà Nội/khu phố cổ Hội An không? Và cần những giải pháp cụ thể nào?

PHỤ LỤC 5: MỘT SỐ BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU

I. Khu phố cổ Hà Nội

1. Biên bản 1:

Đối tượng: Người dân địa phương

Địa điểm: Khu phố cổ Hà Nội

Thời gian: ngày 12-6-2024

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Nguyễn Mạnh L, nam, 75 tuổi, phường Hoàn Kiếm (mã: HK1)

Nghề nghiệp: Hưu trí

Thời gian sinh sống tại khu vực: 45 năm

Nội dung phỏng vấn:

Câu hỏi 1: Ông/bà có biết địa phương mình sống có những di sản văn hóa nào không và những di sản văn hóa đó có vai trò gì trong cuộc sống của người dân và sự phát triển kinh tế của địa phương?

Trả lời: Hà Nội có rất nhiều di sản văn hóa, đặc biệt là khu phố cổ. Vào các dịp lễ tết hay khi có các sự kiện, hoạt động văn hóa do khu phố cổ Hà Nội tổ chức, tôi thường cùng con cháu tham gia, rồi đi thăm các di tích lịch sử, văn hóa, trải nghiệm nhiều hoạt động và gặp rất nhiều khách du lịch. Tôi thấy mọi người đều rất hào hứng và mong muốn tìm hiểu về văn hóa, con người Hà Nội. Qua mỗi dịp như vậy, bản thân tôi và mấy cháu nhỏ cũng thấy hiểu hơn và vô cùng tự hào về lịch sử, văn hóa của Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến, anh hùng và sáng tạo.

Câu hỏi 2: Ông/bà có thể chia sẻ quan điểm của mình về tác động của các hoạt động du lịch đến di sản văn hóa tại khu phố cổ Hà Nội?

Trả lời: Du lịch tại khu phố cổ Hà Nội ngày càng thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế, giúp tăng thu nhập cho người dân. Các hộ kinh doanh có thêm khách hàng, đặc biệt là khách quốc tế. Ngoài ra, nhiều người trẻ trong khu vực có cơ hội làm việc trong các ngành dịch vụ như hướng dẫn viên, làm việc tại nhà hàng hoặc khách sạn.

Câu hỏi 3: Theo ông/bà, người dân địa phương như ông/bà có gặp khó khăn nào do sự phát triển du lịch không?

Trả lời: Những năm gần đây, giá nhà và giá thuê mặt bằng tăng cao khiến nhiều gia đình gặp khó khăn trong sinh hoạt và tổ chức đời sống. Ngoài ra, khu vực phố

cổ Hà Nội thường đông đúc, đặc biệt vào cuối tuần, gây ùn tắc và tiếng ồn, gây ô nhiễm môi trường. Do vậy cần có biện pháp quản lý du lịch tốt hơn, bảo đảm vệ sinh môi trường, giảm ùn tắc giao thông và giữ gìn nét văn hóa truyền thống của khu phố cổ.

2. Biên bản 2:

Đối tượng: Khách du lịch

Địa điểm: Khu phố cổ Hà Nội

Thời gian: ngày 29-6-2024

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Lâm Thị Thanh M, nữ, 18 tuổi (mã: HK8)

Quốc tịch: Việt Nam

Thời gian lưu trú: 3 ngày

Nội dung phỏng vấn:

Câu hỏi 1: Điều gì đã thu hút bạn đến thăm các di sản văn hóa ở khu phố cổ Hà Nội? Bạn có thể chia sẻ cảm nhận của mình về các di sản văn hóa đã tham quan tại khu phố cổ Hà Nội không? Theo bạn, di sản văn hóa có tạo ra sức hấp dẫn và là nguyên do căn bản để bạn và các khách du lịch đến với nơi đây không?

Trả lời: Tôi mong đến khu phố cổ Hà Nội đã lâu vì nơi đây nổi tiếng với hệ thống di sản văn hóa đa dạng, phong phú, kiến trúc cổ, các con phố nhỏ và nhiều món ăn hấp dẫn. Đây là địa điểm giúp tôi hiểu hơn về Hà Nội 36 phố phường và văn hóa của mảnh đất kinh kỳ có lịch sử hàng nghìn năm.

Câu hỏi 2: Ấn tượng của bạn về khu vực này như thế nào?

Trả lời: Khu phố cổ Hà Nội có không khí sôi động, nhiều quán cà phê, nhà hàng và cửa hàng thủ công mỹ nghệ. Ngoài ra, các hoạt động văn hóa và kinh tế ban đêm cũng mang đến cho tôi và các bạn đồng hành nhiều trải nghiệm thú vị, nhất là các tour về di sản làng nghề, phố nghề.

Câu hỏi 3: Bạn có gặp khó khăn gì khi tham quan tại đây? Bạn có muốn quay lại khu phố cổ Hà Nội không?

Trả lời: Bên cạnh những ấn tượng tốt đẹp về đất và người Thủ đô qua trải nghiệm ở khu phố cổ Hà Nội, tôi thấy còn một số "điểm gợn" ảnh hưởng tới chất lượng chuyến tham quan này, như giao thông còn quá đông đúc, vỉa hè chật hẹp và đôi khi có tình trạng bán hàng với giá cao hơn cho khách du lịch. Dù vậy tôi vẫn muốn quay lại vì đây là nơi đây mang bản sắc văn hóa của Thăng Long Hà Nội nghìn

năm văn hiến và ngày càng có những tour, tuyến hấp dẫn với nhiều chương trình nghệ thuật biểu diễn đặc sắc không có ở địa phương khác.

3. Biên bản 3:

Đối tượng: Chủ cơ sở lưu trú

Địa điểm: Khu phố cổ Hà Nội

Thời gian: ngày 15-6-2024

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Lê Đình H, nam, 48 tuổi, phường Hoàn Kiếm (mã: HK3)

Nghề nghiệp: Chủ cơ sở lưu trú và kinh doanh

Thời gian kinh doanh: 19 năm

Nội dung phỏng vấn:

Câu hỏi 1: Vì sao anh/chị quyết định kinh doanh dịch vụ lưu trú tại khu phố cổ Hà Nội trong thời gian khá dài như vậy?

Trả lời: Nhà chúng tôi đã sinh sống ở phố cổ nhiều đời, cũng gần ngay ngôi nhà di sản ở số 87 phố Mã Mây. Tôi thấy khá đông khách du lịch, nhất là khách nước ngoài tới thăm và thích thú với những ngôi nhà cổ của Hà Nội. Cũng vì thế mà hàng quán xung quanh đây kinh doanh cũng tốt. Nếu không có gì để thu hút, hấp dẫn khách thì họ đã không đến đây nhiều như vậy và nhà tôi cũng như các hộ kinh doanh ở đây cũng không biết bán cho ai. Gần 20 năm nay, tôi kinh doanh dịch vụ lưu trú vì có nhiều khách du lịch quốc tế đến với phố cổ Hà Nội khiến nhu cầu lưu trú tăng cao. Đây là cơ hội tốt để phát triển dịch vụ này.

Câu hỏi 2: Trong quá trình phát triển kinh tế di sản tại địa phương, cơ sở lưu trú và doanh nghiệp của anh/chị gặp những thuận lợi, khó khăn gì? Hoạt động kinh doanh thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?

Trả lời: Trước đại dịch COVID-19, lượng khách du lịch tăng nhanh và gần đây có sự phục hồi mạnh mẽ sau dịch. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là giá cả ngày càng leo thang cùng sự xuống cấp của hạ tầng và sự cạnh tranh giữa các cơ sở lưu trú cũng ngày càng lớn khiến cho hoạt động kinh doanh của tôi cũng gặp một số thách thức.

Câu hỏi 3: Anh/chị có đề xuất gì cho việc phát triển bền vững du lịch gắn với di sản tại khu phố cổ Hà Nội?

Trả lời: Theo tôi, trước tiên cần có quy hoạch đô thị và chiến lược phát triển du lịch, nhất là du lịch di sản phù hợp với bối cảnh mới hiện nay; tăng cường việc

quản lý số lượng cơ sở lưu trú, đầu tư cải tạo hạ tầng và chú trọng bảo tồn kiến trúc truyền thống của khu phố Hà Nội gắn kết với việc cải thiện sinh kế cho người dân khu phố cổ.

II. Khu phố cổ Hội An

1. Biên bản 1:

Đối tượng: Người dân địa phương

Địa điểm: Khu phố cổ Hội An

Thời gian: ngày 05-6-2024

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Đặng Xuân M, nữ, kinh doanh, 55 tuổi, phường Hội An, (mã: A6)

Nghề nghiệp: Bán hàng lưu niệm

Thời gian sinh sống tại khu vực: 30 năm

Nội dung phỏng vấn

Câu hỏi 1: Ông/bà có biết địa phương mình sống có những di sản văn hóa nào không và những di sản văn hóa đó có vai trò gì trong cuộc sống của người dân và sự phát triển kinh tế của địa phương? Theo ông/bà, việc bảo tồn di sản tại khu phố cổ Hội An đã ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của người dân?

Trả lời: Ở quê tôi đi đâu cũng thấy các kiến trúc rất độc đáo. Rồi Hội An còn có nhiều lễ hội nữa, có nghệ thuật hô hái bài chòi, nhiều món ăn ngon… (cười). Tôi nghĩ những di sản văn hóa đó chính là điểm khác biệt để Hội An thu hút khách du lịch từ các vùng, miền cả nước và khách quốc tế. Nhờ đó mà người dân chúng tôi buôn bán, làm ăn cũng thuận lợi hơn, đời sống ngày càng được cải thiện.

Câu hỏi 2: Ông/bà có gặp khó khăn gì do sự phát triển du lịch dựa trên di sản không?

Trả lời: Có khó khăn là lượng khách du lịch đông vào mùa cao điểm khiến khu phố cổ trở nên quá tải. Ngoài ra, giá thuê nhà và chi phí sinh hoạt tại khu vực cũng tăng lên nên cũng ảnh hưởng đến đời sống của người dân lao động, trong đó có tôi, cùng bà con lối xóm….

Câu hỏi 3: Xin ông/bà cho biết cụ thể về những chính sách và biện pháp mà địa phương đã triển khai để bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa?

Trả lời: Chính quyền đã có những biện pháp để bảo tồn các giá trị kiến trúc của khu phố cổ và các sinh hoạt văn hóa truyền thống, đồng thời quản lý lượng khách

du lịch để bảo đảm môi trường sống cho người dân. Tôi mong muốn tương lai công tác quản lý sẽ được tăng cường hơn để đạt hiệu quả cao hơn, để Hội An xứng danh là Di sản văn hóa thế giới.

2. Biên bản 2:

Đối tượng: Khách du lịch

Địa điểm: Khu phố cổ Hội An

Thời gian: ngày 15-6-2023

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Trần Văn T, nam, 25 tuổi (mã: A1)

Quốc tịch: Việt Nam

Thời gian lưu trú: 2 ngày

Nội dung phỏng vấn:

Câu hỏi 1: Vì sao bạn quyết định đến tham quan khu phố cổ Hội An và bạn ấn tượng nhất điều gì ở nơi đây?

Trả lời: Khu phố cổ Hội An nổi tiếng với kiến trúc cổ kính, các ngôi nhà truyền thống và không gian đô thị di sản văn hóa đặc trưng. Đây là địa điểm mà tôi được nhiều bạn bè và các trang du lịch giới thiệu. Tôi rất ấn tượng với các ngôi nhà cổ, những chiếc đèn lồng nhiều màu sắc và các tour đêm phố cổ, đi thuyền trên sông Hoài và show diễn thực cảnh "Ký ức Hội An" mang đậm bản sắc văn hóa của một thương cảng quốc tế từ thế kỷ XVII.

Câu hỏi 2: Theo bạn, di sản tại đây có ảnh hưởng gì đến đời sống kinh tế của người dân?

Trả lời: Tôi thấy nhiều cửa hàng, nhà hàng và dịch vụ du lịch hoạt động trong khu phố cổ. Điều này cho thấy di sản đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân địa phương.

Câu hỏi 3: Bạn có gặp khó khăn gì khi tham quan khu phố cổ Hội An hay có điều gì bạn chưa hài lòng về nơi này không?

Trả lời: Tôi đã đến Hội An 6 lần với các cảm xúc về cơ bản là giống nhau, đều yêu quý mảnh đất này. Tuy nhiên tôi thấy hiện nay, khu phố cổ Hội An dường như đã thiếu vắng đi nét hoài cổ và yên tĩnh của ngày xưa, không mang lại nhiều cảm giác đầm ấm của những ngôi nhà gắn với những sinh hoạt thường ngày của người dân, mà có vẻ giống như một "khu mua sắm", "điểm tham quan" luôn tấp nập. Tôi mong Hội An sẽ những giải pháp kịp thời trong thời gian tới để bảo tồn, gìn giữ và

phát huy được bản sắc văn hóa của địa phương, để luôn là điểm sáng trên bản đồ điểm đến di sản của Việt Nam và thế giới.

3. Biên bản 3:

Đối tượng: Người dân địa phương

Địa điểm: Phường Hội An Tây

Thời gian: ngày 06-6-2024

Người phỏng vấn: NCS

Người được phỏng vấn: Phạm Kim L, nữ, 50 tuổi, phường Hội An Tây (mã: A8)

Nghề nghiệp: Nông dân

Thời gian sinh sống tại khu vực: 15 năm

Nội dung phỏng vấn:

Câu hỏi 1: Anh/chị gắn bó với Hội An đã bao lâu? Chị thấy hoạt động du lịch gắn kết với các làng nghề truyền thống có tác động thế nào tới đời sống của gia đình mình và người dân quanh đây?

Trả lời: Trước tôi có nhà trong khu phố cổ. Sau này khi du lịch phát triển, tôi bán nhà cho chủ hộ kinh doanh lưu trú và chuyển từ khu phố cổ về quê cha hơn 15 năm rồi. Khoảng hơn 10 năm trước, khi khách du lịch đến Hội An ngày càng nhiều, chính quyền địa phương khuyến khích người dân mở cửa vườn rau để khách tham quan và trải nghiệm làm nông dân. Gia đình tôi cũng bắt đầu tham gia từ thời điểm đó. Tôi cùng bà con làng xóm trồng rau theo kinh nghiệm mà ông bà tích lũy, truyền lại để vườn rau luôn xanh tươi, chống chịu sâu bệnh tốt và có hương vị đặc biệt không giống nơi khác. Du khách đến với phố cổ Hội An thường cũng hay ghé qua làng tôi để trải nghiệm việc làm đất, gieo hạt, trồng rau…; hoặc đạp xe tham quan, giải khát bằng nước từ hạt rau é, ăn các món ăn với rau húng, hẹ, é,… Cùng với làng tôi còn có các làng khác có nghề thủ công truyền thống cũng thu hút nhiều khách du lịch ghé qua trải nghiệm. Chúng tôi rất vui, nhờ đó, thu nhập chúng tôi ngày càng cải thiện (khoảng 70 triệu/năm).

Câu hỏi 2: Anh/chị gặp khó khăn gì khi tổ chức du lịch trải nghiệm?

Trả lời: Khó khăn lớn nhất là chúng tôi vốn là nông dân nên không quen làm du lịch; nhiều khi không biết cách hướng dẫn khách du lịch cho hấp dẫn hoặc giao tiếp với khách nước ngoài vì nhiều người trong làng không biết tiếng Anh. Khi khách hỏi nhiều về cách trồng rau hoặc cuộc sống ở đây thì chúng tôi phải nhờ hướng dẫn viên hoặc con cháu dịch giúp. Mùa rau bận rộn mà vẫn phải đón khách

nên đôi khi rất vất vả. Nông dân phải vừa chăm ruộng vừa giải thích cho khách cách làm. Ngoài ra, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được tốt nhu cầu khách du lịch vì một số gia đình còn thiếu nhà vệ sinh, chỗ nghỉ chân hoặc khu vực cho khách trải nghiệm. Muốn đầu tư thì cần vốn mà nông dân không phải ai cũng có.

Câu hỏi 3: Anh/chị mong muốn điều gì để phát triển du lịch gắn với các làng nghề truyền thống ở Hội An ngày càng tốt hơn?

Trả lời: Chúng tôi mong được chính quyền và các doanh nghiệp hỗ trợ thêm về đào tạo làm du lịch sinh thái, du lịch di sản, học ngoại ngữ; đồng thời hỗ trợ cải thiện cơ sở vật chất để vừa giữ nghề trồng rau truyền thống vừa phục vụ khách tốt hơn. Chúng tôi cũng mong có sự kết nối với các làng nghề khác của Hội An và được quảng bá rộng rãi hơn nữa để các làng nghề Hội An ngày càng được khách du lịch khắp miền đất nước và khách quốc tế biết đến.

PHỤ LỤC 6: MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
ĐỀ TÀI: MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
(Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)

BẢNG HỎI

Kính thưa ông/bà!

Di sản văn hóa là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, kết tinh các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Đây cũng chính là nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Để góp phần làm rõ mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa di sản văn hóa và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó đề xuất một số giải pháp để bảo đảm hài hòa mối quan hệ này, nhằm phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa trong đời sống hiện đại, bảo đảm lợi ích thiết thực, chính đáng của các bên liên quan, nhất là người dân, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài "***Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp khu phố cổ Hà Nội, thành phố Hà Nội và khu phố cổ Hội An, thành phố Đà Nẵng)"***. Để quá trình nghiên cứu đạt được mục tiêu đề ra, kính mong ông/bà bớt chút thời gian chia sẻ về quan điểm, sự đánh giá của mình về những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội tại một trong hai địa phương (khu phố cổ Hà Nội và khu phố cổ Hội An). Thông tin do ông/bà cung cấp hoàn toàn nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và bảo đảm tính khuyết danh.

THÔNG TIN CHUNG ***(khoanh tròn vào số chứa thông tin phù hợp)***

Câu 1a: Ông/bà cho biết một số thông tin về cá nhân?

Năm sinh/chủ hộ	**Giới tính**	**Học vấn**	**Tình trạng gia đình**	**Tôn giáo**
1.Là chủ hộ 2.Không chủ hộ	1.Nam 2.Nữ	1.Dưới tiểu học 2.Tiểu học 3.THCS 4.THPT 5.TC/Cao đẳng	1.Chưa kết hôn 2.Đã kết hôn 3.Sống cùng gia đình 4.Không sống	1.Theo tôn giáo 2.Không tôn giáo

		6.Đại học trở lên	cùng gia đình	

Câu 1b: (Tiếp)

Khu vực sinh sống	**Nghề nghiệp chính**		**Tự nhận xét về mức sống**
1.Khu phố cổ Hà Nội 2.Khu phố cổ Hội An	1.Thủ công 2.Nông dân 3.Công nhân 4.Công chức/viên chức 5.Công an/bộ đội 6.Buôn bán/dịch vụ	7.Học sinh/sinh viên 8.Cán bộ hưu trí 9.Thất nghiệp 10.Nội trợ 11.Khác	1.Giàu có 2.Khá giả 3.Trung bình 4.Nghèo 5.Khó trả lời

Câu 2. Xin ông/bà cho biết về số lao động của hộ gia đình?

1.Tổng số thành viên trong gia đình:

2.Số lao động của hộ gia đình: (Trong độ tuổi lao động)

3.Số nữ trong gia đình:

4.Số trẻ em trong gia đình:

5.Số người đang có việc làm:

Câu 3. Xin ông/bà cho biết về hoạt động kinh tế của ông/bà và gia đình hiện nay?

Nguồn thu nhập của ông/bà? (Có thể chọn nhiều phương án)	**Nguồn thu nhập chính của gia đình?** (Chỉ chọn 1 phương án)
1.Nghề thủ công 2.Trồng trọt 3.Chăn nuôi 4.Làm thuê 5.Hoạt động kinh doanh của gia đình 6. Lương (ghi rõ từ Nhà nước hay chủ doanh nghiệp) 7.Khác (ghi rõ)	1.Nghề thủ công 2.Trồng trọt 3.Chăn nuôi 4.Làm thuê 5.Hoạt động kinh doanh của gia đình 6.Lương 7.Khác (ghi rõ)
C. Thu nhập của cả hộ: …….. đ/tháng? (hoặc …..……. đ/năm)	
D. Thu nhập của cá nhân: …….. đ/tháng? (hoặc...…….. đ/năm)	
E. Thu nhập của người làm thuê:…… đ/tháng? (hoặc...…….. đ/năm)	

NỘI DUNG CHÍNH ***(đánh dấu X vào ô chứa thông tin phù hợp hoặc khoanh tròn vào số chứa thông tin phù hợp)***

Câu 4: Xin ông/bà đánh giá thực trạng của công tác bảo tồn những di sản văn hóa tại địa phương mình hiện nay?

Một số loại hình di sản văn hóa	**Mức độ**					
	Rất tốt	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu kém**	**Khó đánh giá**
1.Chùa						
2.Đình						
3.Đền, miếu						
4.Nhà thờ tổ nghề						
5.Nhà thờ họ						
6.Nhà cổ (để ở, có thể làm nơi kinh doanh)						
7.Di tích lịch sử - văn hóa						
8.Lễ hội						
9.Nghề thủ công truyền thống						
10.Các sinh hoạt văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán						

Câu 5: Xin ông/bà đánh giá thực trạng hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay? (cán bộ nhà nước và lực lượng vũ trang thì không trả lời câu này)

Nông nghiệp	**Tiểu thủ công nghiệp**	**Du lịch/dịch vụ**	**Hoạt động kinh tế khác**
1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn 5.Không có	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn 5.Không có	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn 5.Không có	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn 5.Không có

Câu 6: Xin ông/bà đánh giá thực trạng một số hoạt động dân sinh của hộ gia đình mình trong khu vực có di sản hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh	**Mức độ**					
	Rất tốt	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu kém**	**Khó đánh giá**
1.Hoạt động sinh hoạt thường ngày						
2.Các sinh hoạt văn hóa						
3.Các hoạt động khác						

Câu 7: Xin ông/bà đánh giá tầm quan trọng của di sản văn hóa với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế	**Mức độ quan trọng**					
	Rất quan trọng	**Quan trọng**	**Ít quan trọng**	**Không quan trọng lắm**	**Hoàn toàn không quan trọng**	**Đánh giá khác**
1.Hoạt động tiểu thủ công nghiệp						
2.Hoạt động nông nghiệp						
3.Hoạt động du lịch/dịch vụ						
4.Các hoạt động khác						

Câu 8: Từ thực tiễn trong cộng đồng, xin ông/bà đánh giá chung về mức độ tác động của di sản văn hóa đối với các hoạt kinh tế sau đây?

Nông nghiệp	**Tiểu thủ công nghiệp**	**Du lịch/dịch vụ**	**Hoạt động kinh tế khác**
1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn	1.Rất tốt 2.Khá tốt 3.Không được tốt 4.Rất khó khăn

Câu 9: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động kinh tế tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế	**Mức độ tác động**					
	Tích cực			**Tiêu cực**		
	Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
1.Hoạt động thủ công nghiệp						
2.Hoạt động nông nghiệp						
3.Hoạt động du lịch/dịch vụ						
4.Các hoạt động khác						

Câu 10: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động dân sinh tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh	**Mức độ tác động**					
	Tích cực			**Tiêu cực**		
	Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
1.Hoạt động sinh hoạt thường ngày						
2.Các sinh hoạt văn hóa						
3.Các hoạt động khác						

Câu 11: Theo ông/bà, có những khó khăn, thách thức hay rào cản nào trong quá trình bảo tồn di sản văn hóa gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

1. Tính chất "nhạy cảm, dễ bị tổn thương" của di sản văn hóa.

2. Công tác quy hoạch tổng thể về kết cấu hạ tầng, cảnh quan môi trường, dịch vụ cho các khu vực di sản văn hóa còn hạn chế.

3. Sự tăng trưởng kinh tế "nóng", phát triển du lịch ồ ạt thiếu kiểm soát, khai thác quá mức, thậm chí xâm hại di sản văn hóa.

4. Sự thiếu hiểu biết, thiếu tri thức khoa học, thiếu trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, người dân, doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

5. Sự phân chia lợi ích chưa thỏa đáng giữa người dân và doanh nghiệp trong khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa.

6. Chưa phân rõ trách nhiệm giữa chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa.

7. Sự vi phạm các quy định trong xây dựng, cải tạo nhà cửa trong khu vực di sản xuất phát từ những nhu cầu của cuộc sống (chỗ ở, sinh hoạt…) của một số hộ dân.

8. Nhiều yếu tố văn hóa mới xâm nhập gây tổn hại văn hóa truyền thống.

9. Một số di sản văn hóa được tiến hành tu bổ, tôn tạo thiếu khoa học, thiếu kiến thức lịch sử, văn hóa, địa lý… dẫn đến sự biến dạng, méo mó.

10. Một bộ phận không nhỏ người dân chưa nhận thấy vai trò chủ thể của mình đối với các di sản văn hóa nên việc bảo tồn di sản văn hóa chưa chủ động, chưa tự nguyện.

11. Công tác quản lý di sản còn bị buông lỏng, có sự chồng chéo.

12. Công tác khảo sát và quy hoạch di tích lịch sử, văn hóa của các cấp còn chậm.

13. Việc kết nối các tuyến du lịch chưa đồng bộ.

14. Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện giãn dân trong khu vực bảo tồn di sản còn khó khăn và nảy sinh nhiều bất cập trong quá trình triển khai.

Câu 12: Theo ông/bà, để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện những giải pháp nào sau đây *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về vị trí, vai trò của việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, về yêu cầu khách quan của việc bảo đảm hài hòa mối quan hệ này.

2. Phát huy mặt tích cực của mạng xã hội, các hoạt động giáo dục, triển lãm, bảo tàng, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa khác để nâng cao sự chủ động, tính trách nhiệm của chính quyền và nhân dân trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với phát huy giá trị các di sản văn hóa.

4. Tăng cường sự phối hợp đồng bộ, liên ngành trong việc xây dựng và điều chỉnh các quy hoạch phát triển bền vững vùng có di sản, gắn với các biện pháp phù hợp để bảo vệ và khai thác có hiệu quả di sản văn hóa tại địa phương.

5. Xây dựng chính sách về xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa, trong đó quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người đóng góp vốn trùng tu tôn tạo, quyền lợi và trách nhiệm của chính quyền địa phương quản lý di sản.

6. Xây dựng "Quỹ trùng thu tôn tạo di sản", trong đó quy định rõ nguồn thu từ du lịch đóng góp và các quy định về quản lý Quỹ một cách minh bạch, công khai, khoa học và hiệu quả.

7. Xây dựng ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa tại địa phương.

8. Đổi mới và nâng cao hoạt động đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân; tạo điều kiện cho nghệ nhân tham gia truyền dạy, quảng bá di sản trong cộng đồng.

9. Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân, khuyến khích cộng đồng địa phương chủ động cùng tham gia quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội.

10. Có chính sách hỗ trợ duy trì, phục hồi và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống trong quá trình chuyển đổi kinh tế từ nông nghiệp ngư nghiệp sang dịch vụ du lịch.

11. Thực hiện cơ chế phối hợp phù hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân trong chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm trong quá trình quản lý và khai thác di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

12. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào du lịch di sản; đồng thời xác định trách nhiệm của doanh nghiệp du lịch đối với việc bảo vệ, tôn tạo các di sản văn hóa.

13. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch của địa phương thông qua đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên/thuyết minh viên.

14. Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, bảo tồn bền vững các di sản văn hóa cũng như khai thác giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 13: Xin ông/bà cho biết, nếu cho ông/ bà có quyền lựa chọn thì ông/bà sẽ chọn tiếp tục sống ở vùng di sản hiện nay hay sẽ chuyển đến định cư ở một nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn? Vì sao? *(câu hỏi này chỉ dành cho các hộ dân đang sống ở khu vực di sản)*

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!

** Ghi chú: Tổng số phiếu phát ra 300 cho 3 đối tượng tại mỗi địa bàn nghiên cứu với các đối tượng là cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước, chủ doanh nghiệp, người dân (số phiếu ứng với từng đối tượng khảo sát tùy theo tỷ lệ cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước, chủ doanh nghiệp, người dân trên địa bàn khảo sát).*

PHỤ LỤC 7: KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	***Giới tính***		
	1. Nam	380	63,3
	2. Nữ	220	36,7
2	***Quan hệ gia đình***		
	1. Chủ hộ	474	79
	2. Không chủ hộ	126	21
3	*Khu vực*		
	1. Khu phố cổ Hà Nội	300	50
	2. Khu phố cổ Hội An	300	50
4	***Học vấn***		
	1. Dưới tiểu học	0	0
	2. Tiểu học	9	1,5
	3. THCS	21	3,5
	4. THPT	190	31,7
	5. TC/Cao đẳng	265	44,2
	6. Đại học trở lên	115	19,1
5	***Hôn nhân***		
	1. Chưa kết hôn	29	4,8
	2. Đã kết hôn	351	58,5
	3. Sống cùng gia đình	198	33
	4. Không sống cùng gia đình	22	36,7
6	***Nghề nghiệp chính***		
	1. Thủ công	105	17,5
	2. Nông dân	78	13
	3. Công nhân	61	10,2
	4. Công chức/viên chức	69	11,5
	5. Công an/bộ đội	3	0,5
	6. Buôn bán/dịch vụ	171	28,5

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	7. Học sinh/sinh viên	9	1,5
	8. Cán bộ hưu trí	21	3,5
	9. Thất nghiệp	27	4,5
	10. Nội trợ	56	9,3
7	***Mức sống***		
	1. Giàu có	101	16,8
	2. Khá giả	258	43
	3. Trung bình	232	38,7
	4. Nghèo	9	1,5
	5. Khó trả lời	0	0
8	***Nguồn thu nhập cá nhân***		
	1. Nghề thủ công	98	16,3
	2. Trồng trọt	81	13,5
	3. Chăn nuôi	19	3,2
	4. Hoạt động kinh doanh của gia đình	179	29,8
	5. Làm thuê	132	22
	6. Lương	71	11,8
	7. Thừa kế	20	3,3
	8. Trúng số	0	0
9	***Nguồn thu nhập chính của hộ gia đình***		
	1. Nghề thủ công	78	13
	2. Trồng trọt	76	12,7
	3. Chăn nuôi	16	2,7
	4. Hoạt động kinh doanh của gia đình	218	36,3
	5. Làm thuê	135	22,5
	6. Lương	77	12,8
	7. Thừa kế	0	0
	8. Trúng số	0	0
	Tổng	600	100

II. KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT TẠI KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

Câu 4: Xin ông/bà đánh giá thực trạng của công tác bảo tồn những di sản văn hóa tại địa phương mình hiện nay?

Một số loại hình di sản văn hóa	**Mức độ**											
	Rất tốt		**Tốt**		**Khá**		**Trung bình**		**Yếu kém**		**Khó đánh giá**	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1.Chùa	84	28	156	52	48	16	6	2	0	0	6	2
2.Đình	75	25	181	60,33	39	13	2	0,67	1	0,3	2	0,7
3.Đền, miếu	55	18,3	173	57,7	41	13,7	29	9,7	1	0,3	1	0,3
4.Nhà thờ tổ nghề	41	13,7	136	45,33	58	19,33	52	17,33	3	1	10	3,31
5.Nhà thờ họ	12	4	97	32,3	87	29	59	19,7	2	0,7	43	14,3
6.Nhà cổ (để ở, có thể làm nơi kinh doanh)	11	3,7	87	29	102	34	68	22,7	18	6	14	4,6
7.Di tích lịch sử - văn hóa	79	26,3	109	36,3	76	25,3	25	8,4	6	2	5	1,7
8.Lễ hội	61	20,3	146	48,7	81	27	6	2	0	0	6	2
9.Nghề thủ công truyền thống	24	8	82	27	103	34	78	26	9	3	7	2
10.Các sinh hoạt văn hóa	57	19	182	60,7	39	13	9	3	3	1	10	3,3

truyền thống, phong tục, tập quán												

Câu 5: Xin ông/bà đánh giá thực trạng hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay? (cán bộ nhà nước và lực lượng vũ trang thì không trả lời câu này)

Mức độ	**Nông nghiệp**	**Tiểu thủ công nghiệp** (tổng 11 phiếu)		**Du lịch/dịch vụ** (tổng 95 phiếu)		**Hoạt động kinh tế khác** (tổng 59 phiếu)	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất tốt	không	0	0	19	20	2	3,5
Khá tốt	không	4	36,4	57	60	41	69,5
Không được tốt	không	6	54,5	17	17,9	14	23,7
Rất khó khăn	không	1	9,1	2	2,1	2	3,3
Không có	X	0	0	0	0	0	0

Câu 6: Xin ông/bà đánh giá thực trạng một số hoạt động dân sinh của hộ gia đình mình trong khu vực có di sản hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh	**Mức độ**											
	Rất tốt		**Tốt**		**Khá**		**Trung bình**		**Yếu kém**		**Khó đánh giá**	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Hoạt	2	0,7	85	28,3	121	40,3	62	20,7	27	9	3	1

động sinh hoạt thường ngày												
Các sinh hoạt văn hóa	58	19,3	152	50,7	60	20	25	8,3	2	0,7	3	1
Các hoạt động khác	21	7	162	54	57	19	31	10,3	8	2,7	21	7

Câu 7: Xin ông/bà đánh giá tầm quan trọng của di sản văn hóa với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế		**Mức độ quan trọng**					
		Rất quan trọng	**Quan trọng**	**Ít quan trọng**	**Không quan trọng lắm**	**Hoàn toàn không quan trọng**	**Đánh giá khác**
Hoạt động tiểu thủ công nghiệp	Số lượng	3	82	76	136	3	0
	Tỷ lệ (%)	1	27,3	25,3	44,4	1	0
Hoạt động du lịch/dịch vụ	Số lượng	198	77	19	3	0	3
	Tỷ lệ (%)	66	25,7	6,3	1	0	1
Các hoạt động khác	Số lượng	50	48	79	81	15	27
	Tỷ lệ (%)	16,7	16	26,3	27	5	9

Câu 8: Từ thực tiễn trong cộng đồng, xin ông/bà đánh giá chung về mức độ tác động của di sản văn hóa đối với các hoạt kinh tế sau đây?

Mức độ	**Tiểu thủ công nghiệp**		**Du lịch/dịch vụ**		**Hoạt động kinh tế khác**	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất tốt	26	8,7	195	65	38	12,7
Khá tốt	179	59,7	79	26,6	124	41,3
Không được tốt	35	11,7	16	5,2	76	25,3
Rất khó khăn	28	9,3	8	2,6	51	17
Không có	32	10,6	2	0,6	11	3,7

Câu 9: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động kinh tế tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế		**Mức độ tác động**					
		Tích cực			**Tiêu cực**		
		Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
Hoạt động thủ công nghiệp	Số lượng	58	169	73	12	196	92
	Tỷ lệ (%)	19,3	56,3	24,4	4	65,3	30,7
Hoạt động du lịch/dịch vụ	Số lượng	233	58	9	79	183	38
	Tỷ lệ (%)	77,7	19,3	3	26,3	61	12,7
Các hoạt động khác	Số lượng	56	192	52	48	125	127
	Tỷ lệ (%)	18,7	64	17,3	16	41,7	42,3

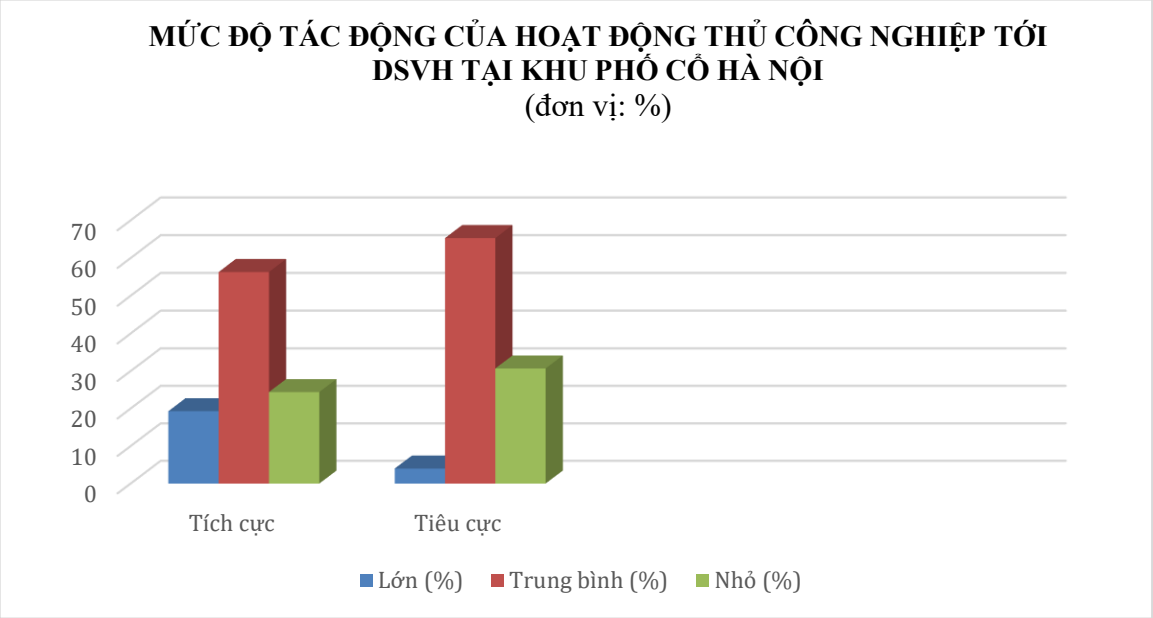

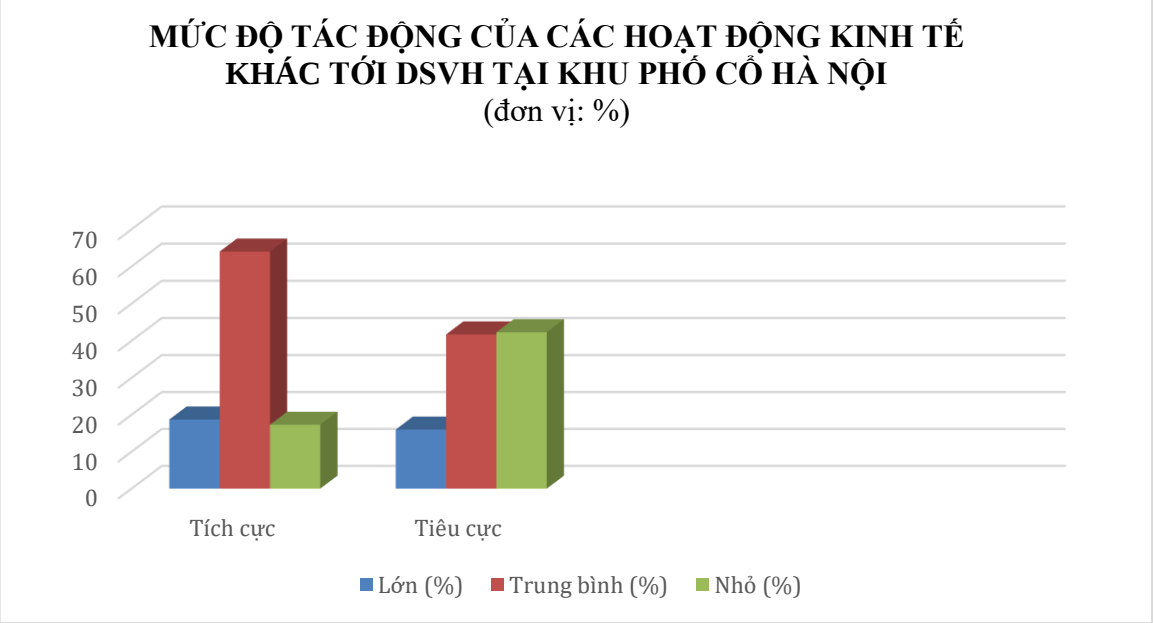

Câu 10: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động dân sinh tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh	**Mức độ tác động**						
		Tích cực			**Tiêu cực**		
		Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
Hoạt động sinh hoạt thường ngày	Số lượng	15	99	186	192	96	12
	Tỷ lệ (%)	5	33	62	64	32	4
Các sinh hoạt văn hóa	Số lượng	125	116	59	57	137	106
	Tỷ lệ (%)	41,7	38,7	19,6	19	45,7	35,3

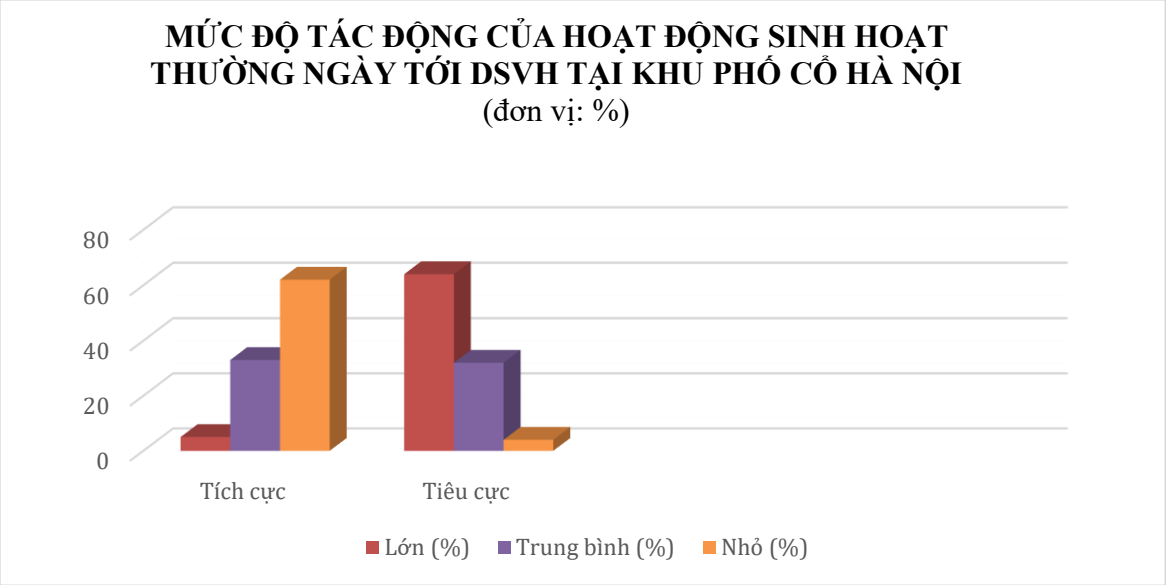

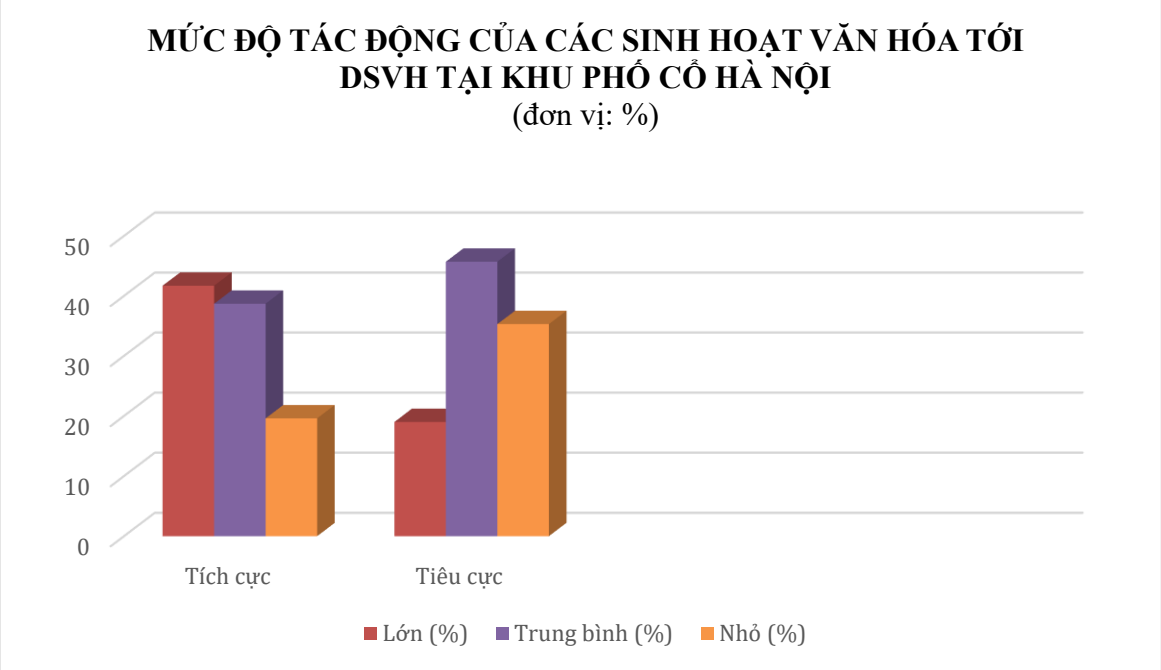

Câu 11: Theo ông/bà, có những khó khăn, thách thức hay rào cản nào trong quá trình bảo tồn di sản văn hóa gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%) (tính theo tổng số phiếu nhận về)
1	Tính chất "nhạy cảm, dễ bị tổn thương" của di sản văn hóa	30	10
2	Công tác quy hoạch tổng thể về kết cấu hạ tầng, cảnh quan môi trường, dịch vụ cho các khu vực di sản văn hóa còn hạn chế	43	14,3

3	Sự tăng trưởng kinh tế "nóng", phát triển du lịch ồ ạt thiếu kiểm soát, khai thác quá mức, thậm chí xâm hại di sản văn hóa	43	14,3
4	Sự thiếu hiểu biết, thiếu tri thức khoa học, thiếu trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, người dân, doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	47	15,7
5	Sự phân chia lợi ích chưa thỏa đáng giữa người dân và doanh nghiệp trong khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa	25	8,3
6	Chưa phân rõ trách nhiệm giữa chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa	36	12
7	Sự vi phạm các quy định trong xây dựng, cải tạo nhà cửa trong khu vực di sản xuất phát từ những nhu cầu của cuộc sống (chỗ ở, sinh hoạt…) của một số hộ dân	26	8,7
8	Nhiều yếu tố văn hóa mới xâm nhập gây tổn hại văn hóa truyền thống	35	11,7
9	Một số di sản văn hóa được tiến hành tu bổ, tôn tạo thiếu khoa học, thiếu kiến thức lịch sử, văn hóa, địa lý… dẫn đến sự biến dạng, méo mó	25	8,3
10	Một bộ phận không nhỏ người dân chưa nhận thấy vai trò chủ thể của mình đối với các di sản văn hóa nên việc bảo tồn di sản văn hóa chưa chủ động, chưa tự nguyện	40	13,3
11	Công tác quản lý di sản còn bị buông lỏng, có sự chồng chéo	31	10,4
12	Công tác khảo sát và quy hoạch di tích lịch sử, văn hóa của các cấp còn chậm	15	5
13	Việc kết nối các tuyến du lịch chưa đồng bộ	21	7
14	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực	37	12,3

	hiện giãn dân trong khu vực bảo tồn di sản còn khó khăn và nảy sinh nhiều bất cập trong quá trình triển khai		

Câu 12: Theo ông/bà, để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện những giải pháp nào sau đây *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về vị trí, vai trò của việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, về yêu cầu khách quan của việc bảo đảm hài hòa mối quan hệ này	59	19,7
2	Phát huy mặt tích cực của mạng xã hội, các hoạt động giáo dục, triển lãm, bảo tàng, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa khác để nâng cao sự chủ động, tính trách nhiệm của chính quyền và nhân dân trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	55	18,3
3	Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với phát huy giá trị các di sản văn hóa	45	15
4	Tăng cường sự phối hợp đồng bộ, liên ngành trong việc xây dựng và điều chỉnh các quy hoạch phát triển bền vững vùng có di sản, gắn với các biện pháp phù hợp để bảo vệ và khai thác có hiệu quả di sản văn hóa tại địa phương	53	17,7
5	Xây dựng chính sách về xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa, trong đó quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người đóng góp vốn trùng tu tôn tạo, quyền lợi và trách nhiệm của chính quyền địa phương quản lý di sản	55	18,3
6	Xây dựng "Quỹ trùng thu tôn tạo di sản", trong đó	37	12,3

	quy định rõ nguồn thu từ du lịch đóng góp và các quy định về quản lý Quỹ một cách minh bạch, công khai, khoa học và hiệu quả		
7	Xây dựng ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) tại địa phương	27	9
8	Đổi mới và nâng cao hoạt động đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân; tạo điều kiện cho nghệ nhân tham gia truyền dạy, quảng bá di sản trong cộng đồng ở các địa phương	29	9,7
9	Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân, khuyến khích cộng đồng địa phương chủ động cùng tham gia quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội	47	15,7
10	Có chính sách hỗ trợ duy trì, phục hồi và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống trong quá trình chuyển đổi kinh tế từ nông nghiệp ngư nghiệp sang dịch vụ du lịch	44	14,7
11	Thực hiện cơ chế phối hợp phù hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân trong chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm trong quá trình quản lý và khai thác di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội	43	14,3
12	Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào du lịch di sản; đồng thời xác định trách nhiệm của doanh nghiệp du lịch đối với việc bảo vệ, tôn tạo các di sản văn hóa	36	12
13	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch của địa phương thông qua đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên/thuyết minh viên	39	13
14	Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, bảo tồn bền vững các di sản văn hóa cũng như khai thác giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	51	17

Câu 13: Xin ông/bà cho biết, nếu cho ông/ bà có quyền lựa chọn thì ông/bà sẽ chọn tiếp tục sống ở vùng di sản hiện nay hay sẽ chuyển đến định cư ở một nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn? Vì sao? *(câu hỏi này chỉ dành cho các hộ dân đang sống ở khu vực di sản)*

Kết quả:

+ Chọn sống ở khu phố cổ Hà Nội: 206 phiếu /240 phiếu thu về (86%)

+ Chọn sống ở nơi mới: 34 phiếu /240 phiếu thu về (14%)

III. KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT TẠI KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Câu 4: Xin ông/bà đánh giá thực trạng của công tác bảo tồn những di sản văn hóa tại địa phương mình hiện nay?

Một số loại hình di sản văn hóa	**Mức độ**											
	Rất tốt		**Tốt**		**Khá**		**Trung bình**		**Yếu kém**		**Khó đánh giá**	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.Chùa	74	24,7	166	55,3	42	14	12	4	2	0,7	4	1,3
2.Đình	48	16	154	51,3	65	21,7	18	6	3	1	12	4
3.Đền, miếu	53	17,7	148	49,3	62	20,7	27	9	4	1,3	6	2
4.Nhà thờ tổ nghề	47	15,7	178	59,3	36	12	24	8	5	1,7	10	3,3
5.Nhà thờ họ	60	20	156	52	38	12,7	28	9,3	2	0,7	16	5,3
6.Nhà cổ (để ở, có thể làm nơi kinh doanh)	50	16,7	169	56,3	48	16	18	6	3	1	12	4
7.Di tích lịch sử - văn hóa	89	29,6	152	50,7	47	15,7	9	3	0	0	3	1
8.Lễ hội	109	36,3	136	45,3	42	14	11	3,7	0	0	2	0,7
9.Nghề	80	26,7	214	71,3	3	1	3	1	0	0	0	0

thủ công truyền thống												
10.Các sinh hoạt văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán	70	23,3	163	54,3	45	15	15	5	2	0,7	5	1,7

Câu 5: Xin ông/bà đánh giá thực trạng hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay? (cán bộ nhà nước và lực lượng vũ trang thì không trả lời câu này)

Mức độ	**Nông nghiệp** (tổng 78 phiếu)		**Tiểu thủ công nghiệp** (tổng 94 phiếu)		**Du lịch/dịch vụ** (tổng 76 phiếu)		**Hoạt động kinh tế khác** (tổng 47 phiếu)	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Rất tốt	0	0	2	2,1	6	7,9	2	4,3
Khá tốt	48	61,5	55	58,5	61	80,3	25	53,1
Không được tốt	27	34,6	34	36,2	8	10,5	18	38,3
Rất khó khăn	3	3,9	3	3,2	1	1,3	2	4,3
Không có	0	0	0	0	0	0	0	0

Câu 6: Xin ông/bà đánh giá thực trạng một số hoạt động dân sinh của hộ gia đình mình trong khu vực có di sản hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh	**Mức độ**						
		Rất tốt	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu kém**	**Khó đánh giá**
Hoạt động sinh hoạt thường ngày	Số lượng	74	169	47	10	0	0
	Tỷ lệ (%)	24,7	56,3	15,7	3,3	0	0
Các sinh hoạt văn hóa	Số lượng	59	151	62	26	2	0
	Tỷ lệ (%)	19,7	50,3	20,7	8,6	0,7	0
Các hoạt động khác	Số lượng	47	154	68	28	2	1
	Tỷ lệ (%)	15,7	51,3	22,7	9,3	0,7	0,3

Câu 7: Xin ông/bà đánh giá tầm quan trọng của di sản văn hóa với một số hoạt động kinh tế của hộ gia đình/doanh nghiệp mình hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế	**Mức độ quan trọng**						
		Rất quan trọng	**Quan trọng**	**Ít quan trọng**	**Không quan trọng lắm**	**Hoàn toàn không quan trọng**	**Đánh giá khác**
Hoạt động tiểu thủ công nghiệp	Số lượng	63	127	56	32	8	14
	Tỷ lệ	21	42,3	18,7	10,7	2,7	4,6
Hoạt động nông nghiệp	Số lượng	27	82	116	42	16	17
	Tỷ lệ	9	27,3	38,7	14	5,3	5,7
Hoạt động du lịch/dịch vụ	Số lượng	210	89	1	0	0	0
	Tỷ lệ	70	29,7	0,3	0	0	0
Các hoạt động khác	Số lượng	52	46	89	82	15	16
	Tỷ lệ	17,3	15,4	29,7	27,3	5	5,3

Câu 8: Từ thực tiễn trong cộng đồng, xin ông/bà đánh giá chung về mức độ tác động của di sản văn hóa đối với các hoạt kinh tế sau đây?

Mức độ	**Nông nghiệp**		**Tiểu thủ công nghiệp**		**Du lịch/dịch vụ**		**Hoạt động kinh tế khác**	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất tốt	35	11,7	85	28,3	193	64,3	156	52
Khá tốt	154	51,3	189	63	86	28,7	82	27,3
Không được tốt	82	27,3	16	5,3	15	5	26	8,7
Rất khó khăn	12	4	8	2,7	6	2	28	9,3
Không có	17	5,7	2	0,7	0	0	8	2,7

Câu 9: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động kinh tế tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động kinh tế	**Mức độ tác động**						
		Tích cực			**Tiêu cực**		
		Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
Hoạt động thủ công nghiệp	Số lượng	139	118	43	29	145	126
	Tỷ lệ (%)	46,3	39,4	14,3	9,7	48,3	8,7
Hoạt động nông nghiệp	Số lượng	56	198	46	34	102	164
	Tỷ lệ (%)	18,6	65,3	15,3	11,3	34	54,7
Hoạt động du lịch/dịch vụ	Số lượng	209	80	11	76	132	92
	Tỷ lệ (%)	69,7	26,7	3,6	15,3	41	12
Các hoạt động khác	Số lượng	58	191	51	38	114	48
	Tỷ lệ (%)	19,3	63,7	17	12,7	38	16

MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG THỦ CÔNG NGHIỆP TỚI DSVH TẠI KHU PHỐ CỔ HỘI AN
(đơn vị: %)

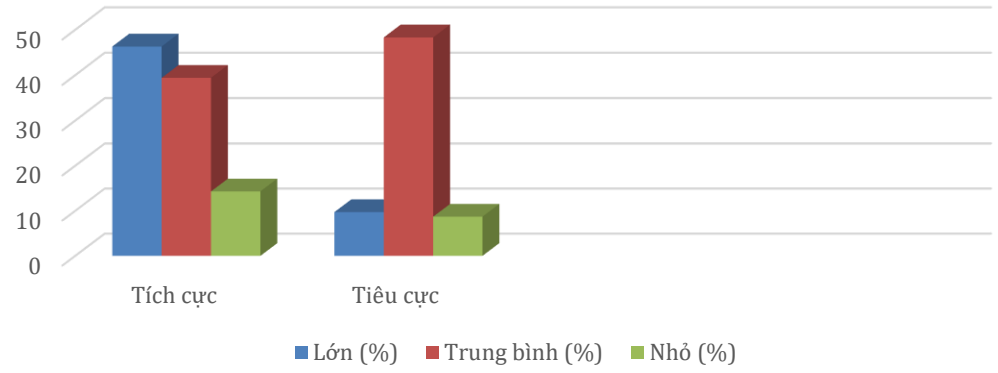

MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP TỚI DSVH TẠI KHU PHỐ CỔ HỘI AN
(đơn vị: %)

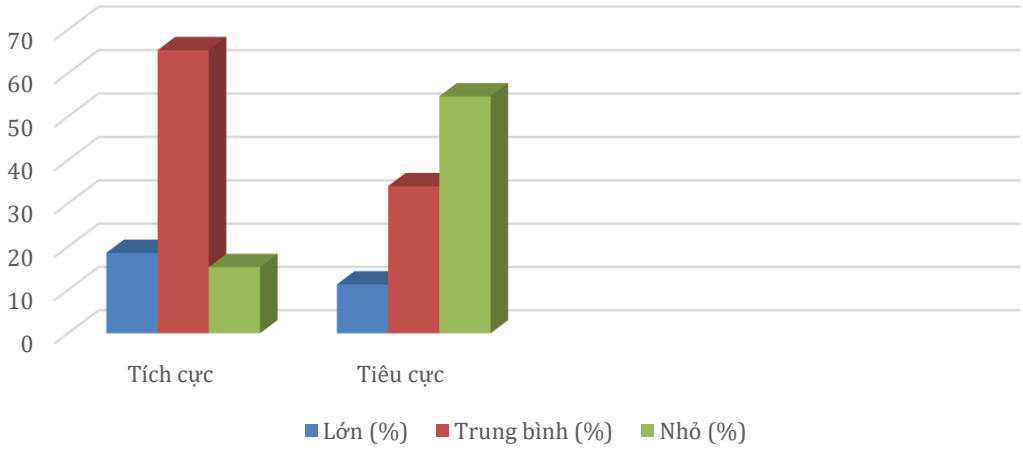

MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC TỚI DSVH TẠI KHU PHỐ CỔ HỘI AN
(đơn vị: %)

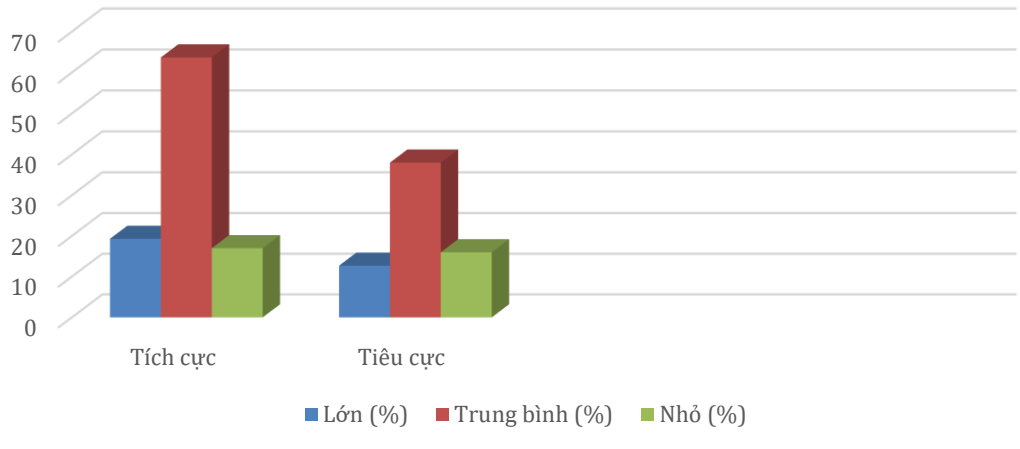

Câu 10: Xin ông/bà đánh giá mức độ tác động của một số hoạt động dân sinh tới di sản văn hóa tại địa phương hiện nay?

Một số hoạt động dân sinh		**Mức độ tác động**					
		Tích cực			**Tiêu cực**		
		Lớn	**Trung bình**	**Nhỏ**	**Lớn**	**Trung bình**	**Nhỏ**
Hoạt động sinh hoạt thường ngày	Số lượng	31	83	186	107	95	98
	Tỷ lệ (%)	10,3	27,7	62	35,7	31.7	32.6
Các sinh hoạt văn hóa	Số lượng	142	89	69	11	52	237
	Tỷ lệ (%)	47,3	29,7	23	3,7	17,3	79

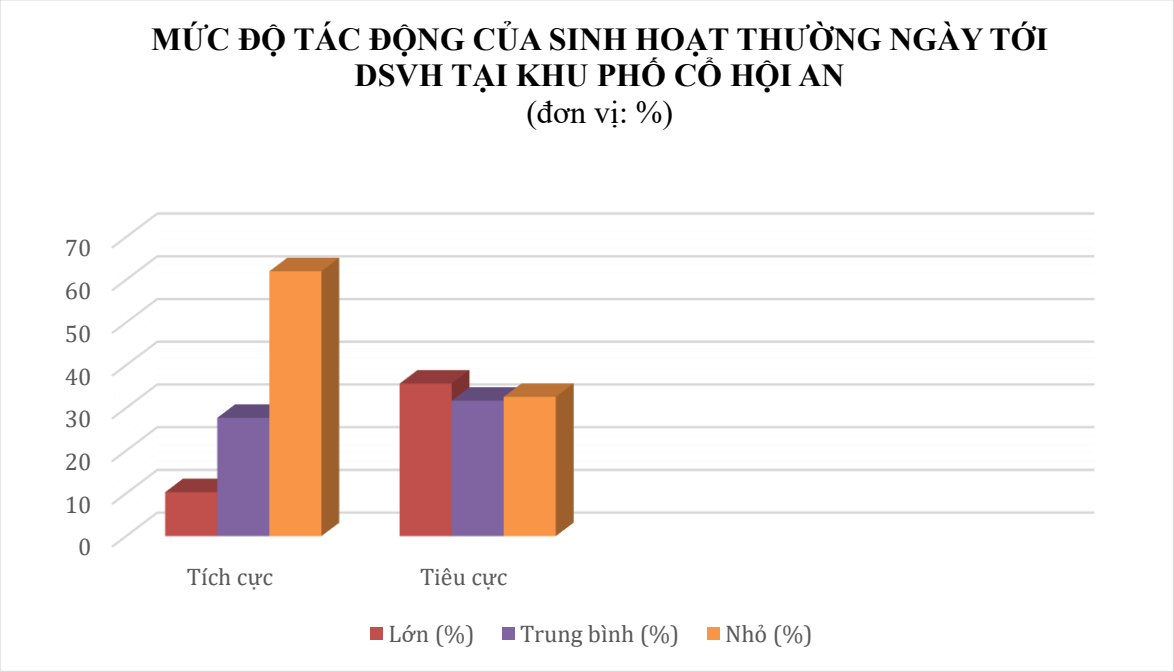

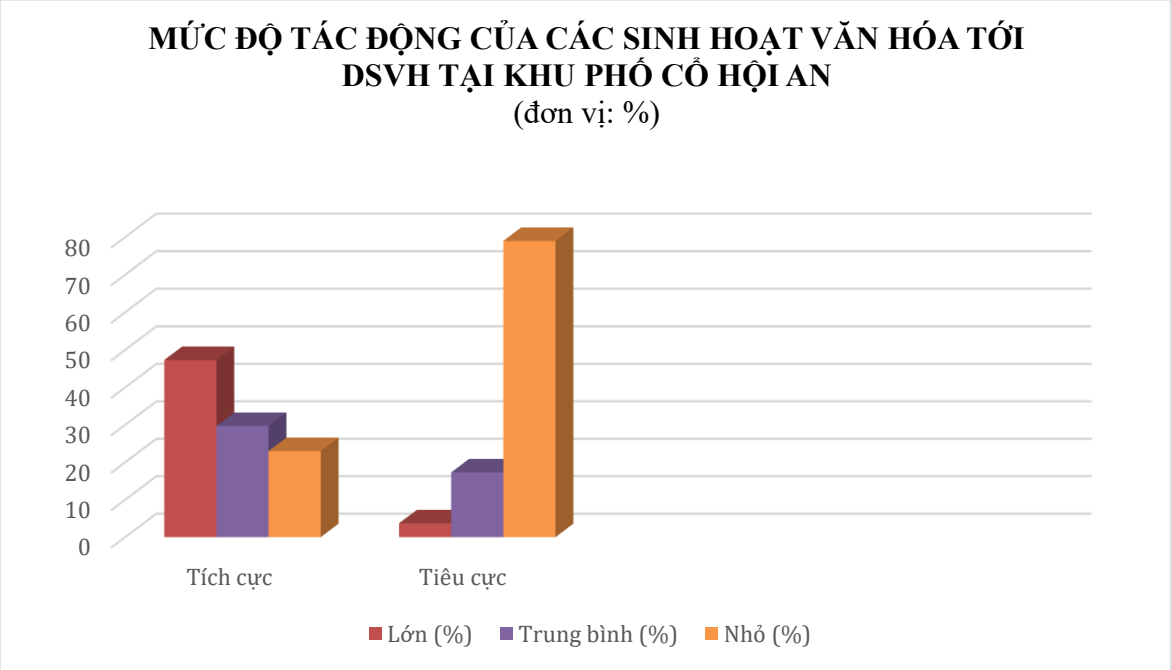

Câu 11: Theo ông/bà, có những khó khăn, thách thức hay rào cản nào trong quá trình bảo tồn di sản văn hóa gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tính chất "nhạy cảm, dễ bị tổn thương" của di sản văn hóa	40	13,3
2	Công tác quy hoạch tổng thể về kết cấu hạ tầng, cảnh quan môi trường, dịch vụ cho các khu vực di sản văn hóa còn hạn chế	52	17,3
3	Sự tăng trưởng kinh tế "nóng", phát triển du lịch ồ ạt thiếu kiểm soát, khai thác quá mức, thậm chí xâm hại di sản văn hóa	47	15,7
4	Sự thiếu hiểu biết, thiếu tri thức khoa học, thiếu trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, người dân, doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	41	13,7
5	Sự phân chia lợi ích chưa thỏa đáng giữa người dân và doanh nghiệp trong khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa	25	8,3

6	Chưa phân rõ trách nhiệm giữa chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa	39	13
7	Sự vi phạm các quy định trong xây dựng, cải tạo nhà cửa trong khu vực di sản xuất phát từ những nhu cầu của cuộc sống (chỗ ở, sinh hoạt…) của một số hộ dân	48	16
8	Nhiều yếu tố văn hóa mới xâm nhập gây tổn hại văn hóa truyền thống	29	9,7
9	Một số di sản văn hóa được tiến hành tu bổ, tôn tạo thiếu khoa học, thiếu kiến thức lịch sử, văn hóa, địa lý… dẫn đến sự biến dạng, méo mó	35	11,7
10	Một bộ phận không nhỏ người dân chưa nhận thấy vai trò chủ thể của mình đối với các di sản văn hóa nên việc bảo tồn di sản văn hóa chưa chủ động, chưa tự nguyện	29	9,7
11	Công tác quản lý di sản còn bị buông lỏng, có sự chồng chéo	35	11,7
12	Công tác khảo sát và quy hoạch di tích lịch sử, văn hóa của các cấp còn chậm	11	3,7
13	Việc kết nối các tuyến du lịch chưa đồng bộ	19	6,3
14	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện giãn dân trong khu vực bảo tồn di sản còn khó khăn và nảy sinh nhiều bất cập trong quá trình triển khai	33	11

Câu 12: Theo ông/bà, để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện những giải pháp nào sau đây *(có thể lựa chọn từ 1 đến nhiều phương án).*

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về vị trí, vai trò của việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, về yêu cầu khách quan của việc bảo đảm hài hòa mối quan hệ này	63	21

2	Phát huy mặt tích cực của mạng xã hội, các hoạt động giáo dục, triển lãm, bảo tàng, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa khác để nâng cao sự chủ động, tính trách nhiệm của chính quyền và nhân dân trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	65	21,7
3	Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với phát huy giá trị các di sản văn hóa	45	15
4	Tăng cường sự phối hợp đồng bộ, liên ngành trong việc xây dựng và điều chỉnh các quy hoạch phát triển bền vững vùng có di sản, gắn với các biện pháp phù hợp để bảo vệ và khai thác có hiệu quả di sản văn hóa tại địa phương	35	11,7
5	Xây dựng chính sách về xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa, trong đó quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người đóng góp vốn trùng tu tôn tạo, quyền lợi và trách nhiệm của chính quyền địa phương quản lý di sản	58	19,3
6	Xây dựng "Quỹ trùng thu tôn tạo di sản", trong đó quy định rõ nguồn thu từ du lịch đóng góp và các quy định về quản lý Quỹ một cách minh bạch, công khai, khoa học và hiệu quả	62	20,7
7	Xây dựng ngân hàng dữ liệu về di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) tại địa phương	56	18,7
8	Đổi mới và nâng cao hoạt động đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân; tạo điều kiện cho nghệ nhân tham gia truyền dạy, quảng bá di sản trong cộng đồng ở các địa phương	44	14,7
9	Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân, khuyến khích cộng đồng địa phương chủ động cùng tham gia quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội	61	20,3
10	Có chính sách hỗ trợ duy trì, phục hồi và phát triển các	59	19,7

	làng nghề thủ công truyền thống trong quá trình chuyển đổi kinh tế từ nông nghiệp ngư nghiệp sang dịch vụ du lịch		
11	Thực hiện cơ chế phối hợp phù hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân trong chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm trong quá trình quản lý và khai thác di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội	45	15
12	Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào du lịch di sản; đồng thời xác định trách nhiệm của doanh nghiệp du lịch đối với việc bảo vệ, tôn tạo các di sản văn hóa	79	26,3
13	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch của địa phương thông qua đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên/thuyết minh viên	59	19,7
14	Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, bảo tồn bền vững các di sản văn hóa cũng như khai thác giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	46	15,3

Câu 13: Xin ông/bà cho biết, nếu cho ông/bà có quyền lựa chọn thì ông/bà sẽ chọn tiếp tục sống ở vùng di sản hiện nay hay sẽ chuyển đến định cư ở một nơi ở mới tiện nghi hiện đại hơn? Vì sao? *(câu hỏi này chỉ dành cho các hộ dân đang sống ở khu vực di sản)*

Kết quả:

+ Chọn sống ở khu phố cổ Hội An: 219 phiếu/240 phiếu thu về (91,25%)

+ Chọn sống ở nơi mới: 21 phiếu/240 phiếu thu về (8,75%)

PHỤ LỤC 8: BẢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ BẢO TỒN PHỐ CỔ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2020-2024

(Nguồn: UBND quận Hoàn Kiếm (cũ) năm 2024)

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Tổng	Vốn đầu tư công	Vốn sự nghiệp
2020	203.010	106.050	96.960
2021	192.895	133.350	59.545
2022	231.000	210.000	21.000
2023	182.670	144.100	38.570
2024	294.879	273.579	21.300
Tổng cộng	**1.294.727**	**1.042.117**	**252.610**

PHỤ LỤC 9: BẢNG DANH MỤC DI TÍCH QUẬN HOÀN KIẾM (CŨ) NĂM 2022

(Đình - Đền - Chùa - Di tích Cách mạng và các loại hình di tích khác)

TT	PHƯỜNG	TÊN DI TÍCH	ĐỊA CHỈ	XẾP HẠNG	GẮN BIỂN	KHÔNG CÒN YẾU TỐ THỜ CÚNG
I	**Cửa Đông (9)**					
1		Chùa Kim Cổ	73 Đường Thành	Cấp Quốc gia 1996		
2		Đền Hỏa Thần	30 Hàng Điếu	Cấp Quốc gia 1996		
3		Đình Vũ Du	42 Hàng Da			X
4		DTCM Trụ sở báo Bạn Dân	6A Đường Thành			
5		DTCM Trụ sở báo Thế Giới	11 Nguyễn Quang Bích			
6		DTCM Trụ sở báo Le Travail	28 Nguyễn Văn Tố			
7		DTCM Kháng chiến chống Pháp	78-80-82 Hàng Điếu			
8		DTCM Đông Dương đại hội Bắc kỳ	32 Hàng Da		2005	
9		DTCM rạp Ôlanhpia (Rạp Hồng Hà)	55 Đường Thành		2005	
II	**Cửa Nam (12)**					
10		Chùa Thiên Phúc	94 Hai Bà Trưng	Cấp Quốc gia 1988		
11		Chùa Tiên Tích	110 Lê Duẩn	Cấp Thành phố 2002		
12		Chùa Bích Lưu	64 Hai Bà			

			Trưng			
13		Đình Bích Lưu (Hoa Lưu)	18 Thợ Nhuộm			
14		DTCM Ga Hà Nội	120 Lê Duẩn		2007	
15		DTCM 101 Trần Hưng Đạo	101 Trần Hưng Đạo			
16		Nhà thờ họ Trần	100 Lê Duẩn			
17		Miếu Thiên Quan	55/57 Thợ Nhuộm			
18		Đình Bích Du	66 Hai bà Trưng			X
19		Đình Anh Mỹ	33 Thợ Nhuộm			X
20		Đình Nam Ngư	48 Nam Ngư			X
21		Đình An Trung	47 Cửa Nam			X
III	**Chương Dương (1)**					
22		Đền Sơn Hải	16/53 Bạch Đằng	Cấp Thành phố 2010		
IV	**Đồng Xuân (18)**					
23		Quán-Chùa Huyền Thiên	54 Hàng Khoai	Cấp Quốc gia 2007		
24		Đình Thanh Hà	10 Ngõ Gạch	Cấp Quốc gia 1989		
25		Cổng Ô Quan Chưởng	Phố Ô Quan Chưởng	Cấp Quốc gia 1994		
26		Đình, Đền Nghĩa Lập	32 Hàng Đậu	Cấp Thành phố 2021		
27		Đền Hội Thống	4 Thanh Hà			
28		Đền Bà Móc	27 Nguyễn Thiệp			
29		Đình Phúc Lâm	2 Gầm Cầu			X
30		Đình Phương	18 Đồng			X

		Trung	Xuân			
31		Đình Đồng Xuân	83 Hàng Giấy			X
32		Đình Nguyên Khiết	56 Trần Nhật Duật			X
33		Trường Cúc Hiên (Nhà thờ họ Lê)	39 Hàng Đậu			
34		DTCM Hiệu sách Đồng Xuân	26 Đồng Xuân		2003	
35		DTCM Hiệu Câu Đối Trướng Tùng Lâm	11 Hàng Giấy		2005	
36		DTCM Chợ Đồng Xuân	Chợ Đồng Xuân		2004	
37		DTCM Cầu Long Biên	Phố Trần Nhật Duật			
38		DTCM Biệt thự Anh Hoa	85 Hàng Chiếu			
39		Tượng đài Hà Nội mùa đông 1946	Cổng chợ Đồng Xuân		2004	
40		Bia căm thù	Phố Nguyễn Thiệp			
V	**Hàng Bài (3)**					
41		DTCM Trại Bảo An Binh	40 Hàng Bài		2005	
42		DTCM Trường THCS Ngô Sĩ Liên	27 Hàm Long		2004	
43		DTCM Trường Trương Vương (Nữ sinh Đồng Khánh)	26 Hàng Bài		2005	
VI	**Hàng Bạc**					

	(16)					
44		Đình Kim Ngân	42 Hàng Bạc	Cấp Quốc gia 2012		
45		Đình Trung Yên	10 Trung Yên	Cấp Quốc gia 2008		
46		Đền Thọ Nam	22 Hàng Thùng			
47		Đền Nguyên Khiết	102 Hàng Bạc			
48		Đình Trương Thị	50 Hàng Bạc	Cấp Thành phố 2019		
49		Đình Dũng Hãn	54 Hàng Bạc			X
50		Đền Hương Thượng	114 Hàng Bạc			X
51		Đền Dũng Thọ	24 Hàng Bạc			X
52		Đình Nhiễm Hạ	1 Hàng Bạc			X
53		Đền Ngũ Hầu	29 Hàng Bè			X
54		Đình Đại Lợi	50 Gia Ngư			X
55		Đình Nhiễm Thượng	64 Cầu Gỗ			X
56		DTCM 1930 - 1931	16 Cầu Gỗ		2003	
57		DTCM 1930 - 1945	37 Cầu Gỗ		2003	
58		DTCM Trụ sở BCH Trung đoàn Thủ đô	86 Hàng Bạc			
59		DTCM Rạp Tố Như (Rạp Chuông Vàng)	74 Hàng Bạc			
VII	**Hàng Bồ (8)**					
60		Chùa Thái Cam	16D Hàng Gà	Cấp Quốc gia 1990		
61		Đình Tân Khai	44 Hàng Vải	Cấp Quốc gia		

				1990		
62		Đình Đông Thành	7 Hàng Vải	Cấp Thành phố 2013		
63		Đình Lò Rèn	1 Lò Rèn	Đang đề nghị XH		
64		Đền Nhân Nội	84 Hàng Bồ	Đang đề nghị XH		
65		Đình Nhân Nội	33 Bát Đàn			
66		Hội quán Phúc Kiến	40 Lãn Ông	Cấp Quốc gia 2007		
67		DTCM Trụ sở báo Tiến Lên	35 Hàng Vải			
VIII	**Hàng Bông (12)**					
68		Đình Thiên Tiên	120 Hàng Bông	Cấp Thành phố 2021		
69		Đền Thiên Tiên	120 Hàng Bông	Cấp Thành phố 2021		
70		Đền Vọng Tiên	120B Hàng Bông			
71		Đền Tam Thánh	66 Hàng Bông			X
72		Đình Lương Ngọc	68A Hàng Bông			X
73		Đình Kim Hội	95 Hàng Bông			X
74		Đình Đông Mỹ	127 Hàng Bông			X
75		Đình Yên Nội (An Nội)	33 Hà Trung			X
76		Đền Hội Vũ	2 Hội vũ			X
77		DTCM Bệnh viện Việt Đức	40 Tràng Thi		2005	
78		DTCM Trường tư thục Thăng	20 Ngõ Trạm		2005	

		Long				
79		DTCM Trụ sở Báo Thế giới	27 Ngõ Trạm			
IX	**Hàng Buồm (20)**					
80		Đền Bạch Mã	76 Hàng Buồm	Cấp Quốc gia 1986		
81		Đền Hương Tượng	64 Mã Mây	Cấp Quốc gia 2008		
82		Đền Tiên Hạ	48 Phất Lộc	Đang làm hồ sơ XH		
83		Đền Quan Đế	28 Hàng Buồm	Cấp Quốc gia 2013		
84		Hội quán Quảng Đông	22 Hàng Buồm	Cấp Quốc gia 2007		
85		Ngôi nhà Di sản	87 Mã Mây	Cấp Quốc gia 2004		
86		Đền Hương Nghĩa	13B Đào Duy Từ			
87		Đình Hương Bài	90 Trần Nhật Duật			
88		Đền Cổ Lương	28 Nguyễn Siêu			
89		Đền Nội Miếu	30 Hàng Giấy			
90		Đình Đông Thái	6 Đông Thái			X
91		Đình Tử Dương	8 Hàng Buồm			X
92		Đình Phất Lộc	46 Ngõ Phất Lộc			X
93		Đình Phương Đình	20 Nguyễn Siêu			X
94		Đình Phúc Lộc	6 Lương Ngọc Quyến			X
95		Đình Ưu Nghĩa	2A Nguyễn			X

			Hữu Huân			
96		Đình, Đền Hàng Giầy	16 ngõ Hài Tượng			X
97		Miếu Sầm Công	26 Lương Ngọc Quyến			X
98		DTCM Trụ sở Ái Hữu thợ Dệt	57 Ngõ Phất Lộc			
99		DTCM Trường Ke (Trường THCS Trần Nhật Duật)	2 Chợ Gạo		2005	
X	**Hàng Đào (15)**					
100		Chùa Cầu Đông	38 Hàng Đường	Cấp Quốc gia 1989		
101		Đình Đức Môn	38b Hàng Đường	Cấp Quốc gia 1989		
102		Đình Đồng Lạc	38 Hàng Đào	Cấp Quốc gia 2004		
103		Đình Hoa Lộc Thị	90 Hàng Đào			
104		Đền Xuân Yên	44 Hàng Cân			
105		DTCM Nhà Lưu niệm 48 Hàng Ngang	48 Hàng Ngang	Xếp hạng 1979		
106		Đình Đồng Thuận	27 Hàng Cá			
107		Đền Đồng Thuận	11 Hàng Cá			
108		Đình Đông Môn	8 Hàng Cân	Đang đề nghị XH		
109		Đình Hàng Đào	47-49 Hàng Đào			X
11		Đình Diên Hưng	5 Hàng			X

0			Ngang			
111		Đền Xuân Yên	6 Lương Văn Can			X
112		Đình Vĩnh Hạnh	19B Hàng Đường			X
113		DTCM Trường Đông Kinh Nghĩa Thục	10 Hàng Đào		2003	
114		DTCM Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục	Ngã 5 Hàng Đào			
XI	**Hàng Gai (16)**					
115		Đình Yên Thái	8 Ngõ Tạm Thương	Cấp Quốc gia 1995		
116		Đình Tú Đình Thị	2A Yên Thái	Cấp Quốc gia 2012		
117		Đình Hà Vĩ	11 Hàng Hòm	Cấp Thành phố 2014		
118		Đình Cổ Vũ Đông	85 Hàng Gai	Cấp Thành phố 2016		
119		Đền Phúc Hậu	2 Hàng Bông			
120		Đình Hàng Quạt	4 Hàng Quạt			Nhà bia Liệt sỹ
121		Đền Thuận Mỹ	64 Hàng Quạt			
122		Đình Thuận Mỹ	74 Hàng Quạt			X
123		Đình Đông Thổ (Hàng Thiếc)	2 Hàng Nón			X
124		Đình Yên Nội	44 Hàng Nón			X
125		Đền Tô Tịch	1 Tô Tịch			X

126		Đình Đông Hà	46 Hàng Gai			X
127		Miếu Hai Cô	42 Hàng Nón			X
128		DTCM Tổng công hội Bắc Kỳ	15 Hàng Nón		2003	
129		DTCM 42 Hàng Thiếc	42 Hàng Thiếc		2003	
130		DTCM Hội truyền bá Quốc ngữ (Trường Trí Tri)	47 Hàng Quạt			
XII	**Hàng Mã (10)**					
131		Chùa Vĩnh Trù	59 Hàng Lược	Cấp Quốc gia 1994		
132		Chùa Pháp Bảo Tạng	44 Hàng Cót			
133		Đền Tam Phủ	52 Hàng Cót			
134		Đình An Phú	17 Hàng Rươi			
135		Đình Ngũ Giáp	54 Hàng Cót			X
136		Đình Phủ Từ	19 Hàng Lược			
137		Đền thờ Đạo Hồi (Thánh đường Hồi giáo Al-Noon)	12 Hàng Lược			
138		DTCM Địa điểm lưu niệm sự kiện	4 Hàng Rươi			
139		DTCM Trụ sở Báo Đời Nay	5 Hàng Lược			
14		DTCM Trụ sở	105 Phùng	Cấp quốc gia		

0		Báo Tin Tức	Hưng	1964		
XII	**Hàng Trống (14)**					
141		Chùa Bà Đá	3 Nhà Thờ	Cấp Thành phố 2005		
142		Chùa Lý Quốc Sư	50 Lý Quốc Sư	Cấp Quốc gia 1995		
143		Đền Phù Ủng	25 Lý Quốc Sư	Cấp Quốc gia 1988		
144		Đình Nam Hương	75 Hàng Trống	Cấp Quốc gia 1995		
145		Đình, Đền Đông Hương	82 Hàng Trống			
146		Đình Phả Trúc Lâm	40 Hàng Hành	Cấp Quốc gia 1995		
147		Tượng đài Vua Lê	16 Lê Thái Tổ	Cấp Quốc gia 1995		
148		Đền Khánh Thụy	23 Hàng Hành	Đang đề nghị XH		
149		Đình Nhị Khê	11 Hàng Hành			X
150		Đền Bảo Khánh	20 Bảo Khánh			X
151		DTCM Nhà Lưu niệm sự kiện	8 Lê Thái Tổ		2006	
152		DTCM 16 Lê Thái Tổ	16 Lê Thái Tổ		2005	
153		DTCM Công an khu phố cổ Hà Nội	2 Tràng Thi		2004	
154		DTCM Trụ sở báo Nhân dân	71 Hàng Trống		2004	
XIV	**Tràng Tiền (6)**					
15		Chùa Vũ Thạch	13b Bà Triệu	Cấp Quốc gia		

5				1986		
156		Đình Vũ Thạch	13 Bà Triệu	Cấp Quốc gia 1986		
157		Đền Vũ Thạch	13 Bà Triệu	Cấp Quốc gia 1986		
158		DTCM Nhà hát lớn và Quảng trường CM tháng 8	Số 1 Tràng Tiền	Cấp Quốc gia 2011		
159		DTCM Bắc Bộ Phủ	12 Ngô Quyền		2005	
160		DTCM Bưu điện Bờ Hồ	75 Đinh Tiên Hoàng		2010	
XV	**Lý Thái Tổ (20)**					
161		Đền Ngọc Sơn và Khu vực Hồ Hoàn Kiếm	Hồ Hoàn Kiếm	DTQGĐB 2014		
162		Đền Bà Kiệu	59 Đinh Tiên Hoàng	Cấp Quốc gia 1994		
163		Đền Cây Xanh	158 Trần Quang Khải			
164		Chùa Phúc Long	168 Trần Quang Khải			
165		Đình, Đền Trang Lâu	77 Nguyễn Hữu Huân			
166		Đình Thanh Yên	14A Ngõ Nguyễn Hữu Huân			X
167		Đình Lò Rèn	30-32 Lò Sũ			X
168		Đình Mỹ Lộc	45 Nguyễn Hữu Huân			X
169		Đền Hoàng Kim	148 Trần Nhật Duật			X

170		Đền Kiếm Hồ	7 Hàng Vôi			X
171		Đình Cổ Tân	166 Trần Quang Khải			X
172		DTCM Ngân hàng Quốc gia Việt Nam	38 Lý Thái Tổ		2008	
173		DTCM Trụ sở UBND Thành phố Hà Nội	12 Lê Lai			
174		DTCM Nhà máy đèn Bờ Hồ (Công ty Điện lực Hà Nội)	69 Đinh Tiên Hoàng		2008	
175		DTCM Nơi phát động phong trào Ba sẵn sàng	43 Lý Thái Tổ		2009	
176		DTCM Nhà Sôva (Trường Nguyễn Huệ)	11 Hàng Tre		2005	
177		DTCM Nơi Đ/c Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ làm việc	49 Lý Thái Tổ			
178		DTCM 41 Nguyễn Hữu Huân	41 Nguyễn Hữu Huân		2007	
179		DTCM 79 Nguyễn Hữu Huân	79 Nguyễn Hữu Huân		2003	
180		Tượng đài Vua Lý Thái Tổ	Phố Đinh Tiên Hoàng		2010	
XVI	**Phan Chu Trinh (3)**					
18		Chùa Hàm Long	18 Hàm Long	Cấp Thành		

1				phố 2013		
182		DTCM Nhà lưu niệm sự kiện Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên	5D Hàm Long	Cấp Quốc gia 1962		
183		DTCM Trường Đại học Y Dược HN	13 Lê Thánh Tông		2004	
XVII	**Trần Hưng Đạo (7)**					
184		Chùa Quán sứ	73 Quán Sứ	Cấp Thành phố 2007		
185		Đền Ngọc Liên	23 Trần Bình Trọng	Cấp Thành phố 2007		
186		DTCM nơi đ/c Trần Phú khởi thảo luận cương 1930	90 Thợ Nhuộm	Cấp Quốc gia 1964		
187		DTCM Nhà tù Hỏa Lò	1 Hỏa Lò	Cấp Quốc gia 1997		
188		DTCM Nhà Đấu Xảo (Cung VH hữu nghị HN)	91 Trần Hưng Đạo		2005	
189		DTCM Thành Ủy Hà Nội	62 Trần Quốc Toản		2006	
190		DTCM địa điểm lưu niệm sự kiện số 7 Ôn Như Hầu	7 Nguyễn Gia Thiều		2005	
	Tổng cộng:			51 38 - XH cấp QG 12 - XH cấp TP Khu phố cổ HN, Đền Bạch Mã: cấp QGĐB		50

PHỤ LỤC 10: BẢNG SỐ LIỆU CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỘI AN (CŨ)

(Nguồn: Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An (cũ) năm 2015)

STT	XÃ/PHƯỜNG	DI TÍCH															TỔNG CỘNG	TỶ LỆ (%)
		KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT													KHẢO CỔ	LỊCH SỬ ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC CÁCH MẠNG	DANH THẮNG		
		ĐI	CH	MI	HQ	NT	TT/NT/PĐ	NH	LA	MO	GI	CA	CHO/CTVH/BĐ (bia đá)	LN					

01	Minh An	03	01	06	04	17	00	828	00	01	03	01	01	00	07	12	00	884	61.8
02	Cẩm Phô	03	02	06	00	05	04	141	00	04	02	00	01	00	06	04	00	177	12.4
03	Sơn Phong	01	01	01	01	04	00	115	00	03	00	00	00	00	02	02	00	130	9.1
04	Tân An	02	02	02	00	00	00	00	00	03	00	00	01	00	00	01	00	11	0.9
05	Thanh Hà	04	02	07	00	07	00	02	00	22	00	00	01	01	05	02	00	53	3.7
06	Cẩm Hà	00	02	01	00	00	00	00	00	02	01	00	00	01	01	06	00	17	1.2
07	Cẩm	01	00	04	00	05	00	05	01	01	02	00	00	01	00	10	00	30	2.1

	Kim																		
08	Cẩm Nam	01	01	02	00	05	00	01	01	00	01	00	00	00	00	05	00	17	1.2
09	Cẩm Châu	05	02	06	00	02	01	01	00	06	00	00	00	00	00	08	00	31	2.1
10	Cẩm Thanh	01	00	05	00	00	00	00	05	05	00	00	00	01	01	08	01	23	1.6
11	Cẩm An	01	00	06	00	00	00	00	01	00	00	00	00	00	00	04	02	14	1.0
12	Cửa Đại	00	01	00	00	00	00	00	01	00	00	00	00	00	00	02	01	5	04
13	Tân	02	03	17	00	00	00	02	01	00	02	00	00	00	02	04	04	37	0.5

	Hiệp																		
		24	**17**	**66**	**5**	**45**	**5**	**1095**	**6**	**47**	**11**	**1**	**4**	**4**	**24**	**68**	**8**	**1429**	**100**

* Ghi chú: ĐI: Đình; CH: Chùa; MI: Miếu; HQ: Hội quán; NT: Nhà thờ; TT/NT/PĐ: Thánh thất/Nhà thờ/Phật đường; NH: Nhà; LA: Lăng; MO: Mộ; GI: Giếng; CA: Cầu; CHO/CTVH/BĐ: Chợ/Công trình văn hóa/Bia đá; LN: Làng nghề

PHỤ LỤC 11: MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

Ô Quan Chưởng - cửa ô duy nhất còn nguyên vẹn của Hà Nội mang đậm dấu ấn thời gian của kinh thành Thăng Long xưa - một trong những điểm di tích văn hóa với kiến trúc đặc sắc, thu hút nhiều khách du lịch (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Ô Quan Chưởng gắn với cửa ô rêu phong, cổ kính của Hà Nội cùng các hoạt động kinh tế - xã hội của người dân địa phương

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Ô Quan Chưởng - nơi có Ô Quan Chưởng, một di tích lịch sử - văn hóa độc đáo của khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Ngôi nhà cổ số 87 Mã Mây được xây dựng khoảng cuối thế kỷ XIX và được công nhận là Di sản văn hóa cấp quốc gia ngày 16-2-2004 - một trong những điểm đến hấp dẫn của khu phố cổ Hà Nội

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Đình Kim Ngân - cái nôi của nghề kim hoàn nổi tiếng bậc nhất kinh kỳ xưa - được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2012 - nơi diễn ra nhiều sinh hoạt văn hóa của người dân khu phố cổ và người dân Thủ đô

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Đình Kim Ngân là một công trình kiến trúc cổ do những người thợ bạc gốc làng Châu Khê (Hải Dương) ra Thăng Long khởi dựng để thờ ông Tổ Bách Nghệ - ông Tổ sinh ra mọi nghề (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Đình Kim Ngân (42-44 Hàng Bạc) được coi là một trong những đình cổ kính, rộng nhất trên địa bàn phố cổ khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Từ ngày 29/4 đến 01/6/2025, Đình Kim Ngân trở thành không gian nghệ thuật đặc biệt với triển lãm "Lấp lánh phố nghề", tái hiện vẻ đẹp của nghề kim hoàn truyền thống với nhiều sản phẩm tinh xảo - những di sản văn hóa quý giá gắn liền với lịch sử phố cổ và văn hóa Thăng Long (Nguồn: NCS chụp tháng 4-2025)

Hội quán Quảng Đông (22 Hàng Buồm) được hình thành bởi cộng đồng người Hoa gốc Quảng Đông (Trung Quốc) định cư tại phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương khoảng 400 năm trước, là nơi thực hành tín ngưỡng và tổ chức các sinh hoạt cộng đồng. Cuối năm 2018, công trình được trùng tu toàn diện và khánh thành năm 2021 với tên gọi chính thức là Trung tâm văn hóa nghệ thuật 22 Hàng Buồm. (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Hàng Bạc - Một trong những tuyến phố buôn bán sầm uất của khu phố cổ khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Mã Mây là một trong những phố kinh doanh, dịch vụ sầm uất của khu phố cổ Hà Nội với các văn phòng du lịch, khách sạn, là địa chỉ hấp dẫn, thu hút đông đảo khách nước ngoài đến tham quan, tìm hiểu về văn hóa Hà Nội

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Khu phố cổ Hà Nội luôn là nơi tập trung đông dân cư và khách du lịch trong và ngoài nước (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Tạ Hiện tập trung đông du khách tới khu phố cổ Hà Nội, nhất là khách quốc tế (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố bích họa Phùng Hưng - một không gian sáng tạo thuộc khu phố cổ Hà Nội, là điểm đến hấp dẫn với nhiều du khách trong nước và quốc tế

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Cận cảnh những bức họa sống động của phố bích họa Phùng Hưng

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Một góc phố bích họa Phùng Hưng

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Hồ Gươm - Trái tim của Thủ đô Hà Nội, điểm đến nổi bật bên cạnh khu phố cổ Hà Nội (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Hồ Gươm mùa thu (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

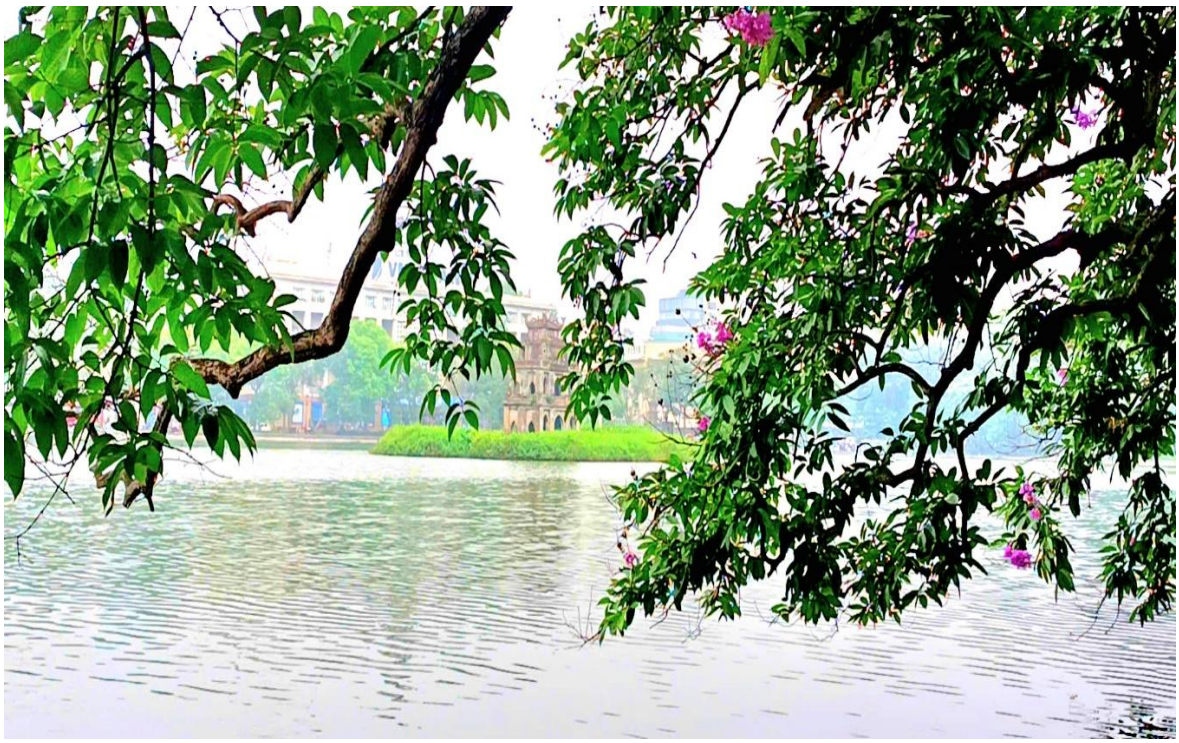

Hồ Gươm đầu hạ (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Phố Tràng Tiền - Một trong những tuyến phố nổi tiếng thuộc khu vực lân cận hồ Gươm và khu phố cổ, góp phần tạo nên điểm nhấn cho du lịch Thủ đô Hà Nội (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận trong dịp đại lễ kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô luôn thu hút đông đảo người dân và khách du lịch với nhiều sinh hoạt văn hóa hấp dẫn (Nguồn: NCS chụp năm 2024)

PHỤ LỤC 12: MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Một góc phố cổ Hội An nhìn từ trên cao
- điểm "check in" hấp dẫn của nhiều du khách khi đến với phố cổ
(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Vẻ đẹp thơ mộng ở một góc quán dưới giàn hoa giấy đặc trưng trong khu phố cổ Hội An luôn thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế (Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Show diễn thực cảnh "Ký ức Hội An" tái lịch sử xây dựng và phát triển đô thị cổ Hội An - sản phẩm văn hóa đặc sắc mang lại nhiều nguồn thu cho địa phương

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Một chiều bên sông Hoài thơ mộng ở khu phố cổ Hội An với nhiều hoạt động văn hóa thu hút sự tham gia của đông đảo người dân và du khách

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Các tour du lịch trên sông Hoài ở khu phố cổ Hội An luôn hấp dẫn du khách

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

Khách du lịch chụp ảnh lưu niệm tại nhà cổ Tấn Ký ở Hội An

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Nhà cổ Đức An - địa điểm nổi tiếng ở Hội An, nơi lưu giữ những nét sinh hoạt văn hóa và hiện vật quý báu của khu phố cổ (Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Quán nước "Mót" ở số 150 Trần Phú nổi tiếng của phố cổ Hội An

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Phố cổ Hội An là lựa chọn hàng đầu của nhiều đoàn khách du lịch

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Chùa Cầu - "linh hồn phố Hội" có sự kết hợp kiến trúc giữa Nhật Bản, Trung Hoa và Việt Nam - điểm "check in" có sức hút lớn với nhiều du khách

(Nguồn: NCS chụp năm 2022)

Những ngôi nhà cổ 2 tầng hình ống mang sắc vàng cổ điển với mái ngói âm dương nhấp nhô, bờ nóc giật cấp mềm mại trong ngõ thâm trầm rêu phong góp phần làm nên hồn cốt và sức hấp dẫn của khu phố cổ Hội An

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)

Khách du lịch chụp ảnh lưu niệm tại khu phố cổ Hội An

(Nguồn: NCS chụp năm 2023)